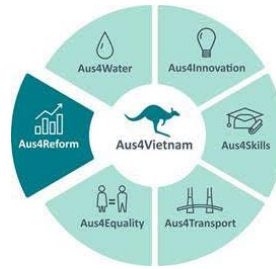


**Dự án “Tăng cường các thể chế cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng”  
Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công Thương**



## **BÁO CÁO**

### **ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH BỆNH COVID-19 ĐỐI VỚI MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHÍNH CỦA VIỆT NAM, ĐỀ XUẤT KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP CHO PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN THỜI KỲ HẬU COVID-19**





### **LƯU Ý:**

Tài liệu này do Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công Thương chủ trì biên soạn. Những quan điểm và nhận định đưa ra trong Báo cáo tổng hợp từ kết quả phân tích số liệu, căn cứ theo nhiều nguồn thông tin khác nhau và không phản ánh quan điểm chính thức của Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng.

Mọi trích dẫn thông tin từ tài liệu này phải nêu rõ nguồn “**Báo cáo đánh giá tác động của dịch bệnh Covid-19 đối với một số ngành công nghiệp chính của Việt Nam, đề xuất khuyến nghị chính sách và giải pháp cho phục hồi và phát triển thời kỳ hậu Covid-19**”.



## MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU .....	4
PHẦN MỘT:TỔNG QUAN TÁC ĐỘNG CỦA .....	7
ĐẠI DỊCH COVID-19 TỚI HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM NÓI CHUNG VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN CÁC LĨNH VỰC DỆT MAY, DA GIÀY, ĐIỆN TỬ NÓI RIÊNG.....	7
I. Diễn biến đại dịch Covid-19.....	8
II. Tác động của đại dịch Covid-19 đến kinh tế thế giới .....	8
2.1. Kinh tế toàn cầu và nhiều nước rơi vào suy thoái, gây ra khủng hoảng kinh tế toàn cầu, triển vọng phục hồi bấp bênh, tiềm ẩn nhiều rủi ro, bất trắc.....	8
2.2. Dịch covid-19 tạo nên cú sốc cả về nguồn cung và tổng cầu .....	14
2.3. Thương mại toàn cầu bị tác động làm xu hướng suy giảm diễn ra mạnh hơn	16
2.4. Rủi ro khủng hoảng y tế chuyển hóa thành khủng hoảng kinh tế và xã hội ...	19
2.5. Tác động buộc đẩy nhanh hơn quá trình chuyển đổi số và tổ chức lại các chuỗi giá trị - cung ứng toàn cầu.....	20
III. Tác động của đại dịch Covid-19 đến kinh tế Việt Nam .....	21
3.1. Tác động đến tăng trưởng kinh tế .....	21
3.2. Tác động đến đầu tư phát triển.....	22
3.3. Tác động đến khu vực doanh nghiệp .....	24
3.4. Tác động của dịch covid-19 đến hoạt động công nghiệp và thương mại .....	28
IV. Tác động của đại dịch Covid-19 tới hoạt động sản xuất và xuất nhập khẩu các ngành dệt may, da giày, điện tử.....	35
PHẦN HAI: CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH COVID-19 TẠI MỘT SỐ NƯỚC VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM.....	45
I. Các biện pháp ứng phó với khủng hoảng kinh tế và dịch Covid-19 tại một số quốc gia trên thế giới .....	46
1.1. Nhóm biện pháp kinh tế vĩ mô.....	46
1.2. Nhóm biện pháp hỗ trợ ngành hàng, doanh nghiệp .....	49
1.3. Nhóm biện pháp an sinh xã hội.....	49
II. Phản ứng chính sách của Việt Nam ứng phó với khủng hoảng kinh tế do đại dịch Covid-19 .....	50
2.1. Các giải pháp, chính sách đã ban hành .....	51
2.2. Kết quả đạt được .....	54
III. Bài học kinh nghiệm Việt Nam .....	55
PHẦN BA: KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG MUA BÁN, SÁP NHẬP TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA NỀN KINH TẾ (DỆT MAY, DA GIÀY, ĐIỆN TỬ) VÀ MỘT SỐ	

BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT M&A THEO HƯỚNG TẠO MÔI TRƯỜNG CẠNH TRANH, CƠ HỘI THUẬN LỢI CHO DOANH NGHIỆP PHỤC HỒI HẬU COVID-19 .....	58
I. Thực trạng hoạt động kiểm soát hoạt động mua bán, sáp nhập trên thị trường Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19.....	59
II. Phân tích thực trạng hoạt động mua bán, sáp nhập trong một số lĩnh vực của nền kinh tế (dệt may, da giày, điện tử) .....	62
2.1. Lý do nhà đầu tư chọn đầu tư M&A vào lĩnh vực dệt may, da giày, điện tử tại thị trường Việt Nam .....	62
2.2. Các thương vụ M&A ở lĩnh vực dệt may, da giày, dệt may những năm gần đây .....	67
III. Kinh nghiệm kiểm soát hoạt động mua bán, sáp nhập của các quốc gia trên thế giới trong thời kỳ Covid-19 và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam .....	70
3.1. Kinh nghiệm kiểm soát M&A tại một số quốc gia trong thời kỳ dịch bệnh covid-19.....	70
3.2. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.....	71
IV. Đề xuất một số biện pháp, giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả kiểm soát hoạt động mua bán, sáp nhập thời kỳ hậu Covid-19 trong các lĩnh vực kinh tế (dệt may, da giày và điện tử) .....	72
PHẦN BỐN: KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP CHO PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM THỜI KỲ HẬU COVID-19.....	75
I. Bối cảnh và điều kiện mới tác động đến phát triển kinh tế thời kỳ hậu Covid-19.....	76
1.1. Bối cảnh và điều kiện mới tác động đến phát triển kinh tế thời hậu Covid....	76
1.2. Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam .....	81
II. Quan điểm, yêu cầu đặt ra.....	83
III. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm .....	85
IV. Kiến nghị chính sách .....	98
PHỤ LỤC 1: BIỆN PHÁP CỦA CÁC NỀN KINH TẾ NHẪM PHÒNG CHỐNG, GIẢM THIỂU THIẾT HẠI DO DỊCH BỆNH COVID-19 .....	100
PHỤ LỤC 2: KINH NGHIỆM KIỂM SOÁT M&A CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRONG THỜI KỲ COVID-19 .....	115
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	123

## LỜI MỞ ĐẦU

Năm 2020 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng; là năm cuối của Kế hoạch 05 năm 2016-2020, năm tổ chức Đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cộng sản Việt Nam và diễn ra nhiều sự kiện trọng đại khác của đất nước. Kế thừa các kết quả quan trọng và toàn diện đã đạt được, phát huy mạnh mẽ tinh thần đổi mới, thành tựu tích cực trong công tác chỉ đạo điều hành từ đầu nhiệm kỳ, Chính phủ Việt Nam đã đặt quyết tâm tiếp tục thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của năm 2020, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế đất nước.

Tuy vậy, kinh tế - xã hội của Việt Nam năm 2020 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, những nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Cộng đồng chung châu Âu đang lâm vào tình trạng suy thoái; giá dầu thô giảm mạnh, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung vẫn tiếp diễn, căng thẳng địa chính trị gia tăng giữa Mỹ và Iran, cùng với biến đổi khí hậu và đặc biệt là dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát mạnh trên toàn cầu đã tác động tiêu cực đến kinh tế của các quốc gia trên thế giới. Dịch bệnh có tốc độ lây lan nhanh, số lượng người nhiễm và tử vong cao. Dịch đã lây lan ra gần như toàn bộ các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới. Hiện nay, dịch vẫn tiếp tục lây lan nhanh, diễn biến phức tạp và chưa có vắc-xin hay thuốc đặc trị, chưa dự báo được thời điểm kết thúc dịch bệnh.

Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng toàn diện đến tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội của các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam; làm đứt gãy các chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng toàn cầu, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Nhiều tổ chức, chuyên gia và cộng đồng quốc tế đều cho rằng dịch Covid-19 đã khiến nền kinh tế rơi vào suy thoái, thiệt hại tương đương và có thể nặng hơn so với các cuộc khủng hoảng trước đây. Trong năm 2020, với sự hỗ trợ của Dự án **“Tăng cường các thể chế cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng”** do chính phủ Úc tài trợ, Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công Thương đã thực hiện **“Báo cáo đánh giá tác động của dịch bệnh Covid-19 đối với một số ngành công nghiệp chính của Việt Nam, đề xuất khuyến nghị chính sách và giải pháp cho phục hồi và phát triển thời kỳ hậu Covid-19”**.

Mục tiêu của nghiên cứu nhằm đánh giá tác động của dịch Covid-19 đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu trong một số lĩnh vực gồm dệt may, da giày và điện tử tại Việt Nam; từ đó, đưa ra khuyến nghị, chính sách và giải pháp nhằm phục hồi và phát triển doanh nghiệp thời kỳ hậu Covid-19. Các lĩnh vực của nghiên cứu cũng là những ngành bị tác động rõ rệt với dịch bệnh Covid-19 từ nguồn cung nguyên vật liệu cho đến thị trường đầu ra tiêu thụ sản phẩm. Đây cũng là các ngành sử dụng nhiều lao động, nhất là lao động nữ. Kết quả nghiên cứu sẽ là đầu vào quan trọng hỗ trợ Bộ Công Thương xây dựng Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn 2021-2030; Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2021 – 2030 và góp phần triển khai thực hiện Kế hoạch hành động của ngành Công Thương nhằm khôi phục và thúc đẩy phát triển công nghiệp, thương mại

trong giai đoạn mới phòng, chống dịch Covid-19. Bên cạnh đó, nội dung và kết quả nghiên cứu cũng là nguồn dữ liệu hỗ trợ Bộ Công Thương triển khai hiệu quả chức năng quản lý nhà nước về cạnh tranh, tăng cường kiểm soát hoạt động mua bán, sáp nhập thời kỳ hậu Covid-19 nhằm duy trì môi trường cạnh tranh và tạo cơ hội, điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển sau thời kỳ Covid-19; đảm bảo và tăng cường môi trường cạnh tranh trong các lĩnh vực cụ thể của ngành Công Thương; góp phần triển khai định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động mua lại, sáp nhập của các doanh nghiệp trên thị trường; triển khai các nhiệm vụ trong chức năng nhiệm vụ chuyên môn theo Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030, Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW. Báo cáo cũng là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho các doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng tìm hiểu thông tin nhằm phục hồi và tận dụng các cơ hội mới để phát triển trong thời kỳ hậu Covid, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, các tổ chức, cá nhân có quan tâm đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong một số lĩnh vực chính của nền kinh tế.

Để hoàn thiện nội dung của Báo cáo, Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng đã tổ chức 01 Hội thảo công bố kết quả và lấy ý kiến đóng góp từ các chuyên gia kinh tế, đại diện từ các Hiệp hội Dệt may Việt Nam, Hiệp hội Da giày, Túi xách Việt Nam, Hội doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao, đại diện một số doanh nghiệp trong lĩnh vực dệt may, da giày, điện tử tại Việt Nam. Theo đó, ý kiến đóng góp của các chuyên gia là hết sức quan trọng để Nhóm nghiên cứu lắng nghe, trao đổi và hoàn thiện nội dung Báo cáo mang tính thực tiễn và chuyên môn cao hơn.

Để có được thành công của Báo cáo này, Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng xin chân thành cảm ơn Đơn vị tài trợ Dự án “Tăng cường các thể chế cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng”, sự cộng tác và đóng góp nội dung của các chuyên gia tư vấn trong nước, thông tin, dữ liệu và đóng góp rất quan trọng của Vụ Kế hoạch (Bộ Công Thương), cơ sở dữ liệu từ các cơ quan hữu quan có liên quan, các chuyên gia đóng góp và tham gia ý kiến để hoàn thiện báo cáo. Để những nội dung nghiên cứu có đóng góp thực tiễn, mang tính chất cập nhật với thực tiễn hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trên thị trường, đáp ứng được yêu cầu phát triển không ngừng của doanh nghiệp, nền kinh tế, bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế, Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng (Bộ Công Thương) luôn muốn nhận được nhiều ý kiến đánh giá, ý kiến đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân, ... có quan tâm để nội dung các vấn đề được nêu trong Báo cáo được hoàn thiện hơn.

Trân trọng./.



## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Covid-19	Dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona gây ra
ADB	Ngân hàng Phát triển châu Á
AJCEP	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện ASEAN – Nhật Bản
BOJ	Ngân hàng Trung ương Nhật Bản
CNY	Đồng Nhân dân tệ
CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
DN	Doanh nghiệp
ĐTNN	Đầu tư nước ngoài
EA	Khu vực đồng tiền chung châu Âu
ECB	Ngân hàng Trung ương châu Âu
EIA	Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ
EU	Liên minh châu Âu
EUR	Đồng Euro
EVFTA	Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU
FAO	Tổ chức Lương thực Thế giới
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
Fed	Cục Dự trữ Liên bang Mỹ
GBP	Đồng Bảng Anh
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GSP	Quy chế ưu đãi thuế quan phổ cập
IMF	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế
JPY	Đồng Yên Nhật
M&A	Mua lại và sáp nhập (Merger & Acquisition)
NBSC	Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
MFN	Nguyên tắc tối huệ quốc
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
PMI	Chỉ số quản lý sức mua (được đo lường trong ngành công nghiệp sản xuất)
RCEP	Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện
UNCTAD	Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển
USD	Đồng đô la Mỹ
WB	Ngân hàng Thế giới
WTO	Tổ chức Thương mại thế giới

**PHẦN MỘT: TỔNG QUAN TÁC ĐỘNG CỦA  
ĐẠI DỊCH COVID-19 TỚI HOẠT ĐỘNG  
CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM  
NÓI CHUNG VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN CÁC LĨNH VỰC  
DỆT MAY, DA GIÀY, ĐIỆN TỬ NÓI RIÊNG**

## I. DIỄN BIẾN ĐẠI DỊCH COVID-19

Đại dịch Covid-19 diễn ra trong bối cảnh thế giới đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, bất ổn trên nhiều lĩnh vực. Kinh tế thế giới tăng trưởng thấp nhất trong 10 năm qua, bắt đầu có dấu hiệu lâm vào cuộc suy thoái mới. Sự phân hóa, bất công xã hội và căng thẳng, mâu thuẫn chính trị gia tăng tại nhiều nước, nhất là các nước phương Tây, trong bối cảnh các chính sách kinh tế tự do mới và xu thế chính trị cực hữu tiếp tục nổi lên chi phối. Sự thay đổi so sánh sức mạnh tương đối giữa các nước lớn và những điều chỉnh chính sách của các nước lớn, nhất là của Trung Quốc và Mỹ trong giai đoạn mới đã và đang tác động mạnh mẽ đến cục diện và tình hình thế giới. Chủ nghĩa dân tộc gia tăng, chủ nghĩa đa phương và hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề toàn cầu giảm sút; các định chế quốc tế chủ chốt ngày càng suy giảm vai trò do cạnh tranh và điều chỉnh chính sách của các nước lớn.

Trong bối cảnh đó, đại dịch Covid-19 đã bùng phát với tốc độ lây lan rất nhanh, diễn biến phức tạp và khó lường đã tác động mạnh mẽ, toàn diện và sâu rộng đến mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội toàn cầu; đến nay (tháng 04 năm 2021) đã có 138 triệu người nhiễm bệnh với khoảng 3 triệu người tử vong. Dịch vẫn tiềm ẩn nguy cơ lớn, một số quốc gia đối mặt với nguy cơ bùng phát đợt dịch thứ hai, thứ ba. Nhiều nước đã quyết định lùi thời gian mở cửa nền kinh tế, đồng thời tái áp đặt các biện pháp giãn cách.

Đại dịch đã đẩy kinh tế toàn cầu rơi vào tình trạng suy thoái trầm trọng nhất kể từ Đại suy thoái 1929-1933; gây ra tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng về việc làm, thất nghiệp, an sinh xã hội và tác động lớn đến trật tự kinh tế, chính trị, xã hội tại nhiều quốc gia trên thế giới. Việc phòng chống đại dịch này là chưa có tiền lệ, đòi hỏi các biện pháp mạnh, đồng bộ, chủ động ứng phó nhanh, linh hoạt, kịp thời và hiệu quả. Dưới tác động của dịch Covid-19, các nước lớn đều gặp nhiều khó khăn về kinh tế, chính trị, xã hội và buộc phải điều chỉnh ưu tiên đối nội và đối ngoại.

## II. TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐẾN KINH TẾ THẾ GIỚI

### 2.1. Kinh tế toàn cầu và nhiều nước rơi vào suy thoái, gây ra khủng hoảng kinh tế toàn cầu, triển vọng phục hồi bấp bênh, tiềm ẩn nhiều rủi ro, bất trắc

Dịch Covid-19 đã gây ra thiệt hại và tác động mạnh mẽ, sâu rộng không hề thấp hơn bất kỳ cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính nào trước đây. Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) chỉ ra rằng, Covid-19 là cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội nghiêm trọng nhất kể từ chiến tranh thế giới thứ hai trở lại đây. IMF dự báo kinh tế thế giới năm 2020 suy giảm -4,4% (mức suy thoái “nặng” hơn 0,8% so với dự báo hồi tháng 6) và phục hồi 5,2% năm 2021 (giảm 0,2% so với dự báo tháng 6/2020 do tác động của biện pháp giãn cách xã hội kéo dài). Năm 2020 và 2021, tăng trưởng GDP các nền kinh tế phát triển lần lượt giảm -5,8% và tăng 3,9% (Mỹ giảm -4,3% và tăng 3,1%; Eurozone -8,3% và 5,2%; Nhật Bản -5,3% và 2,3%...), các nước đang phát triển và mới nổi giảm -3,3% năm 2020 và tăng 6% năm 2021 (Trung Quốc 1,9% và 8,2%; Ấn Độ -10,3% và 8,8%; Nga -4,1% và 2,8%...).

Theo báo cáo của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) công bố ngày 15 tháng 5 năm 2021 đã nhận định: Nền kinh tế toàn cầu có thể bị thiệt hại từ 5,8 nghìn tỷ tới 8,8 nghìn tỷ USD, tương đương 6,4% tới 9,7% GDP toàn cầu. Theo các dự báo mới nhất của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) và ADB, tăng trưởng toàn cầu trong năm 2020 sẽ ở mức -4,5%. Nếu Covid-19 tiếp tục bùng phát mạnh ở các nền kinh tế lớn thì mức giảm sẽ nghiêm trọng hơn.

Cũng theo báo cáo đánh giá kinh tế thế giới được phát hành ngày 16/9/2020 bởi Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD)<sup>1</sup>, sản lượng toàn cầu sụt giảm trong nửa đầu năm 2020 do dịch Covid-19, với mức giảm hơn 20% ở một số nền kinh tế phát triển và thị trường mới nổi. Các nước chịu ảnh hưởng của dịch bệnh ở mức độ và thời gian khác nhau, nhưng tất cả đều chứng kiến sự suy giảm mạnh ở hầu hết mọi hoạt động kinh tế khi áp dụng các biện pháp ngăn chặn dịch bệnh nghiêm ngặt chưa từng có.

**Bảng 1: Cập nhật các dự báo mới nhất về tăng trưởng GDP toàn cầu của các tổ chức quốc tế**

Tổ chức	Thời gian công bố dự báo	Năm 2020	Năm 2021
WTO	Tháng 10/2020	-4,8%	4,9%
IMF	Tháng 10/2020	-4,4%	5,2%
OECD	Tháng 9/2020	-4,5%	5,0%

*Nguồn: WTO (10/2020), IMF (10/2020), OECD (9/2020)*

Nhiều nền kinh tế lớn liên tục tăng trưởng âm trong các quý đầu năm, trong đó mức suy giảm trong quý II/2020 là nghiêm trọng nhất trong nhiều thập niên.

### Tại một số nền kinh tế trên thế giới và khu vực

#### \* Hoa Kỳ<sup>2</sup>

GDP quý I/2020 so với cùng kỳ năm trước (Quý I/2019) suy giảm -5%, giảm tiếp -32,9% trong quý II/2020 - mức giảm mạnh nhất kể từ năm 1947 (GDP quý I/2019 tăng 2,9%, quý II/2019 tăng 1,5%). Ước tính mới nhất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) cho thấy GDP quý III/2020 tăng 13,8% so với cùng quý năm ngoái và tăng 3,6% trong quý IV/2020 sau khi các chính sách phong tỏa chống dịch Covid-19 được dỡ bỏ. Các chương trình kích thích của Chính phủ đã giúp giảm tỷ lệ thất nghiệp và tăng thu nhập của người lao động, từ đó thúc đẩy chi tiêu tiêu dùng mạnh lên.

<sup>1</sup> <https://www.oecd-ilibrary.org/docserver/34ffc900-en.pdf?expires=1600307603&id=id&accname=guest&checksum=20818433CA43F0288A097757C8B81140>, cập nhật ngày 19/10/2020

<sup>2</sup> Nguồn Reuters và Bloomberg dẫn số liệu của các cơ quan Hoa Kỳ: Bộ Thương mại, Viện Quản lý nguồn cung, Cơ quan thống kê, Bộ Lao động... (Truy cập từ tài khoản do Reuters cấp cho Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại)

Thâm hụt ngân sách liên bang đến hết tháng 8/2020 vượt 3.000 tỷ USD và ước tính tăng thêm 300 tỷ USD tính đến cuối tháng 9/2020, do Chính phủ đã chi hơn 6.000 tỷ USD trong 9 tháng năm nay, cao gấp rưỡi mức chi 4.400 tỷ USD cho cả năm 2019. Phần lớn số tiền chi này dành cho các chương trình cứu trợ khẩn cấp chống lại dịch Covid-19 và ngăn chặn kinh tế suy thoái sâu.

Tháng 6/2020, Hoa Kỳ mở cửa trở lại sau nhiều tuần phong tỏa, nền kinh tế theo đó hồi phục dần. Tuy nhiên, số ca nhiễm virus Covid-19 hiện vẫn đang tăng nhanh trong khi thị trường việc làm có dấu hiệu chững lại và lưỡng đảng chưa thống nhất quan điểm về các chương trình kích thích kinh tế khiến cho con đường hồi phục trở nên khó khăn và thiếu chắc chắn.

*Việc làm:* Tỷ lệ thất nghiệp sau khi tăng mạnh lên 14,7% trong tháng 4/2020 đã giảm dần xuống 7,9% trong tháng 9/2020, tuy nhiên vẫn cao gấp đôi so với cùng kỳ năm ngoái.

*Tiêu dùng:* Doanh số bán lẻ trong giai đoạn từ tháng 6/2020 đến tháng 8/2020 tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước, do người dân tăng cường mua sắm sau khi kết thúc giai đoạn phong tỏa chống dịch Covid-19 và bởi những chương trình trợ cấp thất nghiệp và kích thích kinh tế của Chính phủ. Chỉ số niềm tin của người tiêu dùng tăng lên, từ 71-78 điểm trong quý II/2020 lên 72-84 điểm trong quý III/2020. Tuy nhiên, mức này vẫn thấp hơn nhiều so với mức trên 90 điểm của cùng kỳ năm ngoái và có nguy cơ giảm trở lại trong những tháng tới khi gói kích thích kinh tế mới chưa được thông qua và dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp.

*Sản xuất:* Chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất liên tục ở dưới ngưỡng 50 điểm kể từ tháng 3 đến tháng 6/2020 – cho thấy sản xuất sụt giảm do các cơ sở sản xuất đóng cửa để thực hiện chính sách phong tỏa chống dịch Covid-19. Tuy nhiên, chỉ số này cũng đã tăng liên tiếp trong 3 tháng của quý III/2020, đạt 50,9 trong tháng 7/2020, 53,3 trong tháng 8 và 9/2020, mức cao nhất kể từ tháng 1/2019, khi số đơn đặt hàng mới tăng mạnh, các nhà máy mở cửa trở lại.

*Thương mại:* Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, kim ngạch xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ đều giảm mạnh, nhất là trong Quý II/2020. Thâm hụt thương mại lên đến 63,3 tỷ USD trong tháng 7/2020 và 67,1 tỷ USD tháng 8/2020, gấp rưỡi so với cùng kỳ năm trước và là mức cao nhất trong vòng 14 năm. Dịch Covid-19 không chỉ làm cho tiến trình thực hiện các thỏa thuận giai đoạn 1 giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc bị chậm lại mà còn làm gia tăng căng thẳng giữa hai nước. Tất cả những yếu tố này có nguy cơ làm cho thương mại song phương ngày càng xấu đi.

### \* *Châu Âu*<sup>3</sup>

Kinh tế châu Âu bị ảnh hưởng nghiêm trọng do dịch Covid-19. GDP của khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) giảm 3,8% trong quý I/2020 (so với quý IV/2019) khi hoạt động kinh doanh đình trệ do các doanh nghiệp phải đóng cửa nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch Covid-19. Đây là mức sụt giảm lớn nhất

<sup>3</sup> Nguồn Reuters và Bloomberg dẫn số liệu của các cơ quan: Eurostat, EC, ECB, Tradingeconomics.com

của kinh tế Eurozone kể từ năm 1995. GDP quý II/2020 tiếp tục giảm mạnh hơn nữa, giảm khoảng 12,1% so với quý I/2020.

Sau khi các chính sách phong tỏa chống dịch Covid-19 được dỡ bỏ, kinh tế khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) hồi phục, GDP quý III/2020 ước tính tăng khoảng 7% - 8%. Tuy nhiên, dịch bệnh đang bùng phát trở lại, trong khi tiến trình Anh rời EU vẫn còn nhiều vướng mắc sẽ ảnh hưởng tới mọi lĩnh vực trong những tháng tới, cản trở đà hồi phục của khu vực này.

*Việc làm:* Tỷ lệ thất nghiệp từ mức 7,2% trong tháng 3/2020 đã liên tiếp tăng trong những tháng tiếp theo, lên 8% trong tháng 7/2020 và 8,1% trong tháng 8/2020, so với 7,5% của cùng kỳ năm trước. Đây là mức thất nghiệp cao nhất trong vòng 25 tháng qua, do dịch Covid-19 ảnh hưởng tới thị trường lao động. Tỷ lệ thất nghiệp trong thời gian tới dự báo sẽ còn tăng thêm nữa khi những chương trình hỗ trợ tiền lương hết hạn, trong khi số ca mắc Covid-19 ở nhiều quốc gia trong khu vực đang tăng mạnh trở lại buộc họ phải xem xét tái áp đặt chính sách hạn chế đi lại, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động xã hội và doanh nghiệp.

*Tiêu dùng:* Tiêu dùng tư nhân giảm 5% trong quý I/2020 và giảm tiếp 12% trong quý II/2020 so với quý liền trước. Tiêu dùng trong quý III/2020 hồi phục trở lại, song nếu so với cùng kỳ năm 2019, tiêu dùng trong tháng 7 và 8/2020 giảm khoảng 8%. Hoạt động bán lẻ kể từ đầu quý III/2020 đã dần trở lại bình thường khi các biện pháp phong tỏa được nới lỏng, mặc dù tốc độ phục hồi khác nhau.

*Sản xuất:* Sản xuất công nghiệp của EU liên tiếp giảm trong các tháng đầu năm (ở mức -1,6%; -1,6%; -12,2%; -27,8%; -20,5% trong các tháng từ tháng 1/2020 đến tháng 5/2020, trong đó sản xuất hàng hóa thiết bị giảm mạnh). Chỉ số Quản lý thu mua (PMI) trong 2 quý đầu năm luôn dưới ngưỡng 50 điểm cho thấy sự suy giảm, tuy nhiên sản xuất trong quý III/2020 hồi phục so với quý II/2020, đạt 51 điểm, do sản xuất tăng nhanh, ước tính tăng 15,2%.

*Thương mại:* Cả xuất khẩu, nhập khẩu và thặng dư thương mại của Eurozone đều tăng dần kể từ tháng 4/2020, song vẫn thấp hơn so với cùng kỳ năm 2019 trong bối cảnh các nước trên thế giới nới lỏng chính sách hạn chế đi lại kể từ giữa năm 2020.

### **\* Châu Á**

Dịch Covid-19 tiếp tục ảnh hưởng nghiêm trọng đến khu vực Châu Á, gây áp lực kéo dài lên nhiều nền kinh tế trong khu vực. GDP ở hầu hết các nước Châu Á suy giảm trong quý II/2020, sau đó hồi phục nhẹ trong quý III/2020, khi các nền kinh tế dần mở cửa trở lại, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp hồi phục, mặc dù còn nhiều yếu tố không chắc chắn cản trở đà hồi phục này.

Chỉ số Xu hướng Kinh doanh Châu Á quý III/2020 đã tăng lên 53 điểm, từ mức thấp nhất 11 năm (35 điểm) của quý II/2020 (trên ngưỡng 50 điểm phản ánh sự tăng trưởng).

- **Trung Quốc**<sup>4</sup>: GDP trong quý I/2020 giảm 6,8% so với cùng quý năm trước do dịch Covid-19. Đây là lần đầu tiên GDP theo quý giảm kể từ năm 1992 – thời điểm Trung Quốc bắt đầu thống kê chỉ số này. Bước sang quý II/2020, kinh tế hồi phục dần khi dịch Covid-19 được kiểm soát, GDP tăng 3,2%. Quý III/2020 tăng trưởng 2,7% so với quý II/2020 và tăng 4,9% so với quý III/2019. Tính chung 9 tháng năm 2020, kinh tế Trung Quốc đã tăng trưởng 0,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, nền kinh tế nước này đang phải đối mặt với nhiều thách thức khi tỷ lệ thất nghiệp tăng cao và đơn đặt hàng từ nước ngoài giảm mạnh bởi dịch bệnh đã lan ra khắp thế giới ảnh hưởng nghiêm trọng tới các thị trường đối tác.

*Việc làm*: Tỷ lệ thất nghiệp tăng mạnh trong những tháng dịch Covid-19, từ mức 5,3% trong tháng 1/2020 lên mức 6,2% trong tháng 2/2020. Những tháng tiếp theo, thất nghiệp giảm dần, nhưng hiện vẫn ở mức 5,6%, cao hơn nhiều so với khoảng 5,1% - 5,3% của năm 2019.

*Tiêu dùng*: hồi phục sau giai đoạn dịch bệnh, nhưng nhìn chung vẫn ở mức thấp. Trong 8 tháng đầu năm 2020, doanh số bán lẻ giảm 8,6%, trái ngược với mức tăng 8% của cả năm 2019. Mặc dù vậy, lĩnh vực dịch vụ Trung Quốc đang hồi phục nhanh nhờ chính sách kích thích tiêu dùng.

*Sản xuất*: Sản xuất công nghiệp giá trị gia tăng trong 6 tháng đầu năm giảm 1,3%, sau khi tăng 5,7% trong năm 2019. Tuy nhiên, sản xuất của Trung Quốc cũng đã bắt đầu hồi phục sau khi kiểm soát được dịch bệnh. Chỉ số PMI sản xuất trong quý III/2020 đạt gần 53 điểm. Sản lượng công nghiệp giá trị gia tăng tăng 5,8% trong quý III/2020.

*Thương mại*: Xuất nhập khẩu sau khi giảm mạnh trong 02 tháng đầu năm 2020 đã hồi phục dần kể từ tháng 3/2020. Liên tiếp trong 3 tháng (6, 7 và 8/2020), xuất khẩu tăng so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, tính chung trong 8 tháng năm 2020, xuất khẩu vẫn giảm 2,3%, so với mức tăng 0,5% của cả năm 2019. Nhập khẩu cũng hồi phục dần sau dịch Covid-19, song vẫn còn thấp do tiêu thụ nội địa yếu. So với cùng kỳ năm 2019, nhập khẩu liên tiếp giảm trong 2 tháng 7 và 8/2020. Tính chung trong 8 tháng năm nay, nhập khẩu giảm 5,2%, sau khi đã giảm 2,8% trong năm 2019.

- **Hàn Quốc**: Mặc dù Chính phủ Hàn Quốc đang dốc toàn lực để khắc phục các tác động tiêu cực từ dịch Covid-19, nhưng do các điều kiện kinh tế trong và ngoài nước vẫn bất lợi nên kinh tế Hàn Quốc khó tránh khỏi suy thoái. Theo công bố của Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BOK), GDP của Hàn Quốc quý I/2020 giảm 1,3% so với quý IV/2019; GDP quý II/2020 giảm 3,2% so với quý I/2020 và giảm 2,7% so với quý II/2019, là mức giảm nhiều nhất kể từ cuối năm 2008, do sản xuất giảm 8,9%, chủ yếu vì các lĩnh vực thiết bị vận tải và đồ điện tử.

---

<sup>4</sup><https://china-trade-research.hktdc.com/en/article/MzIwNjcyMDYx>; Nikkei; Reuters dẫn thông tin từ Tổng cục Thống kê Trung Quốc, Ủy ban Quản lý Ngân hàng và Bảo hiểm Trung Quốc (BIRC), Hải quan Trung Quốc, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc...

*Xuất khẩu:* giảm 6 tháng liên tiếp (tính tới tháng 8/2020) do dịch Covid-19 ảnh hưởng tới các thị trường tiêu thụ. Tháng 7/2020, xuất khẩu giảm 7% so với cùng kỳ năm trước, giảm tiếp 11,5% trong tháng 8/2020. Tháng 9/2020, xuất khẩu đảo chiều tăng 7,7% so với một năm trước đó, là mức tăng cao nhất trong kể từ tháng 10/2018, do các đối tác thương mại chủ chốt của Hàn Quốc dần nối lại hoạt động kinh doanh.

*Nhập khẩu:* những tháng qua liên tục giảm ở mức 2 con số. Cụ thể, nhập khẩu trong tháng 7/2020 giảm 12,1% so với cùng kỳ năm trước; giảm tiếp 15,2% trong tháng 8/2020. Tháng 9/2020, nhập khẩu cũng tăng trở lại lần đầu tiên kể từ tháng 2/2020, với mức tăng 1,1% so với tháng 9/2019.

- **Nhật Bản:** GDP thực tế quý I/2020 đã giảm 2,2%; quý II/2020 giảm 7,9% so với quý I/2020, là quý giảm thứ 3 liên tiếp với mức giảm nhiều kỷ lục. Chi tiêu cá nhân cũng giảm 3 quý liên tiếp, với mức giảm trong quý II/2020 lên đến 7,9% so với quý I/2020; chi tiêu của Chính phủ giảm 0,6%, là quý giảm mạnh nhất trong vòng 4 năm qua.

*Xuất khẩu* giảm 22 tháng liên tiếp, chuỗi giảm dài nhất kể từ tháng 7/1987, do nhu cầu từ nước ngoài giảm sút. Xuất khẩu trong tháng 7/2020 giảm 19,2% so với cùng kỳ năm trước; giảm tiếp 14,8% trong tháng 8/2020 và giảm 4,9% trong tháng 9/2020.

*Nhập khẩu* tháng 7/2020 giảm 22,3%, tháng 8/2020 giảm 20,8% và tháng 9/2020 giảm 17,2% (đều so với cùng kỳ năm trước).

- **ASEAN:** Với vị trí quan trọng cả về địa chính trị, địa chiến lược và địa kinh tế khu vực, kinh tế Đông Nam Á trong quý III/2020 tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, làm suy giảm tốc độ tăng trưởng, gián đoạn hoạt động du lịch và đứt gãy các chuỗi cung ứng. Hàng loạt các lĩnh vực như xuất khẩu, dầu khí, du lịch, giải trí, thực phẩm... đều đã bị ảnh hưởng. Nhiều người bị mất việc làm; các mục tiêu xóa đói, giảm nghèo trở nên khó thực hiện theo đúng kế hoạch.

*Malaysia* là nền kinh tế dễ bị ảnh hưởng nhất trong ASEAN, bởi nước này có các chỉ số cao về nợ tiêu dùng, nợ nước ngoài và nợ công. GDP của Malaysia giảm 16,5% trong quý II/2020 (so với quý I/2020), sau khi giảm 2% trong quý I/2020. Hiện tại, nợ công của Malaysia đã gần kịch trần, thêm vào đó, giá dầu giảm tác động mạnh đến nguồn thu tài khóa của nước này, bởi có tới 25% nguồn thu tài khóa bắt nguồn từ dầu khí và các ngành nghề kinh doanh liên quan.

*Thái Lan:* GDP quý II/2020 giảm 12% so với cùng kỳ năm ngoái và giảm 9,7% so với quý I/2020 do những tác động nặng nề của dịch Covid-19. Chính phủ nước này nhận định, kinh tế quý III/2020 giảm ít hơn so với quý II/2020, nhưng phải tới quý II/2021 mới trở lại tăng trưởng. Ngành du lịch đóng góp khoảng 20% vào GDP của nước này. Khoảng 10% các công ty du lịch của nước này đã ngừng hoạt động khiến cho hơn 500.000 lao động mất việc làm trong quý III/2020. Hiệp hội Du lịch Thái Lan ước tính đến cuối năm 2020, số lao động trong ngành du lịch bị mất việc lên đến 1 triệu.



Chính phủ Thái Lan đã bắt đầu có những động thái mở cửa lại đất nước để thu hút khách du lịch. Tuy nhiên, tình trạng bất ổn kéo dài (biểu tình và bạo lực) có thể cản trở mục tiêu thu hút khách du lịch nước ngoài của Thái Lan.

*Singapore:* GDP quý III/2020 ước tính tăng 7,9% so với quý liền trước, sau khi giảm 13,3% trong quý II/2020. Kinh tế nước này đã có nhiều dấu hiệu tích cực, khi những chính sách giãn cách xã hội chống dịch Covid-19 được nói lỏng. Lĩnh vực sản xuất quý III/2020 tăng trưởng 2% (quý II/2020 chỉ tăng 0,8%), trong đó các ngành chủ lực là chế tạo chính xác và đồ điện tử hồi phục mạnh nhờ nhu cầu tăng cao trên thị trường toàn cầu. Một số lĩnh vực khác có tăng trưởng ổn định như lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, viễn thông... Tuy nhiên, các lĩnh vực như dịch vụ, hàng không, du lịch... vẫn trì trệ do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

*Indonesia:* Bộ Tài chính Indonesia ước tính GDP quý III/2020 vào khoảng -1,7% đến -0,6% so với quý liền trước, sau khi giảm 4,19% trong quý II/2020. Indonesia đã triển khai Chương trình phục hồi kinh tế quốc gia nhằm ngăn chặn đà sụt giảm sâu hơn và khôi phục cung cầu như tiêu dùng, đầu tư, xuất khẩu và sản xuất.

Có thể nói, triển vọng phục hồi kinh tế thế giới sẽ tiếp tục bấp bênh, khó lường và không đồng đều ở các nước, phụ thuộc vào khả năng kiểm soát các làn sóng mới của dịch, kết quả nghiên cứu và sản xuất vắc-xin, cũng như hiệu quả của các chính sách phục hồi kinh tế của các nước.

---

## 2.2. Dịch covid-19 tạo nên cú sốc cả về nguồn cung và tổng cầu

Khác với các cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu trước đây<sup>5</sup>, đợt suy thoái kinh tế toàn cầu lần này không xuất phát từ sự yếu kém, rủi ro nội tại trong kinh tế - tài chính thế giới, mà do tác động của “cú sốc” bên ngoài là dịch bệnh Covid-19 với các đặc điểm chủ yếu sau đây:

Khởi phát đồng loạt ở các trung tâm kinh tế lớn nhất toàn cầu. Những nước đang là tâm dịch, chịu tác động trực tiếp và nhiều nhất nằm ở khu vực Đông Bắc Á, Tây Âu và Bắc Mỹ. Trong 10 nước bị nhiễm dịch nặng nhất đều là những nền kinh tế lớn nhất thế giới. Chỉ riêng Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp và Italia đã chiếm hơn 60% GDP toàn cầu, 65% lĩnh vực chế tạo, 41% xuất khẩu hàng chế tạo toàn cầu. Đình trệ sản xuất và tiêu dùng các trung tâm kinh tế lớn nhất thế giới làm cho đình trệ hoạt động sản xuất, kinh doanh trên toàn cầu.

- *Dịch Covid-19 tạo nên cú sốc cả về nguồn cung (gián đoạn chuỗi cung ứng, nghỉ việc, phá sản...) và tổng cầu (sụt giảm mạnh thu nhập, tiêu dùng...).* Mức độ ảnh hưởng phụ thuộc rất nhiều vào cấu trúc của mỗi nền kinh tế cũng như sự liên kết của nền kinh tế đó với phần còn lại của thế giới.

*Về phía cung:* Để ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh, các quốc gia đã nhanh chóng triển khai một loạt các biện pháp quyết liệt, thậm chí chưa từng có tiền lệ

---

<sup>5</sup> Cuộc khủng hoảng tài chính 2008-2009 xuất phát từ sự yếu kém của hệ thống ngân hàng ở Mỹ, dẫn đến tình trạng đối tín dụng, sụt giá chứng khoán và mất giá tiền tệ quy mô lớn ở Mỹ và các nước châu Âu.

như đóng cửa biên giới, giãn cách xã hội... kéo theo hệ lụy nghiêm trọng chưa từng thấy đối với nhiều ngành, hoạt động sản xuất, kinh doanh (như du lịch, giao thông vận tải, thương mại, xuất nhập khẩu, đầu tư, tài chính...).

Với việc hoạt động sản xuất được thiết kế dựa trên chuỗi cung ứng toàn cầu, sự đứt gãy trong sản xuất đầu vào tại một quốc gia sẽ dẫn đến ảnh hưởng tiêu cực tới quá trình sản xuất tiếp theo tại quốc gia khác.

Trong bối cảnh hiện nay, dù Trung Quốc đã kiểm soát được dịch bệnh, dần khôi phục hoạt động sản xuất trong nước, nhưng các nước châu Âu và Mỹ dịch vẫn còn diễn biến phức tạp, sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng toàn cầu là điều không thể tránh khỏi, do vai trò của Mỹ và Châu Âu trong chuỗi là vô cùng quan trọng. Đặc biệt, gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu diễn ra trên diện rộng bởi các nước tâm dịch Covid-19 đều là những trung tâm quan trọng trong mạng lưới sản xuất, chuỗi cung ứng toàn cầu. Sự gián đoạn này làm ngưng trệ, thậm chí “tê liệt” nhiều ngành, lĩnh vực sản xuất, dẫn đến đình đốn, sụt giảm mạnh thương mại và đầu tư quốc tế. Nhiều chuyên gia quốc tế đánh giá các ngành dịch vụ, thương mại bị tác động mạnh nhất trong giai đoạn đầu của dịch Covid-19, song tổng thể sản xuất – chế tạo mới là lĩnh vực chịu tác động lớn và sâu sắc nhất bởi các biện pháp phong tỏa, ngăn chặn lây nhiễm. Dịch Covid-19 càng kéo dài, hoạt động sản xuất, kinh tế đình trệ càng lâu, do đó tác động của dịch đến kinh tế càng lớn, suy thoái kinh tế càng sâu.

*Về phía cầu:* Nếu như ảnh hưởng của dịch Covid-19 tới phía cung có thể được kiểm soát theo tình hình của dịch bệnh, thì những tác động tới phía cầu được xem là khó dự đoán. Theo đó, tác động trực tiếp: khi người dân được khuyến cáo hạn chế ra ngoài, lượng người mua hàng tại các cửa hàng và trung tâm thương mại giảm đột ngột, khiến cầu có thể biến mất khỏi thị trường. Dẫn cho hoạt động thương mại điện tử có thể phần nào khắc phục hiện tượng trên, nhưng ảnh hưởng của hạn chế đi lại tới nhu cầu là rất lớn. Ngoài ra, với việc hoạt động sản xuất ngưng trệ, các doanh nghiệp có thể tạm thời ngừng hoạt động, người lao động có thể bị ngưng việc hay thậm chí rơi vào trạng thái thất nghiệp. Sự giảm sút trong thu nhập sẽ khiến cho cầu của đối tượng này giảm mạnh. Ảnh hưởng kể trên sẽ đặc biệt nghiêm trọng đối với những người nằm ngoài vùng phủ của bảo hiểm thất nghiệp.

*- Đình trệ sản xuất, kinh tế đã tác động vào khu vực tài chính, dẫn đến khan hiếm thanh khoản (crunch), tăng rủi ro bất ổn và khủng hoảng tài chính.*

Ảnh hưởng của dịch Covid-19 tới tâm lý của tác nhân kinh tế là rất tiêu cực, khiến cho họ có trạng thái tâm lý trì hoãn tiêu dùng và đầu tư (hiện tượng này được bộc lộ rõ trong cuộc suy thoái kinh tế 2007-2009). Điều đáng lo ngại là những khó khăn của khu vực kinh tế thực có thể sẽ lây nhiễm sang khu vực tài chính. Sự phá sản của các doanh nghiệp có thể tạo ra khủng hoảng nợ, là tiền đề cho những đổ vỡ trong hệ thống tài chính của các quốc gia. Các thị trường tài chính quốc tế chủ chốt giảm điểm mạnh chưa từng thấy trong hơn 30 năm qua (có những thời điểm, thị trường chứng khoán Mỹ mất 20 – 30% giá trị) đã phản ánh sự giảm niềm tin, tâm lý bi quan bao trùm về triển vọng kinh tế khó khăn cũng như quan ngại về căng thẳng, khan hiếm thanh khoản. Rủi ro vỡ nợ, phá sản của

doanh nghiệp do sản xuất đình đốn và gánh nặng chi trả bảo hiểm trở thành một mắt xích yếu có thể kích hoạt khủng hoảng tài chính.

- Gia tăng tâm lý bất an dẫn đến nguy cơ khủng hoảng niềm tin và kỳ vọng, khiến mọi hoạt động đời sống kinh tế - xã hội bị “co lại”, do đó khuếch đại tác động của dịch Covid-19 đối với nền kinh tế. Môi trường bất an, bất trắc thúc đẩy cả doanh nghiệp và người dân trì hoãn đầu tư, tiêu dùng.

- Hàng loạt thị trường rung lắc và đối mặt nguy cơ sụp đổ, từ thị trường hàng hóa, dịch vụ du lịch, thương mại,... đến thị trường chứng khoán, thị trường dầu mỏ, thị trường tiền tệ, thị trường vàng. Các công cụ tài chính tiền tệ truyền thống (như bơm tiền thông qua các gói kích thích hay hỗ trợ, cắt giảm lãi suất hay phá giá tiền tệ, miễn giảm thuế phí hoặc kể cả giảm giá hàng hóa dịch vụ) nhằm kích cầu đều khó có thể cứu vãn tình hình do các thị trường bị chia cắt, bị cách ly trong khi nỗi lo sợ lại lây nhiễm đến tất cả các thị trường bất kể mọi rào cản. Hơn nữa, với sự lao dốc của thị trường chứng khoán, giá trị tài sản của các hộ gia đình giảm mạnh, qua đó ảnh hưởng tiêu cực tới cầu tiêu dùng.

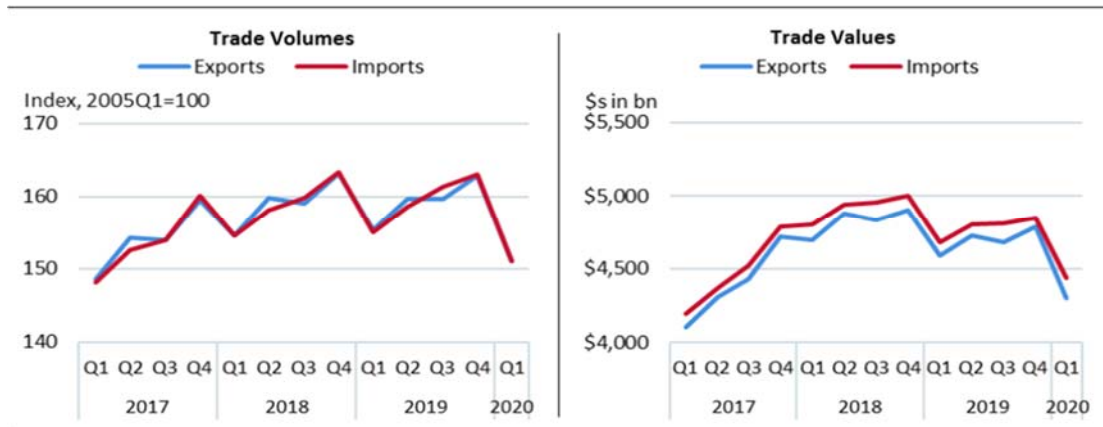
---

### **2.3. Thương mại toàn cầu bị tác động làm xu hướng suy giảm diễn ra mạnh hơn**

Thương mại toàn cầu - gắn kết chặt chẽ với chuỗi cung ứng và dòng vốn FDI toàn cầu cũng đang chịu tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19. Mức cầu trên thị trường thế giới tiếp tục sụt giảm và ở mức rất thấp. Chỉ số tăng trưởng thương mại hàng hóa toàn cầu trong nửa đầu năm nay đã giảm kỷ lục còn 87,6 điểm, mức thấp nhất kể từ khi chỉ số này được WTO đưa ra vào tháng 7/2016.

Theo WTO (tháng 8/2020), thương mại toàn cầu giảm 13% trong năm 2020 (trước đó, trong báo cáo tháng 6/2020 của WTO, ước tính khối lượng thương mại toàn cầu có thể giảm 18,5% vào năm 2020, sau đó phục hồi chậm vào năm 2021). Cấu trúc sản xuất toàn cầu mang tính tập trung cao độ, một số trung tâm lớn trên thế giới cung ứng đầu vào, đóng vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị và mạng sản xuất toàn cầu. Vì thế, cú sốc Covid-19 tác động đến các trung tâm sản xuất sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất và thương mại toàn cầu. Bên cạnh đó, một số quốc gia chuyển sang “tự cung tự cấp” trong thời kỳ dịch bệnh như một biện pháp phản ứng trước đại dịch Covid-19 sẽ càng làm cho thương mại toàn cầu gặp nhiều khó khăn.

**Hình 1: Số liệu xuất nhập khẩu hàng hóa toàn cầu theo Quý từ năm 2017 đến Q1/2020.**



**Theo khối lượng**

**Theo giá trị**

*Nguồn: Tổ chức thương mại thế giới (WTO), tháng 8/2020*

Theo báo cáo của WTO, quý I năm 2020, xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa toàn cầu giảm lần lượt 7,2% và 7,4% về khối lượng và giảm 10,2% và 8,6% cho thấy tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid -19 đến kinh tế toàn cầu. Do vậy, Chính phủ các nước bước đầu đã có các ứng phó với đại dịch bằng cách đưa ra các hạn chế thương mại, trong đó khoảng 90% là lệnh cấm xuất khẩu đối với các sản phẩm y tế (như khẩu trang phẫu thuật, găng tay, thuốc và chất khử trùng...). Các nền kinh tế G20 đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhập khẩu, bãi bỏ 36% các hạn chế và hạ thấp các rào cản đối với hàng hóa nhập khẩu như các thiết bị y tế có liên quan đến đại dịch Covid -19.

Tính đến giữa tháng 5 năm 2020, có 65 trong số 93 biện pháp thương mại liên quan đến đại dịch Covid -19 được thực hiện trong giai đoạn này nhằm tạo thuận lợi thương mại cho các sản phẩm thiết bị y tế thay vì các biện pháp hạn chế thương mại như trước đây.

Sụt giảm thương mại do đại dịch Covid -19 gây ra là lớn nhất trong lịch sử thế giới với phạm vi ảnh hưởng toàn cầu. Theo đó, hầu hết các các khu vực trên thế giới có mức giảm thương mại ở mức 2 con số, trừ một số khu vực khác có mức giảm thấp hơn ở mức 1 con số. Trong đó, các quốc gia ở khu vực Bắc Mỹ và châu Á có mức giảm về khối lượng xuất khẩu lớn nhất. Các lĩnh vực hoạt động theo chuỗi giá trị toàn cầu bị sụt giảm mạnh nhất (như các sản phẩm ô tô và thiết bị điện tử, ngành du lịch, dịch vụ) do hậu quả của việc hạn chế đi lại, vận chuyển và đóng cửa của các cơ sở bán lẻ, cơ sở khách sạn. Tuy nhiên, các dịch vụ như công nghệ thông tin phát triển hơn để đáp ứng nhu cầu làm việc tại nhà của nhân viên trong bối cảnh hạn chế đi lại, giãn cách xã hội do Covid -19.

**Bảng 2. Thay đổi lượng thương mại hàng hóa và GDP thực tế giai đoạn 2018-2021**

	Thực tế		Kịch bản lạc quan		Kịch bản bi quan	
	2018	2019	2020	2021	2020	2021
<b>Khối lượng thương mại hàng hóa</b>	<b>2,9%</b>	<b>-0,1%</b>	<b>-12,9%</b>	<b>21,3%</b>	<b>-31,9%</b>	<b>24,0%</b>
<i><b>Xuất khẩu</b></i>						
Bắc Mỹ	3,8	1,0	-17,1	23,7	-40,9	19,3
Nam và Trung Mỹ	0,1	-2,2	-12,9	18,6	-31,3	14,3
Châu Âu	2,0	0,1	-12,2	20,5	-32,8	22,7
Châu Á	3,7	0,9	-13,5	24,9	-36,2	36,1
Các khu vực khác	0,7	-2,9	-8,0	8,6	-8,0	9,3
<i><b>Nhập khẩu</b></i>						
Bắc Mỹ	5,2	-0,4	-14,5	27,3	-33,8	29,5
Nam và Trung Mỹ	5,3	-2,1	-22,2	23,2	-43,8	19,5
Châu Âu	1,5	0,5	-10,3	19,9	-28,9	24,5
Châu Á	4,9	-0,6	-11,8	23,1	-31,5	25,1
Các khu vực khác	0,3	1,5	-10	13,6	-22,6	18,0
<i><b>GDP thực tế</b></i>	<b>2,9</b>	<b>2,3</b>	<b>-2,5</b>	<b>7,4</b>	<b>-8,8</b>	<b>5,9</b>
Bắc Mỹ	2,8	2,2	-3,3	7,2	-9,0	5,1
Nam và Trung Mỹ	0,6	0,1	-4,3	6,5	-11	4,8
Châu Âu	2,1	1,3	-3,5	6,6	-10,8	5,4
Châu Á	4,2	3,9	-0,7	8,7	-7,1	7,4
Các khu vực khác	2,1	1,7	-1,5	6,0	-6,7	5,2

*Nguồn: Tổ chức Thương mại thế giới, 4/2020*

Đại dịch cũng ảnh hưởng đến chi phí và lợi ích của chuỗi cung ứng toàn cầu của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp đã đánh giá lại mức độ rủi ro do khả năng dễ bị tổn thương bởi nhiều điểm gián đoạn trong chuỗi cung ứng. Ngoài ra, một số Chính phủ cũng đánh giá những rủi ro do chuỗi cung ứng gây ra đối với nguồn cung cấp quốc gia của các mặt hàng được coi là quan trọng đối với an ninh quốc gia bởi các công ty chuyên sản xuất ra nước ngoài.

## 2.4. Rủi ro khủng hoảng y tế chuyển hóa thành khủng hoảng kinh tế và xã hội

Thế giới đang trải qua cuộc khủng hoảng y tế tồi tệ nhất từ sau Chiến tranh thế giới thứ 2 đến nay<sup>6</sup>, đứng trước nguy cơ phải đối mặt đồng thời với 2 cuộc khủng hoảng:

- Khủng hoảng kinh tế toàn cầu: Như đã nêu ở trên, dịch Covid-19 trước mắt đẩy kinh tế thế giới vào suy thoái, và nếu kéo dài dẫn đến nguy cơ suy thoái sâu. Mức độ suy thoái hay rủi ro khủng hoảng kinh tế toàn cầu không chỉ tùy thuộc sự lây lan và kéo dài của dịch Covid-19 mà còn phụ thuộc vào cách thức ứng phó với tác động của dịch bệnh này.

- Khủng hoảng xã hội đe dọa sự ổn định và phát triển của nhiều quốc gia và toàn cầu: (i) Dịch bệnh kéo dài dẫn đến đình trệ sản xuất có thể tạo nên khủng hoảng việc làm, tăng mạnh thất nghiệp trên diện rộng ở nhiều ngành, lĩnh vực (sản xuất, thương mại, dịch vụ...), kéo theo gia tăng bất bình đẳng xã hội. Theo Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), thu nhập của người lao động trên toàn thế giới sẽ thiệt hại khoảng 3,4 nghìn tỷ USD trong năm 2020. Việc cắt giảm mạnh và hoàn toàn không được lường trước của các hoạt động kinh tế dẫn tới sự sụt giảm đáng kể về việc làm – cả về số lượng việc làm và tổng số giờ làm việc. Đại dịch đã gây nên những tác động rộng khắp, sâu sắc và chưa từng có tiền lệ đối với việc làm. Trong cuộc khủng hoảng hiện tại này, việc làm bị tác động trực tiếp do việc áp dụng các biện pháp phong tỏa và các biện pháp khác và ở mức độ lớn hơn dự đoán ban đầu khi đại dịch mới xuất hiện. Trong số các lĩnh vực kinh tế bị ảnh hưởng nhiều nhất, phân ngành thương mại bán buôn và bán lẻ có tỷ trọng lao động bị ảnh hưởng lớn nhất. Họ vốn thường là những người được trả lương thấp và không được bảo vệ. Nhóm này gồm có nhân viên thu ngân, nhân viên kho bãi, nhân viên bán hàng và các công việc khác có liên quan. Trong các lĩnh vực đó, những người lao động làm các công việc được xét là thiết yếu (ví dụ như giao đồ ăn) vẫn có thể tiếp tục làm việc nhưng họ phải đối diện với nhiều hơn với rủi ro về sức khỏe nghề nghiệp. Lao động làm việc trong các lĩnh vực kinh doanh không thiết yếu thì phải đóng cửa trên diện rộng và phải đối mặt với tình trạng sụt giảm mạnh về việc làm và số giờ làm việc. Các dịch vụ lưu trú và ăn uống cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Ở một số quốc gia, lĩnh vực này hầu như phải đóng cửa hoàn toàn, còn ở những nơi vẫn có thể hoạt động thì phải chứng kiến sự sụt giảm mạnh về nhu cầu dịch vụ. Hơn một nửa số lao động này là phụ nữ; (ii) Phong tỏa, cách ly, hạn chế đi lại, giao tiếp xã hội làm đảo lộn cuộc sống, thay đổi phương thức giao tiếp, sinh hoạt, trong đó đối tượng chịu nhiều tác động là thanh niên, trẻ em, phụ nữ. Theo ước tính của Liên Hợp quốc, hơn 800 triệu trẻ em trên thế giới buộc phải nghỉ học do dịch Covid-19, trong đó không phải tất cả trẻ em đều có điều kiện, khả năng tiếp cận học trực tuyến. Sau khi đại dịch kết thúc, UNDP dự đoán khoảng 70-100 triệu người dân trên thế giới rơi vào cảnh đói nghèo.

<sup>6</sup> Đánh giá của Tổng Thư ký Liên Hợp quốc.

- Sức “tàn phá” của Covid-19 đã làm quá tải hệ thống y tế ngay cả ở những nước có nguồn lực dồi dào, hạ tầng y tế và công nghệ phát triển (như Trung Quốc, Italia, Đức, Pháp, Anh...). Nếu tâm dịch Covid-19 bùng phát lan rộng ở các nước đang phát triển ở châu Phi, châu Á, Mỹ La tinh là những nơi có nguồn lực, hạ tầng y tế, hệ thống an sinh xã hội kém phát triển hơn có thể sẽ tạo nên khủng hoảng an sinh xã hội ở những khu vực này.

---

## **2.5. Tác động buộc đẩy nhanh hơn quá trình chuyển đổi số và tổ chức lại các chuỗi giá trị - cung ứng toàn cầu**

Dịch Covid-19 cho thấy sự tiếp xúc trực tiếp (*physical contact*) giữa con người có rủi ro lây truyền nhanh dịch bệnh. Do đó, tới đây xu hướng *chuyển đổi số xã hội* và “*rô-bốt hóa*” (*tự động hóa*) sẽ được đẩy mạnh hơn nhằm giảm thiểu sự tiếp xúc trực tiếp giữa người với người, do đó hạn chế tối đa rủi ro lây nhiễm lan rộng trong trường hợp xảy ra các đại dịch bệnh như Covid-19. Hệ quả là sẽ có những điều chỉnh, thậm chí thay đổi lớn, về phương thức sản xuất, quản lý và giao tiếp trong nhiều ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội, điển hình như các loại hình kinh tế số, dịch vụ từ xa đang và sẽ phát triển mạnh. Các nước sẽ chú trọng hơn đầu tư, thúc đẩy ứng dụng rộng rãi các công nghệ phù hợp và thích ứng với môi trường xã hội giảm tiếp xúc và giám sát, quản lý xã hội. Chính phủ điện tử, thương mại điện tử, làm việc trực tuyến tại nhà, học trực tuyến từ xa, khám chữa bệnh và tư vấn tâm lý từ xa; công nghệ 5G, 6G, công nghệ tự động hóa, trí tuệ thông minh sẽ có bước phát triển nhảy vọt. Xu hướng “*bản địa hóa*” dữ liệu với việc thiết lập và dịch chuyển dữ liệu về các trung tâm lưu trữ trong nước sẽ tăng lên. Các nước cũng sẽ đẩy mạnh các biện pháp công nghệ nhằm hạn chế những nguy cơ, thách thức về an ninh mạng.

*Covid-19 cũng làm bộc lộ rủi ro của mạng lưới sản xuất – kinh tế toàn cầu dựa trên cơ sở chuỗi giá trị - cung ứng toàn cầu.* Nhiều thập kỷ qua, các chuỗi giá trị - cung ứng toàn cầu là nền tảng và động lực quan trọng của liên kết kinh tế quốc tế và mạng lưới sản xuất toàn cầu. Dịch Covid-19 làm gián đoạn, thậm chí tê liệt hầu hết các chuỗi cung ứng toàn cầu, cho thấy mạng lưới sản xuất toàn cầu dựa vào các chuỗi cung ứng chịu nhiều rủi ro bị tác động “*dây chuyền*” và lan tỏa nhanh hơn, sâu rộng hơn trong các tình huống bất thường như dịch bệnh Covid-19. Hệ quả là: (i) Đẩy mạnh hơn xu hướng “*phi tập trung*” và phân tán rủi ro trong đầu tư quốc tế, giảm tập trung phân bố cơ sở sản xuất nguyên liệu, thiết bị - linh kiện, phụ tùng vào một thị trường ; (ii) Cộng hưởng với tác động của phát triển công nghệ mới và chiến tranh thương mại – công nghệ, dịch Covid-19 đẩy nhanh hơn xu hướng chuyển dần đầu tư đến những nơi có thị trường và môi trường an toàn cho lao động sáng tạo công nghệ. Dưới tác động của hai xu hướng nói trên, nhiều chuỗi giá trị - cung ứng toàn cầu tới đây có thể sẽ được tổ chức, sắp xếp và cơ cấu lại, kéo theo sự điều chỉnh dòng đầu tư, thương mại quốc tế, thúc đẩy các nước phát triển điều chỉnh mạnh hơn việc dịch chuyển các chuỗi cung ứng , đồng thời nâng cao năng lực tự chủ đối với các mặt hàng thiết yếu có tính chiến lược cao và chú trọng hơn đến việc khai thác tối đa thị trường nội địa.

### III. TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐẾN KINH TẾ VIỆT NAM

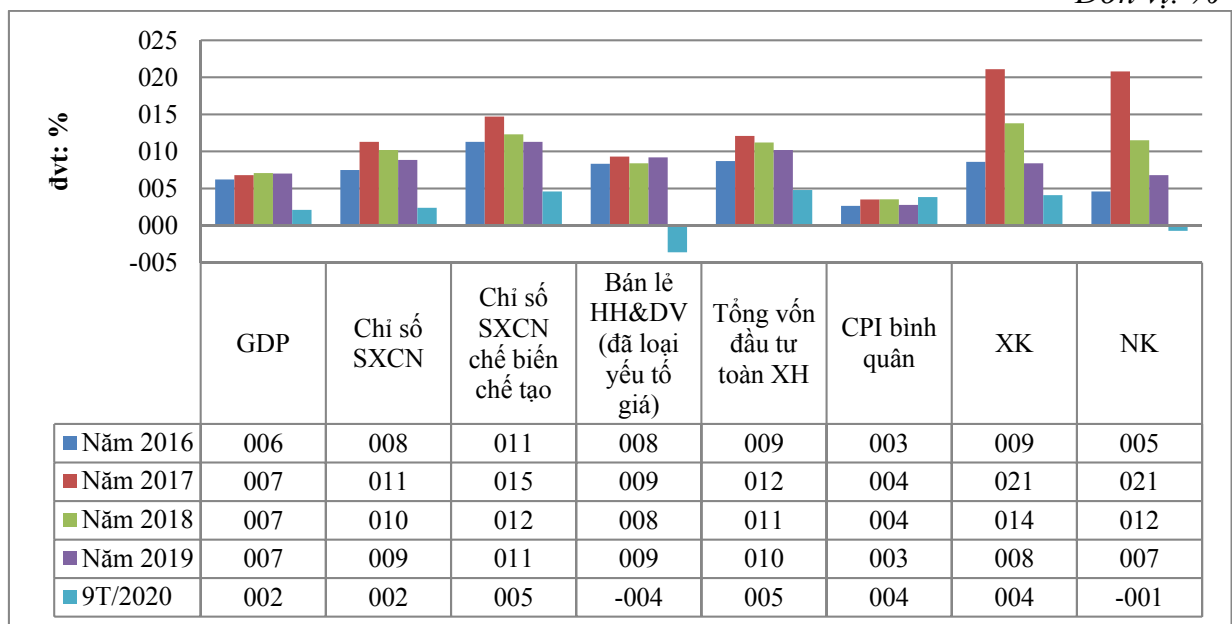
#### 3.1. Tác động đến tăng trưởng kinh tế

Năm 2020 là một năm đặc biệt khó khăn của kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng do tác động của dịch Covid-19 đối với toàn bộ đời sống kinh tế - xã hội trên toàn cầu.

Việt Nam là một trong số ít các nước khá thành công trong kiểm soát dịch Covid-19, các chỉ số được duy trì ổn định tích cực, tuy nhiên tác động của dịch Covid-19 và suy thoái kinh tế thế giới đến nền kinh tế rất mạnh và khá toàn diện. Đến hết tháng 9/2020, hầu hết các chỉ số kinh tế chính đều thấp hơn so với cùng kỳ năm 2019 và mặt bằng chung của 5 năm trở lại đây. Mức tăng trưởng của GDP, chỉ số sản xuất công nghiệp nói chung, tổng vốn đầu tư toàn xã hội, xuất khẩu và ngành công nghiệp chế biến, chế tạo nói riêng đều xuống mức thấp nhất trong 5 năm trở lại đây. Đặc biệt, bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (đã loại trừ yếu tố giá) và nhập khẩu đều giảm so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 2: Một số chỉ tiêu kinh tế cơ bản 9 tháng các năm giai đoạn 2016-2020**

Đơn vị: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2020

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2020 ước tính tăng 2,62% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng thấp nhất của quý III các năm trong giai đoạn 2011-2020<sup>7</sup>.

GDP 9 tháng năm 2020 tăng 2,12% (Quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,62%), nằm trong số ít các quốc gia có mức tăng trưởng dương

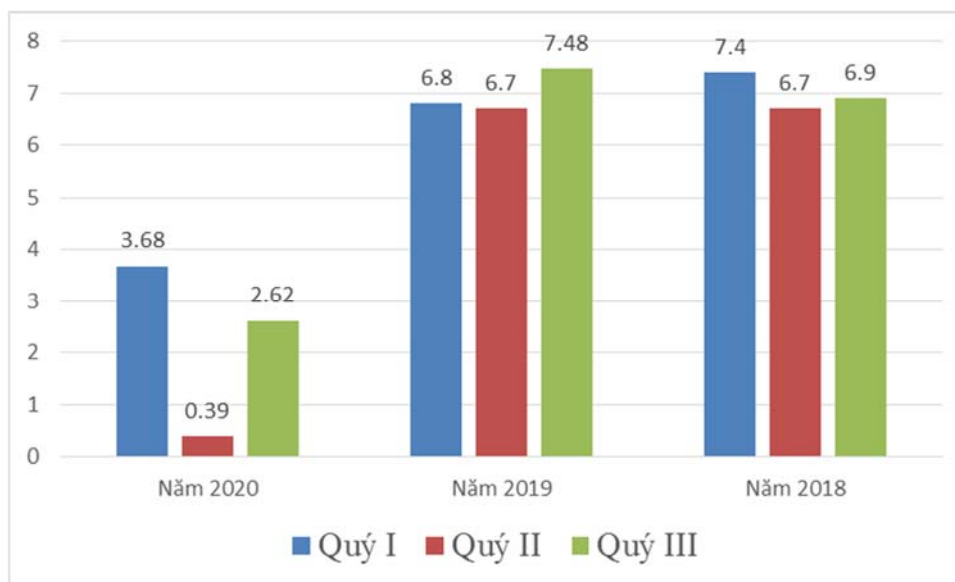
<sup>7</sup> Tốc độ tăng GDP quý III các năm 2011-2020 lần lượt là: 6,21%; 5,39%; 5,54%; 6,07%; 6,87%; 6,56%; 7,38%; 6,82%; 7,48%; 2,62%.



nhưng là mức tăng thấp nhất của 9 tháng các năm trong giai đoạn 2011-2020<sup>8</sup>, trong đó riêng Quý II chỉ đạt 0,39%. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,84%, đóng góp 13,62% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,08%, đóng góp 58,35%; khu vực dịch vụ tăng 1,37%, đóng góp 28,03%.

**Hình 3: Tốc độ tăng GDP (Quý I – Quý III) giai đoạn 2018-2020**

Đơn vị: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2020

### 3.2. Tác động đến đầu tư phát triển

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện 9 tháng năm 2020 tăng 4,8% so với cùng kỳ năm 2019, mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020 do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 đến tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, tốc độ tăng vốn thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 9 và 09 tháng đều đạt mức cao nhất trong giai đoạn 2016-2020<sup>9</sup>. Vốn đầu tư thực hiện khu vực Nhà nước có xu hướng tăng cao là kết quả đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, nhằm duy trì đà tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh dịch Covid-19 đang được kiểm soát tốt tại Việt Nam.

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện quý III/2020 theo giá hiện hành ước tính đạt 597,2 nghìn tỷ đồng, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn khu vực Nhà nước tăng 21,5%; khu vực ngoài Nhà nước tăng 1,6%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm 0,2%.

<sup>8</sup> Tốc độ tăng GDP 9 tháng so với cùng kỳ các năm 2011-2020 lần lượt là: 6,03%; 5,10%; 5,14%; 5,53%; 6,53%; 5,99%; 6,41%; 6,96%; 7,04%; 2,12%.

<sup>9</sup> Tốc độ tăng vốn thực hiện từ nguồn NSNN tháng Chín so với cùng kỳ năm trước các năm 2016-2020: Năm 2016 tăng 15,7%; năm 2017 tăng 8,1%; năm 2018 tăng 17,1%; năm 2019 tăng 11,4%; năm 2020 tăng 48%. Tốc độ tăng vốn thực hiện từ nguồn NSNN 9 tháng so với cùng kỳ năm trước các năm 2016-2020: Năm 2016 tăng 13,1%; năm 2017 tăng 6,6%; năm 2018 tăng 11,4%; năm 2019 tăng 6,3%; năm 2020 tăng 33,3%.

Tính chung 09 tháng năm 2020, vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành ước tính đạt 1.445,4 nghìn tỷ đồng, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước và bằng 34,7% GDP, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước đạt 484,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 33,5% tổng vốn và tăng 13,4% so với cùng kỳ năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 641,5 nghìn tỷ đồng, bằng 44,4% và tăng 2,8%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 319,1 nghìn tỷ đồng, bằng 22,1% và giảm 2,5%.

Trong vốn đầu tư của khu vực Nhà nước, vốn từ ngân sách Nhà nước thực hiện 09 tháng ước tính đạt 303 nghìn tỷ đồng, bằng 59,7% kế hoạch năm và tăng 33,3% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2019 bằng 59,3% và tăng 6,3%), gồm có: Vốn trung ương quản lý đạt 52,1 nghìn tỷ đồng, bằng 56,7% kế hoạch năm và tăng 69,6% so với cùng kỳ năm trước; vốn địa phương quản lý đạt 250,9 nghìn tỷ đồng, bằng 60,3% và tăng 27,7%, trong đó vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 168,7 nghìn tỷ đồng, bằng 57,9% và tăng 27,1%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 69,5 nghìn tỷ đồng, bằng 64,7% và tăng 29,3%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã đạt 12,7 nghìn tỷ đồng, bằng 73,9% và tăng 26,5%.

**Tốc độ phát triển và cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện  
9 tháng giai đoạn 2016-2020 (Theo giá hiện hành)**

%				
Chia ra:				
	Tổng số	Khu vực Nhà nước	Khu vực ngoài Nhà nước	Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
<b>Tốc độ phát triển</b>				
Năm 2016	109,6	106,0	110,3	114,1
Năm 2017	112,3	107,0	116,6	113,5
Năm 2018	110,6	103,3	117,9	109,1
Năm 2019	110,3	103,2	116,8	108,4
Năm 2020	104,8	113,4	102,8	97,5
<b>Cơ cấu</b>				
Năm 2016	100,0	37,2	38,6	24,2
Năm 2017	100,0	35,5	40,1	24,4
Năm 2018	100,0	33,2	42,7	24,1
Năm 2019	100,0	31,0	45,3	23,7
Năm 2020	100,0	33,5	44,4	22,1

*Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2020*

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/9/2020 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 21,2 tỷ USD, giảm 18,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó có 1.947 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 10,4 tỷ USD, giảm 29,4% về số dự án và giảm 5,6% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; có 798 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt trên 5,1 tỷ USD, tăng 6,8%; có 5.172 lượt góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn 5,7 tỷ USD, giảm 44,9%. Trong tổng số lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 1.296 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị góp vốn là 2,1 tỷ USD và 3.876 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 3,6 tỷ USD. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 9 tháng ước tính đạt gần 13,8 tỷ USD, giảm 3,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 9,8 tỷ USD, chiếm 71,2% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt gần 2 tỷ USD, chiếm 14,3%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt gần 1 tỷ USD, chiếm 6,9%.

### **3.3. Tác động đến khu vực doanh nghiệp**

Dịch Covid-19 đã và đang tác động tiêu cực nhiều mặt đến hoạt động sản xuất kinh doanh của hầu hết khu vực doanh nghiệp. Các doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp đã phải tạm dừng hoạt động, thu hẹp quy mô. Trong 9 tháng đầu năm 2020 cả nước có 98.954 doanh nghiệp thành lập mới, giảm 3,2% so với cùng kỳ năm trước. Đây là lần đầu tiên số doanh nghiệp thành lập mới trong 9 tháng đầu năm bị sụt giảm trong giai đoạn 2015-2020. Trong khi đó, 9 tháng đầu năm giai đoạn 2015-2019 số doanh nghiệp thành lập mới bình quân mỗi năm tăng 14,3%. Có 78,3 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, tăng 27,2% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó có 38,6 nghìn doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tăng 81,8% với cùng kỳ năm 2019.

Lao động bình quân 9 tháng đầu năm 2020 của khu vực doanh nghiệp giảm khá mạnh so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngoài nhà nước và doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng có tỷ lệ lao động giảm ở mức cao nhất.

Theo điều tra của Tổng cục Thống kê (tại thời điểm 10/4/2020-20/4/2020), có tới 85,7% số doanh nghiệp trên phạm vi cả nước bị tác động của dịch Covid-19. Theo quy mô, các doanh nghiệp có quy mô càng lớn, tỷ lệ doanh nghiệp chịu tác động từ dịch Covid-19 càng cao. Điều này có thể lý giải, các doanh nghiệp có quy mô lớn thường là những doanh nghiệp hoạt động kinh doanh đa ngành nghề, có chuỗi giá trị liên kết trong nước và quốc tế chặt chẽ, rộng hơn nhóm doanh nghiệp quy mô nhỏ sẽ chịu tác động lan tỏa nhiều hơn khi dịch bệnh bùng phát trên phạm vi toàn cầu. Nhóm doanh nghiệp lớn (hiện chiếm 2,8% tổng số doanh nghiệp) là nhóm có tỷ lệ doanh nghiệp chịu tác động nhiều nhất với 92,8%; tỷ lệ

này của nhóm doanh nghiệp vừa là 91,1%, nhóm doanh nghiệp nhỏ là 89,7%; và nhóm doanh nghiệp siêu nhỏ (hiện chiếm 62,6% toàn bộ doanh nghiệp) là 82,1%.

Theo loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp FDI là đối tượng đang chịu nhiều tác động của dịch Covid-19 nhất, với 88,7%; tỷ lệ này đối với nhóm doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp ngoài Nhà nước lần lượt là 87,3% và 85,5%.

Theo khu vực kinh tế, tại thời điểm hiện nay, khu vực công nghiệp và xây dựng và khu vực dịch vụ đang chịu nhiều tác động nhất từ dịch Covid-19 với tỷ lệ doanh nghiệp bị tác động lần lượt là 86,1% và 85,9%; trong khi khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chịu ảnh hưởng ít hơn với 78,7% (tuy nhiên quy mô của các doanh nghiệp khu vực này chỉ chiếm tỷ lệ rất thấp trong toàn bộ doanh nghiệp).

Đáng chú ý, một số ngành kinh tế có tỷ lệ doanh nghiệp chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19 cao, điển hình như: ngành hàng không 100%; ngành dịch vụ lưu trú 97,1%; dịch vụ ăn uống 95,5%; hoạt động của các đại lý du lịch 95,7%; giáo dục và đào tạo 93,9%; tiếp đến là các ngành dệt, may, sản xuất da, các sản phẩm từ da, sản xuất các sản phẩm điện tử, sản xuất ô tô đều có tỷ lệ trên 90%.

Theo vùng kinh tế: Vùng Đồng bằng sông Hồng, Vùng Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung (vùng có nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, khách sạn, nhà hàng) là hai vùng có tỷ lệ doanh nghiệp chịu tác động nhiều nhất từ dịch Covid-19, với tỷ lệ trên 88,5%. Một số địa phương như: Hà Nội, Hải Phòng, Khánh Hòa,... có tỷ lệ doanh nghiệp chịu tác động của dịch Covid-19 cao nhất, trên 92%. Các tập đoàn, tổng công ty có quy mô kinh tế lớn có tỷ lệ doanh nghiệp chịu tác động lên tới 94,6%.

Qua khảo sát điều tra của Tổng cục Thống kê, dịch Covid-19 kéo theo hàng loạt những vấn đề mà doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt như: Thiếu hụt nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh, thị trường cung - cầu trong nước bị thu hẹp, hoạt động xuất, nhập khẩu bị đình trệ... Cụ thể:

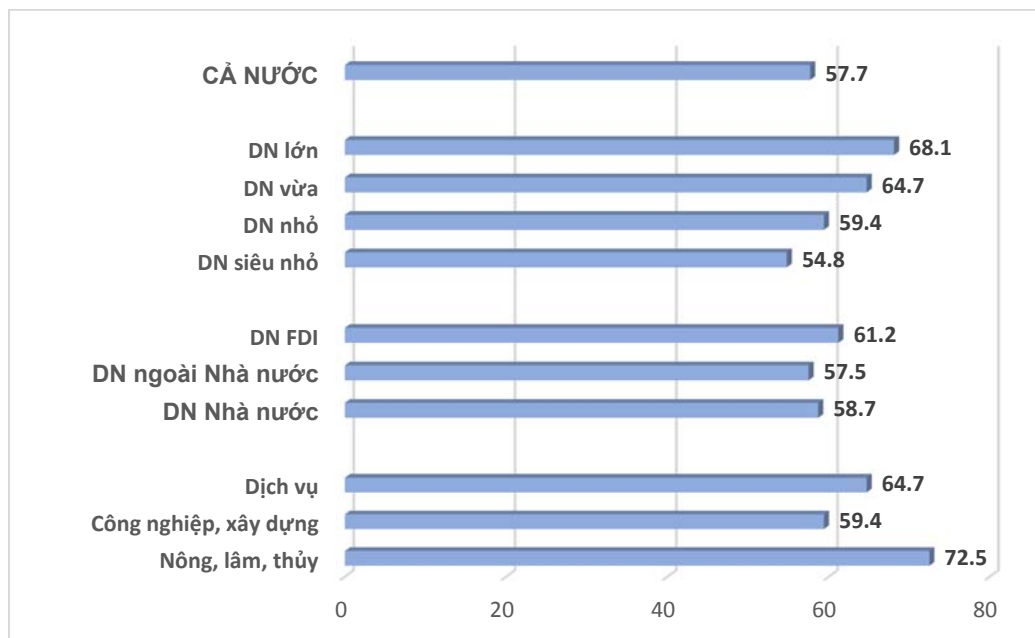
**(i) Thị trường tiêu thụ bị thu hẹp:** Có tới 57,7% số doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 cho rằng, thị trường tiêu thụ bị giảm mạnh. Đáng chú ý, trong các doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, có tới 47,2% doanh nghiệp khẳng định hàng hóa sản xuất ra không xuất khẩu được.

Thị trường tiêu thụ bị thu hẹp đang là vấn đề quan tâm hàng đầu của đại bộ phận doanh nghiệp hiện nay. Trong giai đoạn hiện nay, thị trường tiêu thụ trong nước và thị trường xuất khẩu đều gặp khó khăn. Đây là hệ quả tất yếu khi đại dịch bùng phát, người dân Việt Nam và các nước thuộc thị trường xuất khẩu truyền thống của nước ta (Mỹ, Trung Quốc, EU, Nhật...) phải thực hiện giãn cách xã hội, lao động mất việc làm, thu nhập giảm sút nên nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh.

Theo quy mô doanh nghiệp: Có 68,1% doanh nghiệp có quy mô lớn và 64,7% doanh nghiệp có quy mô vừa là các nhóm chịu nhiều ảnh hưởng nhất do thị trường tiêu thụ bị thu hẹp. Đây cũng là hai khu vực doanh nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu xuất khẩu của toàn bộ nền kinh tế. Doanh nghiệp không chỉ chịu ảnh hưởng nhiều bởi thị trường tiêu thụ trong nước bị thu hẹp mà còn do hàng hóa sản xuất ra không xuất khẩu được. Trong số các doanh nghiệp có hoạt

động xuất khẩu, tỷ lệ doanh nghiệp không xuất khẩu được hàng hóa lên tới 56,9% và 46,2% cho nhóm doanh nghiệp có quy mô lớn và quy mô vừa; tỷ lệ này ở nhóm doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ thấp hơn với 40,7% và 28,0%.

**Hình 4: Tỷ lệ doanh nghiệp bị tác động đến thị trường tiêu thụ**



*Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2020*

Theo loại hình doanh nghiệp: Có 61,2% doanh nghiệp FDI chịu tác động từ thị trường tiêu thụ và có đến 53,8% doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu không xuất khẩu được hàng hóa.

Theo ngành kinh tế: Một số ngành công nghiệp trọng điểm đang phải đối mặt với những khó khăn khi hầu hết các doanh nghiệp quy mô lớn phụ thuộc nhiều vào thị trường xuất khẩu, như: Đối với doanh nghiệp xuất khẩu ngành may mặc và da giày, tỷ lệ doanh nghiệp không xuất khẩu được hàng hóa lần lượt là 64,5% và 65,0%. Tiếp theo, ngành sản xuất các sản phẩm điện tử và sản xuất ô tô cũng gặp khó khăn khi doanh nghiệp không xuất khẩu được hàng hóa chiếm tỷ lệ khá cao, trên 45,0 %.

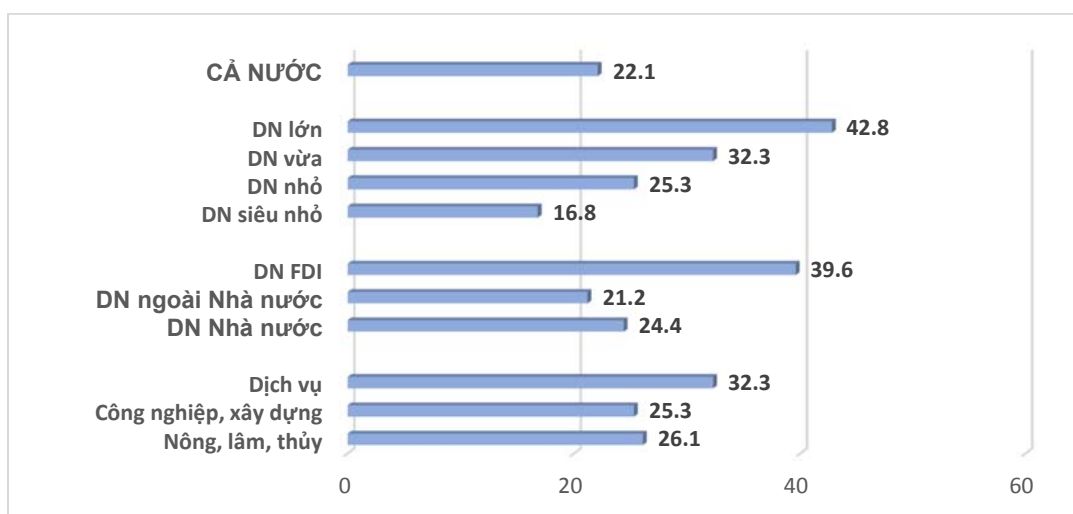
***(ii) Thị trường cung cấp nguyên liệu đầu vào bị thiếu hụt***

Dịch Covid-19 càng kéo dài, nguyên vật liệu đầu vào dự trữ của doanh nghiệp càng cạn kiệt. Đây là vấn đề dễ dàng nhận thấy khi thị trường nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam đều là các nước phải hứng chịu hậu quả nặng nề từ dịch như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản (điều này thể hiện rõ nhất trong giai đoạn đầu dịch Covid-19 bùng phát mạnh ở Trung Quốc)...

Tại thời điểm điều tra, đối với các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành may mặc và da giày cần sử dụng nguồn nguyên liệu nhập khẩu, tỷ lệ doanh nghiệp thiếu hụt lên tới 70,3% đối với ngành may mặc và 71,0% đối với ngành da giày.

Ngành sản xuất các sản phẩm điện tử và sản xuất ô tô có tỷ lệ thiếu hụt nguyên vật liệu nhập khẩu lần lượt là 62,1% và 58,1%.

**Hình 5: Tỷ lệ doanh nghiệp bị tác động đến thị trường nguyên liệu đầu vào**



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2020

### ***(iii) Thiếu hụt nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh***

Có tới 45,4% số doanh nghiệp khảo sát<sup>10</sup> bị thiếu hụt nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh, đây là một trong những khó khăn hàng đầu của doanh nghiệp hiện nay và cũng là tình trạng chung của toàn bộ khu vực doanh nghiệp.

### ***(iv) Những gánh nặng của doanh nghiệp do tác động của dịch Covid-19***

Chi trả công lao động được đánh giá là gánh nặng lớn nhất đối với doanh nghiệp thời điểm hiện nay. Dịch Covid-19 làm cho tình hình kinh tế Việt Nam gặp khó khăn, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bị đình trệ, bên cạnh đó doanh nghiệp còn chịu áp lực từ các khoản chi phí rất lớn để duy trì hoạt động như: chi phí thuê mặt bằng, chi trả lãi vay ngân hàng, trả công cho lao động, chi phí thường xuyên khác...

Nhiều doanh nghiệp đã phải áp dụng các giải pháp tạm thời như cắt giảm lao động, cho lao động nghỉ việc không lương, giãn việc/ngỉ luân phiên, giảm lương lao động, thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh hoặc tạm ngừng hoạt động. Do tác động của dịch Covid, có tới 66,8% số doanh nghiệp phải áp dụng các giải pháp liên quan đến lao động. Giải pháp cho lao động giãn việc/ngỉ luân phiên có 39,5% doanh nghiệp lựa chọn, cao nhất trong các giải pháp về lao động; có 28,4% doanh nghiệp áp dụng giải pháp cắt giảm lao động; 21,3% doanh nghiệp cho lao động nghỉ không lương và 18,9% doanh nghiệp giảm lương lao động.

<sup>10</sup> Theo báo cáo kết quả khảo sát đánh giá tác động của dịch Covid-19 đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp do Tổng cục Thống kê thực hiện tại thời điểm tháng 4/2020.

### 3.4. Tác động của dịch covid-19 đến hoạt động công nghiệp và thương mại

#### 3.4.1. Hoạt động sản xuất công nghiệp

Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp tại nhiều quốc gia trên thế giới đã làm ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng nguyên liệu nhập khẩu phục vụ cho sản xuất công nghiệp trong năm 2020 và thị trường tiêu thụ bị thu hẹp đáng kể, đặc biệt đối với ngành chế biến, chế tạo, theo những chiều hướng khác nhau.

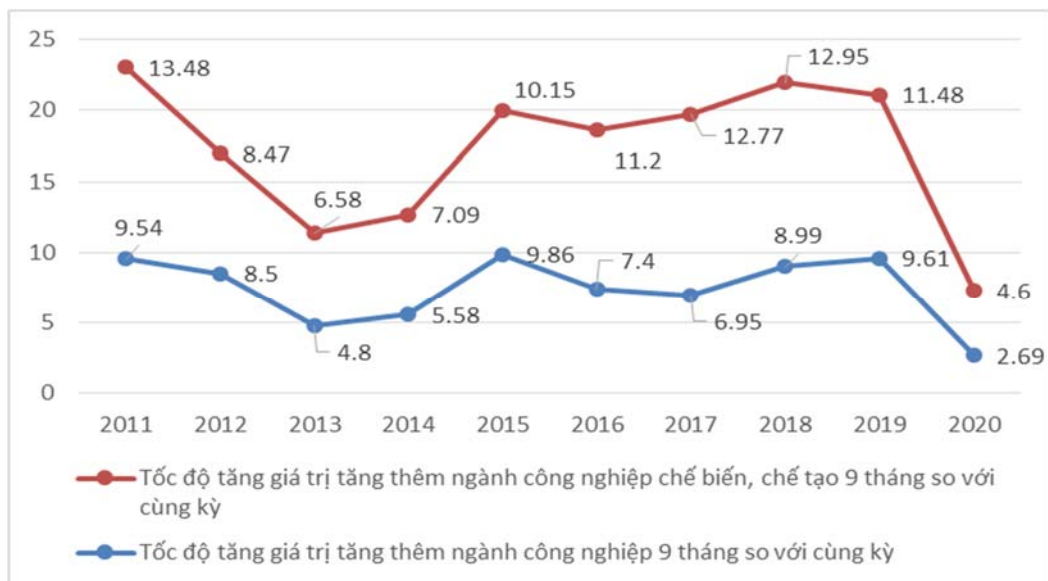
Do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 nên tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp đạt thấp. Quý I/2020 tăng 5,1%; quý II chỉ tăng 1,1% và quý III tăng 2,34%, cải thiện đáng kể so với mức tăng của Quý II.

Tính chung 9 tháng, ngành công nghiệp tăng 2,69% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn so với mức tăng cùng kỳ các năm 2011-2020.

Trong đó: Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,6% (quý I tăng 7,12%; quý II tăng 3,38%; quý III tăng 3,86%), thấp hơn mức tăng của cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2011-2020.

**Hình 6: Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp và công nghiệp chế biến, chế tạo 9 tháng so với cùng kỳ giai đoạn 2011-2020**

Đơn vị: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2020

Chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng cũng chỉ tăng 2,4%, thấp hơn so với mức tăng 9,6% của cùng kỳ năm 2019 và là mức tăng thấp nhất trong nhiều năm qua (Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng các năm 2012-2020 lần lượt là: 6,1%; 5,3%; 6,8%; 9,9%; 7,1%; 8,8%; 10,6%; 9,6%; 2,3%).

Trong đó, ngành chế biến, chế tạo chỉ tăng 3,8% (cùng kỳ năm 2019 tăng 10,8%); ngành khai khoáng giảm 7,4%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 2,8%.

Hầu hết những ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chịu tác động của dịch Covid-19 đều có chỉ số sản xuất 9 tháng giảm hoặc tăng thấp so với cùng kỳ năm trước: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng giảm 32,7%; sản xuất xe có động cơ giảm 12,2%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 11,4%; sản xuất mô tô, xe máy giảm 8,9%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị giảm 7,4%; sản xuất đồ uống giảm 6,6%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa giảm 5,8%; sản xuất trang phục giảm 4,4%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 3,8%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu giảm 2%; in, sao chép bản ghi các loại giảm 1,9%; sản xuất kim loại giảm 1,1%; sản xuất thiết bị điện tăng 0,4%; dệt tăng 0,6%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 1,4%; hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu tăng 2,4%.

Có thể nói, 9 tháng đầu năm 2020, dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất công nghiệp của Việt Nam từ cả 2 phía cung và cầu.

**(i) Tác động về nguồn cung nguyên phụ liệu, linh phụ kiện đầu vào cho sản xuất và tiêu dùng:** Chuỗi giá trị toàn cầu hiện nay được phân bổ trên phạm vi đa quốc gia nhưng mức độ liên kết rất chặt chẽ, ngay cả các cường quốc về công nghiệp với tỷ lệ nội địa hoá sản xuất rất cao cũng có nguy cơ đứt gãy chuỗi sản xuất nếu chỉ thiếu một vài chi tiết hoặc nguyên phụ liệu quan trọng không thể thay thế. Đặc biệt, đối với các quốc gia có tỷ lệ nội địa hoá trong các ngành công nghiệp còn thấp, nguyên liệu, linh kiện, phụ tùng phần lớn phải nhập khẩu, sản xuất chủ yếu tập trung ở lĩnh vực gia công hạ nguồn như Việt Nam, rủi ro đứt gãy chuỗi sản xuất càng lớn.

Các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo của Việt Nam hiện nay phụ thuộc rất lớn vào nguồn cung cấp nguyên phụ liệu, linh kiện đầu vào nhập khẩu từ Trung Quốc và một số quốc gia khác cũng chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh (như Hàn Quốc, Nhật Bản) để phục vụ sản xuất (Trung Quốc hiện là trung tâm cung ứng các sản phẩm trung gian cho khu vực châu Á, với hơn 40% lượng hàng hoá trung gian cho các chuỗi sản xuất tại khu vực này). Những ngành hàng phụ thuộc lớn nhất vào nguồn nguyên liệu sản xuất từ các quốc gia trên cũng là những ngành công nghiệp chủ lực hiện nay của Việt Nam, gồm điện tử; dệt may; da – giày - túi xách; sản xuất, lắp ráp ô tô...

**Khó khăn trong việc nhập khẩu các nguyên vật liệu, linh phụ kiện phục vụ sản xuất:** Việc đa dạng hóa nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu từ các quốc gia khác trong ngắn hạn để thay thế nguồn cung từ Trung Quốc gặp nhiều khó khăn bởi các nguyên phụ liệu cao cấp hoặc các sản phẩm linh kiện, phụ tùng rất khó có thể tìm nguồn thay thế trong ngắn hạn do đặc thù phân bổ chuỗi sản xuất toàn cầu cũng như các yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ, chất lượng riêng biệt của các công ty đa quốc gia. Thời gian để tìm kiếm các nguồn cung ứng nguyên phụ liệu đầu vào của các ngành có hàm lượng công nghệ và kỹ thuật cao như điện tử hay ô tô thường mất từ 3 tháng – 01 năm.

Các sản phẩm đầu vào nhập khẩu từ các quốc gia khác cũng thường có giá thành cao hơn so với các sản phẩm từ Trung Quốc, và mẫu mã, chất lượng thường



không đa dạng bằng.

*Giá thành một số nguyên vật liệu, linh phụ kiện nhập khẩu từ Trung Quốc và các quốc gia khác tăng lên so với trước đây, có thể gây ảnh hưởng đến giá thành sản xuất sản phẩm trong nước.* Đặc biệt, đối với một số ngành sản xuất (như ngành thép), trong khi giá thành nguyên phụ liệu nhập khẩu phục vụ sản xuất có xu hướng tăng lên thì giá bán sản phẩm hoàn chỉnh lại buộc phải hạ xuống do xu thế giá thành trên thế giới và tại Trung Quốc giảm sâu bởi tác động của dịch bệnh, gây rất nhiều khó khăn cho hoạt động sản xuất và bán hàng trong dài hạn.

Dù vậy, bối cảnh đại dịch Covid-19 có thể tạo thêm sức ép cần thiết để Việt Nam quyết liệt hơn trong tái cơ cấu công nghiệp theo hướng tăng tính tự chủ, chủ động tìm kiếm nguồn cung ứng nguyên liệu thay thế, đầu tư phát triển nguồn cung nội địa thay vì phụ thuộc quá mức vào một thị trường cung ứng nhất định.

### ***(ii) Tác động của dịch Covid-19 đến thị trường tiêu thụ của các ngành sản xuất trong nước***

Trong khi những khó khăn ở giai đoạn đầu của dịch bệnh không còn gay gắt (khi Trung Quốc cơ bản đã kiểm soát được dịch bệnh, các nhà máy sản xuất và cung ứng nhiều loại nguyên vật liệu được vận hành trở lại, nhu cầu nhập khẩu hàng hóa cơ bản trở lại bình thường...) thì khó khăn lớn hơn đã xuất hiện khi phạm vi dịch bệnh đã lan rộng ở quy mô toàn cầu. Hầu như tất cả các bạn hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam đều chịu tác động trực tiếp. Do vậy khó khăn về thị trường đầu ra cho sản phẩm hàng hóa của Việt Nam là rất lớn, cùng với đó là những vấn đề về sản xuất và người lao động.

Diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 ở nhiều quốc gia trên thế giới khiến các doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ, đặc biệt là đối với một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như dệt may, da giày, túi xách, máy vi tính, sản phẩm điện tử, điện thoại di động và linh kiện... Xu hướng chính của các đối tác là giãn thời gian giao hàng, hoãn các đơn hàng (nhất là trong tháng 4, 5) và tạm chưa đàm phán đơn hàng từ tháng 6 trở đi. Chính lý do này, đã khiến các mặt hàng như dệt may, da giày, đồ gỗ hứng chịu tác động kép từ dịch Covid-19 do nguồn nguyên liệu sản xuất vừa được cải thiện từ giữa tháng 3, nhưng nay lại gặp khó khăn ở thị trường đầu ra. Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến chế tạo 9 tháng năm 2020 chỉ tăng 2,6%, trong khi đó cùng kỳ năm 2019 tăng 9,5% so với năm 2018. Khó khăn về thị trường tiêu thụ sẽ nghiêm trọng hơn so với việc thiếu hụt nguyên liệu từ Trung Quốc. Thời gian trong quý I, dù có thiếu nguyên liệu từ Trung Quốc nhưng các doanh nghiệp vẫn có một lượng nguyên liệu dự trữ từ trước Tết nên việc sản xuất không bị đình trệ, vẫn có hàng để bán. Hiện nay, không giao được hàng đồng nghĩa với việc không được thanh toán, không có dòng tiền để duy trì hoạt động và quay vòng vốn, trang trải chi phí, trả lãi ngân hàng, khấu hao nhà xưởng, trả lương công nhân... Khó khăn, thiệt hại này của các doanh nghiệp hầu như không được chia sẻ từ đối tác nước ngoài do bản thân họ cũng đang gặp khó khăn nên áp dụng điều khoản bất khả kháng theo hợp đồng đã ký với các doanh nghiệp Việt Nam.

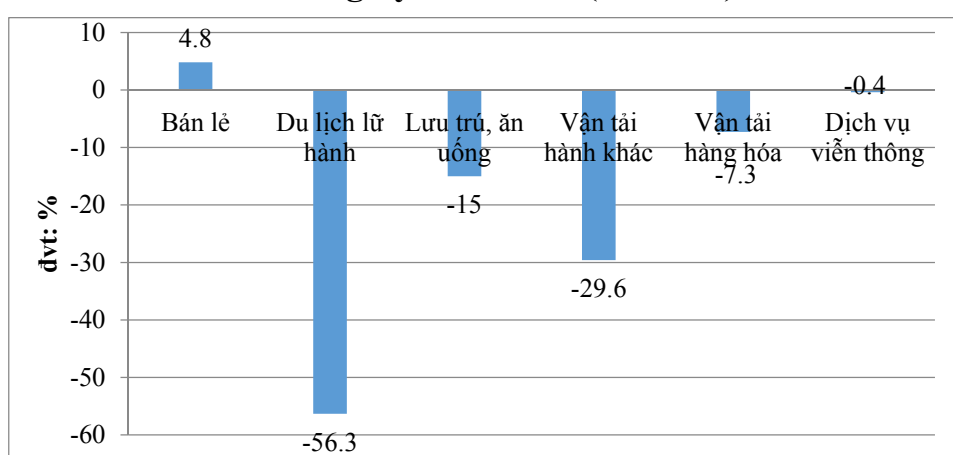
### 3.4.2. Hoạt động thương mại

#### \* Lĩnh vực thương mại nội địa

Khu vực dịch vụ chịu ảnh hưởng nặng nề và nghiêm trọng nhất, hầu hết các cơ sở lưu trú, ăn uống, lữ hành phải tạm đóng cửa trong thời gian giãn cách xã hội; dịch vụ du lịch vừa trở lại hoạt động vào mùa cao điểm trong tháng 6-7 nhưng do dịch quay trở lại khiến đà phục hồi bị chặn đứng. Các địa phương trong vùng có dịch buộc phải đóng cửa các địa điểm dịch vụ trong khi khách du lịch đồng loạt hoãn, hủy chuyến do tâm lý lo ngại. Mặc dù, Việt Nam đã khống chế được dịch bệnh, nhưng ảnh hưởng của dịch Covid-19 bùng phát trong hai giai đoạn tháng 3, tháng 4 và cuối tháng 7 đã ảnh hưởng nặng nề đến thị trường tiêu thụ hàng hóa trong nước, đặc biệt là trong giai đoạn cách ly xã hội trong tháng 4, khiến cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh thương mại bị hạn chế, nhu cầu du lịch, dịch vụ lưu trú, ăn uống và các dịch vụ khác đều giảm mạnh. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 9/2020 ước tính đạt 441,4 nghìn tỷ đồng, tăng 2,7% so với tháng trước và tăng 4,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý III/2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 1.305,8 nghìn tỷ đồng, tăng 14,4% so với quý trước và tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 1.022,9 nghìn tỷ đồng, tăng 11,5% và tăng 8,3%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 136,5 nghìn tỷ đồng, tăng 28,2% và giảm 7,8%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 4,6 nghìn tỷ đồng, tăng 161,3% và giảm 59,5%; doanh thu dịch vụ khác đạt 141,8 nghìn tỷ đồng, tăng 21,8% và giảm 2,8%.

Tính chung 9 tháng năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 3.673,5 nghìn tỷ đồng, chỉ tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá giảm 3,6% (cùng kỳ năm 2019 tăng 10,8%).

**Hình 7: Tăng/giảm doanh thu các nhóm dịch vụ 9 tháng năm 2020 so cùng kỳ năm 2019 (ĐVT: %)**



*Nguồn: Tổng hợp số liệu của Tổng cục Thống kê (công bố ngày 29/9/2020)*

### **\* Hoạt động xuất nhập khẩu**

Sau khi gia nhập WTO vào tháng 01 năm 2007, một đặc điểm đáng chú ý của nền kinh tế Việt Nam trong thập kỷ qua là mối liên kết lớn mạnh và ngày càng tăng với các nền kinh tế khác, thông qua thương mại và đầu tư. Hai trong số những động lực quan trọng cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế trước đó là: (1) mức độ đầu tư trực tiếp nước ngoài và (2) khả năng xuất khẩu của cả nước. Do đó, Việt Nam với độ mở cửa nền kinh tế là 200% GDP, được coi là một trong những nền kinh tế “mở” nhất thế giới cũng đã và đang gặp nhiều khó khăn trong hoạt động thương mại hàng hóa.

Đại dịch Covid-19 có cả tác động trực tiếp và gián tiếp đối với xuất khẩu của Việt Nam, nhất là từ đầu quý II/2020. Xuất nhập khẩu bị ảnh hưởng nặng nề do thương mại thế giới giảm, việc nối lại các thị trường xuất khẩu và ký kết các hợp đồng mới gặp nhiều khó khăn. Cụ thể: *Thứ nhất*, nhu cầu hàng hóa của các nước, đặc biệt là các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam như Mỹ, EU... đều giảm mạnh. Nguyên nhân chính là do dịch bệnh lây lan nhanh ở các nước dẫn đến việc ban hành nhiều biện pháp kiểm soát như phong tỏa, hạn chế tụ tập, hạn chế hoạt động các trung tâm thương mại, khiến nhu cầu mua sắm các mặt hàng không thiết yếu giảm. *Thứ hai*, hoạt động giao thương bị hạn chế, do các nước tạm đóng cửa xuất nhập cảnh. *Thứ ba*, hoạt động thông quan hàng hóa khó khăn, do phải thực hiện kiểm dịch y tế nghiêm ngặt làm gia tăng thời gian và chi phí. Đứt gãy, gián đoạn chuỗi giá trị cũng ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận đầu vào từ nhập khẩu cho các đơn hàng xuất khẩu, đặc biệt là từ tháng 4. *Thứ tư*, việc duy trì nguồn lao động và sự tồn tại của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do tình trạng hủy và hoãn đơn hàng kéo dài<sup>11</sup> khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc trả lương lao động, chi phí cố định, lãi vay ngân hàng... *Thứ năm*, giá hàng hóa sụt giảm ảnh hưởng tới nhiều mặt hàng xuất khẩu.<sup>12</sup>

Tính chung 9 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt 202,57 tỷ USD, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm 2019; nhập khẩu đạt 186,05 tỷ USD, giảm 0,7%.

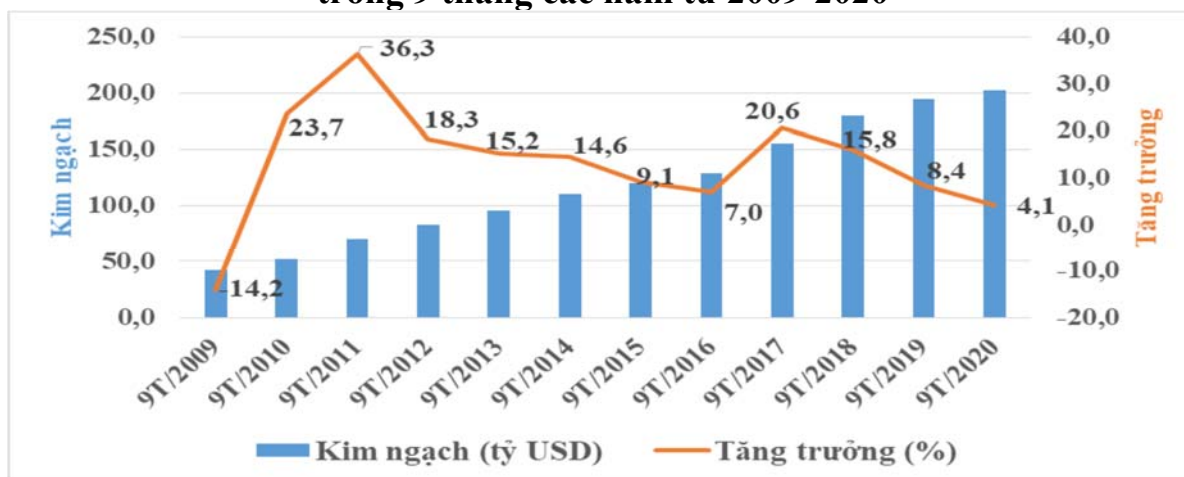
Quý III/2020, hoạt động xuất khẩu hàng hóa của cả nước hồi phục tích cực, với kim ngạch đạt 79,78 tỷ USD (trung bình 26,59 tỷ USD/tháng), tăng 34% so với quý II/2020 và tăng 10,7% so với quý III/2019.

---

<sup>11</sup> Số lượng đơn hàng trong tháng 4 và 5 của dệt may, da giày bị giảm khoảng 70%, các đơn hàng mới từ tháng 6 trở đi chưa được đàm phán. Việc chuyển hướng vào thị trường nội địa không khả thi do các doanh nghiệp chủ yếu gia công xuất khẩu cho các thương hiệu nước ngoài, nên mẫu mã, nguyên liệu sử dụng nhằm đáp ứng thị hiếu của nước ngoài, không phải cho nội địa.

<sup>12</sup> Nhiều mặt hàng nông sản giảm giá như: điều; chè; hạt tiêu; dầu thô...

**Hình 8: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trong 9 tháng các năm từ 2009-2020**

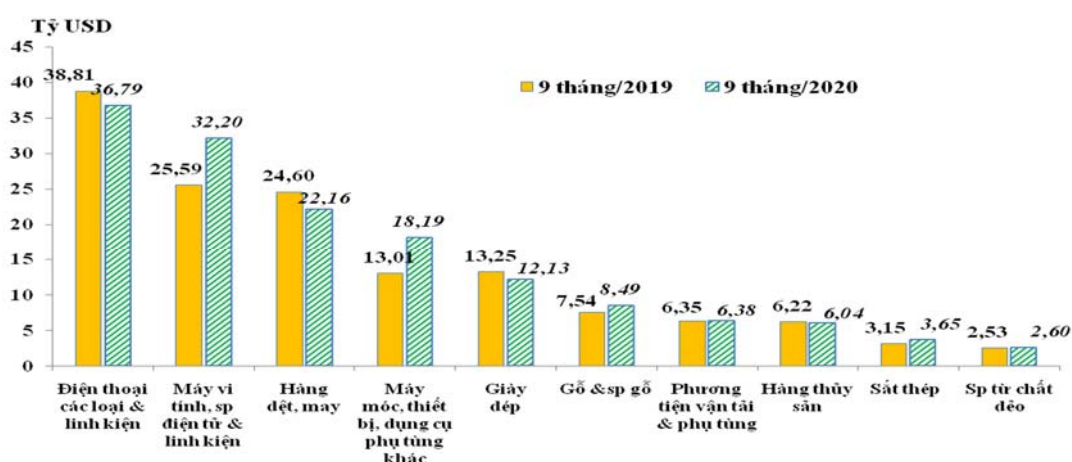


*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, 2020*

Mặc dù tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam trong 9 tháng năm 2020 thấp nhất trong 10 năm qua, nhưng đây vẫn là kết quả đáng khích lệ và được xem là điểm sáng trong khu vực Châu Á trong bối cảnh hoạt động xuất khẩu của nhiều nước trong khu vực suy giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19 như: Trung Quốc giảm 0,8% trong 9 tháng năm 2020, Hàn Quốc giảm 10,6% trong 8 tháng năm 2020, Nhật Bản giảm 14,8% trong 8 tháng năm 2020, Singapore và Thái Lan giảm 7,5% và 7,75% sau 8 tháng, riêng Ấn Độ giảm 19,32% trong giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 8/2020.

Xuất siêu của Việt Nam trong 9 tháng năm 2020 đạt 16,52 tỷ USD - mức cao kỷ lục, góp phần quan trọng trong việc cải thiện cán cân thanh toán và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, tăng trưởng xuất khẩu không đồng đều giữa các mặt hàng và thị trường. Nhiều nhóm hàng xuất khẩu chính như: Điện thoại các loại, dệt may, giày dép, túi xách, ví, vali, mũ, ô dù... vẫn còn nhiều khó khăn và chưa thể lấy lại đà tăng trưởng do tác động của dịch Covid-19. Cụ thể: hàng dệt may giảm 2,44 tỷ USD, tương ứng giảm 9,9%; điện thoại các loại & linh kiện giảm 2,02 tỷ USD, tương ứng giảm 5,2%; giày dép các loại giảm 1,12 tỷ USD, tương ứng giảm 8,4%...

**Hình 9: 10 nhóm hàng có trị giá xuất khẩu lớn nhất trong 3 quý/2019 và 3 quý/2020**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan, 2020*

Bên cạnh đó, xu hướng gia tăng các tranh chấp thương mại, các biện pháp phòng vệ thương mại của các thị trường nhập khẩu đã và đang có những diễn biến hết sức phức tạp, khó lường gây ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam. Theo Báo cáo của WTO về các biện pháp thương mại của Nhóm 20 (G20) được ban hành ngày 21/11/2019 cho thấy từ giữa tháng 5 đến giữa tháng 10/2019, các nền kinh tế G20 đã đưa ra các biện pháp hạn chế nhập khẩu áp đặt cho một lượng hàng hóa ước tính trị giá 460,4 tỷ USD, tăng 37% so với giai đoạn trước từ giữa tháng 10/2018 và chỉ đứng sau mức cao kỷ lục 480,9 tỷ USD được áp dụng từ giữa tháng 5 đến giữa tháng 10/2018<sup>13</sup>. Các lĩnh vực chính bị ảnh hưởng bởi việc khởi xướng các biện pháp phòng vệ thương mại trong giai đoạn rà soát bao gồm: sắt thép và các sản phẩm sắt và thép, tiếp theo là đồ nội thất, giường, nệm, điện máy và linh kiện. Đây đều là các nhóm hàng hóa xuất khẩu lớn của Việt Nam.

Trong thời gian gần đây, các nước đang có xu hướng sử dụng nhiều biện pháp áp dụng thuế chống bán phá giá, chiếm tới 70% các vụ áp thuế liên quan đến phòng vệ. Thậm chí, trong bối cảnh dịch Covid-19, một số quốc gia là đối tác lâu năm của Việt Nam còn có dấu hiệu lạm dụng các biện pháp phòng vệ thương mại để bảo hộ quá mức ngành sản xuất trong nước, tác động trực tiếp tới hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp Việt Nam.

Bên cạnh đó, các rào cản kỹ thuật từ các thị trường nhập khẩu của Việt Nam cũng ngày càng gia tăng, ngay cả ở các thị trường có FTA với Việt Nam. Đối với thị trường CPTPP và EVFTA, yêu cầu về quy tắc nguồn gốc xuất xứ rất chặt chẽ, thông thường các mặt hàng muốn được hưởng ưu đãi thuế quan thì nguyên liệu phải đáp ứng được một tỷ lệ về hàm lượng nội khối nhất định (với EVFTA, nguyên liệu phải có xuất xứ tại EU hoặc Việt Nam hoặc từ các đối tác có FTA với

<sup>13</sup> Từ giữa tháng 5 đến giữa tháng 10 năm 2018, các nền kinh tế nhóm G20 đã áp dụng các biện pháp hạn chế thương mại này ước tính khoảng 481 tỷ đô la Mỹ, lớn gấp 6 lần so với báo cáo trước đó và lớn nhất kể từ khi biện pháp này lần đầu tiên được áp dụng năm 2012.

EU; tương tự với CPTPP). Đây là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam bởi nguồn nguyên liệu cho sản xuất hàng xuất khẩu hiện nay chủ yếu được nhập khẩu từ Trung Quốc hoặc các nước trong ASEAN. Thêm vào đó là các yêu cầu bắt buộc về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, dán nhãn, môi trường... của EU rất khắt khe. Một số ngành được đánh giá hưởng lợi nhiều nhất từ các ưu đãi CPTPP và EVFTA như dệt may, da giày... nhưng với yêu cầu xuất xứ từ vải hoặc từ sợi thì nhiều doanh nghiệp Việt Nam gặp khó khăn trong việc tận dụng cơ hội hưởng thuế quan ưu đãi ngay trong năm 2020.

#### **IV. TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 TỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÁC NGÀNH DỆT MAY, DA GIÀY, ĐIỆN TỬ**

**1. Dệt may:** Dệt may là một trong những ngành kinh tế quan trọng tại Việt Nam. Với 2,6 triệu lao động, ngành đang giải quyết gần 5% tổng số lao động cả nước. Ngành dệt may tại Việt Nam có hơn 70% lực lượng là lao động nữ, trong những năm gần đây, ngành dệt may luôn chú trọng thực hiện nhiều chính sách nâng cao vai trò của lao động nữ, coi đây là một trong những yếu tố quan trọng để phát triển chất lượng nguồn nhân lực. Dệt may luôn nằm trong nhóm 5 ngành có tỷ trọng sản lượng lớn nhất và có chỉ số sản xuất công nghiệp cao nhất. Từ 2010 đến nay, chỉ số sản xuất công nghiệp của ngành luôn cao hơn mức bình quân của toàn ngành công nghiệp<sup>14</sup>.

Dệt may là một trong những ngành có đóng góp lớn nhất vào kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Từ 2010 đến nay, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam đã tăng gần 3 lần, từ 11,2 tỉ USD năm 2010 lên trên 38 tỉ USD năm 2019. Thặng dư thương mại của ngành tăng dần qua các năm cho thấy ngành dệt may Việt Nam có đóng góp ngày càng lớn vào nguồn thu ngoại tệ cho nền kinh tế. Tuy nhiên, ngành dệt may Việt Nam chỉ cạnh tranh xuất khẩu ở những mặt hàng tương đối hẹp, những sản phẩm may mặc đang xuất khẩu chủ yếu là các sản phẩm từ bông và sợi tổng hợp cho phân khúc thị trường cấp trung và cấp thấp. Hơn 86% giá trị xuất khẩu của ngành may mặc là từ 07 mặt hàng: áo thun, quần, jackets, váy, áo sơ mi, áo khoác, quần dài, quần áo thể thao, quần áo lót... Các sản phẩm cao cấp như váy, đồ vest được xuất khẩu số lượng rất hạn chế.

---

<sup>14</sup> Năm 2016, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp là 7,4%, trong khi chỉ số sản xuất của dệt và sản xuất trang phục lần lượt là 16,9% và 7,5%.

Năm 2017, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp là 11,3%, trong khi chỉ số sản xuất của dệt và sản xuất trang phục lần lượt là 9,8% và 9,1%.

Năm 2018, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp là 10,1%, trong khi chỉ số sản xuất của dệt và sản xuất trang phục lần lượt là 12,5% và 10,9%.

Năm 2019, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp là 9,1%, trong khi chỉ số sản xuất của dệt và sản xuất trang phục lần lượt là 11,4% và 6,9%.

**Bảng 3: Kim ngạch xuất nhập khẩu các mặt hàng dệt may chủ đạo***Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Chủng loại	2015	2016	2017	2018	2019	2019/2018
<b>1</b>	<b>Xuất khẩu</b>	<b>27.021</b>	<b>28.123</b>	<b>31.159</b>	<b>36.264</b>	<b>38.886</b>	<b>7,23%</b>
	Hàng may mặc	21.838	22.762	24.715	28.730	30.723	6,94
	Vải	998	1.079	1.323	1.7591	2.127	20,92
	Xơ, sợi	2.540	2.930	3.593	4.025	4.177	3,78
	Vải không dệt	435	415	457	530	589	11,13
	Nguyên phụ liệu	1.210	937	1.071	1.220	1.270	4,13
<b>2</b>	<b>Nhập khẩu</b>	<b>16.528</b>	<b>16.970</b>	<b>18.976</b>	<b>21.897</b>	<b>22.367</b>	<b>2,15</b>
	Bông	1.623	1.663	2.356	3.011	2.570	-14,65
	Xơ, sợi	1.515	1.608	1.814	2.419	2.410	-0,37
	Vải	10.197	10.482	11.366	12.39	13.277	3,93
	Phụ liệu	3.184	3.217	3.440	3.692	4.110	11,32
<b>3</b>	<b>NK cho XK</b>	<b>13.184</b>	<b>13.646</b>	<b>15.544</b>	<b>18.354</b>	<b>19.246</b>	<b>4,86</b>
	Cân đối X-NK	13.827	14.477	15.615	17.009	19.640	9,66

*Nguồn: Hiệp hội Dệt may Việt Nam, 2020*

Xét theo cơ cấu thị trường: Các thị trường xuất khẩu dệt may chính của Việt Nam là Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc.

**Bảng 4. Một số thị trường xuất khẩu dệt may giai đoạn 2010-2018***Đơn vị tính: triệu USD*

TT	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
<b>Tổng KNXX cả nước</b>	<b>72.192</b>	<b>96.906</b>	<b>114.573</b>	<b>132.135</b>	<b>150.186</b>	<b>162.017</b>	<b>176.632</b>	<b>214.019</b>	<b>243.483</b>
<b>XK toàn ngành DM</b>	<b>12.615</b>	<b>16.474</b>	<b>17.704</b>	<b>21.414</b>	<b>24.692</b>	<b>27.021</b>	<b>28.123</b>	<b>31.159</b>	<b>36.264</b>
XK DM/Tổng KNXX (%)	17,5	17,0	15,5	16,2	16,4	16,7	15,9	14,6	14,9
<b>Hoa Kỳ</b>	<b>6.150</b>	<b>6.918</b>	<b>7.489</b>	<b>8.693</b>	<b>10.108</b>	<b>11.219</b>	<b>11.676</b>	<b>12.348</b>	<b>13.956</b>
Tỷ trọng/ Ngành (%)	48,8	42,0	45,5	52,8	61,4	68,1	40,6	39,5	38,5
<b>EU</b>	<b>1.918</b>	<b>2.523</b>	<b>2.460</b>	<b>2.930</b>	<b>3.532</b>	<b>3.635</b>	<b>3.753</b>	<b>3.885</b>	<b>4.128</b>
Tỷ trọng/ Ngành (%)	15,2	15,3	14,9	17,8	21,4	22,1	13,0	12,4	11,4
<b>Nhật Bản</b>	<b>1.173</b>	<b>1.718</b>	<b>2.001</b>	<b>2.468</b>	<b>2.757</b>	<b>2.936</b>	<b>3.059</b>	<b>3.289</b>	<b>4.015</b>
Tỷ trọng/ Ngành (%)	9,3	10,4	12,1	15,0	16,7	17,8	10,6	10,5	11,1
<b>Hàn Quốc</b>	<b>717</b>	<b>1.189</b>	<b>1.305</b>	<b>1.895</b>	<b>2.393</b>	<b>2.450</b>	<b>2.686</b>	<b>3.103</b>	<b>3.845</b>
Tỷ trọng/ Ngành (%)	5,7	7,2	7,9	11,5	14,5	14,9	9,3	9,9	10,6
<b>Trung Quốc</b>	<b>477</b>	<b>751</b>	<b>882</b>	<b>1.265</b>	<b>1.848</b>	<b>2.303</b>	<b>2.747</b>	<b>3.447</b>	<b>3.904</b>
Tỷ trọng/ Ngành (%)	3,8	4,6	5,4	7,7	11,2	14,0	9,6	11,0	10,8
<b>Canada</b>	<b>217</b>	<b>271</b>	<b>315</b>	<b>391</b>	<b>512</b>	<b>559</b>	<b>538</b>	<b>575</b>	<b>690</b>
Tỷ trọng/ Ngành (%)	1,7	1,6	1,9	2,4	3,1	3,4	1,9	1,8	1,9
<b>ASEAN</b>	<b>255</b>	<b>576</b>	<b>565</b>	<b>865</b>	<b>1.007</b>	<b>1.222</b>	<b>1.343</b>	<b>1.689</b>	<b>1.980</b>
Tỷ trọng/ Ngành (%)	2,0	3,5	3,1	4,0	4,0	4,5	4,7	5,4	5,5

*Nguồn: Hiệp hội Dệt may Việt Nam, 2020*

Trong khi các mặt hàng may mặc chiếm tỷ lệ vượt trội trong các mặt hàng xuất khẩu thì các mặt hàng nguyên phụ liệu chiếm tỷ lệ cao trong các mặt hàng nhập khẩu, trong đó nổi bật là các mặt hàng bông xơ, xơ tổng hợp staple, sợi tổng hợp filament, vải dệt thoi từ bông, vải dệt thoi từ sợi tổng hợp filament, vải dệt thoi từ sợi tổng hợp stape và vải dệt kim.

Số liệu thống kê các năm gần đây cho thấy, mặc dù việc cung cấp vải cho may mặc xuất khẩu luôn là vấn đề quan tâm của Chính phủ và của doanh nghiệp cũng như sự quan tâm của doanh nghiệp FDI, nhưng kim ngạch nhập khẩu nguyên phụ liệu cho may vẫn tăng cùng với mức tăng của kim ngạch xuất khẩu cho thấy nguyên phụ liệu phụ thuộc lớn vào nhập khẩu. Đây cũng là khó khăn cho các doanh nghiệp dệt may trong việc đáp ứng các tiêu chí về quy tắc xuất xứ khi cam kết tự do hóa thương mại (EVFTA, CPTPP) được triển khai.

Nguồn cung cấp nguyên liệu dệt may chủ yếu cho Việt Nam là Trung Quốc (đại lục), Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Mỹ. Nếu như Mỹ là nguồn cung cấp bông xơ nguyên liệu chủ yếu trong những năm qua thì Trung Quốc (đại lục), Hàn Quốc và Đài Loan (Trung Quốc) là những nước/ vùng lãnh thổ cung cấp nguyên phụ liệu dệt may chính cho Việt Nam, trong đó Trung Quốc (đại lục) là nguồn cung cấp nguyên phụ liệu lớn nhất và ngày càng bỏ xa các nước còn lại. Tỷ lệ nội địa hóa của các doanh nghiệp dệt may mới đạt khoảng 40 - 45%. Vải sử dụng cho ngành phụ thuộc chủ yếu vào nhập khẩu. Ngành vải may của Việt Nam hiện nay đạt sản lượng khoảng 2,3 tỷ m<sup>2</sup>/năm, mới chỉ đáp ứng được khoảng 25% nhu cầu thị trường trong nước. Theo tính toán, để xuất khẩu 39 tỷ USD, ngành dệt may phải nhập khẩu 22,38 tỷ USD nguyên phụ liệu, giá trị gia tăng chỉ khoảng 17 tỷ USD. Khi xảy ra dịch bệnh, giao thương quốc tế bị ngưng trệ, nhiều doanh nghiệp khó khăn cả đầu vào, đầu ra, buộc cắt giảm lao động.

Về thời trang, hầu hết các doanh nghiệp dệt may Việt Nam làm gia công nên phụ thuộc hoàn toàn vào các mẫu mã, thiết kế của khách hàng, chưa chủ động được khâu thiết kế. Chỉ một số ít doanh nghiệp làm FOB hoặc ODM, OBM có thể chủ động về mẫu mã sản phẩm của mình. Về các sản phẩm trong ngành dệt may, cán cân thương mại của các sản phẩm thượng nguồn (nguyên liệu thô, sợi, vải) cho thấy từ năm 2008, sản xuất sợi bắt đầu khởi sắc khi có thặng dư thương mại, trong khi nguyên liệu thô thâm hụt ngày một tăng, và đặc biệt cán cân thương mại về vải thâm hụt ngày càng trầm trọng. Điều này cho thấy các mắt xích trong chuỗi sản xuất ngành dệt may Việt Nam chưa thực sự gắn kết với nhau, thiết kế thời trang chưa được coi trọng, chưa trở thành một mắt xích trong chuỗi dệt may trong nước, công nghiệp dệt may Việt Nam đang phụ thuộc lớn vào nguồn vải nhập khẩu từ nước ngoài, và đây là điểm bất lợi để tận dụng cơ hội từ các FTAs thế hệ mới.

Như vậy có thể thấy, dệt may có đóng quan trọng cho sự phát triển kinh tế của Việt Nam thể hiện qua sự gia tăng về số lượng doanh nghiệp trong lĩnh vực dệt may, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, duy trì vai trò đầu tàu trong xuất khẩu và thu hút đầu tư. Tuy nhiên, dệt may Việt Nam phát triển chưa thực sự bền vững do phụ thuộc nhiều vào chuỗi may mặc toàn cầu, vào nguyên liệu nhập



khẩu, đặc biệt là vải. Xuất khẩu dệt may Việt Nam đã có sự đa dạng về chủng loại, nhưng lại tiềm ẩn rủi ro về thị trường, do cả thị trường nhập khẩu và xuất khẩu đều tập trung vào một vài thị trường chủ yếu.

Do đó, đại dịch Covid-19 xảy ra đã khiến ngành dệt may gặp rất nhiều khó khăn. Tổng cầu dệt may thế giới năm 2020 sụt giảm mạnh. Năm 2019, kim ngạch nhập khẩu dệt may thế giới là 775 tỷ USD, do Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài, ước tổng kim ngạch nhập khẩu năm 2020 đạt 600 – 640 tỷ USD, giảm 15-20% so với 2019, thậm chí có thể giảm tới 25%. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) vừa qua đã công bố kết quả khảo sát 10 quốc gia chuyên sản xuất hàng dệt may. Theo đó, đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nặng nề đến chuỗi cung ứng, nhà máy và người lao động tại 10 quốc gia sản xuất hàng dệt may lớn nhất trong khu vực bao gồm: Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Myanmar, Bangladesh, Campuchia, Pakistan, Philippines và Sri Lanka.

Theo đó, xuất khẩu dệt may khu vực châu Á đã giảm 70% trong nửa đầu năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu là nhu cầu của người tiêu dùng giảm mạnh, các biện pháp giãn cách xã hội mà chính phủ các quốc gia đã áp dụng cũng như gián đoạn trong nhập khẩu nguyên liệu thô phục vụ cho hoạt động sản xuất.

Tính đến hết tháng 9/2020, gần một nửa số việc làm trong các chuỗi cung ứng dệt may đều phụ thuộc vào nhu cầu của các quốc gia đối tác lớn. Song, đây lại chính là các nước đang áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội.

Tại Việt Nam, nhu cầu chững lại do dịch Covid-19 khi người tiêu dùng trên thế giới chỉ quan tâm đến đồ dùng thiết yếu và phòng chống dịch bệnh, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam hiện chỉ nhận đơn hàng theo thông tin từng tháng, thậm chí từng tuần. Thực tế, các mặt hàng truyền thống, thế mạnh của nhiều doanh nghiệp may Việt Nam là veston, sơ mi cao cấp đơn hàng cuối năm ít

Chỉ số sản xuất của ngành dệt may đều tăng thấp hơn hoặc giảm so với cùng kỳ năm trước, trong đó: chỉ số sản xuất ngành dệt chỉ tăng 0,6% (cùng kỳ tăng 9,8%); chỉ số sản xuất trang phục giảm 4,4% (cùng kỳ tăng 8,4%). Trong bối cảnh tiêu thụ ngành dệt may toàn cầu suy giảm thì tiêu thụ của ngành dệt may Việt Nam cũng không ngoại lệ, chỉ số tiêu thụ của ngành dệt 9 tháng năm 2020 tăng 4,8% trong khi 9 tháng 2019 tăng 7,5%; chỉ số ngành sản xuất trang phục 9 tháng 2020 giảm 5,8%, trong khi 9 tháng năm 2019 tăng 7,5%

Lần đầu tiên tất cả các mặt hàng xuất khẩu của ngành dệt và ngành may mặc đều bị suy giảm. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam trong 9 tháng năm 2020 đạt 22,2 tỷ USD, giảm 9,9% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm 10,9% trong tổng trị giá xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam, giảm so với tỷ trọng 12,6% của cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu sang hầu hết các thị trường lớn, trong đó có Nhật Bản, Trung Quốc... vẫn chưa có nhiều cải thiện, ngoại trừ xuất khẩu sang Hoa Kỳ đã hồi phục tốt trong thời gian gần đây.

Tác động của dịch Covid-19 đến ngành dệt may Việt Nam có thể chia thành 4 giai đoạn:

Giai đoạn 1 từ khi khởi phát đến giữa tháng 3/2020, doanh nghiệp chỉ mới

quan ngại về nguồn cung nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc nhưng ảnh hưởng của dịch bệnh chưa thật rõ ràng. Doanh nghiệp vẫn có lượng hàng đã đặt từ trước, đơn hàng được chốt tới tháng 4 và tháng 5 của năm; một số doanh nghiệp còn ký được đơn hàng tới tháng 7 và tháng 8/2020.

Giai đoạn 2 từ 11/3/2020 - 22/4/2020 (thời gian Việt Nam thực hiện giãn cách xã hội) khi nguồn cung nguyên phụ liệu từ Trung Quốc có dấu hiệu phục hồi nhưng dịch bùng phát mạnh tại Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu (EU) là hai thị trường trường xuất khẩu lớn, chiếm 50% tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam. Điều này khiến nhu cầu mua bán hàng dệt may tại hai thị trường này sụt giảm đột ngột. Nguồn cầu dệt may bị cắt giảm đột ngột. Các nhãn hàng lớn nhỏ đồng loạt dừng hoặc cắt tất cả các đơn hàng và đóng cửa hệ thống bán lẻ. Trong khi đó, doanh nghiệp đã chi không ít tiền cho việc mua nguyên phụ liệu từ trước. Đây là giai đoạn khó khăn và doanh nghiệp dệt may chịu thiệt hại nặng nề nhất với 70% tỷ lệ doanh nghiệp phải cắt giảm việc ngay và 80% doanh nghiệp buộc phải cắt giảm lao động.

Giai đoạn 3, từ sau giãn cách xã hội đến nay, một số nhãn hàng bắt đầu đặt hàng trở lại; cá biệt xuất hiện nhu cầu tìm mua quần áo thời trang đã sản xuất nhưng chưa xuất khẩu được... Tuy nhiên, khoảng 80% doanh nghiệp vẫn rất khó khăn do không đủ việc làm. Thị trường đồ bảo hộ y tế sôi động nhưng đó không phải là thế mạnh của ngành dệt may. Ở thời điểm này, thị trường khẩu trang vải kháng khuẩn trong nước cũng đã bão hòa.

Giai đoạn 4, từ cuối tháng 7/2020, tình hình dịch bệnh trên thế giới diễn biến phức tạp, Việt Nam đã ghi nhận các ca nhiễm mới trong cộng đồng, xuất hiện ở nhiều tỉnh thành trên cả nước, trong đó có cả Hà Nội, các doanh nghiệp lại chuẩn bị phương án sản xuất khẩu trang vải, phục vụ nhu cầu thị trường, các đơn hàng quần áo có thể sẽ phải đối mặt với khó khăn do nhu cầu thị trường thế giới chững lại.

Việc thiếu đơn hàng khiến 30% công nhân ngành dệt may thiếu việc trong tháng 4, 70% lao động còn lại chỉ làm việc với khoảng 60% công suất; 50% thiếu việc trong tháng 5 với mức lương tối thiểu theo luật, bình quân 4,2 triệu đồng/tháng, có khoảng 600.000 lao động ngành dệt may sẽ bị thiếu hoặc mất việc trong 6 tháng cuối năm 2020 và thậm chí sang cả năm 2021. Tổng thiệt hại ước tính trên 5.000 tỷ đồng, cộng dồn với thiệt hại do tồn kho nguyên liệu mua trước, sản phẩm bị hoãn, hủy đơn hàng thì 6 tháng đầu năm 2020, toàn ngành dệt may đã mất từ 11.000 - 12.000 tỷ đồng. Đáng nói là con số này chưa dừng lại, tình hình dịch bệnh tiếp tục diễn biến khó lường, mỗi tháng ngành thiệt hại sẽ tiếp tục thêm khoảng 3.000 tỷ đồng.

Dù có nhiều kịch bản kết thúc dịch bệnh và phục hồi khác nhau của kinh tế thế giới nhưng dệt may Việt Nam vẫn được dự báo có 1 năm suy giảm kim ngạch xuất khẩu; với kịch bản xuất khẩu đạt khoảng 33-34 tỷ USD, giảm 15% so với năm 2019.

Bên cạnh đó, việc tìm kiếm các thị trường thay thế cho doanh nghiệp dệt may Việt Nam cũng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do cả thị trường nhập khẩu

và xuất khẩu đều tập trung vào một vài thị trường chủ yếu như nêu trên. Việc chuyển hướng vào thị trường nội địa gặp nhiều khó khăn vì đa số doanh nghiệp Việt Nam gia công xuất khẩu cho các thương hiệu nước ngoài, do đó các mẫu mã, nguyên liệu sử dụng nhằm để đáp ứng thị hiếu của nước ngoài, chưa phù hợp cho thị trường trong nước.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp dệt may đã và đang chuyển đổi quy trình sản xuất, chuyển đổi sản phẩm, thúc đẩy chuyển đổi nhanh kết cấu mặt hàng truyền thống sang mặt hàng có khả năng thích ứng nhanh. Đó là khi gặp khó đơn hàng với mặt hàng veston cao cấp, sơ mi cao cấp... thì chuyển sang đồ bảo hộ lao động, may đồ dệt kim, sơ mi truyền thống... đồng thời trong bối cảnh dịch Covid, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam đã linh hoạt chuyển sang sản xuất khẩu trang vải, đồ bảo hộ y tế... dù không nhiều nhưng cũng đã phần nào bù đắp sự sụt giảm của ngành dệt may trong nước và xuất khẩu.

Từ cuối quý II/2020, các thị trường xuất khẩu chính của ngành dệt may (Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Nhật Bản, châu Âu) đã nới lỏng chính sách giãn cách xã hội, nhu cầu tiêu dùng, mua sắm của người dân tăng dần. Xuất khẩu các chủng loại hàng may mặc của Việt Nam đã cải thiện dần. Trong đó, khẩu trang là một trong số mặt hàng chuyển dịch sản xuất, đem lại điểm sáng xuất khẩu cho Việt Nam mùa dịch.

**Bảng 5: Chủng loại hàng may mặc xuất khẩu chính của Việt Nam trong 9 tháng năm 2020**

Chủng loại	9 tháng năm 2020	So với 9 tháng/2019	Tỷ trọng xuất khẩu (%)	
	Trị giá (Nghìn USD)	(%)	9 tháng/2020	9 tháng/2019
Tổng	22.163.002	-9,91	100	100
Áo thun	4.149.172	-17,2	18,72	20,37
Áo Jacket	4.119.195	-14,09	18,59	19,49
Quần	3.770.847	-8,79	17,01	16,81
Quần áo trẻ em	1.555.672	-6,18	7,02	6,74
Vải	1.244.594	-13,74	5,62	5,86
Áo sơ mi	1.188.967	-7,41	5,36	5,22
Đồ lót	1.039.361	-11,75	4,69	4,79
Quần áo BHLĐ	974.222	125,08	4,4	1,76
Váy	861.087	-26,18	3,89	4,74
Quần Short	731.873	-0,99	3,3	3
Áo len	319.971	8,94	1,44	1,19
Găng tay	277.784	-2,57	1,25	1,16
Quần áo ngủ	219.313	9,43	0,99	0,81
Quần áo bơi	209.419	-14,42	0,94	0,99
Khăn bông	184.914	-14,04	0,83	0,87
Hàng may mặc	178.614	21,74	0,81	0,6
Quần áo Vest	176.598	-26,42	0,8	0,98

Chủng loại	9 tháng năm 2020	So với 9 tháng/2019	Tỷ trọng xuất khẩu (%)	
	Trị giá (Nghìn USD)	(%)	9 tháng/2020	9 tháng/2019
Bít tất	109.128	3,01	0,49	0,43
Quần Jean	100.879	18,17	0,46	0,35
Áo	91.828	-67,07	0,41	1,13
Màn	78.820	-7,89	0,36	0,35
PL may	63.663	-0,46	0,29	0,26
Áo Ghile	61.752	-24,68	0,28	0,33
Áo Kimono	27.892	-19,17	0,13	0,14
Áo ni	22.010	-31,37	0,1	0,13
Quần áo mưa	18.246	-13,66	0,08	0,09
Áo đạo hồi	18.022	-21,8	0,08	0,09
Quần	16.702	-76,9	0,08	0,29
Khăn	5.046	21,43	0,02	0,02
Áo gió	2.518	-43,03	0,01	0,02
Áo HQ	1.059	-11,87	0	0
Khăn bàn	917	-39,36	0	0,01
Caravat	721	-65,73	0	0,01

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, 2020*

**2. Da giày:** Cũng giống như ngành dệt may, ngành da giày luôn là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam ra thị trường thế giới trong nhiều năm gần đây. Chỉ số sản xuất công nghiệp ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan liên tục tăng trưởng trong giai đoạn 2016 -2019, lần lượt là 3,5%; 7,1%; 10,4%, 10%. Đến hết năm 2018, toàn ngành da-giày sử dụng khoảng 1,3 triệu lao động trực tiếp, tăng 10% so với năm 2010 (chưa kể số lao động tại các cơ sở sản xuất làng nghề), chiếm khoảng 9% lực lượng lao động công nghiệp cả nước và chiếm 17% trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Trong đó, sản xuất giày dép chiếm trên 87%; sản xuất da thuộc chiếm 0,65% và sản xuất cặp-túi-ví chiếm 12,34% tổng số lao động toàn ngành. Tỷ lệ lao động nữ trong ngành da-giày khoảng 75% (trong khi toàn ngành công nghiệp là 55-57%). Do đó, các doanh nghiệp da giày Việt Nam ngày càng chú trọng đến các vấn đề bình đẳng giới cho lao động nữ trong lĩnh vực này nhằm đảm bảo lợi ích, cơ hội phát triển cho đa số lực lượng lao động.

Hiện nay, đối với ngành da giày Việt Nam, nói chung do yếu kém trong khâu thiết kế, thiếu vốn mua nguyên phụ liệu nên số đông (tới 60 - 70%) các doanh nghiệp thực hiện phương thức sản xuất gia công thuần túy (CMT). Doanh nghiệp lệ thuộc vào khách hàng nước ngoài về thiết kế mẫu, nguồn cung nguyên phụ liệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Nhiều doanh nghiệp trong nước còn phụ thuộc vào công nghệ, thiết bị và quản lý sản xuất của khách hàng nhập khẩu. Doanh nghiệp Việt Nam chỉ tham gia hạn chế vào chuỗi giá trị sản phẩm da giày toàn cầu, chủ yếu sử dụng lao động giá rẻ thực hiện khâu cắt, may, dán sản phẩm. Có tới trên 70% - 80% các doanh nghiệp da giày đang sản xuất gia công hàng xuất khẩu cho các thương hiệu quốc tế. Do vậy khâu thiết kế, phát triển sản phẩm thường do người đặt hàng gia công (người mua/nhà nhập khẩu) là các chủ thương

hiệu, các tập đoàn bán lẻ thực hiện, họ ấn định số lượng đặt hàng và chỉ định loại và nguồn cung nguyên phụ liệu cần sử dụng để sản xuất.

Khoảng 30% số doanh nghiệp còn lại là các doanh nghiệp lớn trong nước và doanh nghiệp FDI thực hiện phương thức sản xuất OEM (FOB) tự tìm mua nguyên phụ liệu. Doanh nghiệp trong nước thường sản xuất OEM cho các đơn hàng nhỏ lẻ, hoặc xuất khẩu vào các thị trường ngách. Một số doanh nghiệp sản xuất theo phương thức ODM và một số ít doanh nghiệp sản xuất hàng mang thương hiệu của doanh nghiệp theo phương thức OBM (ví dụ BITI'S, BITAS...), chủ yếu tiêu thụ nội địa, hoặc xuất khẩu sang các nước lân cận (Trung Quốc, Lào, Campuchia, Myanmar).

Theo ước tính, tổng số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) sản xuất sản phẩm da giày tại Việt Nam chiếm 25% tổng số doanh nghiệp toàn ngành. Với quy mô sản xuất lớn và có thị trường đầu ra ổn định nên doanh nghiệp FDI đã chủ động tham gia chuỗi giá trị sản phẩm toàn cầu, hầu hết tự tìm nguồn cung nguyên phụ liệu để sản xuất ra sản phẩm cuối cùng và xuất khẩu theo phương thức OEM (FOB), chiếm tới 80% tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành.

Cũng giống như dệt may, ngành da giày phụ thuộc phần lớn vào nguyên liệu nhập khẩu. Nếu ước tính chi phí cho nguyên phụ liệu chiếm 70% chi phí sản xuất sản phẩm da giày, thì ước tính phần nguyên phụ liệu nhập khẩu chiếm 60% tổng chi phí để nhập khẩu nguyên phụ liệu. Đối với hàng da giày gia công xuất khẩu, Việt Nam lệ thuộc vào nguồn cung nguyên phụ liệu nhập khẩu do khách hàng nước ngoài chỉ định. Hầu hết giả da, da thuộc, vải chất lượng cao và phụ liệu làm hàng xuất khẩu đều phải nhập khẩu. Sản xuất da thuộc trong nước chỉ đáp ứng khoảng 30% nhu cầu, chủ yếu để sản xuất sản phẩm cho tiêu thụ nội địa.

Chính vì vậy, khi đại dịch Covid-19 xảy ra các doanh nghiệp sản xuất da giày cũng gặp khó khăn kếp từ cả hai phía thiếu hụt nguồn nguyên liệu nhập khẩu và xuất khẩu bị gián đoạn tại các thị trường xuất khẩu chính nhất là thị trường Mỹ, châu Âu. Chỉ số sản xuất da và các sản phẩm có liên quan 9 tháng năm giảm 3,8% so với cùng kỳ năm 2019 (trong khi cùng kỳ tăng 8,9%). Kim ngạch xuất khẩu giày dép các loại 9 tháng đầu năm chỉ đạt 12,08 tỷ USD, giảm 8,8% so với cùng kỳ năm 2019 (cùng kỳ tăng 13,5%). Tiêu thụ của ngành da giày Việt Nam năm 2020 cũng gặp khó khăn do Đại dịch Covid 19, nhu cầu tiêu dùng giảm, nếu như 3 tháng đầu năm 2020 chỉ số tiêu thụ của ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 9,5% thì đến 6 tháng chỉ số tiêu thụ giảm 5,6%, tuy nhiên bắt đầu từ tháng 8 khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực, các thị trường khác cũng bắt đầu khôi phục trở lại thì chỉ số tiêu thụ 9 tháng 2020 chỉ còn giảm 1,1%.

Từ nay đến cuối năm, dự báo đầu ra của ngành da giày sẽ tiếp tục gặp khó, bởi phụ thuộc nhiều vào khả năng khổng chế dịch của Mỹ và Châu Âu. Động lực lớn nhất cho tăng trưởng của ngành chính là Hiệp định thương mại tự do EVFTA có hiệu lực. Để có thể tận dụng cơ hội từ Hiệp định này nhằm gia tăng xuất khẩu, nhiều doanh nghiệp trong ngành đã lên phương án như tái cơ cấu bộ máy, sẵn sàng hạ tầng nhà xưởng, nguyên liệu nhằm đáp ứng theo các cam kết của Hiệp định.

**3. Ngành điện tử:** Hiện nay, tỷ lệ cung ứng linh phụ kiện nội địa trong ngành điện tử nhìn chung còn rất thấp, đặc biệt là ở các phân ngành điện tử kỹ thuật cao. Công nghiệp hỗ trợ cho điện tử gia dụng đã đáp ứng khoảng 30-35% nhu cầu linh phụ kiện trong nước, tuy nhiên điện tử tin học, viễn thông chỉ đạt 15%, điện tử chuyên dụng và các ngành công nghiệp công nghệ cao chỉ đạt 5%.

Tương tự như các ngành dệt may và da – giày, ngành điện tử trong 9 tháng đầu năm 2020 cũng bị ảnh hưởng bởi sự sụt giảm nhu cầu tiêu thụ tại thị trường châu Âu và Mỹ. Hiện nay, thị trường Mỹ và châu Âu lần lượt chiếm khoảng 17% và 24% kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng điện thoại và linh kiện và lần lượt khoảng 17% và 14% kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện của Việt Nam. 02 thị trường nêu trên chiếm khoảng hơn 50% giá trị xuất khẩu sản phẩm của Samsung Electronics Việt Nam (với thị trường Mỹ chiếm khoảng trên 20% và thị trường châu Âu chiếm khoảng trên 30%).

Doanh thu và sản lượng toàn cầu của Samsung dự báo sẽ giảm do ảnh hưởng chung của dịch bệnh đến ngành điện tử nói chung. Samsung Việt Nam cũng dự kiến giảm mục tiêu xuất khẩu xuống còn khoảng 45,5 tỷ USD trong năm 2020 (so với 51,38 tỷ USD năm 2019).

Hãng nghiên cứu thị trường Strategy Analytics Inc. đánh giá, doanh số smartphone toàn cầu năm 2020 có thể giảm 10% do tác động của dịch bệnh Covid-19 lan rộng sang Mỹ và châu Âu. Việc sụt giảm nhu cầu sử dụng sản phẩm điện tử trên thế giới sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường cũng như ngành sản xuất điện tử tại Việt Nam. Ở Việt Nam, chuỗi giá trị điện tử chịu tác động của tình trạng phong tỏa đối với các nhà cung cấp ở nước ngoài và gián đoạn dịch vụ kho vận, ảnh hưởng đến cả việc vận chuyển nguyên vật liệu thô và linh kiện điện tử - và phân phối sản phẩm cuối cùng đến tay người tiêu dùng.

Theo công ty nghiên cứu thị trường CCS Insight, mức tiêu thụ điện thoại năm 2020 được dự đoán sẽ giảm 13% (giảm 10,6% đối với điện thoại thông minh). Năm nay dự kiến sẽ là năm có doanh số thấp nhất kể từ năm 2010.

Ngành điện tử tiêu dùng/điện thoại/máy tính và linh kiện, chủ yếu phụ thuộc vào các doanh nghiệp quốc tế lớn gần đây đã chuyển các đơn vị sản xuất sang Việt Nam. Đối với các doanh nghiệp này, mức độ ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng Covid-19 dường như không nghiêm trọng như đối với ngành dệt may, da giày, tuy nhiên vẫn sẽ đối mặt với sự sụt giảm từ 10 đến 20% trong đơn đặt hàng của họ cho năm 2020 so với mức sụt giảm 30 đến 40% đối với các công ty dệt may.

Do đó, ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính, sản phẩm quang học tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng. Tăng trưởng chỉ số sản xuất công nghiệp IIP của ngành 9 tháng duy trì đà tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước. Kim ngạch xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện ước đạt 32,2 tỷ USD (tăng 25,9% so với cùng kỳ năm trước). Tuy vậy, so với cùng kỳ năm trước thì tiêu thụ của ngành hàng này cũng bị sụt giảm, chỉ số tiêu thụ 9 tháng năm 2020 giảm 13,1% (cùng kỳ năm 2019 giảm 0,2%)

**Bảng 6: Chỉ số sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học**

<b>Tên ngành</b>	<b>Tháng 9/2020 so với tháng trước (%) (tháng 8/2020=100)</b>	<b>Tháng 9/2020 so với tháng 9/2019 (%) (tháng 9/2019=100)</b>	<b>9T/2020 so với 9T/2019 (%) (9T/2019=100)</b>
<b>Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học</b>	101,8	107,7	108,6
Sản xuất linh kiện điện tử	100,0	106,0	106,8
Sản xuất thiết bị truyền thông	102,5	106,1	108,9
Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	99,5	128,8	104,7

*Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2020*

Một tác động chính mà cuộc khủng hoảng Covid-19 gây ra là đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực sản xuất điện tử tiêu dùng bị chậm lại. Hầu hết các kế hoạch mở rộng đã bị đình chỉ hoặc dừng lại kể từ khi dịch bùng phát. Mức vốn FDI thấp hơn dự kiến trong phần còn lại của năm 2020 có thể gây áp lực ngắn hạn đáng kể cho kinh tế Việt Nam.

**PHẦN HAI: CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC  
ĐỘNG CỦA DỊCH COVID-19 TẠI MỘT SỐ NƯỚC  
VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM**



# I. CÁC BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ VỚI KHỦNG HOẢNG KINH TẾ VÀ DỊCH COVID-19 TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

Do dịch diễn biến nhanh, lan rộng trên toàn cầu, tác động sâu sắc tới kinh tế, chính trị, xã hội, nhiều nước đã triển khai các biện pháp ứng phó mạnh mẽ, trong đó có các chính sách, biện pháp kích thích kinh tế mạnh nhất kể từ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2009.

## 1.1. Nhóm biện pháp kinh tế vĩ mô

Trước những diễn biến phức tạp của dịch bệnh, các quốc gia phát triển và mới nổi đã áp dụng một loạt các chính sách tài khóa và tiền tệ để thúc đẩy nền kinh tế. Mặc dù các quốc gia khác nhau có những chính sách với quy mô thực hiện chính sách khác nhau nhưng đều tập trung chủ yếu vào chính sách thuế (cắt giảm thuế, hoãn thuế) và hỗ trợ thu nhập... Cụ thể, về các chính sách tại một số quốc gia phát triển và các quốc gia đang phát triển đang áp dụng nhằm ứng phó với đại dịch Covid -19 như sau:

### 1.1.1. Về chính sách tài khóa

Nhằm ứng phó với đại dịch Covid -19, Chính phủ các quốc gia trên thế giới đều dành những khoản chi để duy trì và thúc đẩy các nền kinh tế phát triển, đồng thời thông qua các gói kích thích tài khóa nhằm hỗ trợ thanh khoản cho các tập đoàn lớn, hỗ trợ tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ...

**Bảng 7. Chính sách tài khóa triển khai tại một số quốc gia nhằm ứng phó với đại dịch Covid -19**

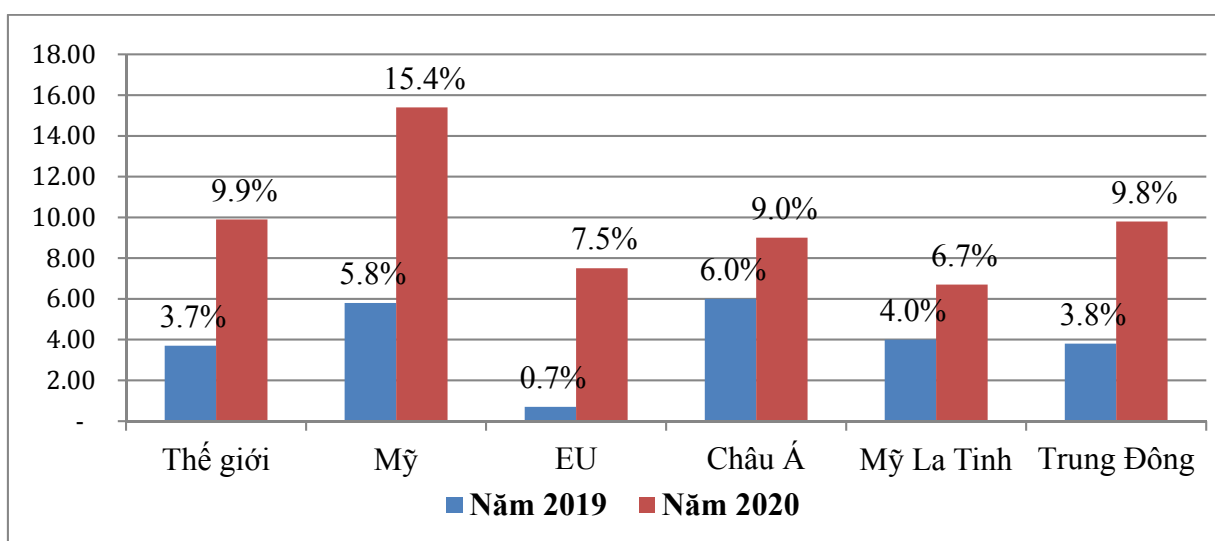
Quốc gia	Mỹ	Nhật Bản	Đức	Pháp	Trung Quốc	Mêxico	Hàn Quốc	Nga
<b>1. Chính sách y tế</b>								
	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>2. Chính sách hỗ trợ hộ gia đình</b>								
Hỗ trợ tiền và hiện vật	X	X	X	X	X		X	X
Trợ cấp thất nghiệp, đau ốm	X	X	X	X	X		X	X
Hỗ trợ lương	X	X	X	X	X		X	X
Cắt giảm thuế	X	X	X	X	X		X	X
Hoãn thu thuế	X	X	X			X	X	X
<b>3. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp</b>								
Hoãn thu thuế	X	X	X	X	X	X	X	X
Hỗ trợ thanh khoản	X	X	X	X	X	X	X	X
Giảm thuế	X	X	X		X		X	X

*Nguồn: Báo cáo kinh tế 2020, Ngân hàng thanh toán quốc tế (BIS) dựa trên dữ liệu thu thập từ Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển doanh nghiệp (OECD).*

Theo ước tính của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), chi tiêu Chính phủ để duy trì hoạt động của nền kinh tế tính toán đến tháng 5/2020 là 5,4 nghìn tỷ USD, cộng với các khoản nợ, khoản tiền bơm vốn cho nền kinh tế đạt tổng cộng khoảng 11 nghìn tỷ USD. Tổng số nợ vay trên toàn cầu tăng từ 3,9% GDP năm 2019 lên 13,9% năm 2020. Theo ước tính, số dư tài khoản của thế giới tăng từ 3,7% năm 2019 lên khoảng 9,9% năm 2020; của Mỹ tăng từ 5,8% năm 2019 lên khoảng 15,4% năm 2020; EU tăng từ 0,7% năm 2019 lên khoảng 7,5% năm 2020; châu Á tăng từ 6% năm 2019 lên khoảng 9,0% năm 2020; khu vực Mỹ La Tinh tăng từ 4% năm 2019 lên khoảng 6,7% năm 2020; khu vực Trung Đông tăng từ 3,7% năm 2019 lên khoảng 9,9% năm 2020...

**Hình 8. Số dư tài khoản của thế giới và một số quốc gia năm 2019 và 2020**

*Đơn vị tính: %GDP*



*Nguồn: Triển vọng Kinh tế thế giới, IMF, 6/2020*

Ngoài ra, các công cụ tài khóa khác vẫn được duy trì: (i) Tăng chi tiêu công trực tiếp cho phòng chống dịch (hỗ trợ y tế, kiểm dịch, nghiên cứu vắc-xin...) và an sinh xã hội; (ii) Miễn giảm thuế cho một số ngành, lĩnh vực đang chịu tác động trực tiếp, nhất là du lịch, hàng không, doanh nghiệp nhỏ và vừa...

### **1.1.2. Về chính sách tiền tệ**

Nhằm ngăn đà suy thoái kinh tế, nhiều tổ chức quốc tế và nhiều nước đã tăng cường sử dụng công cụ tiền tệ để bình ổn tâm lý thị trường, duy trì thanh khoản trong nền kinh tế.

- *Kích thích tiền tệ, bơm tiền vào thị trường tài chính – tiền tệ để duy trì, ổn định thanh khoản.* Ở cấp độ quốc tế, Ngân hàng Thế giới (WB) đưa ra gói cứu trợ khẩn cấp trị giá 12 tỷ USD hỗ trợ các nước chịu thiệt hại nặng bởi dịch Covid-19. Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) đã công bố gói hỗ trợ 50 tỷ USD, chủ yếu là vay không lãi suất dành cho các nước có thu nhập thấp, các nền kinh tế đang nổi. Ở cấp độ khu vực, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) liên tiếp đưa ra các gói kích thích lớn trị giá 120 tỷ Euro (135 tỷ USD) cho các ngân hàng gặp khó khăn và 750 tỷ

Euro (tương đương 6% GDP của khu vực đồng Euro) mua trái phiếu chính phủ. **Ngân hàng phát triển châu Á** (ADB) cũng đưa ra gói cứu trợ 6,5 tỷ USD đáp ứng nhu cầu cấp thiết của các nước đang phát triển chống dịch Covid-19. Trung Quốc phát hành 2,5-2,8 nghìn tỷ NDT trái phiếu đặc biệt (358-401 tỷ USD) nhằm thúc đẩy đầu tư cơ sở hạ tầng...

- *Giảm lãi suất cơ bản và lãi suất cho vay*: Trong số các ngân hàng Trung ương tại các quốc gia, Cục dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã thực hiện những biện pháp chưa có tiền lệ kể từ cuộc khủng hoảng toàn cầu năm 2008 - 2009 để đối phó với ảnh hưởng của dịch Covid -19 đến nền kinh tế: trong đó, biện pháp nổi bật được áp dụng là hai lần liên tiếp cắt giảm mạnh lãi suất cơ bản trong vòng chưa đầy 2 tuần<sup>15</sup>, cùng với đó là tăng dự trữ bắt buộc, áp dụng cơ chế cho vay và tài trợ vốn mới, các biện pháp phòng vệ rủi ro giao dịch ngoại hối, nới lỏng “bộ đệm vốn” (mức vốn tối thiểu đảm bảo khả năng tài chính cho doanh nghiệp)...

Để nhanh chóng đưa ra những biện pháp ứng phó với đại dịch toàn cầu, Bộ trưởng tài chính nhóm các nước G7 và các Ngân hàng Trung ương thế giới đã sử dụng tất cả những công cụ phù hợp nhất để triển khai nhằm đối phó với Covid-19. Hầu hết các Ngân hàng Trung ương đều hạ lãi suất và tăng thanh khoản trong hệ thống tài chính thông qua sử dụng các biện pháp kết hợp như: giảm dự trữ bắt buộc, nới lỏng điều kiện cho vay tín dụng, đơn giản hoá điều khoản cho vay...

Chính phủ một số quốc gia phát triển và đang phát triển cũng đã áp dụng những biện pháp tài khoá khác nhau để duy trì hoạt động kinh tế, bao gồm kéo dài thời hạn thuế, mở rộng bảo hiểm thất nghiệp và tăng bảo lãnh cho vay đối với các doanh nghiệp...

**Bảng 8. Chính sách tiền tệ được sử dụng để ứng phó với dịch Covid -19 của một số quốc gia**

Công cụ	Nội dung	Quốc gia										
		Mỹ	Nhật Bản	EU	Anh	Úc	Trung Quốc	Mêxico	Hàn Quốc	Brazil	Thái Lan	
Lãi suất	Cắt giảm	x			x	x	x	x	x	x	x	x
Thanh khoản	Cung cấp thanh khoản	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Mua bán tài sản tài chính	Trái phiếu chính phủ	x	x	x	x	x				x		x
	Giấy tờ có giá	x	x	x	x					x		
	Trái phiếu doanh nghiệp	x	x	x	x					x		
	Chứng khoán tư nhân khác		x	x						x		
Ngoại hối (FX)	Hạn mức tín dụng chéo USD		x	x	x	x		x	x	x		

<sup>15</sup> Ngày 02/3/2020, FED giảm lãi suất khẩn cấp đến 0,5 điểm % (giảm mạnh nhất kể từ tháng 12/2018) và lần thứ hai vào ngày 15/3/2020 xuống mức 0-0,25%

Công cụ	Nội dung	Quốc gia									
		Mỹ	Nhật Bản	EU	Anh	Úc	Trung Quốc	Mêxico	Hàn Quốc	Brazil	Thái Lan
	Can thiệp thị trường FX							x	x	x	
Chính sách điều tiết thận trọng	Bộ đệm vốn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
	Dự trữ thanh khoản	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	Hạn mức chi			x	x	x		x	x	x	x
	Cấm đầu cơ, thao túng		x	x	x	x	x	x	x	x	x

*Nguồn: Báo cáo kinh tế thường niên 2020, Ngân hàng thanh toán quốc tế Mỹ*

## 1.2. Nhóm biện pháp hỗ trợ ngành hàng, doanh nghiệp

- *Cung cấp tín dụng, bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp* nhằm hạn chế tối đa nguy cơ phá sản lan rộng. Các nước châu Âu (Đức, Pháp, Anh, Ý, Tây Ban Nha...) đồng loạt áp dụng các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp, bảo vệ người lao động. Đức cung cấp tín dụng không giới hạn cho doanh nghiệp. Pháp bảo lãnh vay ngân hàng cho doanh nghiệp trị giá 300 tỷ Euro. Tây Ban Nha công bố gói tài chính 220 tỷ USD (tương đương khoảng 20% GDP) gồm bảo lãnh tín dụng cho các công ty, bảo vệ người lao động và các tổ chức bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Thụy Sĩ chi 10 tỷ CHF (10,6 tỷ USD) giúp đỡ khẩn cấp cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng của dịch bệnh. Nhật Bản cấp 500 tỷ Yên khoản vay không lãi suất cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- *Miễn, giảm thuế, hoãn nộp thuế, giá dịch vụ để hỗ trợ*, chia sẻ thiệt hại với doanh nghiệp chịu tác động trực tiếp của dịch Covid-19, nhất là du lịch, hàng không, xuất khẩu. Trong đó, các nước châu Âu như Đức, Anh, Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Hồng Kông cắt giảm 100% thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm 2019-2020; Malaysia miễn thuế dịch vụ 6% cho khách sạn...

- *Bảo lãnh khoản vay, cho phép chậm trả các khoản nợ ngân hàng* nhằm hạn chế phá sản, bảo đảm quyền lợi của người lao động. Trong đó: Ý, Pháp cho phép chính phủ bảo lãnh cho các công ty để hoãn các khoản nợ vay ngân hàng và cung cấp gói tài chính cho các doanh nghiệp để trả lương nhân viên trong giai đoạn sản xuất bị gián đoạn. Anh thiết lập gói hỗ trợ 330 tỷ bảng Anh để bảo lãnh khoản vay cho các doanh nghiệp lớn.

## 1.3. Nhóm biện pháp an sinh xã hội

Song song các biện pháp hỗ trợ phát triển kinh tế, các nước cũng đã và đang tập trung hỗ trợ lao động, người dân và khu vực bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 để ổn định xã hội. Mỹ lùi thời gian nộp thuế 90 ngày cho người dân và hỗ trợ mỗi công dân Mỹ trên 18 tuổi có thu nhập dưới 75.000 USD/năm sẽ nhận được 1.200 USD (vừa ổn định xã hội vừa đáp ứng mục tiêu tranh cử). Trung Quốc cung cấp các khoản vay tài chính để phục vụ sản xuất, vay tiêu dùng của các hộ nghèo, cho vay sinh viên, hộ cá thể, các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Anh hoãn trả nợ ba

tháng đối với các khoản vay thế chấp của các hộ gia đình. Đức hoàn trả tiền bảo hiểm xã hội với người lao động bị ảnh hưởng, phân bổ 50 triệu Euro để sơ tán công dân tại các nước. Pháp dành khoản ngân sách 45 tỷ Euro trả lương cho công nhân tạm thời bị sa thải và hoãn nộp thuế doanh nghiệp. Italia phát 500 Euro/người cho người làm nghề tự do, trợ cấp cho những người hiện đang hỗ trợ chính phủ trong công tác chống dịch. Áo bổ sung kinh phí dành cho mua sắm thiết bị y tế, an sinh xã hội. Singapore cho 6,4 tỷ SGD cho công tác phòng chống, kiểm soát dịch bệnh và hỗ trợ các doanh nghiệp chi trả lương, trợ cấp chi phí sinh hoạt cho các gia đình, đặc biệt là các gia đình thu nhập thấp. Philippin cung cấp bảo hiểm thất nghiệp tương đương 50% lương trung bình hàng tháng, tối đa 2 tháng. Campuchia miễn tiền bảo hiểm chế độ rủi ro và sức khỏe trong thời gian ngừng sản xuất, hỗ trợ 20% mức lương tối thiểu cho các công nhân làm việc tại các nhà máy đóng cửa theo hình thức đào tạo ngắn ngày từ 1-2 tuần. Nhiều quốc gia cũng đầu tư nguồn lực nghiên cứu vắc-xin phòng bệnh, phát triển bộ kit thử nhanh và thuốc điều trị.

## **II. PHẢN ỨNG CHÍNH SÁCH CỦA VIỆT NAM ỨNG PHÓ VỚI KHỦNG HOẢNG KINH TẾ DO ĐẠI DỊCH COVID-19**

Từ năm 2000 đến nay, cùng với thế giới, Việt Nam đã trải qua 3 lần đại dịch gồm: Dịch SARS (năm 2003), H5N1 (năm 2009) và Covid-19 (năm 2019). Các lần đại dịch này đều có tác động không nhỏ đến kinh tế, xã hội, thu nhập, việc làm... của các quốc gia. Tại Việt Nam, so với tác động của dịch SARS năm 2003 và H5N1 năm 2009, dịch Covid-19 có quy mô lớn hơn rất nhiều, ảnh hưởng mạnh lên các lĩnh vực của nền kinh tế - xã hội.

Là một trong những nước ASEAN đầu tiên bị ảnh hưởng bởi đại dịch, Việt Nam đã đánh giá đúng tình hình, có chủ trương đứng đắn, triển khai kịp thời nhiều biện pháp quyết liệt, đồng bộ, huy động sự vào cuộc của toàn hệ thống chính trị, sự tham gia của toàn dân, nhờ đó đã ngăn chặn hiệu quả sự lây lan của dịch bệnh, điều trị tích cực cho người bị nhiễm, đồng thời nỗ lực duy trì sự ổn định của nền kinh tế và đời sống xã hội.

Chính phủ Việt Nam đã và đang áp dụng nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân chịu ảnh hưởng của đại dịch thông qua đưa ra các gói kích thích tài khóa, như: Gói hỗ trợ về tiền tệ (khoảng 300.000 tỷ đồng); Gói hỗ trợ giảm thuế và tiền thuê đất (khoảng 180.000 tỷ đồng); Gói hỗ trợ an sinh xã hội (trên 62.000 tỷ đồng); Gói hỗ trợ giá điện (khoảng 11.000 tỷ đồng); Gói hỗ trợ giá viễn thông (khoảng 15.000 tỷ đồng); Miễn giảm khoảng 20.000 tỷ đồng các loại thuế, phí, lệ phí cho doanh nghiệp, người dân; Hoãn đóng bảo hiểm xã hội trị giá 9.500 tỷ đồng.

Tính tổng thể quy mô gói kích thích tài khóa của Việt Nam tương đương 4,3% GDP và xấp xỉ các nền kinh tế mới nổi khác cũng như các quốc gia đang phát triển trong khu vực. Trọng tâm và lộ trình các gói hỗ trợ được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như: hỗ trợ an sinh xã hội, hỗ trợ tài khóa và hỗ trợ tín dụng; tập trung thực hiện các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp với những biện pháp cụ thể

như sau:

(i) Gói chính sách tiền tệ - tín dụng nhằm cơ cấu lại, giãn - hoãn nợ và xem xét giảm lãi đối với tổng dư nợ của các đối tượng chịu ảnh hưởng do Covid - 19.

(ii) Gói cho vay mới, tổng hạn mức khoảng 300.000 tỷ đồng với lãi suất ưu đãi hơn tín dụng thông thường từ 1% - 2,5%/năm.

(iii) Gói tài khóa (giãn thuế, hoãn thuế và tiền thuê đất, giảm một số thuế, phí) với tổng giá trị khoảng 180.000 tỷ đồng.

(iv) Gói an sinh xã hội 62.000 tỷ đồng cho khoảng hơn 20 triệu lao động và đối tượng yếu thế.

**Bảng 9: Quy mô các gói kích thích kinh tế của Việt Nam**

Gói kích thích	Giá trị (1000 tỷ đồng)	Tỷ lệ/GDP (%)*	Tỷ lệ/Thu ngân sách (%)*	Tỷ lệ/Mức thâm hụt ngân sách (%)*
Giảm thuế và tiền thuê đất	180	3,0	11,7	88
Hoãn đóng bảo hiểm xã hội	9,5	0,16	0,6	5
Chi hỗ trợ an sinh	62	1	4	30
Giảm tiền điện	11	0,18	0,7	5

Ghi chú: \* Các chỉ tiêu so với số liệu năm 2019

## 2.1. Các giải pháp, chính sách đã ban hành

### 2.1.1. Giải pháp chung

(1) Để hỗ trợ nền kinh tế, chia sẻ gánh nặng và khó khăn với người dân, doanh nghiệp trong các lĩnh vực ngay khi dịch bắt đầu, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020, chỉ đạo các bộ, ngành địa phương thực hiện ngay 07 nhóm nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, hướng tới các đối tượng là doanh nghiệp, người lao động bị mất việc làm có hoàn cảnh khó khăn, bị ảnh hưởng góp phần tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội.

Các ngành ngân hàng, tài chính, công thương, giao thông vận tải... đã kịp thời triển khai các giải pháp như giảm lãi suất, cơ cấu lại nợ, miễn giảm phí dịch vụ, thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi; gia hạn, giãn, hoãn các khoản phải nộp của doanh nghiệp về thuế, tiền thuê đất; cắt giảm chi phí cho các doanh nghiệp; giảm giá điện, giá xăng dầu, giá dịch vụ...

(2) Để hỗ trợ giảm chi phí và áp lực tài chính ngắn hạn cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 cho phép gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất cho các đối tượng là doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh trong một số ngành

ngành chịu tác động trực tiếp của dịch Covid-19, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Quốc hội cũng thông qua Nghị quyết số 107/2020/QH14 về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

(3) Về an sinh xã hội, lao động việc làm, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, tập trung vào các chính sách hỗ trợ trực tiếp hoặc cho vay ưu đãi hướng tới đối tượng bị giảm sâu thu nhập, mất, thiếu việc làm, gặp khó khăn, không đảm bảo mức sống tối thiểu, chịu ảnh hưởng của dịch và hỗ trợ thêm cho một số nhóm đối tượng đang hưởng chính sách ưu đãi, bảo trợ xã hội trong thời gian có dịch.

Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam có văn bản đồng ý cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (doanh nghiệp có số lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội phải tạm thời nghỉ việc từ 50% trong tổng số lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên) được lùi thời điểm đóng phí công đoàn 6 tháng đầu năm 2020 đến ngày 30/6/2020. Nếu sau thời điểm này, dịch Covid-19 chưa thuyên giảm và doanh nghiệp còn tiếp tục khó khăn thì thời gian được lùi đến 31/12/2020.

(4) Để đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư công lớn, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 41/NQ-CP cho phép chuyển đổi hình thức đầu tư một số dự án cấp bách, triển khai ngay trong năm 2020, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế. Quốc hội cũng đã thông qua Nghị quyết số 117/2020/QH14 cho phép chuyển đổi từ đầu tư theo phương thức đối tác công tư sử dụng một phần vốn ngân sách nhà nước sang đầu tư công sử dụng toàn bộ vốn ngân sách nhà nước đối với 03 dự án thành phần thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020. Bộ Tài chính đã triển khai các giải pháp đảm bảo tài chính cho các dự án đầu tư công trong năm 2020: ưu tiên các dự án có tiến độ giải ngân tốt, kịp thời xử lý các điểm nghẽn đối với đầu tư công (đặc biệt khâu giải phóng mặt bằng), kiến nghị trình Quốc hội cho hủy bỏ vốn đầu tư công chưa giải ngân hết năm 2020 để giảm bội chi NSNN...

(5) Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 77-KL/TW ngày 05/6/2020 về chủ trương khắc phục tác động của đại dịch Covid-19 để phục hồi và phát triển nền kinh tế đất nước. Những giải pháp đề ra vừa mang tính cấp bách vừa mang tính căn cơ để hạn chế tối đa ảnh hưởng dịch bệnh, kịp thời tận dụng các cơ hội nhằm thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi và cơ cấu lại nền kinh tế phù hợp với xu thế mới, tình hình mới và cơ hội mới trong năm 2020 và những năm tiếp theo.

(6) Chính phủ ban hành Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19, với mục tiêu duy trì đà tăng trưởng của nền kinh tế, phấn đấu thực hiện cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã được Quốc hội đề ra. Chính phủ trình Quốc hội thông qua Nghị quyết số 116/2020/QH ngày 19/6/2020 giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và các tổ chức khác có tổng doanh thu

năm 2020 không quá 200 tỷ đồng. Chính phủ đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Nghị quyết số 979/2020/NQ-UBTVQH giảm 30% thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay từ ngày 01/8/2020 đến ngày 31/12/2020.

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 về việc giảm tiền thuê đất của năm 2020 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020.

### **2.1.2. Giải pháp đối với lĩnh vực công nghiệp và thương mại**

Trước diễn biến nhanh và phức tạp của dịch Covid-19, dưới sự chỉ đạo chung của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo quốc gia phòng chống dịch, Bộ Công Thương cũng đã chủ động tổ chức triển khai một cách quyết liệt, đồng bộ và liên tục các giải pháp từ rất sớm với 2 trọng tâm chính là: (i) Tham gia phòng chống, kiểm soát dịch bệnh; (ii) Tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

**\* Về khơi thông xuất khẩu:** Ngay khi dịch bệnh Covid-19 bắt đầu có diễn biến phức tạp và có khả năng tác động bất lợi đến xuất nhập khẩu, để giảm thiểu mọi thiệt hại cho doanh nghiệp và người nông dân khi diễn biến phát sinh khó khăn trước mắt, Bộ Công Thương đã triển khai rất nhiều các giải pháp nhằm hỗ trợ các ngành hàng, các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, khơi thông xuất khẩu, tìm kiếm thị trường thay thế, kết nối tiêu thụ hàng hóa trong nước... Tập trung xử lý tốt các vấn đề ở các khu vực thị trường lớn, đặc biệt là với Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU. Chỉ đạo hệ thống Thương vụ Việt Nam tại các quốc gia và vùng lãnh thổ chủ động kết nối giao thương, xúc tiến thương mại qua hình thức trực tuyến, hỗ trợ tìm kiếm đầu ra cho các mặt hàng nông sản, trái cây nói riêng và các mặt hàng khác nói chung nhằm hỗ trợ tăng cường tiêu thụ và xuất khẩu trong bối cảnh khó khăn do tác động của dịch Covid-19. Trong đó: Với thị trường EU: tập trung cao vào công tác triển khai thực thi EVFTA để khai thác có hiệu quả lợi ích từ Hiệp định này đem lại; đối với thị trường Trung Quốc: tiếp tục tập trung xử lý tốt vấn đề về truy xuất nguồn gốc và bảo đảm chất lượng sản phẩm nông sản của Việt Nam bảo đảm đáp ứng yêu cầu của phía Trung Quốc; Đối với các khu vực thị trường khác: Một mặt, tập trung theo hướng khai thác các sản phẩm mà họ đang cần để phòng chống dịch bệnh và phục vụ nhu cầu thiết yếu. Mặt khác, Bộ Công Thương đã có chỉ đạo hệ thống Thương vụ Việt Nam ở các nước đề rà soát, nắm chắc tình hình và lên phương án nhằm thúc đẩy xuất khẩu sang thị trường các nước trong giai đoạn sau khi dịch bệnh kết thúc.

**\* Kích cầu tiêu dùng nội địa, kết nối tiêu thụ hàng hóa trên thị trường trong nước, bảo đảm cung ứng hàng hóa thiết yếu phục vụ người dân.** Tổ chức làm việc với các đơn vị/hệ thống phân phối lớn để giúp tiêu thụ nông sản cho nông dân, theo đó các hệ thống siêu thị lớn đồng loạt triển khai chương trình hỗ trợ tiêu thụ nông sản. Các hệ thống phân phối trong nước như Big C, Lotte, Coopmart... đã làm việc với các nhà cung cấp để tăng lượng bán và mở các đợt bán hàng cao điểm cho các mặt hàng như thanh long, dưa hấu trong hệ thống của mình; Bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa phục vụ phòng chống dịch và hàng hóa phục vụ đời sống hàng ngày của người dân.



Bộ Công Thương đã tổ chức Tháng khuyến mại tập trung quốc gia 2020 - Vietnam Grand Sale 2020; Tổ chức các hoạt động truyền thông nhằm tuyên truyền, quảng bá hàng Việt Nam của các doanh nghiệp Việt Nam; quảng bá các sản phẩm thực phẩm an toàn của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thông qua các hoạt động truyền thông về an toàn thực phẩm; Tổ chức các hoạt động kết nối trực tiếp, nhằm đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa, kích cầu tiêu dùng giữa đơn vị sản xuất với nhà phân phối và người tiêu dùng; giữa các đơn vị sản xuất với nhau; Tổ chức Chương trình nhận diện hàng Việt Nam thường niên trên quy mô toàn quốc với tên gọi “Tự hào hàng Việt Nam”; các hội chợ, triển lãm để quảng bá các sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng Việt Nam tới người tiêu dùng.

**\* Tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất công nghiệp:** ngoài các nhóm giải pháp chung như đã nêu ở trên, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 06/8/2020 về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ. Theo đó, đề nghị các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung triển khai thực hiện, qua đó tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách liên quan đến công nghiệp hỗ trợ; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thu hút, đón dòng vốn đầu tư và làn sóng dịch chuyển sản xuất của các công ty đa quốc gia; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo phát triển nâng cao năng lực cạnh tranh. Khuyến khích các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất các nguyên phụ liệu đầu vào cho một số ngành công nghiệp như dệt may, da – giày (là các ngành phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên phụ liệu nhập khẩu) tăng cường sản xuất, kết nối với các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh (đặc biệt là các doanh nghiệp FDI) để đáp ứng một phần nhu cầu nội địa. Hiện nay, một số doanh nghiệp FDI đa quốc gia (như Samsung, Toyota...) đang phối hợp với Bộ Công Thương tăng cường tìm kiếm các doanh nghiệp sản xuất nguyên vật liệu, linh phụ kiện trong nước đủ khả năng sản xuất thay thế nguồn nhập khẩu trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn...

---

## 2.2. Kết quả đạt được

Nhờ có sự nỗ lực, chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị và tầng lớp nhân dân, Việt Nam đã cơ bản ngăn chặn và ứng phó hiệu quả với hệ lụy của đại dịch Covid-19, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao, là một trong số ít nước thành công nhất trong phòng chống dịch Covid-19 với chi phí thấp. Các chính sách được tiến hành thận trọng, căn cứ vào diễn biến của dịch bệnh nên không tạo ra áp lực lớn cho ngân sách nhà nước và đảm bảo để lại dư địa chính sách cho việc thực hiện chính sách trong tương lai.

Việt Nam đã tạo dựng được niềm tin của người dân, doanh nghiệp đối với công tác phòng chống dịch, đặc biệt trên phương diện điều hành gắn với “*mục tiêu kép*”. Các hoạt động truyền thông về đại dịch Covid-19, các kịch bản và giải pháp điều hành của Chính phủ được thực hiện một cách minh bạch, đa dạng và thường xuyên, gắn với tham vấn chính sách trên diện rộng. Nhân dân đã thể hiện

sự bình tĩnh, đồng tình, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước; sự chủ động của chính quyền các cấp trong phòng, chống dịch, đoàn kết, chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau vượt qua khó khăn.

Kết quả phòng chống dịch của Việt Nam là minh chứng sinh động cho sức mạnh của sự đoàn kết toàn dân, qua đó củng cố, bồi đắp niềm tin của nhân dân với Đảng, Chính phủ, tạo hình ảnh đẹp của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.

Các chủ trương, chính sách ứng phó với đại dịch Covid-19, bảo đảm an sinh xã hội, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh và hỗ trợ phục hồi kinh tế của Chính phủ đến nay là tương đối toàn diện, có mục đích cụ thể và đúng đối tượng. Tuy nhiên, bản chất tác động của dịch Covid-19 dẫn đến suy giảm mạnh và đột ngột của tổng cầu cả trong và ngoài nước, do đó nhìn chung hiệu quả của chính sách nhất là chính sách tiền tệ còn bị hạn chế do động lực vay vốn để mở rộng, tiếp tục sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bị giảm nhiều. Một số chủ trương, chính sách hỗ trợ kinh tế, an sinh xã hội được ban hành cần tiếp tục được nghiên cứu gia hạn, sửa đổi, bổ sung những giải pháp đủ mạnh, đủ lớn, phù hợp và nhanh chóng để tiếp tục tháo gỡ khó khăn, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, hỗ trợ nền kinh tế phục hồi và tăng trưởng.

### **III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM**

Có thể nói, đại dịch Covid-19 đã và đang tác động sâu sắc và nhiều mặt đến kinh tế, chính trị, xã hội của nhiều quốc gia trên thế giới. Có lẽ đến nay hiếm có “cú sốc” nào có phạm vi tác động rộng cả về địa lý, lĩnh vực, sức khỏe con người như dịch Covid-19. Các nước đã và đang lên kế hoạch và/hoặc triển khai đồng loạt nhiều biện pháp ứng phó với dịch Covid-19 cũng như giảm thiểu tác động của dịch bệnh này để phục hồi và phát triển. Biện pháp kích thích kinh tế ở nhiều nước có tính chất mạnh và quy mô lớn nhất từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2009 đến nay, thậm chí một số biện pháp về tiền tệ còn mạnh hơn. Qua theo dõi, tổng hợp biện pháp của các nước về ứng phó và giảm thiểu tác động của dịch Covid-19, có thể rút ra một số bài học để Việt Nam có thể tham khảo trong ứng phó với dịch bệnh và điều hành kinh tế - xã hội.

1. Dù có cách tiếp cận khác nhau trong ứng phó với đại dịch Covid-19 tùy theo thể chế chính trị, trình độ phát triển và văn hóa, đến nay quốc tế cơ bản thống nhất triển khai đồng thời cả nhóm biện pháp ngăn chặn dịch và giảm thiểu tác động của dịch, tức là đồng thời cố gắng “làm phẳng” cả đỉnh dịch và đỉnh suy thoái. Chủ trương, phương châm và biện pháp ứng phó của Việt Nam trong thời gian qua là đúng đắn, kịp thời, cần tiếp tục kiên định chủ trương thực hiện “mục tiêu kép”, nỗ lực cao nhất chống dịch đi đôi với thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong triển khai các chủ trương, biện pháp phòng chống dịch Covid-19 và các biện pháp hỗ trợ sản xuất, an sinh xã hội nhằm giảm thiểu tác động của dịch và phục hồi, phát triển kinh tế.

2. Xuất phát từ tính chất tác động về kinh tế của dịch Covid-19 là một “cú sốc” về cung và cầu, nên các biện pháp giảm thiểu tác động kinh tế của dịch bệnh này đều tính đến đồng thời cả nguồn cung và nhu cầu. Biện pháp kích thích kinh tế của các nước khá đa dạng, song tựu chung lại đều tập trung vào tháo gỡ các

“điểm nghẽn” của nền kinh tế là thanh khoản và lao động – việc làm. Đây là vấn đề then chốt bảo đảm ổn định tâm lý, kinh tế - tài chính, chính trị - xã hội.

3. Cần nhắc có các chương trình hỗ trợ tăng trưởng kinh tế sau khi dịch thuyên giảm hoặc kết thúc (thời kỳ hậu Covid-19) với liều lượng hợp lý, có trọng tâm và có thời hạn. Từ kinh nghiệm một số nước, chương trình hỗ trợ này nên tập trung vào các ngành, lĩnh vực sử dụng nhiều lao động, có đóng góp lớn cho phát triển kinh tế - xã hội thông qua chuỗi giá trị có nguồn cung nội địa, tiêu dùng nhiều hàng hóa, dịch vụ trong nước... Một chương trình hỗ trợ tăng trưởng hiệu quả vừa tránh được hệ lụy gây suy giảm kinh tế của dịch Covid-19, vừa giữ ổn định kinh tế vĩ mô và chính trị - xã hội.

4. Quyết định và thực hiện nhanh, quyết đoán, theo nguyên tắc chấp nhận rủi ro, không hối tiếc; nhấn mạnh yếu tố “đồng hành cùng lợi ích”, Nhà nước có quyết sách nhanh nhất để ủng hộ các quyết định của doanh nghiệp. Đồng thời, tiếp tục thực hiện các biện pháp tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hộ gia đình tiếp cận tín dụng dễ dàng hơn, giúp vượt qua giai đoạn khó khăn. Các tổ chức tín dụng cần thực hiện cân đối, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao khả năng tiếp cận vốn vay, kịp thời áp dụng các biện pháp hỗ trợ như cơ cấu lại thời hạn trả nợ, xem xét miễn giảm lãi vay...

Kinh nghiệm của nhiều quốc gia phát triển cho thấy, ngay từ đầu mùa dịch, Chính phủ các nước đã kịp thời có nhiều giải pháp nhằm “cứu các doanh nghiệp” bởi các doanh nghiệp luôn được coi là “xương sống” của nền kinh tế. Việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp không chỉ đảm bảo cho sự phát triển ổn định của nền kinh tế, mà còn đảm bảo việc làm cho người lao động và đảm bảo an sinh xã hội.

Do vậy, để chính sách hỗ trợ mang lại hiệu quả thiết thực hơn, cần tiếp tục rà soát, đánh giá, bổ sung và điều chỉnh kịp thời những ngành nghề, lĩnh vực kinh tế cần hỗ trợ để đảm bảo trúng, đúng và không bỏ lại phía sau những đối tượng thực sự cần hỗ trợ.

5. Xây dựng các kịch bản để phục hồi nhanh, đón đầu và thích ứng những thay đổi, với các quyết sách đúng đắn và kịp thời, đẩy nhanh việc cải cách, cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực và toàn bộ nền kinh tế; cơ cấu phát triển của vùng, các địa phương; cơ cấu thị trường xuất nhập khẩu, thị trường sản phẩm trong nước; đẩy mạnh đầu tư hạ tầng nâng cao sức cạnh tranh, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyển đổi số, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo... nhằm đủ sức tham gia ngay các trật tự mới, cấu trúc mới sau khi hết dịch.

Cần có một tư duy mới, tư duy của đổi mới và cải cách, là suy nghĩ để tạo ra giá trị mới, nhất là trong lĩnh vực thể chế, pháp luật, vừa đủ thông thoáng để gỡ bỏ các rào cản, không tạo ra rào cản mới, khơi thông, giải phóng nguồn lực, nhưng cũng vừa đủ chặt chẽ để không xảy ra tiêu cực, đảm bảo sự phát triển ổn định lâu dài cho các doanh nghiệp và nền kinh tế nói chung.

Trước hết, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách thông thoáng, cơ sở hạ tầng phát triển đồng bộ cùng các dịch vụ hỗ trợ để thu hút mạnh mẽ các nguồn

vốn đầu tư quốc tế và trong nước, giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh, nhất là thu hút từ các tập đoàn lớn, các công ty đa quốc gia có công nghệ cao, tiềm lực mạnh, đứng đầu hoặc chi phối các mạng sản xuất, chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu.

Bên cạnh đó, đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại nền kinh tế. Hỗ trợ phát triển những ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế, tham gia sâu trong các chuỗi giá trị thông qua chính sách ưu đãi về tài chính - ngân sách nhà nước, tín dụng và các chính sách hỗ trợ khác. Phục hồi và ổn định sản xuất nông nghiệp, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và xuất khẩu phù hợp, hiệu quả, thích ứng với tình hình mới; củng cố, nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh. Tập trung phục hồi và phát triển mới chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị; tăng cường xuất khẩu, đa dạng hóa thị trường, tránh phụ thuộc vào một số thị trường xuất khẩu và nhập khẩu.

Tích cực hỗ trợ hiệu quả doanh nghiệp trong nước, đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, thoái vốn gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; phát huy vai trò đầu tàu của các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong việc hình thành các chuỗi giá trị; thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tạo thuận lợi để các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phát huy sức sáng tạo và khả năng thích ứng, tận dụng các cơ hội, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo việc làm cho người lao động.

**PHẦN BA: KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG MUA BÁN,  
SÁP NHẬP TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA NỀN  
KINH TẾ (DỆT MAY, DA GIÀY, ĐIỆN TỬ) VÀ  
MỘT SỐ BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT  
M&A THEO HƯỚNG TẠO MÔI TRƯỜNG CẠNH  
TRANH, CƠ HỘI THUẬN LỢI CHO DOANH  
NGHIỆP PHỤC HỒI HẬU COVID-19**

## I. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG MUA BÁN, SÁP NHẬP TRÊN THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19

Thực tế cho thấy, sự lây lan của Covid-19 đã tác động rất lớn đến ngành kinh tế và đang làm gián đoạn thị trường M&A trong nước khiến doanh nghiệp khó mô hình hóa và đánh giá rủi ro. Tuy nhiên, trong năm 2020, làn sóng mua bán, sáp nhập (M&A) đang dần trở lại Việt Nam với tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 15.67 tỷ USD giảm 15.1% so với cùng kỳ năm 2019 do ảnh hưởng dịch bệnh (chỉ tính đến hết QII/2020)<sup>16</sup>.

Các thương vụ M&A tại Việt Nam ra đời từ nhiều lý do khác nhau. Trước hết, các nguyên nhân khách quan bao gồm: các doanh nghiệp phương Tây rút vốn khỏi Trung Quốc để tránh rủi ro từ thương chiến Mỹ-Trung, chi phí đi vay thấp bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến thị phần sản xuất hàng tiêu dùng trong nước của Trung Quốc đang giảm và dịch chuyển qua các nước khác trong đó có Việt Nam. Ngoài ra, các nguyên nhân chủ quan bao gồm: Việt Nam có vị trí địa lý thuận lợi, nằm tại khu vực trung tâm Đông Nam Á kết nối thị trường tiêu thụ hơn 600 triệu dân, Việt Nam cũng tham gia đàm phán và ký kết nhiều hiệp định thương mại như CPTPP, EVFTA, RCEP... Hơn nữa, Việt Nam kiểm soát tốt dịch bệnh, là quốc gia hiếm hoi có tốc độ tăng trưởng dương trong năm 2020<sup>17</sup>, đồng thời có chính sách hỗ trợ tốt cho doanh nghiệp<sup>18</sup>. Trong giai đoạn 2020-2021, Euromonitor International dự báo điểm đầu tư M&A của Việt Nam đứng thứ hai (đạt 94.6 điểm), sau Hoa Kỳ (112.5 điểm)<sup>19</sup>.

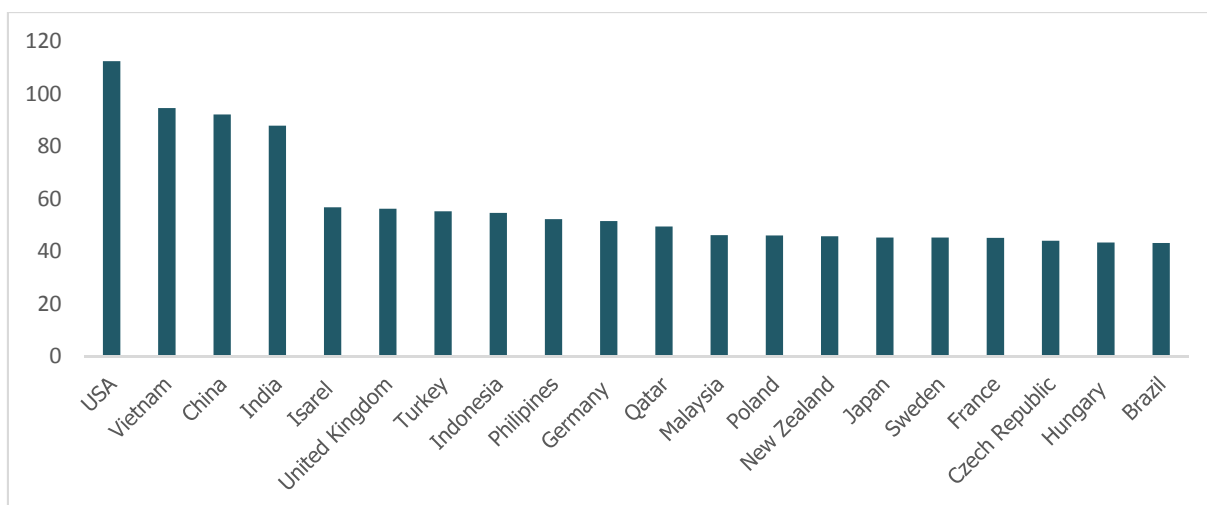
<sup>16</sup>Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020) <http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=46724&idcm=188>

<sup>17</sup> Số liệu của World Bank

<sup>18</sup> Các chính sách này được quy định trong các quy định sau: Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19; Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác; Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 của Chính phủ về gia hạn nộp tiền thuế và tiền thuê đất cũng như các thông tư khác của Bộ Tài Chính.

<sup>19</sup> Euromonitor International (9/2020), Euromonitor M&A Investment Index

**Hình 11: Top 20 nước có điểm đầu tư M&A cao nhất  
(dự báo năm 2021)**



*Nguồn: Euromonitor International, 2020*

Các cơ quan nhà nước đã có nhiều biện pháp giải quyết, khuyến khích, cải thiện môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp trong thời kỳ khó khăn này, song vẫn tồn tại nhiều mặt hạn chế như sau:

*Thứ nhất*, Bộ Công Thương đang có những hành động siết chặt các giao dịch M&A với những quy định được lượng hóa cụ thể (chi tiết tại các Điều 15, 16 Nghị định 35/2020/NĐ-CP). Tuy nhiên, đây là các quy định mới, và cần thêm thời gian để các doanh nghiệp thực hiện M&A, cũng như các cơ quan quản lý đăng ký kinh doanh cập nhật trong quá trình thực thi.

*Thứ hai*, các cơ quan đã nỗ lực xây dựng và ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm thiết lập và dần hoàn thiện khung khổ pháp lý, tuy nhiên trong tình hình mới, khung pháp lý này vẫn cần được tăng cường thực thi để xử lý các hành vi lẩn tránh nghĩa vụ trong quá trình đầu tư có thể xảy ra, gây ảnh hưởng tới nền kinh tế nước nhà.

*Thứ ba*, các biện pháp bảo vệ doanh nghiệp trong nước còn hạn chế. Nhiều doanh nghiệp quốc nội gặp khó khăn trong việc giành lại thị phần khi cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài, khiến tên tuổi của các thương hiệu trong nước dần bị mất vị thế trên thị trường quốc nội.

*Thứ tư*, nhiều doanh nghiệp đang gặp khó khăn do ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19, do vậy nguy cơ bị thu tóm với giá rẻ và thôn tính một cách bất hợp lý rất cao. Hiện nay, dường như Việt Nam vẫn thực sự chưa có những chính sách hợp lý cho vấn đề này.

*Thứ năm*, một số quy định về thông báo tập trung kinh tế của Luật cạnh tranh 2018 thay đổi so với Luật Cạnh tranh 2004, do đó cần thiết có hướng dẫn cụ thể, có cơ chế hỗ trợ và tư vấn doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục thông báo tập trung kinh tế.

Tuy vẫn tồn tại nhiều hạn chế trong tình hình kiểm soát tập trung kinh tế, song Việt Nam vẫn đang có những chính sách khuyến khích và hỗ trợ đem hiệu quả tích cực cho các doanh nghiệp trong nước dần hồi phục. Và mặc dù, M&A có nguy cơ đem lại những bất cập và rủi ro ảnh hưởng cho nền kinh tế nước nhà, thì trong tình hình kinh tế hiện nay, Việt Nam vẫn gia tăng khuyến khích đầu tư nước ngoài để tạo điều kiện vực dậy nền kinh tế trong nước bị ảnh hưởng nặng nề vì dịch bệnh. Những chính sách, giải pháp kịp thời, phù hợp của Nhà nước nhằm khuyến khích, cải thiện môi trường kinh doanh cho các doanh nghiệp như sau:

- Cung cấp gói tín dụng 250.000 tỷ đồng (tương đương 10,6 tỷ USD để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận vốn vay của khách hàng; áp dụng các biện pháp hỗ trợ như cơ cấu lại thời hạn trả nợ, xem xét miễn giảm lãi vay, giữ nguyên nhóm nợ, giảm phí... đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

- Cung cấp gói tín dụng giảm lãi và cho vay mới giá trị xấp xỉ 300.000 tỷ đồng, gói hỗ trợ gia hạn thuế và tiền thuê đất 180.000 tỷ đồng, gói hỗ trợ phí và lệ phí tối thiểu 40.000 tỷ đồng, gói giảm giá điện 11.000 tỷ đồng và gói hỗ trợ cước internet, viễn thông 15.000 tỷ đồng. Thêm nữa là các dự án đầu tư công và hợp tác công-tư với tổng trị giá lên đến 700.000 tỷ đồng sẵn sàng kích hoạt để “bơm” tiền vào nền kinh tế, tạo cầu tiêu dùng và đầu tư.

- Chính phủ tạo các nhóm giải pháp như sau:

- + Nhóm các giải pháp miễn thuế và thu ngân sách gồm: (i) Miễn thuế nhập khẩu đối với các mặt hàng vật tư và thiết bị y tế phục vụ phòng chống dịch Covid-19, vật tư, nguyên liệu đầu vào của các DN da giày, dệt may, nông nghiệp, cơ khí, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp ô tô; (ii) Miễn lệ phí môn bài đối với hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân lần đầu tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm đầu; cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình hoạt động sản xuất, kinh doanh có doanh thu hàng năm từ 100 triệu đồng trở xuống...

- + Nhóm các giải pháp về giảm thuế và các khoản thu ngân sách: (i) Nâng mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân cho người nộp thuế và người phụ thuộc; (ii) Giảm 30% số thuế thu nhập DN phải nộp năm 2020 đối với DN, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác có tổng doanh thu chịu thuế năm 2020 không quá 200 tỷ đồng; (iii) Giảm 30% mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay áp dụng đến hết năm 2020; (iv) Giảm 15% tiền thuê đất phải nộp của năm 2020 đối với DN, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo quyết định, hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hằng năm phải ngừng sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng của dịch Covid-19; (v) Rà soát, cắt giảm một số khoản phí và lệ phí như: giảm 70% mức thu lệ phí đăng ký DN; giảm 67% mức phí công bố thông tin DN; giảm từ 50-70% phí thẩm định cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bưu chính; giảm 50% lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước tới hết năm 2020 nhằm kích thích cả sản xuất và tiêu dùng trong nước...



+ Nhóm các giải pháp về gia hạn thời hạn nộp thuế và các khoản thu ngân sách thông qua ban hành Nghị định số 41/2020/NĐ-CP về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập DN, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất cho các DN và hộ kinh doanh; giãn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước tới hết năm 2020 nhằm kích thích cả sản xuất và tiêu dùng trong nước...

+ Giảm 2% lãi suất cho vay trực tiếp, cho vay gián tiếp đối với DN nhỏ và vừa từ Quỹ Phát triển DN nhỏ và vừa.

Việc ban hành các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của nhà nước đã đem lại những kết quả tích cực cho nền kinh tế và doanh nghiệp, một trong số đó là trở thành nước tăng trưởng dương trong tình hình Covid-19<sup>20</sup>. Bên cạnh đó, theo kết quả khảo sát của Tổng cục Thống kê và Bộ Kế hoạch và Đầu tư<sup>21</sup>, đa số các doanh nghiệp đánh giá rất cao nỗ lực của Chính phủ khi đã kịp thời đưa ra các giải pháp hỗ trợ để giúp doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn. Tuy vậy, vẫn còn rất nhiều các doanh nghiệp chưa hoàn toàn khắc phục được tác động từ Covid-19. Do đó, xu hướng M&A có thể sẽ diễn ra mạnh mẽ hơn, khiến nảy sinh nguy cơ những doanh nghiệp tiềm năng (có quy mô vừa và lớn, có thị phần nhất định và có vai trò dẫn dắt một số ngành quan trọng) có thể bị thu tóm. Từ tháng 4/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã lần đầu tiên đưa ra lời cảnh báo về xu hướng M&A gia tăng và nguy cơ bị thu tóm. Do đó, có khả năng trong thời gian tới Việt Nam sẽ có những khung chính sách và pháp luật siết chặt hơn đối với các thương vụ M&A.

## II. PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG MUA BÁN, SÁP NHẬP TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA NỀN KINH TẾ (DỆT MAY, DA GIÀY, ĐIỆN TỬ)

### 2.1. Lý do nhà đầu tư chọn đầu tư M&A vào lĩnh vực dệt may, da giày, điện tử tại thị trường Việt Nam

*Thứ nhất, cơ hội từ thị trường Việt Nam là rất lớn.*

#### **Ngành dệt may:**

Ngành dệt may Việt Nam có điểm mạnh là chi phí lao động thấp (chỉ bằng 2/3 lương tại Indonesia và Malaysia) trong khi thời gian sản xuất trung bình tại Việt Nam (60-90 ngày), chỉ thấp hơn Trung Quốc và Ấn Độ (40 - 70 ngày), tương đương với Indonesia, Malaysia và cao hơn so với Bangladesh, Campuchia (80 - 120 ngày)<sup>22</sup>. Chính phủ Việt Nam đang có định hướng phát triển ngành công nghiệp dệt may đến năm 2030<sup>23</sup> thông qua phát triển ngành công nghiệp phụ trợ

<sup>20</sup> Theo Tổng Cục Thống kê, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2020 ước tính tăng 3,82% so với cùng kỳ năm trước

<sup>21</sup> Khảo sát đánh giá tác động của dịch Covid-19 đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, <http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=46526&idcm=188>

<sup>22</sup> FPT Securities (3/2020), Báo cáo cập nhật ngành dệt may

<sup>23</sup> Quyết định 3218/QĐ-BCT ngày 11.04.2014 về phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

và cải thiện các mặt xích chưa tốt như trồng bông để giảm phụ thuộc nhập khẩu bông từ thế giới, tăng cường đầu tư lĩnh vực dệt nhuộm còn chưa phát triển. Theo định hướng này, dệt may là một trong số sáu lĩnh vực nằm trong danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của Việt Nam.

### **Ngành da giày:**

Theo số liệu của World Footwear, Việt Nam đứng thứ hai thế giới (sau Ấn Độ) về sản xuất giày dép năm 2019. Cùng với dệt may, da giày là ngành xuất khẩu chủ lực, với kim ngạch xuất khẩu luôn tăng qua các năm. Thị trường nội địa Việt Nam vốn là thị trường tiêu thụ tài năng, với dân số 95 triệu dân, với mức độ tiêu thụ năm 2018 khoảng 190 triệu đôi (bình quân 1,9 đôi/người/năm)<sup>24</sup> và tiếp tục tăng do người dân có thu nhập ngày càng cao.

Theo Hiệp hội Da - Giày - Túi xách Việt Nam (Lefaso), hiện nay ngành da giày đã chủ động được hơn 70% nguyên liệu phụ cho các dòng sản phẩm trung bình và 50% nguyên liệu cho các doanh nghiệp sản phẩm trung bình khá. Trong đó, khoảng 90% bao bì giấy, 80% đế các loại, hơn 80% các loại khuôn giày, 60% phụ liệu, 50% da các loại... Nhìn chung các chủng loại nguyên phụ liệu được sản xuất trong nước có chất lượng tốt, đủ tiêu chuẩn cho sản xuất hàng xuất khẩu hầu hết là sản phẩm của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với các mặt hàng khá đa dạng như: phụ kiện kim khí, nhựa, chỉ may, keo dán, da muối, da bán thành phẩm, giả da... Các khách hàng – đối tác có xu hướng dịch chuyển đơn hàng và cả các cơ sở sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam. Sự dịch chuyển này là do các hãng một mặt muốn tận dụng lợi thế của Việt Nam từ các hiệp định thương mại tự do đem lại; mặt khác, muốn thoát khỏi mối đe dọa tăng chi phí sản xuất do giá nhân công và chi phí môi trường ở Trung Quốc tăng cao. Điều này đã đưa Việt Nam trở thành “công xưởng” giày dép trên thế giới.

### **Ngành điện tử:**

Việt Nam đang trở thành công xưởng sản xuất đồ điện tử của thế giới và dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vẫn đang tiếp tục đổ vào. Ngành công nghiệp điện tử gắn liền với sự phát triển của các dự án điện tử lõi của các tập đoàn điện tử lớn như Samsung, LG, Nokia, Intel... Các dự án này được đầu tư vào Việt Nam kéo theo sự gia tăng chuỗi các công ty con hoặc công ty phụ trợ tương ứng nhằm cung cấp linh kiện đầu vào phục vụ cho hoạt động lắp ráp thành phẩm, đồng thời mang đến ngày càng nhiều cơ hội việc làm cho người lao động tại Việt Nam.

*Thứ hai, tiềm lực của các doanh nghiệp trong nước chưa lớn.*

### **Ngành dệt may:**

Doanh nghiệp nước ngoài có đầy đủ lợi thế về vốn, có trang thiết bị hiện đại, có các chuyên gia và có sẵn nguồn cung cấp và đầu ra cho sản phẩm. Hầu hết

---

<sup>24</sup> Ngọc Thúy (2019), “Ngành da giày Việt Nam ngày càng khởi sắc”, Bộ Công Thương Việt Nam <https://www.moit.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/nganh-da-giay-viet-nam-ngay-cang-khoi-sac-17397-16.html>

họ đều là các tập đoàn lớn đến từ các nước phát triển như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc...

Còn các doanh nghiệp trong nước có điểm yếu cơ bản: thiếu vốn, thiếu công nghệ, thiếu nhân sự cấp cao, thiếu năng lực quản trị và năng suất lao động thấp. Các doanh nghiệp tại Việt Nam hoạt động với quy mô nhỏ lẻ, chưa có chuỗi cung ứng ổn định, đặc biệt sau thời kỳ Covid, hiện tượng không có đơn hàng, ... Thị trường dệt may Việt Nam, có khoảng 9.000 doanh nghiệp nhưng có tới 70% là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các doanh nghiệp trong nước có quy mô vốn không lớn, và chất lượng lao động không ổn định, vì vậy chỉ có thể đảm nhận những đơn hàng nhỏ lẻ. Doanh nghiệp dệt may trong nước thường là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, điều này đẩy lên lo ngại của các bên đặt hàng đối tác về khả năng nhận các đơn hàng lớn của doanh nghiệp sản xuất dệt may của Việt Nam. Bởi điều họ quan tâm là khả năng của doanh nghiệp khi có rủi ro xảy ra. Ngoài ra, các doanh nghiệp Việt Nam thiếu vốn, thiếu công nghệ, nguyên phụ liệu phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu quá lớn, dẫn tới chi phí gia tăng, lợi nhuận không được cao. Yếu tố kém nhất của ngành dệt may là thiếu thiết kế thời trang và thương hiệu, doanh nghiệp chủ yếu là gia công nên không tạo ra giá trị gia tăng cao. Việc áp dụng khoa học công nghệ cho dây chuyền sản xuất dệt may rất hạn chế.

Các doanh nghiệp dệt may giao bán tài sản của mình nhưng phần lớn là do quy mô nhỏ lẻ, dự đoán được việc sẽ khó cạnh tranh trong bối cảnh mới nên nhiều doanh nghiệp bắt đầu tính phương án bán để thu hồi vốn... Đặc biệt, khi dịch bệnh Covid-19 xảy ra, các doanh nghiệp phải xem xét lại những vấn đề liên quan đến nguồn cung nguyên vật liệu, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, đa dạng hóa sản phẩm và đặc biệt, đưa ra các giải pháp nhằm duy trì sản xuất và giữ chân người lao động.

Ngành dệt may thiếu nguyên liệu nên phải nhập khẩu từ nước ngoài, có khi phải nhập khẩu 100%, 80% sợi, cúc, khóa... nên chi phí sản xuất của các công ty nội địa Việt Nam cao hơn nhiều so với doanh nghiệp FDI. Vải sợi của các công ty cung cấp trong nước mới chỉ đáp ứng được 20% nhu cầu.

Theo đánh giá của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS), ngành dệt may đang phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức. Hiện nay, cạnh tranh về đơn hàng giữa doanh nghiệp nội địa với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) diễn ra ngày càng gay gắt. Nhiều doanh nghiệp đang rơi vào tình trạng khan hiếm đơn hàng, thậm chí một số đã phải đóng cửa, đối diện với nguy cơ phá sản. Nguyên nhân của tình trạng này là do hầu hết các đơn hàng bị chia nhỏ, khách hàng thờ ơ trong việc đặt hàng dài hạn, đặc biệt tình trạng ép giá thấp khiến lợi nhuận của doanh nghiệp bị sụt giảm. Các đơn hàng có xu hướng chuyển sang những nước có ưu đãi về thuế suất như Banglades, Campuchia, thay vì vào Việt Nam như trước đây.

### **Ngành da giày:**

Ngành da giày, túi xách có tới 20% là các doanh nghiệp lớn nhưng doanh nghiệp FDI chiếm đa số, chiếm khoảng 75% giá trị xuất khẩu. Hơn 70% doanh nghiệp còn lại chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, giá trị xuất khẩu chiếm hơn

20%. Gần 2/3 giá trị rơi vào tay các doanh nghiệp nước ngoài, lợi thế về nguồn vốn, năng lực sản xuất và thị trường.

Ngành da giày Việt Nam khó khăn về thiếu nguyên liệu và thiếu máy móc, công nghệ hiện đại. Quá trình sản xuất mới được cơ giới hóa mà chưa tự động hóa, tỷ lệ công việc làm thủ công hiện còn ở mức cao.

Năng lực thiết kế mẫu mã của các doanh nghiệp da giày Việt Nam để đáp ứng nhu cầu của thị trường nước ngoài còn hết sức hạn chế. Hầu hết các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hay các doanh nghiệp chỉ sản xuất theo mẫu thiết kế hoặc gia công làm hàng cho các hãng nước ngoài vẫn phải sử dụng thiết kế được làm từ nước ngoài.

Thị trường xuất khẩu chủ yếu của da giày Việt Nam là Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc (chiếm trên 80%). Trong đó, thị trường Mỹ và EU trong thời gian tới sẽ được cắt giảm thuế. Doanh nghiệp trong nước có vấn đề là khó có thể nhận được giá trị nhiều từ các ưu đãi về thuế từ các hiệp định thương mại vì hầu hết doanh nghiệp Việt Nam đang gia công cho doanh nghiệp nước ngoài. Một số thị trường được dự đoán là tiềm năng với doanh nghiệp Việt khi Hiệp định CPTPP có hiệu lực như thị trường Canada, Mexico. Tuy nhiên các thị trường này không biết đến sản phẩm của Việt Nam nhiều mà quen sử dụng các thương hiệu da giày từ các thị trường khác.

Ngoài ra, toàn ngành da giày, túi xách Việt Nam với hơn 1.700 doanh nghiệp, thì có tới 85% doanh nghiệp hạn chế về vốn, kỹ thuật công nghệ, không chủ động được nguồn nguyên phụ liệu nên các doanh nghiệp da giày vẫn chưa thể tận dụng ngay các lợi thế EVFTA.

### **Ngành điện tử:**

Hiện nay, doanh nghiệp Việt Nam vẫn hạn chế khi tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của ngành điện tử và hiện tại chỉ dừng ở khâu lắp ráp, chưa có kinh nghiệm cung ứng cho các nhà sản xuất lớn, chưa có hệ thống marketing tiếp cận được khách hàng, thiếu về vốn và yếu về công nghệ... do vậy, tại Việt Nam, các doanh nghiệp FDI chiếm gần 70% lượng xuất khẩu của Việt Nam năm 2019 (264 tỷ USD) nhưng phần lớn các doanh nghiệp FDI liên kết với nhà cung cấp nước ngoài. Trong khi đó, lượng doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm 98% số doanh nghiệp sản xuất linh kiện điện tử tại Việt Nam nhưng chỉ có 17% số doanh nghiệp này liên kết với chuỗi cung ứng nước ngoài. Tỷ lệ này thấp hơn nhiều nước trong khu vực ASEAN như Thái Lan (30%), Malaysia (46%).

Năng suất lao động của người lao động Việt Nam trong các sản phẩm điện tử chỉ chiếm 5-10% giá trị sản phẩm do công việc chủ yếu là lắp ráp giản đơn. Nguồn nhân lực của các doanh nghiệp chủ yếu là lao động phổ thông.

Theo Bộ Công Thương, công nghiệp hỗ trợ cho ngành công nghiệp điện tử, hiện nay chiếm tỷ lệ trên 80% giá trị của ngành công nghiệp điện tử, bao gồm các ngành: công nghiệp sản xuất linh kiện, công nghiệp vật liệu, công nghiệp khuôn mẫu, gia công cơ khí... Trong đó, công nghiệp vi mạch bán dẫn chiếm tỷ lệ trên 70%. Tuy nhiên, công nghiệp ngành điện tử tại Việt Nam vẫn chưa thực sự phát

triển, tỷ lệ nội địa hóa rất thấp, bình quân chỉ 20-30%, còn lại chủ yếu là bao bì đóng gói với các chi tiết nhựa, chi tiết kim loại. Hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam chỉ thực hiện gia công sản phẩm chứ chưa thực hiện được các công đoạn chủ lực trong chuỗi giá trị của ngành. Công tác nghiên cứu, thiết kế phát triển sản phẩm (R&D) của doanh nghiệp Việt Nam còn yếu.

*Thứ ba, các doanh nghiệp nước ngoài có thể tận dụng được những cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương*

### **Ngành dệt may:**

Hiện tại, doanh nghiệp hiện nay các doanh nghiệp dệt may của Việt Nam đang xuất khẩu vào Liên minh châu Âu EU với mức thuế Hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập GSP (Generalized System of Preferences). Đây là một trong số những ưu đãi của EU dành cho các nước đang phát triển hoặc kém phát triển, với mức thuế cho các mặt hàng dệt may hiện nay khoảng 9%. Hiện nay thuế suất nhập khẩu ưu đãi thông thường (thuế suất MFN) của EU là 15%, và nếu cắt giảm sẽ giảm dần từ 13%, 11%, 9% trong vòng 3 năm.

Trong Hiệp định Thương mại tự do Liên minh châu Âu – Việt Nam EVFTA, EU cam kết dành ưu đãi thuế nhập khẩu cho hàng dệt may Việt Nam như sau: Loại bỏ ngay 42,5% số dòng thuế nhập khẩu, có thuế suất cơ sở từ 8 - 12%, ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Các mặt hàng này chủ yếu là nguyên phụ liệu dệt may (thuộc các Chương 50-59), các loại hàng dệt kim và móc Chương 60), và số ít loại trong các nhóm sản phẩm may mặc thuộc Chương 61-63 (như bộ đồ vest hoàn chỉnh, đồ ngủ nữ, áo len trẻ em, đồ bơi, chăn, rèm cửa, túi xách hoặc túi đựng bằng vải...).

Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với hàng dệt may có xuất xứ từ Việt Nam khi xuất khẩu vào thị trường các nước đối tác (ngay hoặc có lộ trình). Quy tắc xuất xứ được áp dụng là “từ sợi trở đi” hay được gọi quy tắc “3 công đoạn”, nghĩa là toàn bộ quá trình kéo sợi, dệt vải, nhuộm, hoàn tất và may quần áo phải được thực hiện trong nội khối CPTPP. Quy tắc này khuyến khích phát triển chuỗi cung ứng ngành công nghiệp dệt may theo ngành dọc, khuyến khích đầu tư phát triển ngành sợi, vải, tạo cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng trong nội khối CPTPP.

### **Ngành da giày:**

Hai hiệp định mà ngành da giày có cơ hội hưởng thuế suất giảm là CPTPP và EVFTA. Có thể thấy rằng, khi hai hiệp định này có hiệu lực, với thuế suất được giảm dần về 0%, các sản phẩm da giày của Việt Nam sẽ nâng cao được tính cạnh tranh, qua đó thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu. Bên cạnh đó, những bất ổn do chiến tranh thương mại Mỹ - Trung sẽ khiến Việt Nam được hưởng lợi nhất định khi Việt Nam là quốc gia xuất khẩu giày dép vào Mỹ nhiều thứ 2 chỉ sau Trung Quốc. Bằng chứng là trong những năm gần đây giá trị nhập khẩu giày dép của Mỹ từ

Trung Quốc đã có sự sụt giảm trong khi giá trị nhập khẩu từ Việt Nam tiếp tục tăng mạnh<sup>25</sup>.

Những khung khuôn khổ hội nhập được Việt Nam thực thi gần đây đã và đang là cơ hội để thu hút các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư vào công nghiệp hỗ trợ cho ngành da giày. Đơn cử như với EVFTA, một loạt rào cản thương mại đối với sản phẩm giày, dép của Việt Nam do Liên minh châu Âu EU áp dụng suốt những năm qua được xóa bỏ hoàn toàn. Đây sẽ là cơ hội lớn cho các doanh nghiệp sản xuất da giày Việt Nam mở rộng thị phần sang các nước châu Âu. Việc nhu cầu tăng sẽ đòi hỏi doanh nghiệp phải có hướng đi lâu dài, tự chủ trong việc sản xuất hơn nữa, đầu tư công nghệ cao vào sản xuất công nghệ hỗ trợ.

### **Ngành điện tử:**

Thuế suất nhập khẩu ưu đãi thông thường (thuế MFN) trung bình đối với các sản phẩm điện tử của 3 đối tác trong Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương CPTPP Việt Nam chưa có FTA: Canada 1.2%, Mexico 3.5%, Peru 1.3%. Mức thuế này đối với các sản phẩm điện tử của Việt Nam là 7.9%. Như vậy, Việt Nam vẫn đánh thuế cao hơn so với các nước khác đánh thuế hàng Việt Nam. Điều này tạo cơ hội cho nhập khẩu nguyên liệu, linh kiện và xuất khẩu sản phẩm.

Hiệp định thương mại tự do Châu Âu – Việt Nam EVFTA cũng cam kết xóa bỏ thuế quan đa số sản phẩm điện tử ngay khi hiệp định có hiệu lực. Hiện thuế MFN trung bình đối với các sản phẩm điện tử trung bình là 7.9%, trong khi thuế trung bình đối với các sản phẩm điện tử của EU là 2.8%.

Theo Hiệp định đối tác toàn diện khu vực RCEP, thuế nhập khẩu linh phụ kiện máy tính, vi mạch... từ nhiều nước về Việt Nam hay giữa các nước khác nhau đều rất thấp, gần như bằng 0%. Thế nên, nhóm hàng điện tử nói chung của Việt Nam xuất hay nhập khẩu không bị vướng mắc về thuế quan.

---

## **2.2. Các thương vụ M&A ở lĩnh vực dệt may, da giày, dệt may những năm gần đây<sup>26</sup>**

### **Ngành dệt may:**

Năm 2018, Tập đoàn Itochu của Nhật Bản đã chi 47 triệu USD (1.070 tỷ đồng) để mua gần 10% cổ phần của tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex). Giao dịch thành công đã giúp nâng tỷ lệ sở hữu của Itochu lên gần 15% và trở thành cổ đông lớn thứ 2 tại Vinatex, sau Bộ Công Thương. Itochu đã mua cổ phần Vinatex từ cổ đông chiến lược VNTEX và các quỹ đầu tư nước ngoài thông qua các giao dịch trên thị trường chứng khoán hôm 26/3/2018. Sau khi bán một nửa số cổ phần đang sở hữu tại Vinatex cho Itochu, VNTEX hiện chỉ còn sở hữu 7% cổ phần

---

<sup>25</sup>LiLy Nguyễn (2019), “Xuất khẩu giày dép của Trung Quốc vào Mỹ giảm trong khi xuất khẩu của Việt Nam tăng”, Tạp chí Công Thương, <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/xuat-khau-giay-dep-cua-trung-quoc-vaio-my-giam-trong-khi-xuat-khau-cua-viet-nam-tang-61951.htm>

<sup>26</sup>Theo Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng, 2020

Vinatex. Trước đó, năm 2014 khi Vinatex tiến hành IPO, Itochu đã sở hữu gần 5% vốn điều lệ của công ty dệt may đứng đầu Việt Nam này.

Itochu là một tập đoàn thương mại đa ngành của Nhật Bản, đã đầu tư vào ngành dệt may Việt Nam từ nhiều năm trước. Đầu năm 2017, Itochu và Vinatex đã ký kết thỏa thuận nhằm phát triển chuỗi cung ứng ngành dệt may, từ xơ, sợi, vải đến may, phân phối bán lẻ. Trước đó, từ năm 2015, Itochu đã hợp tác với Doximex, một thành viên của Vinatex trong hoạt động dệt-nhuộm hoàn tất và nguyên phụ liệu.

Itochu xuất khẩu một lượng hàng may mặc từ Việt Nam trị giá trên 60 tỷ yên, tương đương khoảng 12.840 tỷ đồng mỗi năm, trong đó một nửa do Vinatex sản xuất. Itochu đặt mục tiêu tăng sản xuất gia công và tăng xuất khẩu lên 100 tỷ yên vào năm 2021.

### **Ngành da giày:**

Hiện tại rất ít hoặc không xuất hiện thông tin công khai về các thương vụ mua bán và sáp nhập ở thị trường da giày, tuy nhiên hiện tượng này là có, nhưng ít hơn hình thức đầu tư trực tiếp từ các doanh nghiệp nước ngoài. Các thương vụ mua bán và sáp nhập chủ yếu là do các tập đoàn, doanh nghiệp nước ngoài thực hiện, còn rất hiếm thương vụ giữa các doanh nghiệp trong nước.

Điển hình gần đây nhất là thương vụ sáp nhập giữa Công ty TNHH Tae Kwang MTC Việt Nam và Công ty Cổ phần Jin Heoung Vina (Jin Heoung). Ngày 21 tháng 9 năm 2020, Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng nhận được hồ sơ thông báo tập trung kinh tế của Công ty TNHH Tae Kwang MTC Việt Nam (Tae Kwang MTC) và Công ty Cổ phần Jin Heoung Vina (Jin Heoung). Theo đó, Tae Kwang MTC dự kiến mua lại 100% cổ phần của Công ty Jin Heoung Vina. Sau tập trung kinh tế, Tae Kwang MTC sẽ kiểm soát, chi phối hoàn toàn Jin Heoung Vina. Ngày 11 tháng 11 năm 2020, trên cơ sở quy định hiện hành, Bộ Công Thương đã ra thông báo việc tập trung kinh tế nêu trên không thuộc trường hợp bị cấm theo quy định tại Điều 30 Luật Cảnh tranh.

Phân tích cụ thể hơn, có thể thấy đây là vụ sáp nhập theo chiều ngang, với các bên cùng kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất giày dép. Công ty Cổ phần Jin Heoung Vina là doanh nghiệp Hàn Quốc, được thành lập năm 2019 với số vốn điều lệ 3 triệu USD, hoạt động trên lĩnh vực sản xuất giày dép, đặt nhà máy tại Đồng Nai. Công ty TNHH Tae Kwang MTC Việt Nam là doanh nghiệp Việt Nam, thành lập từ năm 2005, hoạt động sản xuất, gia công giày dép ở Biên Hòa, Đồng Nai. Đánh giá về thương vụ này, có thể thấy, công ty Jin Heoung mới gia nhập thị trường da giày Việt Nam, muốn có được hiểu biết thị trường để tạo cơ hội mở rộng sản xuất và lợi nhuận, họ đã quyết định mua lại một doanh nghiệp nội địa đã hoạt động lâu dài trên thị trường là công ty Tae Kwang MTC.

## **Ngành điện tử:**

Hầu hết các doanh nghiệp lớn trong ngành điện tử đều có 100% vốn đầu tư nước ngoài, trong khi các công ty nội địa đều có quy mô nhỏ, chủ yếu sản xuất các mặt hàng phụ trợ. Do vậy nhìn chung sẽ ít có các thương vụ M&A trong ngành điện tử và nguồn thông tin về các thương vụ còn khá hạn chế.

Điển hình có thương vụ giữa Công ty Zenith Electronics LLC (Zenith) và Công ty Luxoft USA, INC. Cụ thể như sau:

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng tiếp nhận hồ sơ thông báo tập trung kinh tế gửi đến Bộ Công Thương của Công ty Zenith Electronics LLC (Zenith), Công ty Luxoft USA, INC., (Luxoft).

Theo đó, Zenith và Luxoft dự kiến thành lập một công ty liên doanh cùng kiểm soát tại Delaware, Hoa Kỳ, dưới tên LC2 LLC. Khi hoạt động, công ty liên doanh trên sẽ kết hợp và giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ bổ sung của các công ty Mẹ trong ngành công nghiệp ô tô, cụ thể là kết hợp phần cứng hệ thống thông tin giải trí trên xe ô tô của tập đoàn LGE, hệ điều hành WebOS Auto do Zenith sở hữu và dịch vụ CNTT do Luxoft cung cấp để sản xuất sản một hệ thống thông tin giải trí trên xe ô tô hoàn chỉnh. Sau tập trung kinh tế, CTLD được thành lập mới sẽ do Zenith sở hữu 51% và do Luxoft sở hữu 49%.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định 35/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Cảnh tranh, giao dịch tập trung kinh tế của Zenith và Luxoft thuộc trường hợp tập trung kinh tế được thực hiện. Việc tập trung kinh tế không gây tác động hoặc khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên các thị trường liên quan được xem xét.

Do đó, trên cơ sở quy định hiện hành, Bộ Công Thương đã ra thông báo việc tập trung kinh tế nêu trên không thuộc trường hợp bị cấm theo quy định tại Điều 30 Luật Cảnh tranh.

Công ty mẹ của Zenith là tập đoàn LG Electronics Inc (sau đây gọi tắt là “tập đoàn LGE”), là một công ty hoạt động theo luật của Hàn Quốc. LGE là nhà sản xuất hoạt động toàn cầu và là nhà cung cấp thiết bị điện tử, thiết bị thông tin liên lạc di động và thiết bị gia dụng. LGE tiến hành hoạt động kinh doanh thông qua năm đơn vị, gồm: Giải trí Gia đình (Home Entertainment), Truyền thông Di động (Mobile Communications), Thiết bị Gia dụng và Giải pháp Không khí (Home Appliance & Air Solutions), Khối Doanh nghiệp (B2B) và Phụ tùng Xe (Vehicle Components).

Luxoft là công ty con do Luxoft Holding, Inc sở hữu toàn bộ, Luxoft Holding là công ty con do DXC Technology Company sở hữu toàn bộ. Tập đoàn của công ty Luxoft, Luxoft Holding và DXC (Tập đoàn Luxoft/DXC).



### III. KINH NGHIỆM KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG MUA BÁN, SÁP NHẬP CỦA CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI TRONG THỜI KỲ COVID-19 VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

#### 3.1. Kinh nghiệm kiểm soát M&A tại một số quốc gia trong thời kỳ dịch bệnh covid-19

Hiện nay, trong bối cảnh Covid-19 có nhiều tác động đến nền kinh tế nói chung, hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp tại các quốc gia cũng có nhiều thay đổi. Để đáp ứng điều kiện kinh tế - xã hội, các quốc gia đều có những điều chỉnh chính sách, thay đổi linh hoạt và áp dụng những quy định nhằm kiểm soát tốt các hoạt động tập trung kinh tế diễn ra trên thị trường, đặc biệt là xu hướng mua lại doanh nghiệp trong nước từ các vốn đầu tư nước ngoài.

Nội dung phân tích các biện pháp cụ thể của các quốc gia trong kiểm soát hoạt động M&A trong thời kỳ Covid-19 được liệt kê tại Phụ lục 2. Tuy nhiên, có thể đưa ra một số nhận xét chung về các biện pháp mà các quốc gia đã điều chỉnh và áp dụng như sau:

**Thứ nhất**, chính sách kiểm soát và rà soát hoạt động đầu tư nước ngoài, bao gồm cả các giao dịch M&A của các nước đều được thực hiện thông qua pháp luật về hoạt động đầu tư nước ngoài và pháp luật cạnh tranh. Pháp luật về hoạt động đầu tư nước ngoài đưa ra các quy định cụ thể về ngưỡng thông báo để kiểm soát các dòng vốn đầu tư nước ngoài và các lĩnh vực bị hạn chế đầu tư cũng như các lĩnh vực được coi là nhạy cảm hoặc có liên quan tới chính trị. Pháp luật cạnh tranh (Luật chống độc quyền) có quy định cụ thể về ngưỡng thông báo M&A để xem xét dưới góc độ cạnh tranh. Việc cho phép thực hiện một hoạt động đầu tư nước ngoài được căn cứ theo cả các quy định pháp lý về đầu tư nước ngoài cũng như quy định về M&A trong luật chống độc quyền.

**Thứ hai**, về đối tượng và lĩnh vực kiểm soát, các nhà đầu tư nước ngoài khi mua từ 10% cổ phần của một doanh nghiệp trong nước đều thuộc đối tượng chịu sự kiểm soát của các nước. Hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế đều được thực hiện rà soát và sàng lọc đầu tư nước ngoài. Các lĩnh vực được coi là cơ sở hạ tầng hay liên quan đến an ninh quốc gia và chính trị đều được kiểm soát chặt chẽ hơn và trong một số trường hợp bị cấm như Hoa Kỳ đã từng áp dụng.

Tại Anh, Chính phủ đang chuẩn bị công bố những dự luật mới nhằm đối phó nguy cơ nước ngoài kiểm soát các công ty có quan hệ với an ninh quốc gia. Theo tạp chí The Times, dự thảo đạo luật mới, bắt buộc các doanh nghiệp nằm trong nhóm ngành công nghiệp “nhạy cảm”, như công nghệ và lĩnh vực nghiên cứu, phải công khai những thương vụ chuyển nhượng cổ phần cho nước ngoài.

Để đối phó với nguy cơ doanh nghiệp nội địa bị thâm tóm, Chính phủ Nhật Bản dự định sẽ thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ các doanh nghiệp trong nước một cách kịp thời. Luật Giao dịch Ngoại hối và Ngoại thương sửa đổi đã bắt đầu có hiệu lực từ ngày 7/6/2020, trong đó đặt ra các điều kiện cao hơn cho các bên

nước ngoài muốn đầu tư vào các doanh nghiệp Nhật Bản. Theo các quy định mới, các nhà đầu tư nước ngoài muốn mua nhiều hơn 1% cổ phần ở 12 lĩnh vực trọng yếu, bao gồm dầu mỏ, đường sắt, tiện ích, vũ khí, không gian, năng lượng hạt nhân, hàng không, viễn thông và an ninh mạng... sẽ phải thông báo trước với các cơ quan quản lý Nhật Bản về kế hoạch mua cổ phần của mình.

Nhật Bản đã lên một danh sách các công ty trong nước phải chịu kiểm soát nghiêm ngặt đối với sở hữu nước ngoài. Theo đó, 518 doanh nghiệp, trong tổng số 3.800 doanh nghiệp của nước này bắt buộc phải tuân thủ các quy định khắt khe hơn về đầu tư nước ngoài. Các công ty này đều đang niêm yết trên sàn chứng khoán với tổng trị giá 5,4 nghìn tỷ USD. Trong số này tất nhiên không thể thiếu những thương hiệu lớn như Toyota, Sony... đang niêm yết trên các thị trường chứng khoán lớn trên thế giới.

Chính phủ Úc yêu cầu tất cả các khoản đầu tư nước ngoài đều phải chịu sự giám sát của Ủy ban Đánh giá đầu tư nước ngoài, bất kể giá trị thỏa thuận là bao nhiêu. Thời gian đánh giá, rà soát có thể kéo dài tới 6 tháng trong khi trước đây chỉ là 1 tháng.

Ấn Độ vào ngày 17/4/2020 đã sửa đổi các quy tắc đầu tư nước ngoài của mình, theo đó tất cả các hoạt động FDI từ các nước láng giềng vào các công ty Ấn Độ nay sẽ phải được chính phủ phê chuẩn đồng nghĩa với việc có thể cấm không cho mua bán sáp nhập từ bất kỳ quốc gia nào có chung đường biên giới trên đất liền.

**Thứ ba**, các nước đều đưa ra chính sách và biện pháp nhằm kiểm soát theo hướng thắt chặt hoạt động đầu tư nước ngoài, gồm cả M&A, đặc biệt là rà soát, sàng lọc kỹ dòng vốn đầu tư của Trung Quốc nhằm bảo vệ tài sản và lợi ích quốc gia, tránh sự thâm tóm các doanh nghiệp trong nước từ các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ, trí tuệ nhân tạo, công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng. Cụ thể như sau:

- Đặt ra ngưỡng phải thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi nhà đầu tư nước ngoài thực hiện đầu tư hoặc M&A tại nước sở tại để có thể rà soát và sàng lọc được hầu hết các dòng vốn đầu tư từ nước ngoài;

- Kéo dài thời gian xem xét đối với các trường hợp thông báo về hoạt động đầu tư nước ngoài đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Trong trường hợp cần thiết liên quan tới an ninh quốc gia hoặc vấn đề chính trị nước sở tại có thể đưa ra lệnh cấm thực hiện;

- Có cơ chế và sự hợp tác chặt chẽ giữa cơ quan cạnh tranh của các nước với cơ quan thực hiện rà soát, sàng lọc đầu tư nước ngoài. Theo đó, chỉ những giao dịch được sự chấp thuận của cả hai cơ quan mới được phép thực hiện.

---

### **3.2. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**

Từ những kinh nghiệm kiểm soát các thương vụ M&A bằng những chính sách kinh tế, những đạo luật... mà các nước trên thế giới đã và đang thực hiện, những bài học kinh nghiệm để có thể áp dụng một cách chọn lọc vào Việt Nam như:

**Thứ nhất**, Chính phủ và các bộ ngành liên quan cần nhanh chóng thiết kế cơ chế giám sát cũng như sàng lọc hiệu quả để chọn được các doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài chất lượng. Đặc biệt, trong một số trường hợp có nghi ngờ có tình trạng đầu tư núp bóng, ẩn danh, dùng một số nhà đầu tư khác nhau để thâm nhập ngành hàng trong nước... cần tiến hành thẩm tra kỹ lưỡng từ các cơ quan có thẩm quyền.

Việc kiểm soát hoạt động M&A tại Việt Nam, đặc biệt là trong các thương vụ có yếu tố nước ngoài không những cần phải đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật cạnh tranh, đầu tư, chứng khoán,... mà còn phải tính đến việc cân bằng lợi ích của doanh nghiệp, nhà đầu tư và đặc biệt lợi ích cộng đồng và vấn đề an ninh kinh tế, an ninh quốc gia.

Triển khai các biện pháp nhằm ngăn chặn nguy cơ các doanh nghiệp quan trọng bị nước ngoài thâm nhập với giá rẻ. Điển hình như Đức, Chính phủ nước này yêu cầu các doanh nghiệp trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo (AI), người máy, vật liệu bán dẫn, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử... phải khai báo tất cả các hoạt động mua bán cổ phần từ 10% trở lên. Các doanh nghiệp này sẽ phải chịu sự thẩm tra của chính quyền đối với các thương vụ mua bán như vậy.

**Thứ hai**, cần có định hướng chính sách những ngành nghề, lĩnh vực nào cần và không cần khuyến khích đầu tư theo kênh M&A...

Cần tạo cơ chế khuyến khích các nhà đầu tư trong nước tham gia thị trường M&A mua lại các doanh nghiệp trong lĩnh vực chủ chốt, một số ngành “nhạy cảm” chính phủ có thể tạm thời mua lại khi chưa tìm được nhà đầu tư trong nước để bảo vệ một số ngành chiến lược.

Đặc biệt, Chính phủ và các bộ ngành cần thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách phù hợp, nhất là về tài chính, tiền tệ, an sinh xã hội để hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa vượt qua khó khăn của đại dịch COVID-19.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đề nghị Chính phủ có chỉ đạo tạm thời dừng việc mua bán, sáp nhập doanh nghiệp trong giai đoạn dịch bệnh để hạn chế việc doanh nghiệp nước ngoài thâm nhập các doanh nghiệp Việt Nam do lo ngại trước làn sóng M&A của nhà đầu tư nước ngoài khiến nguy cơ các doanh nghiệp tiềm năng của Việt Nam có thể bị thâm nhập với giá thấp hơn giá trị thực tế.

#### **IV. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ BIỆN PHÁP, GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG MUA BÁN, SÁP NHẬP THỜI KỲ HẬU COVID-19 TRONG CÁC LĨNH VỰC KINH TẾ (DỆT MAY, DA GIÀY VÀ ĐIỆN TỬ)**

##### **Khuyến nghị chung về chính sách**

Các yếu tố lớn nhất trở ngại hoạt động M&A bao gồm tỷ lệ sở hữu cổ phần nhà nước đang quá lớn, báo cáo tài chính và công bố thông tin chưa minh bạch, định giá quá cao, thời gian thực hiện thương vụ quá dài. Bên cạnh đó là các trở

ngại khác liên quan đến yếu tố văn hóa, ngôn ngữ, tiếp cận doanh nghiệp... Dịch Covid-19 đã khiến nhiều thương vụ bị tạm hoãn, lý do là các doanh nghiệp muốn định giá lại thương vụ do gặp nhiều khó khăn trong phục hồi sau dịch bệnh.

Nguy cơ thâm tóm doanh nghiệp trong nước sau đại dịch Covid-19 thông qua hình thức mua bán cổ phần có thể sẽ cao bởi các quỹ đầu tư sẵn sàng chuẩn bị đầu tư, tìm cơ hội cho sự phát triển trong tương lai. Hơn nữa, việc kiểm soát tốt dịch bệnh khiến Việt Nam trở thành một môi trường lý tưởng, hấp dẫn các nhà đầu tư do Việt Nam. Vì thế, việc chào mời mua và đi mua doanh nghiệp Việt Nam của các quỹ đầu tư, các doanh nghiệp nước ngoài trong thời điểm Covid-19 là hết sức bình thường, là quyền của nhà đầu tư và phù hợp với quy luật thị trường.

Đi kèm với cơ hội là những rủi ro bị thâm tóm với giá rẻ, rủi ro về an ninh quốc gia, môi trường cạnh tranh của thị trường kinh doanh. Do vậy Chính phủ nên có chính sách, kế hoạch để thu hút đầu tư một cách hợp lý, việc chọn ngành nghề mời gọi đầu tư cũng phải đi cùng với quy định tỷ lệ đầu tư của doanh nghiệp FDI để có sự khống chế tỷ lệ hợp lý.

Từ thách thức trong kiểm soát hoạt động M&A tại Việt Nam sau dịch Covid-19, một số đề xuất giải pháp nhằm kiểm soát hiệu quả hơn hoạt động mua bán, sáp nhập trên thị trường được đưa ra như sau:

**Thứ nhất**, cần phải kiện toàn hệ thống luật điều chỉnh hoạt động M&A. Hệ thống luật này cần phải quy định chi tiết để điều chỉnh trên cả hai phương diện:

- Các thủ tục, nguyên tắc, phương pháp định giá, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia...;

- Các tình huống xử lý tài chính, lao động và các vấn đề phát sinh sau khi thực hiện thương vụ M&A;

**Thứ hai** là vấn đề minh bạch thông tin của các bên trong một thương vụ M&A. Chính phủ cần xây dựng thị trường mua lại, sáp nhập doanh nghiệp mang tính chuyên nghiệp cao hơn. Trong đó cần chú trọng đến việc công bố thông tin, chú trọng công tác đào tạo để nâng cao trình độ cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý, tạo điều kiện phát triển công ty tư vấn chuyên nghiệp cho hoạt động M&A.

**Thứ ba** là các giải pháp về mặt kỹ thuật cũng đáng được quan tâm như: doanh nghiệp cần xác định rõ mục tiêu thực hiện M&A, phân tích kỹ về đối tác trong giao dịch M&A để tránh bị thâm tóm và thận trọng trong quá trình đàm phán. Việc doanh nghiệp lựa chọn phương án định giá doanh nghiệp phù hợp cũng là một vấn đề hết sức quan trọng vụ mua lại, sáp nhập doanh nghiệp thành công hay thất bại.

**Thứ tư**, nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam với tinh thần tạo thuận lợi và thu hút các nhà đầu tư của Chính phủ, bao gồm cả hoạt động M&A trong các lĩnh vực dệt may, da giày và điện tử trong và sau giai đoạn dịch bệnh Covid-19.

## **Khuyến nghị về kiểm soát M&A theo pháp luật cạnh tranh và các pháp luật có liên quan**

Dưới góc độ pháp luật cạnh tranh và các pháp luật khác có liên quan, nhóm nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị:

*Dưới góc độ quản lý nhà nước về M&A:*

- Cần thiết xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam mua lại doanh nghiệp trong nước hơn là để doanh nghiệp nước ngoài thâm tóm đối với các lĩnh vực dệt may, điện tử và da giày (đây là những lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế, sử dụng nhiều lao động và nhiều lợi thế của Việt Nam).

- Cần thiết xây dựng chính sách để các ngân hàng thương mại và đầu tư của Việt Nam hỗ trợ các giao dịch M&A của các doanh nghiệp Việt Nam trong các lĩnh vực nêu trên để đảm bảo việc duy trì sản xuất và tăng trưởng xuất khẩu.

*Dưới góc độ quản lý nhà nước về cạnh tranh:*

- Tăng cường công tác giám sát và kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường trong ba lĩnh vực dệt may, da giày và điện tử đối với các giao dịch có yếu tố nước ngoài, cụ thể:

+ Tiến hành đánh giá một cách toàn diện và cân nhắc kỹ về lợi ích quốc gia bên cạnh các yếu tố về tác động hạn chế cạnh tranh trên thị trường;

+ Đối với các giao dịch mang tính chất tái cấu trúc nội bộ trong tập đoàn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: Cần có cơ chế khuyến khích và tiến hành đánh giá việc tập trung kinh tế nhanh hơn so với thời gian tối đa quy định theo luật định theo hướng thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển trong thời kỳ Covid-19;

+ Xem xét đưa ra các điều kiện thực hiện tập trung kinh tế để có thể giảm thiểu sự kiểm soát, chi phối của doanh nghiệp nước ngoài sau khi thâm tóm doanh nghiệp Việt Nam sau tập trung kinh tế;

- Có cơ chế kiểm soát các giao dịch M&A sau tập trung kinh tế nhằm đảm bảo doanh nghiệp sau tập trung kinh tế hoạt động theo đúng các quy định của pháp luật cạnh tranh và các pháp luật khác có liên quan, duy trì môi trường cạnh tranh lành mạnh, đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng.

*Cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành:*

Thiết lập cơ chế tham vấn thường xuyên giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư với Bộ Công Thương để xây dựng cơ sở dữ liệu về M&A trong các lĩnh vực dệt may, da giày và điện tử, nhằm phục vụ việc kiểm soát M&A theo hướng đảm bảo được lợi ích quốc gia và không gây tác động hạn chế cạnh tranh trên thị trường.

**PHẦN BỐN: KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH VÀ  
GIẢI PHÁP CHO PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN  
CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI  
VIỆT NAM THỜI KỲ HẬU COVID-19**

# I. BỐI CẢNH VÀ ĐIỀU KIỆN MỚI TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỜI KỲ HẬU COVID-19

## 1.1. Bối cảnh và điều kiện mới tác động đến phát triển kinh tế thời hậu Covid-19

Việt Nam đang trong bối cảnh chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2011 - 2020 và xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045. Yêu cầu cơ cấu lại nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; thực hiện chuyển đổi số nền kinh tế đang trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết vì đó là cách thức để nền kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững, đuổi kịp các nước đi trước và đạt được tầm nhìn xây dựng một nước Việt Nam hùng cường, thịnh vượng.

Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 xuất hiện vào năm cuối thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 và dự báo sẽ có ảnh hưởng đến một vài năm đầu của giai đoạn 2021 - 2030 đang đặt ra những thách thức mới không lường trước được, dẫn đến những thay đổi sâu sắc trật tự, cấu trúc kinh tế, phương thức quản trị toàn cầu, cách thức hoạt động kinh tế và tổ chức đời sống xã hội của thế giới. Đại dịch tác động mạnh mẽ tới hầu hết các lĩnh vực, mặt khác, nó là động lực thúc đẩy nhanh hơn một số xu thế lớn đã hình thành trước đó, đồng thời cũng tạo ra một số nhân tố mới, hình thành những xu hướng mới giai đoạn hậu đại dịch Covid-19.

### *1.1.1. Xu hướng dịch chuyển lớn đầu tư và chuỗi cung ứng toàn cầu*

Dịch bệnh Covid-19 đã làm bộc lộ những rủi ro khi cung ứng các sản phẩm, thiết bị thiết yếu bị gián đoạn, không kịp thời do mạng lưới chuỗi cung ứng trải rộng toàn cầu cũng như nhiều chuỗi cung ứng quá phụ thuộc vào các trung tâm sản xuất và các thị trường lớn, nhất là Trung Quốc. Bên cạnh việc tối ưu hóa sản xuất và chi phí, việc dịch chuyển đầu tư và chuỗi cung ứng còn nhằm để phân tán và giảm thiểu rủi ro. Hiện nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ và cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc ngày càng quyết liệt, xu hướng dịch chuyển đầu tư và chuỗi cung ứng toàn cầu đang thể hiện mạnh mẽ, đặt ra cho Việt Nam nhiều cơ hội và thách thức đan xen.

*Thứ nhất*, dịch chuyển chuỗi cung ứng kéo theo dịch chuyển đầu tư, di chuyển toàn bộ hoặc một phần sản xuất về nước (reshoring) hoặc sang các nước khác trong khu vực (near-shoring) để giảm phụ thuộc vào một số nước. Bên cạnh đó, một số chuỗi cung ứng được cơ cấu, sắp xếp lại thông qua mở rộng mạng lưới nhà cung cấp (outsourcing) để phân tán rủi ro, như đặt hàng mua linh kiện, nguyên liệu từ nhiều nhà cung cấp ở các nước khác nhau, mà không nhất thiết kéo theo dịch chuyển vốn đầu tư và sản xuất.

*Thứ hai*, các cấu phần/công đoạn thượng nguồn hoặc gắn với công nghệ cao thường được dịch chuyển về nước, trong khi các công đoạn hạ nguồn (lowstream), gia công, lắp ráp thường được dịch chuyển ra nhiều nước nhằm phân tán rủi ro và tối ưu hóa chi phí sản xuất. Các ngành, lĩnh vực đang có nhiều dịch chuyển, bao gồm: dệt may, thiết bị điện tử, viễn thông, phụ tùng, linh kiện ô-tô, hàng hóa, trang thiết bị y tế và dược phẩm thiết yếu, năng lượng, tài chính, bất động sản.

*Thứ ba*, các tập đoàn có khả năng dịch chuyển đầu tư hoặc chuỗi cung ứng chủ yếu là các tập đoàn tiếp cận các thị trường ngoài Trung Quốc có nhu cầu tối ưu hóa về chi phí, các tập đoàn đang đầu tư nhiều vào Trung Quốc có nhu cầu phân tán rủi ro, các tập đoàn chịu tác động trực tiếp của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc. Đơn cử như, một số tập đoàn trong lĩnh vực công nghệ, máy tính, điện tử, điện thoại, như Foxconn, Winston, Qishda, Pegatron, Inventec, Apple, Intel..., đã và đang xúc tiến kế hoạch đầu tư hoặc mở rộng sản xuất tại nhiều nước ngoài Trung Quốc, như Ấn Độ, Mexico, một số nước Đông Nam Á để giảm thiểu rủi ro gián đoạn cung ứng khi xảy ra biến động ở thị trường Trung Quốc.

Có thể nói, ngay từ trước dịch, đã định hình xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu theo hướng giảm bớt sự lệ thuộc vào Trung Quốc do tác động của chiến tranh thương mại, chủ nghĩa dân tộc nổi lên và quan hệ xấu đi giữa Mỹ và Trung Quốc. Nhiều tập đoàn đa quốc gia đã và đang dịch chuyển chuỗi cung ứng từ Trung Quốc về nước hoặc sang một số nước đang phát triển khác; sử dụng công nghệ cao để “địa phương hóa” chuỗi cung ứng ngay tại nước phát triển. Đại dịch xảy ra đã thúc đẩy các nước phát triển điều chỉnh nhanh, mạnh cách thức tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu theo hướng đẩy nhanh xu hướng dịch chuyển trên; đồng thời nâng cao năng lực tự chủ đối với các mặt hàng thiết yếu, có tính chiến lược cao và chú trọng hơn đến việc khai thác tối đa thị trường nội địa.

*Các nước cung cấp vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp của mình đầu tư về nước.* Chính phủ Mỹ thực thi nhiều chính sách để thu hút đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại Mỹ, như miễn giảm thuế cho các doanh nghiệp Mỹ (giảm thuế thu nhập từ 25% xuống 21%), cải cách thủ tục cấp phép đầu tư, đưa ra các tiêu chuẩn linh hoạt hơn nhằm nâng cao tính cạnh tranh của một số ngành công nghiệp Mỹ (năng lượng, ô-tô, nhôm, thép...). Các nước EU thúc đẩy kinh tế “tự chủ chiến lược”, kiểm soát đầu tư ra nước ngoài, như Đức, Italia quy định chặt chẽ hơn đối với đầu tư ra nước ngoài trong các ngành chiến lược; Pháp triển khai chiến lược “sản xuất tại Pháp” nhằm thúc đẩy sản xuất trong nước trong các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao, như ô-tô, hàng không, công nghệ số... Nhật Bản dành ngân sách 2,2 tỷ USD, trong đó 2 tỷ USD hỗ trợ các doanh nghiệp Nhật Bản đưa sản xuất từ Trung Quốc về nước và khoảng 200 triệu USD hỗ trợ doanh nghiệp Nhật Bản di chuyển sản xuất, đa dạng hóa nguồn cung trong một số ngành ưu tiên (thiết bị y tế, phụ tùng ô-tô, điện tử, kim loại hiếm...). Hàn Quốc ban hành luật thu hút các doanh nghiệp đã đầu tư ở nước ngoài quay về sản xuất, kinh doanh tại Hàn Quốc...



*Một số nước tăng cường ngăn chặn nhà đầu tư nước ngoài thâm nhập doanh nghiệp trong nước, nhất là trong lĩnh vực công nghệ, kết cấu hạ tầng quan trọng, an ninh - quốc phòng. Mỹ mở rộng phạm vi kiểm duyệt đầu tư đối với các dự án liên quan đến an ninh quốc gia; trao quyền cho Ủy ban Đầu tư nước ngoài (CFIUS) sàng lọc đầu tư trong các lĩnh vực công nghệ và kết cấu hạ tầng trọng yếu. Ấn Độ điều chỉnh chính sách quản lý đầu tư, theo đó, tất cả đầu tư từ các quốc gia láng giềng có chung biên giới với Ấn Độ đều phải được chính phủ xét duyệt. Đức tăng cường kiểm soát đầu tư nước ngoài vào kết cấu hạ tầng quan trọng. Pháp đưa ra danh sách công nghệ chịu sự kiểm soát của chính phủ, giảm tỷ lệ góp vốn của các nhà đầu tư ngoài EU được phép đầu tư vào các doanh nghiệp Pháp, từ 25% xuống 10%. Tây Ban Nha quy định các khoản đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực kết cấu hạ tầng quan trọng, cung ứng các nguyên liệu chủ chốt, phải được chính phủ phê duyệt.*

*Trong khi đó, một số nước tiếp nhận FDI đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư nhằm cạnh tranh thu hút FDI. Ấn Độ xem xét miễn thuế cho các dự án đầu tư mới trên 500 triệu USD, miễn thuế 4 năm cho các dự án đầu tư trên 100 triệu USD trong các lĩnh vực sử dụng nhiều lao động, như dệt may, da giày, chế biến thực phẩm. Indonesia ban hành các chính sách ưu đãi mới, hỗ trợ doanh nghiệp nước ngoài chuyển từ Trung Quốc sang Indonesia, thiết lập Khu công nghiệp Brebes dành riêng cho doanh nghiệp Mỹ. Thái Lan đẩy mạnh thu hút đầu tư trong lĩnh vực thiết bị y tế, ưu tiên các dự án công nghệ cao. Malaysia tăng ưu đãi thuế để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực chiến lược.*

So với nhiều nước trong khu vực, Việt Nam có một số lợi thế để tranh thủ sự dịch chuyển đầu tư và chuỗi cung ứng, như chính trị - xã hội ổn định, nguồn lao động trẻ dồi dào, tiềm năng thị trường gần 100 triệu dân với tầng lớp khá giả ngày càng tăng... Mạng lưới các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam tham gia được nhiều doanh nghiệp đánh giá là một lợi thế lớn của Việt Nam để thu hút các nhà đầu tư di chuyển sản xuất sang Việt Nam nhằm tiếp cận các thị trường có FTA với Việt Nam. Đơn cử như, FTA Việt Nam - EU (EVFTA) bắt đầu có hiệu lực từ tháng 8-2020, tạo cho Việt Nam lợi thế đi trước hầu hết các nước trong khu vực từ 7 - 10 năm về đặc quyền tiếp cận thị trường EU rộng lớn với cam kết giảm thuế quan đối với gần 100% dòng thuế.

Đặc biệt, việc thực hiện thành công mục tiêu kép: vừa khống chế được dịch bệnh Covid-19, vừa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đã nâng cao uy tín của Việt Nam như một điểm đến đầu tư an toàn, có năng lực quản trị, cũng như khả năng kháng chịu, thích ứng tương đối tốt trước những biến động của thế giới. Đây cũng là lợi thế của Việt Nam so với nhiều nước trong khu vực còn chưa khống chế được dịch bệnh Covid-19 (Ấn Độ, Indonesia, Philippines...) trong cạnh tranh thu hút đầu tư nước ngoài.

Nếu phát huy và khai thác tối đa những lợi thế trên, Việt Nam có cơ hội lớn với vị thế thuận lợi, đa dạng hóa, đa phương hóa việc tham gia các chuỗi cung ứng toàn cầu, sẽ thu hút các tập đoàn lớn, tập đoàn công nghệ có nhu cầu dịch chuyển sản xuất và chuỗi cung ứng, nhờ đó thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng

và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bên cạnh cơ hội có ý nghĩa lâu dài này, việc thu hút đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực đang dịch chuyển sản xuất và chuỗi cung ứng (điện tử, dệt may, linh kiện ô-tô...) còn trực tiếp góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội trong và sau dịch bệnh Covid-19.

Tuy nhiên, sự đứt gãy các chuỗi giá trị toàn cầu do đại dịch Covid-19 cũng làm bộc lộ rõ hơn tính dễ tổn thương của nền kinh tế. Nếu đại dịch kéo dài, dự địa chính sách kinh tế vĩ mô của Việt Nam có thể bị thu hẹp, dẫn tới hạn chế khả năng ứng phó với các vấn đề an sinh xã hội phát sinh. Nếu không được kiểm soát tốt, việc dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu có thể khiến Việt Nam trở thành điểm đến của các cơ sở sản xuất công nghệ thấp, không thân thiện với môi trường.

### ***1.1.2. Đẩy nhanh hình thành cách tiếp cận mới về toàn cầu hóa***

Trước đại dịch, quá trình toàn cầu hóa đã đối mặt với nhiều thách thức, đặt biệt là chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa đơn phương gia tăng ở nhiều nước, cạnh tranh nước lớn gia tăng cũng như những chỉ trích ngày càng gay gắt đối với mô hình toàn cầu hóa theo chủ nghĩa tân tự do. Do đó, trên thực tế toàn cầu hóa đã có xu hướng chững lại.

Những bất cập của “thế giới phẳng” bộc lộ rõ hơn trong Đại dịch sẽ càng thúc đẩy mạnh hơn, nhanh hơn những thay đổi, điều chỉnh cách tiếp cận của các quốc gia đối với tiến trình toàn cầu hóa. Thời gian tới, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sẽ vẫn được duy trì, nhưng sẽ được các nước tiến hành theo cách thận trọng và có kiểm soát hơn, bởi chính mức độ liên kết và toàn cầu hóa cao như hiện nay là điều kiện để dịch bệnh lây lan nhanh chóng và làm tê liệt gần như cùng lúc nền kinh tế thế giới trong thời gian ngắn.

Các nước sẽ phải nhận thức lại rủi ro về sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế, theo đó các chuỗi cung ứng toàn cầu – trung tâm của quá trình toàn cầu hóa, chiếm tới 70% thương mại thế giới – sẽ được tái cấu trúc theo hướng thu gọn, cắt ngắn và “địa phương hóa” để hạn chế rủi ro. Chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa đơn phương nhiều khả năng sẽ trở dậy mạnh mẽ hơn nữa, tác động tiêu cực tới các dòng chu chuyển thương mại, vốn và chuyển giao công nghệ toàn cầu. Các quốc gia sẽ phải thận trọng hơn và có các biện pháp kiểm soát chặt chẽ hơn khi mở cửa. Thế giới sẽ định hình lại toàn cầu hóa với chuỗi giá trị ngắn hơn.

### ***1.1.3. Đẩy nhanh cách mạng công nghiệp 4.0 và xu hướng chuyển đổi số***

Cách mạng công nghiệp 4.0 đã được định hình và phát triển khá mạnh mẽ trong thời gian qua, đã phát huy được vai trò và hiệu quả to lớn trong đối phó với đại dịch lần này, do đó sẽ có những điều kiện rất thuận lợi để có những bước phát triển vượt bậc trong thời gian tới.

Trước nguy cơ dịch bệnh có thể tái phát và sự xuất hiện của các dịch bệnh tương tự trong tương lai, quá trình chuyển đổi công nghệ sẽ xoay quanh việc tạo ra một số mô hình hoạt động trong một xã hội giảm tiếp xúc. Xu hướng tiêu dùng, thương mại và xu thế phát triển mới trên nguyên tắc từ xa, hạn chế tiếp xúc, xuất hiện thêm nhiều các ngành nghề kinh doanh trực tuyến mới dựa trên kinh tế số.

Các loại hình điện tử, trực tuyến dựa trên nền tảng internet sẽ được ứng dụng rộng rãi hơn nữa, như chính phủ điện tử, thương mại điện tử, làm việc trực tuyến tại nhà, học trực tuyến từ xa... Cùng với xu hướng các loại hình điện tử, trực tuyến được đẩy nhanh ứng dụng, nguy cơ về an ninh mạng cũng ngày càng lớn hơn, thúc đẩy lĩnh vực công nghệ đảm bảo an ninh mạng phát triển.

Cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ được các nước chú trọng tăng cường đầu tư, đẩy nhanh hơn nữa trong thời gian tới. Công nghệ thông tin, đặc biệt là kết nối 5G, 6G sẽ được quan tâm phát triển nhanh hơn nữa. Công nghệ tự động hóa với việc sử dụng người máy và quá trình tự động hóa sản xuất, điều khiển hoạt động từ xa, phương tiện không người lái sẽ có bước phát triển nhảy vọt.

Tuy vậy, kinh tế số sẽ tạo ra luật chơi mới và yêu cầu các doanh nghiệp phải có sáng tạo, thích ứng nhanh nếu không muốn bị bỏ lại phía sau. Đây cũng là thời cơ lớn để Việt Nam tích cực tham gia và có được vị trí cao hơn trong lĩnh vực này, qua đó phát huy vai trò của cạnh mạng công nghiệp 4.0 như một định hướng phát triển quan trọng của đất nước. Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đã kịp thời có những định hướng chiến lược để phát triển lĩnh vực này. Tuy nhiên, Việt Nam cũng còn không ít hạn chế. Môi trường pháp lý cho các lĩnh vực công nghệ số, kinh tế số chưa được hoàn thiện, đặc biệt là thể chế cho các hoạt động kinh tế số, kinh tế chia sẻ, đổi mới sáng tạo. Chất lượng nguồn nhân lực vẫn là trở ngại lớn nhất, chưa thể tạo ra lợi thế so với các nước trong khu vực.

#### ***1.1.4. Thay đổi nhận thức về quản trị quốc gia, đẩy nhanh định hình lại mô hình quản trị toàn cầu***

Đại dịch đã làm bộc lộ rõ hơn những bất cập của một số mô hình, phương thức phát triển, tổ chức và quản lý xã hội, thúc đẩy các nước nhận thức lại về (1) Vai trò của nhà nước và mối quan hệ giữa nhà nước với thị trường và xã hội nhằm bảo đảm khả năng xử lý hiệu quả các cuộc khủng hoảng; (2) Giá trị, mục tiêu và phương thức phát triển, đáp ứng đầy đủ các nhu cầu thực tế của con người, giảm thiểu sự phụ thuộc vào bên ngoài trong các lĩnh vực thiết yếu; (3) Mối quan hệ công – tư, vai trò quan trọng của khu vực công ích trong việc đáp ứng các nhu cầu xã hội, nhất là trong các lĩnh vực y tế, an sinh, các lĩnh vực thiết yếu khác nhưng ít lợi nhuận; (4) Mối quan hệ giữa quyền tự do cá nhân với lợi ích cộng đồng, bảo đảm các quyền chính đáng của cá nhân hài hòa với lợi ích của cộng đồng, xã hội.

Đại dịch lần này đã bộc lộ khá rõ những yếu kém như các định chế quốc tế chủ chốt đã không phát huy hiệu quả vai trò quản trị toàn cầu do mâu thuẫn sâu sắc giữa các nước lớn cũng như những bất cập, hạn chế của bản thân các định chế này, đặc biệt là sự thiếu hiệu quả trong phối hợp quốc tế để ứng phó với dịch bệnh, Chính vì vậy, vai trò của các định chế quốc tế sẽ bị thách thức rất lớn và quản trị toàn cầu có thể có những dịch chuyển theo hướng thúc đẩy cải cách các định chế quốc tế hỗ trợ cho quản trị toàn cầu để khắc phục các yếu kém thời gian qua.

---

## 1.2. Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam

Cũng như các cuộc khủng hoảng khác trong lịch sử, Đại dịch Covid 19 có thể trở thành bước ngoặt trong tiến trình phát triển của thế giới, mang lại nhiều cơ hội cũng như không ít thách thức đối với các nước, trong đó có Việt Nam.

### 1.2.1. Cơ hội

- Cơ hội từ xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, Việt Nam có cơ hội trở thành một điểm đến hấp dẫn trong chiến lược dịch chuyển chuỗi cung ứng nhờ vào lợi thế về nguồn lao động dồi dào, có vị trí địa lý thuận lợi cho việc thiết lập chuỗi cung ứng, có môi trường đầu tư không ngừng được cải thiện, đã tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do, nhất là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới với các đối tác quan trọng, uy tín và vị thế quốc tế ngày càng cao, được các nước, đối tác và các nhà đầu tư quốc tế tin cậy. Tuy nhiên, cơ sở hạ tầng hạn chế, chất lượng nguồn nhân lực và năng suất lao động thấp là những hạn chế trong thu hút các dự án có chất lượng.

- Cơ hội đẩy nhanh phát triển CMCN 4.0, phát triển mạnh mẽ công nghệ số, tự động hóa, dữ liệu lớn và internet kết nối vạn vật là trào lưu chung của thế giới mà Việt Nam không thể đứng ngoài. Đây cũng là thời cơ lớn để Việt Nam tích cực tham gia và có được vị trí cao hơn trong lĩnh vực này, qua đó phát huy vai trò của CMCN 4.0 như một định hướng phát triển quan trọng của đất nước

Việt Nam có một số thuận lợi trong việc triển khai cuộc CMCN 4.0 do đã kịp thời có những định hướng chiến lược về CMCN 4.0; cơ sở hạ tầng thông tin với nền tảng công nghệ số và kết nối đã được phát triển một bước; nhận thức của xã hội cũng có nhiều thay đổi tích cực đối với việc áp dụng thành tựu CMCN 4.0 trong các hoạt động kinh tế cũng như đời sống, đặc biệt là ở giai đoạn chống dịch vừa qua. Tuy nhiên, cũng có những điểm hạn chế như: môi trường pháp lý chưa được hoàn thiện, đặc biệt là thể chế cho các hoạt động kinh tế số, kinh tế chia sẻ, đổi mới sáng tạo; nguồn nhân lực chất lượng cao vẫn là cản trở lớn.

- Cơ hội đổi mới cho các doanh nghiệp Việt Nam, tác động từ đại dịch Covid-19 tạo ra nhận thức mới, xu hướng chuyển dịch trong thị hiếu tiêu dùng, giao dịch thương mại mới trên nguyên tắc từ xa, hạn chế tiếp xúc; xuất hiện các ngành nghề kinh doanh trực tuyến mới dựa trên kinh tế số,... tạo ra thay đổi về cầu đối với một số sản phẩm, dịch vụ thiết yếu như chế biến thực phẩm; y tế, hoá dược phẩm, chuyển đổi số, e-logistics...; đem lại cơ hội thị trường mới cho các doanh nghiệp Việt Nam có thể tận dụng để tái cơ cấu sản xuất, hình thành các chuỗi giá trị mới và phát triển bứt phá. Đây là cơ hội để các doanh nghiệp Việt Nam nhìn nhận, sát hạch lại năng lực thực sự, sức chống chịu, thích ứng trước biến cố thị trường, an ninh phi truyền thống; rà soát, đánh giá, cơ cấu lại nguồn nguyên vật liệu, khách hàng và tìm ra hướng đi mới chủ động hơn, xây dựng phương án đổi mới mô hình sản xuất, chiến lược kinh doanh mới nhanh chóng nắm bắt tín hiệu, nhu cầu mới của thị trường. Thời điểm này cũng là dịp để các doanh nghiệp Việt Nam có thể tập trung đổi mới trang thiết bị, công nghệ với chi phí rẻ hơn; đồng thời thúc đẩy liên kết, mạng lưới cung ứng trong nước, giảm lệ

thuộc vào nước ngoài, nâng cao chất lượng, giảm giá sản phẩm dịch vụ để tận dụng cơ hội chiếm lĩnh và củng cố thị phần. Đồng thời, một số chính sách hội nhập quốc tế như các hiệp định thương mại tự do mới được ký kết và chính thức có hiệu lực sẽ tạo lợi thế cho các doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Cơ hội phát huy sức mạnh con người Việt Nam, tạo động lực to lớn cho sự phát triển của đất nước. Thành công của Việt Nam trong phòng, chống dịch vừa qua thể hiện sự ưu việt của Việt Nam, mô hình và phương thức phát triển đất nước. Khẳng định sự đúng đắn trong chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiệu quả của các chính sách, biện pháp chỉ đạo của Chính phủ đã góp phần củng cố niềm tin của nhân dân, nâng cao hình ảnh và uy tín quốc tế của Việt Nam. Đây là điều kiện thuận lợi, là cơ hội quan trọng để phát huy sức mạnh to lớn của văn hóa và con người Việt Nam, từ ý chí, bản lĩnh, nghị lực đến sự tự tin về năng lực và tư tưởng, tạo nên động lực to lớn để hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước.

- Cơ hội phát huy vai trò và vị thế quốc tế. Với những thành tựu quan trọng của sự nghiệp đổi mới và với đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng và Nhà nước, uy tín quốc tế của Việt Nam đã không ngừng được nâng cao hơn trong những năm qua. Thành công to lớn trong phòng chống dịch càng nâng cao hơn nữa vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam. Đây chính là cơ hội tốt để Việt Nam thể hiện vai trò của một thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế; đồng thời khai thác để tăng cường quan hệ đối ngoại, cả về song phương lẫn đa phương, trong đó có việc gia tăng chiều sâu quan hệ với các đối tác quan trọng, mở rộng dư địa đối ngoại phục vụ cho các mục đích an ninh, kinh tế, chính trị của đất nước.

### **1.2.2. Thách thức**

- Thách thức do áp lực kinh tế - xã hội gia tăng. Tác động của Đại dịch và các xu hướng tiêu cực của nền kinh tế thế giới, nhất là nguy cơ khủng hoảng kinh tế sẽ áp lực lên nhiều mặt kinh tế - xã hội và kinh tế vĩ mô của Việt Nam, trong đó có nợ công, ngân sách, lạm phát, tỷ giá và các vấn đề xã hội.

- Thách thức trong bảo đảm định hướng phát triển bền vững. Phát triển bền vững là một định hướng chiến lược, một mục tiêu phát triển quan trọng của nước ta. Những tác động và hệ lụy của Đại dịch đang đặt ra thách thức đối với việc thực hiện định hướng phát triển quan trọng này. Đặc biệt, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu và dịch chuyển tiêu dùng quốc tế sang các mặt hàng phân khúc thấp hơn tiềm ẩn rủi ro dịch chuyển sang Việt Nam các cơ sở sản xuất công nghệ thấp, không thân thiện với môi trường và nguy cơ Việt Nam trở thành công xưởng cho các mặt hàng sản xuất phân khúc thấp.

- Cạnh tranh giữa các nước lớn gia tăng mạnh có thể sẽ đặt khó khăn lớn trong xử lý quan hệ của Việt Nam với các nước lớn trong đó có quan hệ thương mại. Các thiết chế toàn cầu suy giảm vai trò sẽ cản trở hợp tác quốc tế cũng như làm giảm vai trò và hiệu lực của luật pháp quốc tế, điều này sẽ đặt cho Việt Nam những thách thức trong quan hệ kinh tế quốc tế.

- Thách thức do khả năng dịch bệnh kéo dài và tái phát. Hiện nay thế giới chưa có vắc-xin và thuốc đặc trị, vì vậy không thể loại trừ khả năng dịch bệnh sẽ kéo dài và tái phát. Việt Nam, đến nay cơ bản đã được kiểm soát, nhưng vẫn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát trở lại do tình hình dịch bệnh trên thế giới vẫn diễn biến hết sức phức tạp. Đây là một thách thức không nhỏ đối với Việt Nam.

## II. QUAN ĐIỂM, YÊU CẦU ĐẶT RA

Cũng như tất cả các cuộc khủng hoảng khác trong lịch sử nhân loại. Đại dịch Covid-19 có thể trở thành bước ngoặt trong tiến trình phát triển của thế giới, mang lại nhiều cơ hội cũng như không ít thách thức đối với các nước, trong đó có Việt Nam. Để nắm bắt được cơ hội này, Việt Nam có một số lợi thế quan trọng. Việt Nam có nguồn lao động dồi dào, đứng thứ 3 ở khu vực Đông Nam Á với 55,4 triệu người trong độ tuổi lao động; mức lương bình quân còn khá thấp, là ưu thế trong việc thu hút các doanh nghiệp FDI, nhất là đối với các ngành thâm dụng lao động như dệt may, da giày lắp ráp linh kiện điện tử, chế biến thực phẩm, đồ uống... Việt Nam cũng có vị trí địa lý thuận lợi cho việc thiết lập chuỗi cung ứng, có môi trường đầu tư không ngừng được cải thiện, đã tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do, nhất là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới với các đối tác kinh tế quan trọng như Hiệp định CPTPP, EVFTA. Với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hội nhập quốc tế sâu rộng, Việt Nam đã không ngừng mở rộng quan hệ đối ngoại, xây dựng được uy tín và vị thế quốc tế ngày càng cao, được các nước, các đối tác và các nhà đầu tư quốc tế tin cậy. Thành công của Việt Nam trong phòng chống dịch vừa qua thể hiện rõ những ưu việt về và mô hình, phương thức phát triển của nước ta, khẳng định sự đúng đắn của chủ trương, đường lối của Đảng, hiệu quả của các chính sách, biện pháp chỉ đạo của Chính phủ đã góp phần tiếp tục củng cố thêm niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, nâng cao hình ảnh và uy tín quốc tế của Việt Nam. Đây là điều kiện thuận lợi, là cơ hội quan trọng để phát huy sức mạnh to lớn của văn hóa và con người Việt Nam để tạo nên động lực to lớn thực hiện hóa khát vọng phát triển đất nước hậu dịch Covid-19. Do đó, quan điểm trong xây dựng chính sách nhằm phục hồi và phát triển đất nước thời kỳ hậu Covid-19 cần tập trung cụ thể như sau:

(1) Kiên định mục tiêu kép vừa ứng phó dịch vừa thúc đẩy phát triển kinh tế; kiên trì ổn định kinh tế vĩ mô, phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ các công cụ tài khóa, tiền tệ, sử dụng tối đa dự địa tài khóa đi đôi với nâng cao hiệu quả chi tiêu/đầu tư công cho phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội.

(2) Quản lý kinh tế vĩ mô một cách thận trọng, chắc chắn hiệu quả; nghiên cứu điều chỉnh một số định hướng ngành kinh tế theo hướng thích ứng với bối cảnh, tình hình mới, để sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư tương ứng; giảm dần nợ công. Lựa chọn hợp lý các chính sách cũng như đối tượng thụ hưởng do tác động của đại dịch đến các ngành kinh tế có sự khác biệt rất lớn, cần có các biện pháp dài hạn, tập trung vào vấn đề tháo gỡ chính sách để tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn nữa cho đội ngũ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp tư nhân. Tái cấu trúc hệ thống chính sách, pháp luật, cơ chế, chính sách hiện có theo hướng

phù hợp với thông lệ quốc tế, để phát huy hiệu quả cao nhất các FTA mà Việt Nam đã ký kết.

(3) Củng cố các yếu tố nền tảng cho tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, trong đó có đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp cơ bản, công nghiệp chuyên sâu như cơ khí, chế tạo, công nghiệp vật liệu..., công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghiệp hỗ trợ; đồng thời phát huy hơn nữa vai trò của khu vực kinh tế trong nước.

(4) Đẩy nhanh và thực chất tiến trình lớn, quan trọng như cơ cấu lại nền kinh tế, cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực, cơ cấu phát triển của vùng, các địa phương; cơ cấu thị trường xuất nhập khẩu, thị trường sản phẩm trong nước; triển khai các đột phá chiến lược, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động, nâng cao tính tự chủ, khả năng thích ứng và chống chịu của nền kinh tế...

(5) Chủ động và tích cực khai thác xu hướng chuyển dịch của chuỗi cung ứng toàn cầu về cả quy mô và chất lượng, sớm xây dựng chiến lược phù hợp để đón đầu các dòng vốn chuyển dịch đầu tư lớn. Nâng cao hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài có trọng tâm, trọng điểm, có chọn lọc, ưu tiên các dự án có hàm lượng công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, quản trị hiện đại, thân thiện với môi trường, phục vụ cho chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam.

(6) Tiếp tục tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế toàn diện, song cần rà soát lại các chiến lược, lĩnh vực hội nhập và các bước đi, lộ trình phù hợp trước những yếu tố mới đang cản trở tiến trình toàn cầu hóa, đảm bảo cao nhất các lợi ích quốc gia – dân tộc. Nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế; đa dạng thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa và nguyên liệu đầu vào, hạn chế phụ thuộc quá lớn vào một thị trường. Nắm bắt và khai thác có hiệu quả cơ hội từ sự dịch chuyển cung cầu thế giới ở các lĩnh vực mà Việt Nam có thế mạnh.

(7) Dành ưu tiên cao cho việc phát triển các lĩnh vực cách mạng công nghiệp 4.0, xây dựng các chiến lược phát triển đối với các lĩnh vực này, để đi trước đón đầu xu hướng công nghệ số, tự động hóa, kết nối sẽ đóng vai trò lớn hơn nữa trong việc tái định hình hành vi tiêu dùng, phương thức kinh doanh và mô hình quản trị, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng từ chỗ dựa chủ yếu vào lao động giá rẻ, tài nguyên thiên nhiên không tái tạo và gia tăng vốn đầu tư chuyển sang dựa trên nhân tố khoa học công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao.

(8) Ngăn ngừa và ứng phó hiệu quả trước các thách thức, rủi ro do những biến động của môi trường quốc tế gây ra; chủ động nâng cao cảnh giác, xử lý tốt các vấn đề phức tạp trong quan hệ quốc tế; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia.

(9) Tổng kết và rà soát các gói hỗ trợ, nhất là gói chính sách tiền tệ - tín dụng, gói hỗ trợ về tài khóa, gói hỗ trợ về an sinh xã hội... để đánh giá những kết quả, hạn chế, rút ra bài học kinh nghiệm, từ đó có những kiến nghị cho việc tiếp tục đề xuất những chính sách, gói hỗ trợ mới phục vụ khôi phục phát triển kinh tế sau Đại dịch.

(10) Tiếp tục tuyên truyền, tăng cường niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, khơi dậy lòng yêu nước, tự hào dân tộc, huy động sức mạnh toàn dân cho cuộc chiến phòng chống dịch bệnh, khôi phục, phát triển kinh tế.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM**

Với quan điểm chính sách nêu trên, Việt Nam vẫn cần tập trung vào triển khai các nhiệm vụ và giải pháp mang tính nền tảng, căn bản, dài hơi chủ yếu như sau:

**1. Quyết liệt cải cách, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, khơi thông điểm nghẽn, giải pháp nguồn lực phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.** Thực hiện nhất quán và triệt để cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tập trung giải quyết các điểm nghẽn, bất cập làm cản trở doanh nghiệp phát triển nhất là khu vực kinh tế tư nhân. Rà soát, loại bỏ điều kiện kinh doanh và thủ tục hành chính không cần thiết và các loại chi phí không chính thức. Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa quốc gia gắn với ứng dụng công nghệ thông tin, cung ứng dịch vụ công qua mạng, góp phần giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp và nhà đầu tư.

Đẩy nhanh xây dựng khung chính sách, pháp luật đối với xây dựng chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số. Xây dựng, thử nghiệm, hoàn thiện khung khổ pháp lý cho các mô hình kinh doanh mới ứng dụng công nghệ cao, mô hình kinh tế chia sẻ, các phương thức thanh toán mới...

**2. Nâng cao năng lực, sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhằm đón đầu các lợi thế, cơ hội mới**

Tiếp tục nghiên cứu, có chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch như các doanh nghiệp thuộc ngành dệt may, da giày, du lịch, hàng không... và các doanh nghiệp nhỏ và vừa, giúp doanh nghiệp ổn định lực lượng lao động, duy trì và sẵn sàng cho phục hồi sản xuất kinh doanh. Có chính sách hỗ trợ một số doanh nghiệp trong nước hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề quan trọng vượt qua khó khăn do đại dịch Covid-19, tránh để bị thu tóm, sáp nhập bởi doanh nghiệp ngoài nước.

Đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động sau cổ phần hóa, thoái vốn; khuyến khích đổi mới công nghệ, mở rộng, đa dạng thị trường, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp khu vực tư nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần tiếp tục sức sáng tạo và linh hoạt thích ứng với hoàn cảnh mới để duy trì sản xuất kinh doanh, ổn định việc làm cho người lao động; nhanh nhạy tận dụng các cơ hội thị trường; tạo mọi điều kiện để doanh nghiệp tư nhân phát huy sức sáng tạo và khả năng thích ứng, tận dụng các cơ hội, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo việc làm cho người lao động để có thể tham gia sâu hơn vào các chuỗi giá trị trong và ngoài nước.

Đối với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn cần tăng cường nội lực, liên tục đổi mới sáng tạo, phát huy vai trò đầu tàu trong việc hình thành các chuỗi giá trị có



sự tham gia của doanh nghiệp nhỏ và vừa; chủ động sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng của các hàng hóa, sản phẩm trong nước; xây dựng các thương hiệu Việt và tạo vị thế ngày càng lớn trên thị trường trong nước và quốc tế.

### **3. Đẩy mạnh phát triển kinh tế số và đổi mới sáng tạo**

Xây dựng và phát triển hệ thống trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, vùng và địa phương để thực hiện hỗ trợ, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng trên nền tảng phát triển khoa học và công nghệ.

Đẩy mạnh triển khai các chính sách, giải pháp khuyến khích doanh nghiệp chuyển đổi số, phát triển kinh tế số; hỗ trợ phát triển các nền tảng thương mại điện tử; các ứng dụng công nghệ giao dịch thanh toán điện tử...; thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và phát triển kinh tế số một cách toàn diện.

Tập trung nguồn lực để phát triển một số nền tảng công nghệ dùng chung, các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia cốt lõi, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật an toàn, an ninh thông tin để thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ điện tử, đô thị thông minh và phát triển kinh tế số một cách toàn diện.

**4. Đánh giá đúng thực chất các xu hướng chuyển dịch đầu tư, xây dựng kế hoạch thu hút đầu tư có chọn lọc, có lộ trình gắn với các ưu tiên trong ngắn, trung và dài hạn. Đẩy nhanh việc hoàn thiện các quy định về thủ tục, điều kiện đầu tư, danh mục, địa bàn, lĩnh vực, đối tượng được áp dụng ưu đãi đầu tư.**

**5. Đẩy mạnh phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, hướng tới phát huy lợi thế, thúc đẩy nội lực, liên kết vùng**

Phát huy thế mạnh của các vùng kinh tế trọng điểm là đầu tàu cho phát triển kinh tế, là trung tâm xây dựng và thực hiện các chính sách, giải pháp phát triển vùng bền vững, đồng bộ, hệ thống, tạo tác động lan tỏa.

Thúc đẩy liên kết nội vùng, liên vùng và quốc tế, tạo cơ sở phát triển mô hình tổ chức lãnh thổ, tổ chức sản xuất kinh doanh mới, hình thành các cụm liên kết ngành, các chuỗi giá trị sản xuất và cung ứng liên thông; tạo không gian phát triển mới. Tập trung đầu tư, phát huy thế mạnh của các vùng kinh tế trọng điểm là đầu tàu cho phát triển kinh tế.

**6. Đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại nền kinh tế và trong từng ngành, lĩnh vực theo hướng xây dựng nền kinh tế tự chủ, khơi dậy nội lực, nâng cao khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế. Đồng thời, mở rộng và thúc đẩy những động lực tăng trưởng mới**

Trong trạng thái mới của nền kinh tế, cần tập trung phục hồi chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị bị đứt gãy, xây dựng và phát triển chuỗi giá trị mới. Duy trì ổn định các loại nguyên vật liệu phục vụ sản xuất mà Việt Nam có lợi thế; tập trung phát triển sản xuất các loại vật liệu cơ bản, vật liệu mới để bảo đảm tự chủ nguồn nguyên vật liệu trong nước, thay thế một phần nguồn nhập khẩu. Hình thành và phát triển các chuỗi cung ứng hàng hóa, xây dựng và triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc, đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn theo đúng thông lệ quốc tế, để kịp

thời ứng phó với phương án chuyển hướng xuất khẩu sang các thị trường mới. Đồng thời mở rộng và thúc đẩy những động lực tăng trưởng mới như kinh tế đô thị, kinh tế số, kinh tế ban đêm, các ngành vật liệu mới, năng lượng mới,... những tiềm năng, thế mạnh mà Việt Nam cần củng cố và phát huy.

Trong đó, đối với lĩnh vực công nghiệp và thương mại cần tập trung:

- **Về công nghiệp:** Hỗ trợ phát triển những ngành, lĩnh vực Việt Nam có tiềm năng, lợi thế đã tham gia sâu trong các chuỗi giá trị toàn cầu như linh kiện điện tử, điện thoại, máy tính...; những lĩnh vực bảo đảm việc làm sử dụng nhiều lao động như dệt may, da giày.... Phát triển vững chắc một số ngành công nghiệp nền tảng; phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp điện tử là con đường chủ đạo; tiếp tục phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo có lợi thế cạnh tranh; phát triển công nghiệp chế tạo thông minh là bước đột phá; chú trọng phát triển công nghiệp môi trường, công nghiệp xanh, thân thiện môi trường, khí hậu và dịch vụ hỗ trợ công nghiệp công nghiệp; Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp thay thế nhập khẩu, đặc biệt là đối với các ngành sản xuất hàng hoá trung gian, là tư liệu cho sản xuất như máy móc, thiết bị, nguyên phụ liệu cho sản xuất để tăng cường khai thác hiệu quả của các FTA mới được ký kết và nâng cao năng lực sản xuất của nền kinh tế, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị trong nước của các ngành công nghiệp; Phát triển ngành công nghiệp năng lượng cạnh tranh cao theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước để đa dạng hoá việc huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển và cung ứng dịch vụ khách hàng; đa dạng hóa nguồn cung năng lượng cả trong và ngoài nước nhằm đáp ứng vị trí của một trung tâm sản xuất toàn cầu và đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Xác định phát triển công nghiệp vật liệu là một trong những yếu tố then chốt để nâng cao tính tự chủ cho nền kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm công nghiệp. Phát triển sản xuất công nghiệp vật liệu từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 để từng bước đáp ứng nguyên, nhiên, vật liệu cung ứng cho các thị trường sản xuất trong nước, giảm nhập khẩu nguyên, vật liệu công nghiệp.

Xây dựng kế hoạch phát triển khu công nghiệp và khu kinh tế có tính đến lợi thế so sánh của từng tỉnh, vùng theo hướng tăng cường hỗ trợ và kết nối các chuỗi cung ứng trong nước nhằm thúc đẩy sự hội nhập của Việt Nam vào các chuỗi giá trị toàn cầu hiệu quả hơn và thúc đẩy phát triển các cụm ngành sản xuất và tạo thuận lợi cho liên kết đầu vào - đầu ra của chuỗi giá trị và tích hợp chúng vào các quy hoạch tổng thể quốc gia, vùng và tỉnh để hỗ trợ tốt nhất cho kết nối dựa trên chuỗi giá trị và khả năng cạnh tranh

Tái cấu trúc lại không gian phát triển công nghiệp lớn theo hướng các cụm công nghiệp chuyên môn hoá theo lợi thế của các vùng, địa phương để hình thành các mạng lưới sản xuất theo chuỗi với sự dẫn dắt của các tập đoàn công nghiệp lớn, đa quốc gia, trong đó có các doanh nghiệp của Việt Nam và chuyển dịch lên các nấc thang cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu. Thống nhất nguồn lực từ Trung ương đến địa phương tập trung đầu tư, phát triển các dự án công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp hỗ trợ và một số ngành công nghiệp vật liệu cơ bản quan trọng như

thép cán nóng, sản xuất vải, dệt nhuộm hoàn tất vải, vật liệu mới... để khắc phục sự phụ thuộc vào nguồn nguyên vật liệu, linh phụ kiện đầu vào nhập khẩu, hạn chế tối đa tình trạng đứt gãy chuỗi sản xuất trong trường hợp có các biến động bất ngờ về kinh tế, chính trị và xã hội từ khu vực. Nghiên cứu có chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng khu công nghiệp có xử lý nước thải tập trung để các doanh nghiệp có dự án đầu tư dệt nhuộm có địa chỉ để có thể đăng ký đầu tư. Tăng cường thúc đẩy xây dựng các trung tâm nghiên cứu và phát triển thiết kế mẫu mã sản phẩm trong ngành da giày. Nghiên cứu xây dựng trung tâm trao đổi hoặc sàn giao dịch hàng hóa về nguyên phụ liệu da giày.

Đặc biệt, các địa phương cần chú trọng xây dựng và bố trí nguồn lực phù hợp để triển khai các chương trình phát triển công nghiệp tại địa phương trên cơ sở phù hợp với tiềm năng và lợi thế cạnh tranh. Hiện nay, mặc dù hầu hết các địa phương đều có định hướng phát triển công nghiệp, tuy nhiên nguồn lực thực thi hầu như rất hạn chế, chưa được quan tâm, chưa đi vào thực chất.

Triển khai có hiệu quả Nghị quyết về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ nhằm phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ trong thời gian giới, với mục tiêu nâng cao sự tự chủ cho các ngành sản xuất nền tảng, cơ bản của đất nước.

**- Về phát triển thị trường xuất, nhập khẩu:** Cơ cấu lại thị trường xuất nhập khẩu theo hướng đa dạng hóa thị trường, tránh phụ thuộc vào một thị trường; tăng cường xuất khẩu chính ngạch, đáp ứng tiêu chuẩn hàng hóa, quy định về truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý. Tận dụng triệt để các FTA đã ký kết và có hiệu lực, trong đó có Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã được đưa vào thực thi và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) để thúc đẩy xuất khẩu. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về các FTA để hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ trong khai thác và tận dụng các ưu đãi, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy định trong các FTA. Đẩy mạnh công tác xây dựng thể chế chính sách, cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; đẩy mạnh triển khai Cơ chế Một cửa Quốc gia nhằm tạo môi trường thuận lợi thông thoáng cho hoạt động xuất nhập khẩu.

Tiếp tục theo dõi sát sao diễn biến của đại dịch Covid-19 trên thế giới để có các biện pháp ứng phó kịp thời. Ưu tiên triển khai các hoạt động xúc tiến xuất khẩu và các thị trường xuất khẩu sớm khôi phục sau đại dịch; tập trung theo dõi sát tình hình từng thị trường để rà soát, xác định các chủng loại hàng hóa mà các nước đang có nhu cầu nhập khẩu để khai thác, thúc đẩy xuất khẩu.

Đa dạng hóa các kênh xuất nhập khẩu, tập trung đẩy mạnh xuất nhập khẩu qua các nền tảng số và qua hệ thống phân phối ở nước ngoài, đặc biệt là qua kênh thương mại điện tử của các tập đoàn thương mại điện tử lớn, có thương hiệu trong và ngoài nước để tiếp cận thị trường quốc tế của các tập đoàn này; tăng cường kết nối doanh nghiệp và với các kênh phân phối, các nhà nhập khẩu, hệ thống phân phối lớn trong và ngoài nước.

Đổi mới công tác xúc tiến thương mại và phát triển thương hiệu theo chiều sâu vào từng thị trường và mặt hàng cụ thể, đa dạng hóa các hình thức xúc tiến thương mại theo hướng tăng cường ứng dụng và khai thác các loại hình xúc tiến thương mại trực tuyến, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu thông qua môi trường thương mại điện tử và các nền tảng công nghệ số; Cải tổ hệ thống thương vụ của Việt Nam ở nước ngoài và hệ thống các Văn phòng xúc tiến thương mại theo hướng các tổ chức cung cấp dịch vụ công.

Nâng cao vai trò của các tổ chức hỗ trợ xuất khẩu; xây dựng và phát triển hệ thống các cơ quan đại diện, các văn phòng nghiên cứu phát triển thương mại và đầu tư đại diện cho doanh nghiệp, ngành hàng ở nước ngoài, đặc biệt là các thị trường khu vực trọng điểm như EU, Hoa Kỳ, các thị trường tại khu vực Mỹ La tinh nhằm tăng cường công tác thông tin thị trường, kết nối kinh doanh; tăng cường năng lực cung cấp dịch vụ cho các tổ chức hỗ trợ xúc tiến xuất khẩu.

Tiếp tục theo dõi, kịp thời điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại để bảo vệ sản xuất trong nước theo đúng cam kết quốc tế. Tăng cường quản lý Nhà nước về chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận xuất xứ; nâng cao năng lực phòng vệ thương mại trong bối cảnh hội nhập sâu rộng đặc biệt là tham gia các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới

***- Đẩy mạnh khai thác và phát triển thị trường nội địa, nâng cao sức tiêu dùng trong nước và phát triển thương hiệu Việt.***

Triển khai kịp thời và hiệu quả các Chương trình kích cầu tiêu dùng trong nước. Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hoạt động thương mại thị trường trong nước, trong đó chú trọng phát triển thị trường bán lẻ gắn với phát triển bền vững: (i) Tiếp tục hoàn thiện khung khổ luật pháp và chính sách cho sự phát triển của thị trường bán lẻ; (ii) Xây dựng các chính sách bảo vệ thị trường, sản phẩm và các nhà phân phối trong nước, cũng như bảo vệ người tiêu dùng phù hợp với cam kết quốc tế; (iii) Nghiên cứu xây dựng các rào cản kỹ thuật nhằm kiểm soát nguồn cung từ nhập khẩu để bảo vệ sản xuất và thúc đẩy phát triển thị trường trong nước nói chung và thị trường bán lẻ nói riêng.

Cải thiện môi trường kinh doanh và đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phân phối trên thị trường trong nước: (i) Rà soát, tiếp tục cắt giảm các điều kiện đầu tư kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động phân phối trong nước đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến cho các chủ thể hoạt động kinh doanh trên thị trường; (ii) Nâng cao năng lực trong công tác nghiên cứu, dự báo thị trường (dự báo cung cầu, giá cả, xu hướng thị trường, xây dựng hệ thống cảnh báo sớm...) và tăng cường hoạt động cung cấp thông tin, phổ biến kiến thức cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phân phối.

Tăng tổng cầu trong nước, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại nội địa, gắn kết lưu thông, liên kết các chuỗi cung ứng sản phẩm, hàng hóa: (i) Đẩy mạnh triển khai các giải pháp nhằm gắn kết giữa sản xuất với phân phối hàng hóa, tăng cường liên kết trong chuỗi giá trị hàng hóa gắn với thực hiện tốt các quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc hàng hóa. Hình thành các

chuỗi liên kết thuần Việt; (ii) Tăng cường phát huy các sáng kiến kết nối cung cầu trên thị trường trong nước; (iii) Tiếp tục triển khai các hoạt động kết nối cung cầu hàng hóa, nhằm tạo thuận lợi tiêu thụ của của hàng hóa sản xuất trong nước tại các kênh phân phối truyền thống và hiện đại thông qua thực hiện các đề án, chương trình, mục tiêu về phát triển thương mại và thị trường trong nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Phát triển kết cấu hạ tầng thương mại; nghiên cứu, hoàn thiện chính sách tạo thuận lợi cho việc phát triển và quản lý các loại hình trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi, máy bán hàng tự động và hạ tầng cần thiết cho thương mại điện tử.

Đa dạng hóa các kênh phân phối, bảo đảm vận hành tốt các kênh trực tiếp và online và phát triển mạnh thương mại điện tử: Hoàn thiện môi trường pháp lý điều chỉnh các hoạt động bán lẻ trực tiếp và online, thương mại điện tử, thích ứng với luật pháp và tập quán quốc tế. Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ công phục vụ cho thương mại điện tử; Tạo sự bứt phá thực sự về hạ tầng kỹ thuật (mạng internet, các hình thức thanh toán điện tử, thanh toán qua máy POS, thanh toán online...).

Nâng cao các biện pháp bảo vệ thị trường trong nước: chủ động tổ chức thực thi chặt chẽ các qui định của pháp luật đối với lĩnh vực chống bán phá giá, xây dựng hệ thống hàng rào kỹ thuật, triển khai hiệu quả công cụ ENT (Kiểm tra nhu cầu kinh tế) đối với các doanh nghiệp phân phối FDI để bảo vệ thị trường trong nước.

## **7. Giải pháp cho một số ngành công nghiệp chính**

### **7.1. Ngành dệt may, da giày**

Để nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh sản phẩm dệt may, da giày tận dụng thời cơ của Việt Nam sau hậu Covid 19, trên cơ sở tình hình thực tiễn thị trường trong và ngoài nước, bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 như nêu trên, nhóm nghiên cứu đề xuất một số nhóm giải pháp chủ yếu của ngành như sau:

- Giải pháp về phát triển công nghiệp hỗ trợ và kết nối doanh nghiệp, hình thành các chuỗi giá trị và cụm liên kết ngành.

Sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu không chỉ khiến doanh nghiệp dệt may, da giày Việt Nam lâu nay phải loay hoay với việc gia công, mà còn đẩy nhiều doanh nghiệp vào cảnh khó khăn do chi phí sản xuất cao, sức cạnh tranh kém. Hiện nay, nguyên phụ liệu mới chỉ tập trung cho dòng sản phẩm trung bình và trung bình khá, còn lại vẫn phải nhập khẩu khiến giá trị gia tăng đạt được không cao. Do đó, để tháo gỡ nút nghẽn nguyên liệu trong ngành dệt may, da giày cần có cơ chế thu hút đầu tư phù hợp về cơ chế vốn, đất đai, môi trường, sự ủng hộ của các địa phương...), cần có sự hỗ trợ mạnh mẽ của nhà nước về nhiều mặt nhất là về vốn và các chính sách nhằm hỗ trợ sản xuất nguyên phụ liệu, xây dựng

thành công chuỗi sản xuất và cung ứng nguyên phụ liệu đồng bộ, phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ được coi là giải pháp để nâng cao giá trị gia tăng cho ngành dệt may, da giày và tận dụng được lợi thế từ các hiệp định thương mại, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam đã tham gia.

Hình thành các cụm liên kết ngành trong ngành da giày, da giày để tận dụng thế mạnh và lợi thế so sánh của các tỉnh và đẩy mạnh liên kết vùng; Hình thành và phát huy hiệu quả của trung tâm hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực da giày, dệt may. Khuyến khích đầu tư hình thành tổ hợp khép kín từ khâu dệt – nhuộm – hoàn tất - may để có khả năng đáp ứng nguyên, phụ liệu tại chỗ.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển ngành thời trang, ngành dệt, thông qua ký kết các chương trình hợp tác về công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ và các lĩnh vực liên quan. Xây dựng, hình thành cơ sở dữ liệu, chia sẻ thông tin về nguyên, phụ liệu để cung ứng, trao đổi kịp thời nguyên, phụ liệu cho các doanh nghiệp dệt may, da giày trên địa bàn có mật độ doanh nghiệp trong ngành lớn.

Triển khai các chương trình kết nối kinh doanh giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước, giữa doanh nghiệp thượng nguồn với trung nguồn và hạ nguồn để tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất của các hãng dệt may, da giày toàn cầu. Cần tạo liên kết chuỗi nhằm liên kết nguồn lực, giảm chi phí, tăng khả năng nhận đơn hàng lớn. Tăng cường sự liên kết giữa các doanh nghiệp, liên kết giữa các khu công nghiệp.

Đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp thời trang gắn với ngành dệt may, da giày, xác định phát triển công nghiệp thời trang là động lực kéo cho sự phát triển ngành dệt may, da giày trong giai đoạn chiến lược tới. Liên kết thời trang Việt Nam với các hiệp hội thời trang thế giới. Trong đó, tập trung xây dựng Chương trình phát triển công nghiệp thời trang gắn với dệt may và da giày giai đoạn 2025-2030. Khuyến khích thành lập các Trung tâm thời trang, Hiệp hội thời trang Việt Nam để tạo sân chơi chung cho các nhà thiết kế, các doanh nghiệp dệt may muốn dịch chuyển lên phương thức sản xuất ODM, OBM; hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản xuất, tìm kiếm thị trường, xúc tiến thương mại, phát triển, quảng bá thương hiệu ra thị trường trong nước và quốc tế. Xây dựng chương trình hỗ trợ, nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp thực hiện được các hình thức sản xuất mang lại giá trị gia tăng cao hơn (FOB, ODM, OBM).

- Giải pháp về thu hút đầu tư: Xây dựng kế hoạch xúc tiến, kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực dệt may, da giày; tổ chức một số hội nghị xúc tiến đầu tư ở các thành phố lớn, qua đó giới thiệu những tiềm năng, lợi thế, đồng thời ban hành các chính sách ưu đãi cụ thể để kêu gọi thu hút đầu tư. Tăng cường tổ chức các đoàn xúc tiến đầu tư có chiến lược, trọng điểm hướng tới một số thị trường tiềm năng. Đối

với các dự án trọng điểm, quan trọng cần cam kết tạo thuận lợi trong việc cấp phép và giải phóng mặt bằng sạch cho nhà đầu tư.

Xác định các không gian lãnh thổ, địa phương có lợi thế và điều kiện phát triển từ 3-5 cụm liên kết ngành về dệt may, da giày trên cả nước để xây dựng các chương trình xúc tiến đầu tư có trọng điểm, có chiến lược và các chính sách hỗ trợ phù hợp. Nhà nước hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tập trung cho ngành dệt nhuộm để thu hút đầu tư và đảm bảo các vấn đề về môi trường, trách nhiệm xã hội.

Hỗ trợ đầu tư một số khu, cụm công nghiệp hỗ trợ (trong đó có công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may, da giày) giúp hạ giá thành và nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, tăng tỷ lệ nội địa hóa. Ưu tiên bố trí một số diện tích tại các khu công nghiệp đang triển khai đầu tư để phục vụ nhu cầu của các dự án công nghiệp công nghiệp hỗ trợ cho ngành dệt may, da giày.

Tập trung đầu tư và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án hạ tầng trọng điểm nhằm tạo thuận lợi cho ngành dệt may, da giày phát triển, đặc biệt là các hạ tầng giao thông, hạ tầng các khu, cụm công nghiệp. Chú trọng các vấn đề như kết nối giao thông; hệ thống nước sạch; hệ thống thoát nước và xử lý nước thải; hệ thống cấp điện và hệ thống thông tin liên lạc. Quy hoạch xây dựng các khu nhà ở công nhân tại những vị trí phù hợp, hoặc bố trí phương tiện đưa đón công nhân nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại và thu hút nhân lực từ các địa điểm xa cho ngành dệt may, da giày.

- Giải pháp về nguồn nhân lực: Đẩy mạnh, khuyến khích phát triển các mô hình kết nối, hợp tác giữa doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp cả về chất và lượng của lao động. Tăng cường phổ biến thông tin về nhu cầu lao động trong ngành dệt may, da giày đặc biệt trước các kỳ tuyển sinh của các cơ sở đào tạo.

Xây dựng và triển khai hiệu quả Chương trình hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực dệt may, da giày, chú trọng vào các kỹ năng mới cần thiết cho ngành trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, các kỹ năng về thiết kế, phát triển sản phẩm, và kết nối các cơ sở đào tạo trong nước với nước ngoài.

Đào tạo nâng cao năng lực cho doanh nghiệp dệt may, da giày về quản lý sản xuất, quản lý chuỗi giá trị và khách hàng; ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và năng suất chất lượng.

- Giải pháp về khoa học công nghệ nhằm đẩy mạnh phát triển bền vững và xanh hoá ngành dệt may: Thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, ưu tiên các dự án đầu tư công nghệ dệt nhuộm tiên tiến, không gây tác động xấu đến môi trường, kết nối với các doanh nghiệp may mặc trong nước, hình thành chuỗi liên kết trên toàn chuỗi giá trị.

Cập nhật, phổ biến rộng rãi thông tin về công nghệ mới, thân thiện môi trường. Hỗ trợ các doanh nghiệp dệt may, da giày trong nước tiếp nhận và ứng dụng chuyển giao công nghệ sản xuất hàng dệt may, da giày thân thiện môi trường theo hướng “thời trang bền vững” nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn về phát triển bền vững và tăng trưởng xanh.

Đẩy mạnh các chương trình hợp tác quốc tế về phát triển xanh, phát triển bền vững nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước tiếp cận và ứng dụng được các công nghệ xanh, sạch, tiên tiến trong ngành dệt may, da giày. Hỗ trợ các doanh nghiệp dệt may, da giày tiếp cận và đạt các chứng chỉ về tăng trưởng xanh, tăng trưởng bền vững, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn của các thị trường mục tiêu.

- Giải pháp về chính sách: Xây dựng Chiến lược phát triển công nghiệp dệt may và da giày đến năm 2030, định hướng đến năm 2035; xây dựng Chương trình phát triển bền vững ngành dệt may, da giày giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030 nhằm tháo gỡ “điểm nghẽn” về nguyên phụ liệu, sản xuất vải (khâu dệt, nhuộm, hoàn tất), hỗ trợ hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, thiết kế thời trang và ứng dụng công nghệ 4.0, xanh hóa ngành dệt may, da giày nhằm tận dụng hiệu quả cao nhất các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết.

Doanh nghiệp có dự án đầu tư phát triển nguyên liệu chất lượng cao hoặc sản phẩm hỗ trợ phục vụ cho phát triển ngành dệt may, da giày; các dự án đầu tư sản xuất thiết bị cơ khí ngành dệt may, da giày được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của pháp luật hiện hành về sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

Nghiên cứu điều chỉnh, sửa đổi các quy định về hoàn thuế VAT đối với máy móc thiết bị nhập khẩu tạo tài sản đầu tư, và đối với nguyên liệu sản xuất trong nước phục vụ xuất khẩu nhằm khuyến khích các doanh nghiệp dệt may, da giày sử dụng nguyên phụ liệu trong nước, đáp ứng được các yêu cầu về quy tắc xuất xứ của các hiệp định tự do thương mại song phương và đa phương.

- Giải pháp về thị trường và phát triển sản phẩm: Tăng cường thúc đẩy hơn nữa các hoạt động xúc tiến thương mại, trao đổi đoàn các cấp, diễn đàn doanh nghiệp giữa Việt Nam với các nước đối tác trong các FTA hiện hành và có tiềm năng đem lại tác động tích cực cho thương mại Việt Nam như Nhật Bản, Ôt-xtrây-li-a, Niu Di-lân, Hoa Kỳ, các nước thành viên EU, Liên minh Kinh tế Á – Âu... nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam tìm hiểu thông tin và khai thác cơ hội từ các thị trường này tốt hơn, đồng thời giới thiệu đến các bạn hàng nước ngoài các sản phẩm xuất khẩu có thể mạnh



Tiến hành nghiên cứu, đánh giá khả năng vận dụng ưu đãi theo các FTA của doanh nghiệp Việt Nam theo các nhóm ngành hàng cụ thể để từ đó xây dựng chính sách tuyên truyền, khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam tăng cường vận dụng ưu đãi từ các FTA đang có hiệu lực với mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn, thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào các chuỗi giá trị khu vực.

Xây dựng hệ thống cung cấp thông tin để hỗ trợ cho doanh nghiệp ngành dệt may, da giày về thị trường, sản phẩm, giá cả, nguồn cung cấp nguyên liệu, chi tiết bán thành phẩm, máy móc sản xuất, nguồn lao động. Phổ biến các biểu thuế theo lộ trình cam kết với WTO và các hiệp định thương mại tự do (FTA) cũng như thông tin về các biện pháp phi thuế tại các thị trường xuất khẩu để doanh nghiệp nắm bắt và chủ động có các giải pháp triển khai thực hiện;

Thực hiện cuộc vận động “người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, đẩy mạnh tuyên truyền để người dân hiểu rõ chất lượng hàng Việt Nam không thua kém hàng nhập ngoại, hướng dẫn người tiêu dùng đánh giá chất lượng và lựa chọn sản phẩm khi mua;

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường tập trung vào các khâu từ nhập khẩu đến phân phối, tiêu dùng giúp cho thị trường lành mạnh hơn, đảm bảo sự cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp. Ban hành và triển khai các chính sách bảo vệ người tiêu dùng và thị trường trong nước thông qua việc áp dụng các biện pháp phi thuế phù hợp. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp yên tâm sản xuất và kinh doanh;

Xúc tiến việc xây dựng các hàng rào kỹ thuật như áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật về chất lượng đối với sản phẩm nhập khẩu, các loại thuế nhập khẩu, kiện chống bán phá giá, đánh thuế môi trường để bảo vệ sản xuất trong nước.

Đối với các thương hiệu Việt có uy tín trong nước, cần có chiến lược phát triển lâu dài trên cơ sở mở rộng sản xuất để giữ vững và phát triển thị phần, nâng cao năng lực thiết kế, xây dựng thương hiệu, và năng lực cạnh tranh dựa vào chất lượng, thương hiệu, không ngừng cải tiến mẫu mã, đa dạng sản phẩm, củng cố và phát triển hệ thống tiêu thụ sản phẩm bảo đảm tin cậy, thuận lợi, uy tín với khách hàng.

Tăng cường công tác tuyên truyền, tư vấn về pháp luật thương mại quốc tế, trong đó chú trọng các nội dung về quy tắc xuất xứ, phòng vệ thương mại; chuẩn bị kỹ việc đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật mới của các nước nhập khẩu cho các doanh nghiệp xuất khẩu để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu dệt may, da giày.

## **7.2. Ngành công nghiệp điện tử**

Được xác định là một trong những ngành công nghiệp mũi nhọn của Việt Nam, ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy xuất khẩu, tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động và phát triển kinh tế xã hội. Hiện nay, ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học của Việt Nam đang có xu hướng tăng trưởng mạnh, từng bước cung ứng nhiều sản phẩm có sức cạnh tranh cao, chiếm lĩnh thị trường nội địa và gia tăng xuất khẩu. Nhiều doanh nghiệp trong ngành không ngừng đầu tư trang thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến để sản xuất ra những sản phẩm đạt chất lượng và có sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Việt Nam đang là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn FDI trong ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính, quang học, song ngành đang gặp phải không ít thách thức như sản xuất mới dừng ở mức độ gia công, doanh nghiệp điện tử trong nước chưa đóng góp nhiều trong chuỗi cung ứng hàng điện tử, quy mô của doanh nghiệp nội địa ở sân chơi quốc tế hầu hết còn khá nhỏ, sự thay đổi về cơ cấu sản phẩm từ “cứng” sang “mềm” cũng là thách thức rất lớn đối với doanh nghiệp sản xuất thuộc lĩnh vực này, Việt Nam chưa có được đội ngũ đủ mạnh để thích ứng với yêu cầu đi trước đón đầu công nghệ... Vì vậy thời gian tới ngành cần được đầu tư theo hướng phát triển chế biến sâu, ứng dụng công nghệ cao để gia tăng giá trị và nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh thông qua tăng năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng; đáp ứng tốt nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu. Để đạt được những mục tiêu đó, cần tập trung vào một số giải pháp sau:- Về xây dựng chiến lược phát triển dài hạn: Mặc dù trong những năm qua ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng cao, cao hơn mức tăng chung của ngành công nghiệp, tuy nhiên, hiện nay Việt Nam chưa có chiến lược phát triển dài hạn cho toàn ngành. Việc thu hút các nhà đầu tư từ nước ngoài đầu tư vào Việt Nam trong thời gian qua đã đưa Việt Nam trở thành công xưởng sản xuất hàng điện tử của thế giới và là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn FDI trong ngành công nghiệp điện tử, tuy nhiên việc đầu tư của các doanh nghiệp FDI đã khiến Việt Nam bị động chưa chuẩn bị sẵn sàng hạ tầng, cơ sở vật chất để tiếp nhận những Tập đoàn lớn, nguồn lao động chưa được đào tạo kịp thời, đặc biệt là các doanh nghiệp Việt Nam chưa có sự chuẩn bị khi đón đầu, tham gia vào chuỗi sản xuất của các doanh nghiệp điện tử FDI, dẫn đến mất cơ hội cho các doanh nghiệp nội địa. Vì vậy trong thời gian tới, cần phải xây dựng Chiến lược phát triển dài hạn của ngành để có sự định hướng trong thu hút đầu tư; chú trọng tới việc xác định sản phẩm cốt lõi, có sức đột phá phù hợp thị hiếu của người tiêu dùng trong bối cảnh số hóa; hình thành ngành điện tử có giá trị gia tăng cao hơn làm cơ sở cho các doanh nghiệp nội địa xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh sẵn sàng tham gia vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn đa quốc gia, thúc đẩy ngành điện tử phát triển nhanh và hiệu quả hơn.

- Về ban hành tiêu chuẩn/quy chuẩn của ngành

Với việc lựa chọn ngành sản xuất sản phẩm điện tử là ngành ưu tiên phát triển, để tạo sự đột phá trong phát triển giai đoạn tới, Chính phủ cần chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật tương thích, hài hòa với chuẩn mực quốc tế trong lĩnh vực điện tử; Xây dựng hệ thống các phòng đo kiểm chất lượng sản phẩm điện tử theo tiêu chuẩn quốc tế, đây là căn cứ để các doanh nghiệp làm cơ sở đầu tư, nghiên cứu, phát triển và lựa chọn các sản phẩm, các công đoạn sản xuất trọng điểm tập trung đầu tư, chỉ đạo phương hướng phát triển phù hợp với hệ thống sản xuất khu vực và thế giới.

- Về nghiên cứu và phát triển (R&D)

Thực tế hiện nay, ngành công nghiệp điện tử Việt Nam chỉ chuyên lắp ráp các bộ phận và gia công đơn giản; các hợp phần hay thiết bị chuyên ngành vẫn chưa đạt được bất kỳ tiến bộ nào. Hầu hết các công ty Việt Nam đều phụ thuộc vào nhập khẩu bộ phận và thiết bị chính. Việt Nam cũng chưa có viện nghiên cứu hoặc chuyên gia về máy móc linh kiện hay các công nghệ then chốt. Do đó, cần tập trung hình thành các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), không chỉ cho phần cứng mà cả phần mềm, hay nói cách khác hai lĩnh vực này phải hội tụ.

Chính phủ cần xem xét ưu đãi hỗ trợ đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước đối với các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ cho các công đoạn R&D, sản xuất thử nghiệm sản phẩm và các chương trình xúc tiến thương mại, hỗ trợ đầu tư sản xuất tại các khu công nghiệp tập trung. Chính sách hỗ trợ R&D có thể nhà nước hỗ trợ một phần, một phần được thực hiện thông qua phát triển nghiên cứu có trọng tâm cho phần mềm, hỗ trợ nghiên cứu hợp tác chung của các công ty, giữa các tập đoàn lớn cũng như các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm nâng cao giá trị gia tăng của ngành.

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ chuyên về lĩnh vực này có thể tạo ra các hệ sinh thái, mạng lưới sáng tạo thông qua giáo dục, đào tạo về phần mềm, kích hoạt mạng lưới của mình đến các cơ sở sản xuất/hộ cá thể, mở rộng các diễn đàn chuyên môn,... Hoạt động này có thể được cơ quan nhà nước khởi xướng một cách độc lập hoặc hợp tác với cơ quan khác. Do vậy, một hệ sinh thái doanh nghiệp bền vững với những phát kiến sáng tạo được đưa vào liên tục có thể được hình thành. Chính phủ sẽ đóng vai trò quan trọng để thúc đẩy, tạo ra các sáng kiến, cung cấp công nghệ và quản lý với những hỗ trợ từ các trường đại học hoặc các chuyên gia có kinh nghiệm trong ngành. Ngoài ra, cần xây dựng cơ chế huy động nguồn lực tổng hợp, nhất là chất xám để tạo ra sự đột phá, ứng dụng chất xám trong việc sáng tạo ra sản phẩm mới, với ý tưởng độc đáo nhằm tạo dựng uy tín của ngành điện tử Việt Nam.

- Về hỗ trợ phát triển thị trường

Chính phủ cần chỉ đạo Bộ, ngành liên quan triển khai sớm thương hiệu quốc gia gắn với các sản phẩm chủ lực trên cơ sở triển khai đồng bộ các hoạt động nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng đúng, đủ tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc

gia và quốc tế. Hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp điện tử xây dựng thương hiệu sản phẩm và từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm gắn với thương hiệu.

Tổ chức nghiên cứu, đánh giá thị trường tiêu thụ sản phẩm trên các mặt: sức mua (thị phần); yêu cầu chất lượng, mẫu mã (thị hiếu); giá cả và các rào cản thương mại. Phân loại thị trường theo từng nhóm sản phẩm mà Việt Nam có lợi thế, để có cơ sở điều chỉnh cơ cấu sản xuất, chủng loại sản phẩm phù hợp.

Xây dựng Chương trình xúc tiến thương mại riêng cho ngành, phát triển thị trường tiềm năng nhằm tạo điều kiện tiêu thụ các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, nhất là các thị trường trọng điểm, gắn với việc xây dựng và quảng bá thương hiệu quốc gia cho các nhóm sản phẩm chủ lực.

- Về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và nâng cao tay nghề cho người lao động

Tổ chức đào tạo cán bộ để có khả năng quản trị tốt, hội nhập được với môi trường quốc tế. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu vận hành các dây chuyền thiết bị hiện đại, tiên tiến của ngành. Chú trọng phát triển mô hình đào tạo tại chỗ, thu hút lực lượng lao động trẻ, có tay nghề vào các cơ sở sản xuất đóng trên địa bàn. Thực hiện hợp tác, liên kết giữa các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để đào tạo, đào tạo lại, gắn đào tạo với sử dụng lao động tại chỗ.

Ngành công nghiệp điện tử cần thay đổi từ sản xuất lắp ráp đơn giản sang một nền sản xuất chế tạo có giá trị gia tăng cao hơn với trọng tâm là các thiết bị và linh kiện chính; tập trung đầu tư vào phát triển kỹ thuật cho các vật liệu và linh kiện quan trọng. Để thực hiện những kế hoạch đó, trước mắt, cần cải thiện năng suất lao động thông qua đổi mới sáng tạo về kỹ thuật. Hỗ trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, cơ sở sản xuất/hộ cá thể và doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể tham gia đổi mới kỹ thuật, chính họ sẽ xây dựng mối quan hệ với các tập đoàn lớn sở hữu nền tảng tiên tiến cho sáng tạo và phát triển hơn nữa. Theo số liệu điều tra năm 2019 của Bộ Công Thương, trong những năm vừa qua khu vực cơ sở sản xuất/hộ cá thể đã bắt đầu tham gia được trong chuỗi sản xuất gia công phục vụ ngành sản xuất điện tử và linh kiện của các doanh nghiệp FDI, khu vực này có tỷ lệ VA/GO cao hơn khu vực các doanh nghiệp, hoạt động có hiệu quả hơn khu vực doanh nghiệp, vì vậy cần phải chú trọng hỗ trợ khu vực này để họ tham gia nhiều hơn trong chuỗi cung ứng của FDI, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động.

Đối với doanh nghiệp trong ngành điện tử cần xác định phân khúc sản phẩm và khách hàng phù hợp cũng như tính đến khả năng đón đầu xu hướng tiêu dùng và phát triển công nghệ chung của thế giới; đón đầu làn sóng chuyển dịch đầu tư của nước ngoài, chuẩn bị tâm thế sẵn sàng tham gia vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị của các doanh nghiệp điện tử lớn trên thế giới. Vấn đề quan trọng đối với doanh nghiệp trong ngành điện tử là thực hiện các biện pháp giảm chi phí trung gian, trước hết đó là các biện pháp để giảm giá thành sản xuất bằng cách giảm các chi phí lưu thông, chi phí ngoài sản xuất, chi phí quản lý gián tiếp và cả những

chi phí bất hợp lý, bất hợp lệ, bất hợp pháp, tiết kiệm vật tư nguyên liệu... nhằm nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm. Bên cạnh đó, muốn xây dựng ngành điện tử đích thực, đòi hỏi có sự táo bạo, nguồn đầu tư vật chất lớn của đội ngũ doanh nghiệp, sự kết hợp nhiều yếu tố, từ cấp vĩ mô đến doanh nghiệp, sự ủng hộ và chia sẻ hiệu quả của hiệp hội ngành nghề.

#### **IV. KIẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH**

1. Trong điều hành kinh tế - xã hội cần tiếp tục: (i) kiên định mục tiêu kép vừa ứng phó dịch vừa thúc đẩy phát triển kinh tế; (ii) kiên trì ổn định kinh tế vĩ mô, phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ các công cụ tài khóa, tiền tệ, sử dụng tối đa dư địa tài khóa đi đôi với nâng cao hiệu quả chi tiêu/đầu tư công cho phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; (iii) đẩy nhanh việc triển khai các gói hỗ trợ an sinh xã hội và kích thích kinh tế bổ sung, đồng thời chú trọng củng cố các nền tảng cho phát triển lâu dài, nhất là cải thiện môi trường kinh doanh, thể chế kinh tế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát triển khoa học công nghệ.

2. Xây dựng Đề án Tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn 2021-2030 phù hợp với bối cảnh và tình hình mới nhằm đẩy nhanh quá trình cơ cấu ngành công nghiệp và thương mại theo hướng xây dựng nền kinh tế tự chủ, khơi dậy nội lực, nâng cao khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế.

3. Chuẩn bị và xây dựng có hiệu quả Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 phục vụ phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

4. Hoàn thiện và trình Chính phủ ban hành Quy hoạch điện VIII nhằm khắc phục các hạn chế và vướng mắc trong Quy hoạch điện VII, tạo không gian để huy động và phát huy các nguồn lực xã hội cho phát triển ngành điện, nhằm đảm bảo cung cấp điện ổn định và an toàn phục vụ phát triển kinh tế- xã hội trong giai đoạn tới.

5. Xây dựng Chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt may và da giày đến năm 2030, định hướng đến năm 2035; Xây dựng Chiến lược phát triển ngành sản phẩm điện tử, máy vi tính và quang học giai đoạn đến 2030, định hướng đến 2035; trong đó cân nhắc nghiên cứu đưa ra các chính sách ưu tiên đối với lao động nữ trong các lĩnh vực dệt may, da giày, điện tử; Nghiên cứu xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật tương thích, hài hòa với chuẩn mực quốc tế trong lĩnh vực điện tử

6. Nghiên cứu, rà soát, xây dựng và trình ban hành Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2021-2030, trong đó xác định lại vị trí, vai trò của các thị trường xuất nhập khẩu trong xu hướng chuyển dịch mới gắn với từng mặt hàng, từng thị trường.

7. Hoàn thiện, trình ban hành và tổ chức triển khai hiệu quả “Chiến lược phát triển thị trường trong nước giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035” sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhằm tạo sự chuyển biến căn bản và bền vững cho thị trường trong nước, tiếp tục làm “trụ đỡ” quan trọng cho tăng trưởng kinh tế những năm tiếp theo, trong đó xác định các trọng tâm chiến lược

đề tập trung thu hút đầu tư, củng cố hệ thống hạ tầng thương mại, đổi mới phương thức kinh doanh ở thị trường trong nước. Tiếp tục xây dựng và thực hiện các đề án, chương trình, mục tiêu về phát triển thương mại và thị trường trong nước cho giai đoạn 2021-2030, như: Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc Vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo; Đề án đổi mới phương thức tiêu thụ nông sản...8. Các Bộ, ngành liên quan cần nghiên cứu xây dựng mạng lưới quan hệ đối tác về kinh tế số với một số đối tác chủ chốt; đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hành lang pháp lý cho phát triển kinh tế, gắn với phát triển hạ tầng số và đào tạo nguồn nhân lực số. Trong đó: tổ chức triển khai hiệu quả Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ; Rà soát, hoàn thiện hành lang pháp lý, quy định pháp luật về thương mại điện tử để bao quát được những mô hình mới phát sinh, phát triển hệ thống quản lý, giám sát thực thi thương mại điện tử hiện đại, hiệu quả, phù hợp với xu hướng phát triển của công nghệ số trong lĩnh vực thương mại điện tử; xây dựng và trình ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử.

9. Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế về thương mại điện tử, đẩy mạnh các đề xuất, kiến nghị, thúc đẩy các mô hình ứng dụng công nghệ mới trong khu vực nhằm hỗ trợ giao thương và phát triển thương mại điện tử xuyên biên giới.

Hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa thông qua thương mại điện tử xuyên biên giới, nhân rộng mô hình hỗ trợ kết nối doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp thương mại điện tử lớn trên thế giới như: Alibaba, Amazon, Ebay thông qua chương trình xuất khẩu qua thương mại điện tử, phát triển thương hiệu Việt Nam trên sàn thương mại điện tử, đào tạo nguồn nhân lực Việt Nam về thương mại điện tử...

10. Cập nhật, điều chỉnh nội dung và đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại ngành công nghiệp, tận dụng cơ hội thu hút đầu tư, xử lý tốt vấn đề M&A trong các lĩnh vực trọng yếu. Trong đó: Khẩn trương tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình hành động của Chính phủ và của Bộ Công Thương để thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 115/NQ-CP của Chính phủ về phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ; Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ nhằm tạo điều kiện thuận lợi và tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ; xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện chuỗi giá trị các sản phẩm của các ngành công nghiệp trong nước nhằm nâng cao giá trị gia tăng và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu... Xây dựng chiến lược, lộ trình phát triển ngành công nghệ vật liệu nói chung và vật liệu tiên tiến nói riêng từ nay đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045./.

# PHỤ LỤC 1: BIỆN PHÁP CỦA CÁC NỀN KINH TẾ NHẪM PHÒNG CHỐNG, GIẢM THIỂU THIẾT HẠI DO DỊCH BỆNH COVID-19

## I. Các biện pháp ứng phó của Trung Quốc

Dịch viêm đường hô hấp cấp chủng mới (Covid-19) lần đầu tiên trên thế giới được phát hiện tại Trung Quốc gây ra tác động tiêu cực đa chiều đến quốc gia này. Nhằm kiềm chế đại dịch, Trung Quốc đã áp dụng các biện pháp phong tỏa, giới hạn đi lại, cắt giảm thuế, tăng chi tiêu, cắt giảm lãi suất... nhằm ngăn chặn những ảnh hưởng tiêu cực của Covid -19 đến nền kinh tế vốn đang gặp nhiều khó khăn. Mặc dù hoạt động phòng chống dịch bệnh do Covid-19 vẫn là ưu tiên hàng đầu, nhưng trọng tâm chính sách của Trung Quốc đã chuyển sang hỗ trợ nhằm giảm thiểu tác động của dịch bệnh đến nền kinh tế và tiếp tục sản xuất. Cụ thể:

### \* *Chính sách tài khóa:*

Trước tiên, Trung Quốc thực hiện hỗ trợ thông qua chính sách tài khóa với quy mô khoảng 0,1% GDP nhằm ngăn chặn sự lây lan của vi-rút. Chính phủ Trung Quốc đã tăng phát hành trái phiếu chính quyền địa phương vào quý I/2020 (cao hơn quý I/2019 khoảng 0,6% GDP) nhằm: (i) Đầu tư cơ sở hạ tầng vào các lĩnh vực như thiết bị y tế, 5G, internet công nghiệp; (ii) Giảm, trợ cấp; giãn thời hạn nộp thuế; (iii) Cắt giảm thanh toán bảo hiểm xã hội để giảm sức ép về dòng tiền ngắn hạn trong khu vực doanh nghiệp; (iv) Khấu trừ trước thuế cho các nhà cung cấp vật tư y tế để phòng chống và kiểm soát Covid -19 khi mua thiết bị để mở rộng quy mô sản xuất; (v) Miễn thuế giá trị gia tăng cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải, dịch vụ thiết yếu cho cuộc sống, dịch vụ giao hàng hóa nhu yếu phẩm hàng ngày...; (vi) Trợ cấp lãi suất đối với các khoản vay mới cho các công ty sản xuất vật tư y tế để phòng chống dịch bệnh do Covid-19. Đồng thời, các công ty được miễn một phần từ việc trả lương hưu, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm thương tật lao động; Tạm thời miễn, giảm phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong 5 tháng để giảm gánh nặng cho doanh nghiệp (khoảng 107 tỷ USD).

### \* *Chính sách tiền tệ:*

- Bổ sung thanh khoản thông qua thị trường repo với quy mô khoảng 1,7% GDP.  
- Sử dụng quỹ cho vay lại, với quy mô khoảng 0,3% GDP để hỗ trợ các nhà sản xuất vật tư y tế và nhu yếu phẩm.

- Cắt giảm lãi suất khoảng 0,1%, bao gồm cả lãi suất liên ngân hàng và lãi suất cho vay. Cụ thể: Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc giảm lãi suất cơ bản cho vay 1 năm từ mức 4,15% xuống 4,05%; Hệ thống ngân hàng thương mại được yêu cầu gia hạn nợ, tiếp tục cấp vốn cho những doanh nghiệp chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch bệnh.

- Giảm thuế và chi tiêu theo giai đoạn nhằm giảm nhẹ gánh nặng cho doanh nghiệp trong thời kỳ khó khăn.

- Đẩy mạnh các biện pháp kích thích tăng trưởng kinh tế nhằm tập trung giải quyết ba vấn đề chính, gồm: Bảo đảm nguồn lao động; Ổn định hoạt động sản xuất; Kích thích tiêu dùng.

- Ngân hàng trung ương Trung Quốc cũng tái khởi động lại chương trình nới lỏng định lượng (QE) với quy mô cao gấp nhiều lần so với trước để bơm thẳng tiền vào nền

kinh tế. Trong đó, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc cung cấp 800 tỷ nhân dân tệ (khoảng 115 tỷ USD) và tương đương 0,8% GDP cho các ngân hàng với yêu cầu các ngân hàng sử dụng để cho các công ty bị ảnh hưởng nặng của dịch Covid-19 vay.

- Phát hành thêm trái phiếu địa phương và trái phiếu quốc gia.

- Khôi phục sản xuất:

- + Tập trung hỗ trợ các khu vực có chuỗi liên kết sản xuất mật thiết, trọng điểm và các doanh nghiệp ngoại thương lớn cũng như tập trung vào các khâu quan trọng, xây dựng danh sách khôi phục sản xuất của doanh nghiệp ngoại thương trọng điểm, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy nhanh quá trình khôi phục sản xuất của các doanh nghiệp đầu nguồn và cuối nguồn trong chuỗi liên kết, bảo đảm chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp vận hành thông suốt,

- + Giảm bớt chi phí xuất khẩu cho doanh nghiệp thông qua thực hiện chính sách hoàn thuế xuất khẩu, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu...

- + Đơn giản hóa quy trình quản lý ngoại thương, hướng dẫn doanh nghiệp xin cấp giấy phép xuất khẩu tự động qua mạng.

- + Chỉ đạo các khu thí điểm thương mại điện tử tổng hợp cung cấp thông tin về các kho trung chuyển tại nước ngoài, giúp doanh nghiệp mở rộng xuất khẩu.

- Giảm sức ép tài chính, tạo điều kiện hỗ trợ cho doanh nghiệp: Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc đã giảm lãi suất cơ bản cho vay 1 năm từ mức 4,15% xuống 4,05%. Chính phủ Trung Quốc cũng tạm thời miễn, giảm phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp trong 5 tháng, giúp giảm bớt gánh nặng khoảng 107 tỷ USD cho các doanh nghiệp.

Hệ thống ngân hàng thương mại được yêu cầu gia hạn nợ, tiếp tục cấp vốn cho những doanh nghiệp chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch bệnh Covid -19.

Ngoài ra, nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Bộ Thương mại Trung Quốc ban hành thông tư yêu cầu chính quyền các địa phương phải bảo đảm mọi doanh nghiệp trên địa bàn có đủ số lao động cần thiết; bảo đảm điện, nước và giải quyết nhanh chóng các thủ tục hành chính... Đồng thời, khuyến khích các địa phương chủ động thiết lập đường dây nóng liên lạc với các nhà đầu tư nước ngoài để giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh. Đồng thời, Hải quan Trung Quốc cũng thực hiện đơn giản hóa thủ tục thông quan hàng hóa; giảm phí kiểm tra và kiểm dịch nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp vượt qua khó khăn...

## **II. Các biện pháp ứng phó của Mỹ**

Mỹ là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi dịch bệnh Covid-19. Dịch bệnh Covid-19 đã tác động nghiêm trọng đến tăng trưởng kinh tế và vấn đề lao động, việc làm tại Mỹ. Theo Văn phòng Ngân sách Quốc hội Mỹ (CBO), dự kiến đại dịch có thể gây thiệt hại 16.000 tỷ USD cho nền kinh tế Mỹ trong 10 năm tới. Khi điều chỉnh theo lạm phát, đại dịch được dự đoán gây thiệt hại 7.900 tỷ USD, tương đương 3% GDP thực tế đến năm 2030.

Để ứng phó với những tác động tiêu cực từ dịch bệnh Covid-19, Mỹ đã ban bố tình trạng khẩn cấp quốc gia, từ đó kích hoạt các nguồn lực và quyền hạn để đối phó với dịch. Mỹ đã nhanh chóng áp dụng các chính sách và biện pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, giảm thất nghiệp cho người lao động. Cụ thể như sau:



**\* Đối với chính sách tài chính:**

Ngân hàng Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) liên tiếp cắt giảm lãi suất cơ bản về 0% chỉ trong vòng vài ngày nửa đầu tháng 3/2020 đi kèm với những gói bơm tiền khổng lồ lên đến hàng ngàn tỷ USD vào nền kinh tế vốn đang chao đảo vì dịch bệnh.

Ngày 03/3/2020, FED đã hạ lãi suất 0,5 điểm phần trăm, mức giảm mạnh nhất kể từ tháng 12/2018. Đây là lần đầu tiên Fed quyết định hạ lãi suất không phải sau cuộc họp chính thức kể từ cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 và là lần giảm lãi suất khẩn cấp thứ năm trong vòng 50 năm qua.

Ngày 15/3/2020, FED thông báo cắt giảm lãi suất lần thứ hai trong bối cảnh dịch Covid-19 đang lan ra nhiều bang tại Mỹ. Theo đó, FED hạ lãi suất một điểm phần trăm xuống biên độ mục tiêu 0-0,25%, trước lo ngại dịch bệnh sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế trong thời gian tới và gây rủi ro cho triển vọng kinh tế.

Đến ngày 31/3/2020, Chính phủ Mỹ đã tạm ngưng thuế nhập khẩu các mặt hàng may mặc và xe tải hạng từ Trung Quốc, ngoại trừ hàng hóa tiêu dùng và kim loại.

**\* Đối với chính sách tiền tệ:**

FED triển khai “Định hướng chính sách” (Forward Guidance), can thiệp đến các quyết định tài chính của hộ gia đình, doanh nghiệp và nhà đầu tư thông qua việc cung cấp rõ ràng về đường lãi suất dự kiến (đến mức Ngân hàng Trung ương có thể tác động đến các tỷ lệ đó) nhằm ngăn chặn những bất ngờ có thể phá vỡ thị trường và gây ra sự biến động đáng kể về giá tài sản.

Để tăng tính thanh khoản cho thị trường, FED đã tạm thời cung cấp thanh khoản cho thị trường tài chính bằng cách cho vay tiền mặt thông qua các thỏa thuận mua lại (repos) với các đại lý chính (các đại lý chứng khoán lớn thuộc Chính phủ, là nhà tạo lập thị trường). Ngày 12/3/2020 FED đã cung cấp khoản repos ba tháng trị giá 500 tỷ USD và repo một tháng 500 tỷ USD trên cơ sở hàng tuần cho đến cuối tháng.

FED đã áp dụng “Hạn mức tín dụng chéo” (Swap Lines) do các ngân hàng thương mại trong nước và quốc tế đều dựa vào thị trường vay ngắn hạn để tiếp cận USD nhằm tài trợ cho hoạt động của các ngân hàng này. Trong giai đoạn thanh khoản kém, FED đã đứng ra trao đổi với các Ngân hàng Trung ương nước ngoài để cung cấp USD cho các Ngân hàng Trung ương tài trợ bằng USD mà họ có thể lần lượt cho các ngân hàng tư nhân vay trong phạm vi quyền hạn của mình.

Không chỉ cắt giảm lãi suất, Ngân hàng trung ương Mỹ cũng tái khởi động lại các chương trình nới lỏng định lượng (QE) với quy mô cao gấp nhiều lần so với trước để bơm thẳng tiền vào nền kinh tế. Theo đó, FED cam kết mua vào 750 tỷ USD trái phiếu Kho bạc và chứng khoán thế chấp.

**Cụ thể về các gói hỗ trợ chính sách tiền tệ của Chính phủ Mỹ** trong giai đoạn này như sau:

+ Gói hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ: Cung cấp tín dụng khẩn cấp trị giá 350 tỷ USD để hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ. Theo đó, các doanh nghiệp nhỏ có thể nhận được khoản tín dụng có giá trị gấp 2,5 lần chi phí hàng tháng, bao gồm các khoản lương thưởng cho nhân viên (không tính các nhân viên được hưởng lương trên 100.000 USD).

+ Gói hỗ trợ dành cho các thành phố, bang và ngành công nghiệp gặp khó khăn.

+ Gói cứu trợ cung cấp khoản vay và cam kết cho vay trị giá 500 tỷ USD dành cho ngành hàng không và các ngành kinh doanh đang chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh.

+ Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp: Để hỗ trợ các doanh nghiệp và nền kinh tế, Chính phủ Mỹ đã thực hiện hàng loạt các biện pháp hỗ trợ chưa từng có trong lịch sử. Theo đó, ngày 27/3/2020, Chính phủ Mỹ đã ký thông qua Đạo luật Viện trợ, cứu trợ và an ninh kinh tế (CARES) trị giá hơn 2.000 tỷ USD nhằm cam kết bảo vệ người dân và doanh nghiệp Mỹ tránh khỏi các tác động về kinh tế và sức khỏe cộng đồng do dịch bệnh Covid-19. Đạo luật CARES cung cấp hỗ trợ kinh tế nhanh chóng và trực tiếp cho công nhân, gia đình và doanh nghiệp nhỏ của Mỹ nhằm duy trì việc làm cho các ngành công nghiệp. CARES phân bổ 500 tỷ USD cho Quỹ Bình ổn kinh tế để hỗ trợ các doanh nghiệp, tiểu bang và thành phố đủ điều kiện. CARES cũng đưa ra Chương trình Bảo vệ tiền lương (PPP) trị giá 669 tỷ USD dành cho doanh nghiệp nhỏ vay. Hầu hết doanh nghiệp có nhiều nhất 500 nhân viên đều đủ điều kiện được vay từ Chương trình PPP, giúp doanh nghiệp duy trì được hoạt động sản xuất, kinh doanh. CARES cũng đề ra quy định cho phép Bộ trưởng Bộ Tài chính được quyền cho vay hoặc bảo lãnh khoản vay của các tiểu bang, thành phố và doanh nghiệp nếu đủ điều kiện.

CARES mở rộng các khoản cho vay của Cơ quan quản lý doanh nghiệp nhỏ (EIDL) để chi trả cho các tổ chức phi lợi nhuận (bao gồm các tổ chức tôn giáo). Theo đó, một hồ sơ EIDL có thể được vay từ 25.000 - 2 triệu USD với lãi suất thấp và thời hạn vay lên tới 30 năm. Người nộp đơn EIDL có thể nhận được khoản thanh toán trước 10.000 USD.

CARES cho phép người sử dụng lao động trì hoãn việc thanh toán thuế an sinh xã hội trong tối đa 2 năm. Việc thanh toán một phần thuế tương ứng với phần thuế an sinh xã hội của người sử dụng lao động cũng có thể được hoãn lại tới 2 năm.

CARES cung cấp khoản tín dụng thuế để duy trì lao động được hoàn lại cho các chủ lao động có hoạt động bị đình chỉ, hoặc doanh thu của họ bị giảm đáng kể do Covid-19. Tín dụng thuế bằng 50% tiền lương đủ tiêu chuẩn được trả trong khoảng thời gian từ ngày 13/3/2020 đến ngày 31/12/2020, với mức tín dụng tối đa 5.000USD/nhân viên.

CARES tăng khấu trừ thuế cho các khoản lỗ hoạt động ròng từ 80% lên 100%, cho năm 2018, 2019 và 2020; đình chỉ giới hạn 500.000 USD đối với các khoản lỗ hoạt động ròng được khấu trừ thuế cho đến năm 2021; cho phép các khoản lỗ hoạt động ròng từ năm 2018, 2019, 2020 được mang về tối đa 5 năm, dẫn đến hoàn thuế hồi tố.

CARES tăng giới hạn cho hầu hết các khoản đóng góp từ thiện được khấu trừ thuế từ 10% đến 25% thu nhập cho các Tập đoàn; tăng giới hạn khấu trừ thuế cho các khoản đóng góp từ thiện của hàng tồn kho thực phẩm từ 15% lên 25% thu nhập.

Không chỉ có những hỗ trợ đối với các doanh nghiệp, Chính phủ Mỹ còn hỗ trợ gói trợ cấp thất nghiệp Liên bang là một phần trong gói cứu trợ trị giá 2.200 tỷ USD được Quốc hội Mỹ thông qua vào tháng 3/2020. Theo đó, Chính phủ Mỹ hỗ trợ 600 USD tiền trợ cấp thất nghiệp/tuần cho cá nhân bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19. Đây được coi là “phao cứu sinh” đối với những lao động bị mất việc làm khi Mỹ áp dụng lệnh phong tỏa nhằm ngăn chặn sự lây lan của đại dịch Covid-19.

#### **\* Đối với chính sách tài khoá:**

Chính phủ Mỹ đã ban hành nhiều biện pháp nhằm hỗ trợ cho những người chịu ảnh hưởng bởi Covid-19 được tiếp cận với các gói hỗ trợ của Chính phủ, như: chi trả

bảo hiểm, xét nghiệm Covid-19 miễn phí, đảm bảo mức hỗ trợ tốt nhất cho người dân, hạn chế nhập cảnh đối với quốc gia có diễn biến dịch bệnh không ổn định... Ngoài ra, Chính phủ cung cấp các khoản thanh toán trực tiếp cho người nộp thuế, các khoản vay và bảo lãnh cho các hãng hàng không, các ngành công nghiệp khác, cũng như hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ. Cụ thể về chính sách tài khóa của Chính phủ Mỹ áp dụng trong giai đoạn này như sau:

Ban hành gói cứu trợ trị giá 2000 tỷ USD (dành riêng 130 tỷ USD để đầu tư vào các bệnh viện và các lao động trong ngành y tế). Theo đó, mỗi cá nhân đang nhận hỗ trợ thất nghiệp được nhận thêm 600 USD/tuần trong vòng bốn tháng sau khi gói cứu trợ 2.000 tỷ USD được thông qua.

Mỗi cá nhân trưởng thành nhận được khoản tín dụng thuế có thể hoàn lại với giá trị 1.200 USD; mỗi trẻ em sẽ được hưởng 5.000 USD. Giá trị ngân phiếu sẽ giảm nếu cá nhân có thu nhập trên 75.000 USD/năm. Khoản tiền được nhận dựa trên thu nhập năm 2019 (hoặc năm 2018 nếu chưa làm thủ tục hoàn thuế) cá nhân.

Gói kích thích kinh tế 150 tỷ USD để hỗ trợ ngân sách địa phương ngăn chặn tình trạng giảm nguồn cung các dịch vụ thiết yếu.

### **III. Các biện pháp ứng phó của một số quốc gia tại châu Âu**

#### **3.1. Đối với các quốc gia thuộc EU**

EU đã áp dụng gói phục hồi kinh tế vào tháng 7 năm 2020. Phần lớn các quốc gia thành viên EU đã sử dụng kết hợp các chính sách tài khóa quốc gia và mua trái phiếu của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) để giải quyết tác động kinh tế của đại dịch Covid – 19. Mặc khác, các quốc gia riêng lẻ đã áp dụng kiểm dịch và yêu cầu đóng cửa các hoạt động kinh doanh, hạn chế đi lại, chính sách tại khu vực biên giới, chính sách thuế dành cho các doanh nghiệp, gia hạn một số khoản thanh toán và bảo lãnh cho vay và trợ cấp cho công nhân và doanh nghiệp...

Ủy ban Châu Âu đã phối hợp chặt chẽ hơn giữa các thành viên EU trong xây dựng và thực hiện các chính sách tài chính và tiền tệ để giải quyết vấn đề kinh tế từ đại dịch Covid -19.

Ngày 12/3/2020, Ngân hàng Trung ương châu Âu đã quyết định: (1) mở rộng hoạt động tái cấp vốn dài hạn (LTRO) để cung cấp các khoản vay chi phí thấp cho các ngân hàng Eurozone để tăng tính thanh khoản ngân hàng; (2) mở rộng các hoạt động tái cấp vốn dài hạn (TLTRO) để cung cấp các khoản vay với lãi suất thấp hơn thị trường cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ bị ảnh hưởng trực tiếp bởi Covid -19; (3) cung cấp thêm 120 tỷ euro (khoảng 130 tỷ USD) cho Chương trình mua tài sản của ngân hàng để cung cấp thanh khoản cho các công ty (ngoài 20 tỷ EUR mỗi tháng mà họ đã cam kết mua trước đó).

Ngày 18/3/2020, ECB dành 750 tỷ EUR (tương đương 800 tỷ USD) để khởi động Chương trình trao đổi khẩn cấp nhằm mua lại chứng khoán nhà nước và tư nhân, mở rộng thêm các loại chứng khoán phi tài chính và một số tài sản đảm bảo khác. Trong quá trình xây dựng chương trình, ECB đã nói lỏng đáng kể các điều kiện áp dụng trong các chương trình trước đó, bao gồm những giới hạn mua trái phiếu đủ điều kiện. Điều này có tác động tích cực đến nhiều nước, nhất là nước Ý - quốc gia chịu nhiều tổn thất nhất do dịch bệnh Covid-19.

Trong giai đoạn đầu của dịch bệnh, đa số các quốc gia vẫn chủ yếu triển khai các kế hoạch ứng phó với vấn đề y tế và xã hội. Tuy nhiên, các doanh nghiệp và một số ngành cũng đã chủ động có kế hoạch ứng phó trước tác động của dịch Covid-19 đến kinh tế nói chung và hoạt động của ngành, doanh nghiệp nói riêng.

*(ii) Trường hợp của Đức:*

*- Chính sách tài khóa của Đức:*

Chính phủ Đức đã ban hành gói kích thích kinh tế lớn nhất từ sau thế chiến tới nay, trị giá 550 tỷ euro (lớn hơn gói cứu trợ trị giá 500 tỷ euro được sử dụng trong cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008) để hỗ trợ doanh nghiệp, cung cấp tín dụng “không có giới hạn” để tiếp sức cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngoài ra, Chính phủ Đức ban hành nhiều chính sách mới để cho phép tăng số lượng những người lao động bị buộc phải làm việc ít hơn nhưng vẫn được nhận trợ cấp. Chính phủ Đức đã tăng đầu tư thêm 12,4 tỷ USD từ nguồn thặng dư ngân sách của năm 2019 trong giai đoạn 2021- 2024 (trung bình 3,1 tỷ euro/năm).

*- Chính sách tiền tệ của Đức:*

Chính sách tiền tệ của Đức nhằm bảo lãnh các khoản vay cho các doanh nghiệp và cam kết cung cấp thanh khoản không hạn chế cho các công ty chịu ảnh hưởng từ đại dịch.

Ngày 25/3/2020, Hạ viện Đức phê chuẩn gói cứu trợ dịch Covid-19 trị giá 1.100 tỷ euro (khoảng 1.200 tỷ USD) hỗ trợ nền kinh tế đang lâm vào khủng hoảng. Đến ngày 27/3/2020, Thượng viện Đức thông qua gói cứu trợ để cung cấp khoản vay mới cho các doanh nghiệp và hỗ trợ hệ thống y tế, cũng như đảm bảo các khoản vay ngân hàng cho các công ty.

Chính phủ Đức xây dựng Quỹ bình ổn kinh tế, trong đó: 400 tỷ euro để đảm bảo các khoản nợ của các công ty; 100 tỷ euro cho vay hoặc mua cổ phần trong các công ty; 100 tỷ euro hỗ trợ ngân hàng đầu tư Nhà nước (có thể đảm bảo cung cấp tổng các khoản vay lên tới 822 tỷ euro); 58,5 tỷ euro cho hệ thống y tế, trong đó 3,5 tỷ euro chi cho hoạt động nghiên cứu và trang thiết bị bảo hộ...

*- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh, người thuê nhà:*

Từ cuối tháng 03/2020, Chính phủ Đức đã đưa ra một loạt giải pháp đồng bộ cho gói cứu trợ 165 tỷ EUR (tương đương 178 tỷ USD), hướng tới các đối tượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh, người thuê nhà, người kinh doanh tự do..., với thủ tục hành chính xét và cấp đơn giản. Chính phủ Đức phân loại các giải pháp cứu trợ dành riêng cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, doanh nghiệp vừa và lớn, cá nhân tự doanh và cả người thuê nhà, cụ thể:

+ Đối với doanh nghiệp nhỏ: Chính phủ Đức hỗ trợ tài chính trực tiếp.

+ Đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ, người kinh doanh tự do: Chính phủ dành cho nhóm đối tượng này khoản cứu trợ 50 tỷ EUR. Theo đó, các doanh nghiệp siêu nhỏ, người kinh doanh tự do được nhận trực tiếp từ 9.000 - 15.000 EUR trong vòng 3 tháng với các thủ tục hành chính được tiến hành một cách nhanh chóng và đơn giản hóa, chỉ cần chứng minh họ mất khả năng thanh toán do dịch bệnh Covid -19.

+ Đối với doanh nghiệp vừa và lớn: Chính phủ thiết lập một Quỹ bình ổn kinh tế với quy mô hơn 100 tỷ EUR, bao gồm một gói bảo lãnh Chính phủ cho khoản vay ngân

hàng lên tới 400 tỷ EUR. Ngoài ra, còn có các chương trình cho vay không giới hạn thông qua Ngân hàng tái thiết Đức. Các công ty lớn (chẳng hạn như Lufthansa) khi cần có thể được cứu bằng cách bán cổ phần cho Chính phủ. Chính phủ liên bang sẵn sàng cung cấp cho họ các gói bảo lãnh giá trị hàng tỷ EUR và tiếp quản các khoản nợ hiện tại. Các doanh nghiệp cũng được phép nộp chậm thuế thu nhập doanh nghiệp để giúp doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn.

+ Đối với người thuê nhà: Được hỗ trợ để thanh toán tiền thuê nhà trong khoảng thời gian từ ngày 01/4/2020 tới ngày 30/09/2020 với điều kiện bắt buộc là người thuê nhà bị cấm không được hủy hợp đồng thuê nhà và thực hiện nghĩa vụ trả tiền thuê đầy đủ. Để được hưởng gói hỗ trợ này, các chủ tục chứng minh mất khả năng thanh toán tiền nhà của người thuê nhà được đơn giản hóa rất nhiều.

+ Đối với người lao động: Bộ Lao động chi trả 60% tiền lương đối với người lao động không có con và 67% đối với người lao động có con. Doanh nghiệp sẽ được hoàn trả các khoản tiền trợ cấp xã hội. Doanh nghiệp sẽ được nhận khoản tiền trợ cấp này trong trường hợp trên 10% tổng số nhân viên bị buộc phải nghỉ việc.

Ngoài ra, để tiếp tục nhanh chóng khôi phục nền kinh tế, ngày 03/6/2020, Chính phủ Đức đã thông qua gói kích cầu trị giá 130 tỷ euro (khoảng 146 tỷ USD) được thực hiện trong 2 năm 2020-2021 để giúp doanh nghiệp và người lao động phục hồi nhanh chóng hơn trước những tác động của dịch bệnh Covid-19. Trong đó, Chính phủ liên bang sẽ chi 120 tỷ euro. Một số biện pháp đáng chú ý trong gói kích cầu này bao gồm: (i) giảm thuế giá trị gia tăng từ 19% xuống còn 16% trong vòng 6 tháng, bắt đầu từ ngày 01/7/2020 (tổng giá trị của nhóm biện pháp liên quan tới giảm VAT khoảng 20 tỷ euro); (ii) Tăng cường trợ cấp các hộ gia đình với khoản tiền 300 euro/trẻ em; (iii) Tăng gấp đôi khoản hỗ trợ của Chính phủ đối với những người mua xe ô-tô điện; (iv) Thiết lập quỹ trị giá 50 tỷ euro để giải quyết các vấn đề về biến đổi khí hậu, đổi mới và số hóa trong nền kinh tế.

#### *(ii) Trường hợp của Vương quốc Anh:*

Ngân hàng Anh Trung ương Anh (BOE) đã thông qua gói hỗ trợ để đối phó với những gián đoạn kinh tế liên quan đến Covid – 19. Trong đó, gói hỗ trợ tập trung vào 4 nội dung chủ yếu gồm: Cắt giảm lãi suất chuẩn 50 điểm cơ bản (0,5%) xuống mức thấp nhất trong lịch sử 0,25%; Cấp vốn có kỳ hạn các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ; Cung cấp cho các ngân hàng trên 110 tỷ USD để cho vay lãi suất thấp; Giảm vốn đối ứng của các ngân hàng từ 1% đến 0%.

#### *- Về chính sách tài khóa của Anh:*

Các chương trình hỗ trợ kinh tế dựa trên chính sách tài khóa được Chính phủ Anh thực hiện thông qua hỗ trợ doanh nghiệp trang trải dòng tiền hoạt động và hỗ trợ người lao động có được thu nhập để đảm bảo cuộc sống. Hỗ trợ khoản vay ban đầu trị giá 330 tỷ bảng (400 tỷ USD) dành cho các doanh nghiệp.

+ Nhóm chính sách thứ nhất trị giá 29 tỷ bảng Anh liên quan tới việc giãn, giảm thuế cho các doanh nghiệp; cung cấp thêm các khoản trợ cấp cho các doanh nghiệp trong nhóm ngành nghề chịu ảnh hưởng nặng nề, các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong đó, các nhóm ngành nghề bị ảnh hưởng nhiều nhất như dịch vụ lưu trú, nhà hàng được giảm thuế giá trị gia tăng, thậm chí được Chính phủ hỗ trợ một nửa tiền hóa đơn ăn uống cho khách hàng trong tháng 8/2020.

+ Nhóm chính sách thứ 2 trị giá khoảng 48,5 tỷ bảng liên quan tới chi tiêu, tập trung vào nâng cao năng lực của hệ thống y tế công cộng, gia tăng các dịch vụ công ích và hỗ trợ các tổ chức từ thiện giúp đỡ những người gặp khó khăn. Nhóm chính sách này cũng dành khoảng 8 tỷ bảng cho việc trợ giúp những người dễ bị tổn thương thông qua tăng thu nhập tối thiểu và các phúc lợi khác. Chính phủ sẵn sàng chi trả tới 80% lương cho những lao động không có việc làm do Covid-19 và chủ doanh nghiệp cam kết giữ họ lại. Mức hỗ trợ này sau đó giảm dần còn 70% và 60% (chủ doanh nghiệp đóng góp phần còn lại để đủ 80%). Đặc biệt, Chính phủ hỗ trợ trả lương tối thiểu cho 25 giờ làm mỗi tuần trong 6 tháng cho những lao động trẻ có khả năng bị thất nghiệp lâu dài, đồng thời hỗ trợ nguồn lực để trang bị thêm kỹ năng giúp họ sẵn sàng trở lại làm việc.

+ Nhóm chính sách thứ 3 - Hỗ trợ cho chính sách tiền tệ, thực hiện bảo lãnh các khoản vay doanh nghiệp: Chính phủ đã đưa ra 3 chương trình hỗ trợ tiếp cận tín dụng cho doanh nghiệp. Các chương trình này được thiết kế khác nhau theo quy mô doanh nghiệp, với sự bảo lãnh của Chính phủ tới 80% giá trị khoản vay tối đa 5 triệu bảng cho doanh nghiệp nhỏ và 300 triệu bảng cho doanh nghiệp lớn. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn được tiếp cận các khoản vay được bảo lãnh 100% có giá trị đến 50.000 bảng.

*- Về chính sách tiền tệ của Anh:*

Ngày 11/3/2020, Ngân hàng Trung ương Anh (BoE) đã cắt giảm lãi suất 50 điểm cơ bản xuống mức 0,25% nhằm thúc đẩy nền kinh tế nước này. Đây là lần đầu tiên BoE quyết định giảm lãi suất kể từ tháng 8/2016.

Nâng mức nắm giữ trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp phi tài chính thêm 300 tỷ bảng để bơm thêm tiền vào nền kinh tế.

Áp dụng chương trình cho vay dài hạn với lãi suất thấp (trị giá khoảng 330 tỷ bảng) dành cho các tổ chức tín dụng với điều kiện các tổ chức tín dụng này cho vay ra nền kinh tế, nhất là cho vay tới các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Như vậy, sự hỗ trợ của Ngân hàng Trung ương Anh đóng vai trò như một cú huých nhằm đảm bảo chính sách lãi suất thấp được chuyển hóa thành hành động cho vay, thay vì để hệ thống thị trường tự điều tiết.

*- Về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp:*

Hoãn việc đóng thuế giá trị gia tăng (VAT) trong 3 tháng cho các doanh nghiệp; Miễn thuế mặt bằng (Business rate) trong năm 2020 và năm 2021 đối với các doanh nghiệp bán lẻ, dịch vụ và giải trí; Miễn giảm thuế mặt bằng cho các Trường mầm non trong các năm 2020 và 2021; Bảo lãnh 80% khoản vay vốn của các doanh nghiệp vừa và nhỏ; Miễn lãi suất vay trong 12 tháng đầu tiên cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ; Bảo lãnh 80% cho khoản vay (mức tối đa là 25 triệu bảng) đối với những doanh nghiệp lớn có doanh thu hàng năm từ 45 - 500 triệu bảng.

*- Về chính sách hỗ trợ lao động:* Chính phủ trả 80% lương cho người lao động trong ít nhất 3 tháng, với mức tối đa mỗi 2.500 bảng/người/tháng. Đối với những người lao động không thể đi làm bởi lí do sức khỏe cũng được trả ít nhất 98,85 bảng/tuần.

Kể từ ngày 13/3/2020, Chính phủ chi trả khoản tiền này cho doanh nghiệp đối với những lao động bị nhiễm bệnh covid -19 hoặc không thể đi làm vì lí do cách ly tại nhà. Thuế cá nhân (self-assessment payment) phải nộp vào 31 tháng 7 năm 2020 được hoãn đóng đến tháng 1 năm 2021.

## **IV. Các biện pháp ứng phó của một số quốc gia, vùng lãnh thổ Đông Á và Đông Nam Á**

### **4.1. Đối với Hồng Kông (Trung Quốc)**

Chính quyền Hồng Kông đã công bố thâm hụt ngân sách tài khóa năm 2020/2021 ước tính khoảng 139,1 tỷ HKD, tương đương 4,8% GDP, đây là mức thâm hụt lớn nhất kể từ năm 2002. Ngân sách đã thực hiện hỗ trợ một loạt các biện pháp ngắn hạn và dài hạn cho các hộ gia đình và doanh nghiệp để giúp nền kinh tế vượt qua những khó khăn. Trong đó:

+ Đối với cá nhân, hộ gia đình: Hỗ trợ tiền mặt 10.000 HKD/người cho tất cả cư dân thường trú trên 18 tuổi nhằm thúc đẩy tiêu thụ trong lĩnh vực bán lẻ - là lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề bởi Covid -19 và các sự cố xã hội trong nước năm 2019 (tổng trị giá gói hỗ trợ tiền mặt khoảng 71 tỷ HKD); Cắt giảm 100% thuế thu nhập cá nhân cho năm 2019/2020 với mức tối đa là 20.000 HKD; Cung cấp thêm kinh phí cho các chương trình tái đào tạo và việc làm; Miễn giảm thuế nhà đất trong năm 2020/2021; Trợ cấp bổ sung cho đối tượng hưởng an sinh xã hội và miễn tiền thuê nhà một tháng cho người thuê nhà ở của Chính phủ; Miễn lệ phí thi trung học.

+ Đối với doanh nghiệp: Cung cấp 100% bảo lãnh Chính phủ đối với các khoản vay cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mức tối đa đến 2 triệu HKD; Cắt giảm 100% thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm 2019/2020, với mức tối đa đến 20.000 HKD; Tiếp tục trợ cấp 75% chi phí điện (tối đa 5.000 HKD/tháng) và miễn phí 75% chi phí nước và nước thải trong bốn tháng; Miễn các khoản phí của nhà nước bao gồm: phí đăng ký kinh doanh, tờ khai thuế doanh nghiệp hàng năm và thuế mặt bằng cho các doanh nghiệp trong năm 2020/2021; Tiếp tục trợ cấp cho thuê hoặc giảm 50% tiền thuê cho một số doanh nghiệp, cho một số bất động sản của Chính phủ trong sáu tháng; Hỗ trợ bổ sung cho các ngành bị ảnh hưởng nặng nề như xây dựng (trợ cấp cho nhà thầu), vận tải (trợ cấp thí điểm miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho đơn vị cho thuê tàu), du lịch (tăng kinh phí cho Hội đồng Du lịch HK lên 700 triệu HKD).

+ Một số biện pháp quan trọng khác:

Tăng nguồn cung nhà ở và đất đai thông qua thực hiện Đề án thí điểm chia sẻ đất, tái phân vùng đất cho các dự án nhà ở công, đánh giá các khu vực tái phát triển...; Thí điểm đề án cho vay mua nhà lãi suất cố định với lãi suất 2,75%, 2,85% và 2,95% cho các khoản vay 10, 15 và 20 năm; Miễn thuế trước bạ đối với giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu cho các quỹ hoán đổi danh mục được tạo và đổi tại Hồng Kông; Tăng kinh phí thường xuyên cho Cơ quan y tế lên 75 tỷ HKD để hỗ trợ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và tăng trưởng dân số.

Tiếp tục đa dạng hóa nền kinh tế thông qua việc hỗ trợ đổi mới và công nghệ thông qua tăng kinh phí 2 tỷ HKD cho Quỹ đổi mới và công nghệ, cho Công viên Khoa học và Công nghệ.

Hỗ trợ đạt mục tiêu về môi trường bằng cách khuyến khích sử dụng và chuyển đổi sang xe điện thông qua việc tài trợ phát triển cơ sở hạ tầng xe điện.

### **4.2. Đối với các quốc gia Đông Nam Á**

Trong giai đoạn dịch bệnh Covid -19 bùng phát trên toàn cầu, các quốc gia Đông Nam Á cũng tích cực thực hiện các biện pháp ứng phó với đại dịch nhằm duy trì sản xuất, thúc đẩy kinh tế phát triển. Hầu hết các nước ASEAN đều sử dụng kết hợp cả các

biện pháp kích thích ngắn hạn, các biện pháp kích thích dài hạn, cũng như các biện pháp theo ngành cụ thể.

*Các biện pháp kích thích ngắn hạn* được hầu hết các nước sử dụng bao gồm: Các biện pháp trì hoãn; Hỗ trợ tài chính trực tiếp; Hỗ trợ tiền lương. Chỉ có một số nước sử dụng biện pháp hướng dẫn và cung cấp thông tin, gồm: Indonesia, Singapore, Thái Lan và Việt Nam.

*Các biện pháp theo một số ngành cụ thể* được các nước sử dụng như: Du lịch, khách sạn, công nghiệp chế tạo, dệt may, da giày, hàng không, nông nghiệp.

*Đối với chính sách trợ cấp xã hội*, Chính phủ ở một số quốc gia lân cận đã triển khai các chính sách nhằm hỗ trợ những cá nhân bị ảnh hưởng. Các chính sách này bao gồm chủ động hỗ trợ việc làm, cung cấp bảo hiểm xã hội để ổn định việc làm và hỗ trợ trợ cấp xã hội cho người nghèo và đối tượng dễ bị tổn thương để giảm thiểu tác động đột ngột của tình trạng gián đoạn việc làm. Các công cụ áp dụng bao gồm hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt cho những đối tượng bị ảnh hưởng và tăng quyền lợi của các chương trình trợ cấp xã hội hiện tại thông qua: (i) miễn hoặc hoãn nộp các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội (bao gồm chương trình bảo hiểm thất nghiệp trong một khoảng thời gian); (ii) nới lỏng các điều kiện để nhận quyền lợi bảo hiểm thất nghiệp và/hoặc đơn giản hóa quy trình giải quyết quyền lợi cho những người bị ảnh hưởng hoặc mất việc; (iii) sử dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp để trả tiền lương và trợ cấp việc làm cho các doanh nghiệp để ổn định việc làm, tập trung vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ; (iv) sử dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp để cung cấp việc làm công và các dịch vụ đào tạo và học tập trực tuyến.



**Bảng 1: Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của các nước ASEAN**

Quốc gia	Brunay	Campuchia	Indonesia	Lào	Malaysia	Myanmar	Philippines	Singapore	Thái Lan	Việt Nam
<b>1. Các biện pháp kích thích ngắn hạn</b>										
Các biện pháp trì hoãn	x	X	X	x	x	x	x	x	x	x
Hỗ trợ tài chính trực tiếp	x	X	X	x	x	x	x	x	x	x
Hướng dẫn và cung cấp thông tin			X					x	x	x
Hỗ trợ tiền lương	x	X	X	X	x	x	x	x	x	x
<b>2. Các biện pháp trong dài hạn</b>										
Đào tạo lao động	x		X				x	x	x	x
Số hóa	x		X		x		x	x	x	
Tiếp cận thị trường	x		X				x		x	
<b>3. Các biện pháp theo ngành cụ thể</b>										
Du lịch, khách sạn	x	X	X	X	x	x	x	x	x	x
Chế tạo			X		x	x			x	x
Dệt may, giày dép		X				x				x
Hàng không	x		X		x		x	x	x	x
Nông nghiệp	x		X		x		x	x	x	x

*(1) Trường hợp của Thái Lan:*

Để giúp kinh tế vượt qua khủng hoảng, Ngân hàng Trung ương Thái Lan (BOT) đã giảm lãi suất cơ bản từ 1,25% xuống còn 0,75% trong quý đầu năm 2020, mức thấp nhất trong lịch sử. Đồng thời, đóng góp từ các tổ chức tài chính cho Quỹ Phát triển các định chế tài chính đã giảm từ 0,46% xuống 0,23% tiền gửi cơ sở để tạo điều kiện cho các ngân hàng giảm lãi suất cho vay.

Ngoài ra, Thái Lan còn thực hiện các biện pháp trợ giúp doanh nghiệp như: (i) BOT tái cấp vốn với số tiền lên tới 500 tỷ Baht là nợ xấu vay với lãi suất 2%; (ii) Chính phủ đảm bảo tới 60-70% giá trị khoản vay và miễn giảm lãi 6 tháng đầu của khoản vay này cho các doanh nghiệp nhỏ; hoãn thanh toán gốc và giảm lãi cho các khoản nợ của các định chế tài chính nhỏ.

Các biện pháp khác cũng đã được thực hiện nhằm ổn định an ninh tài chính, như: (i) Thành lập Quỹ Ổn định trái phiếu doanh nghiệp làm trung gian để BOT cung cấp 400 tỷ Baht cho các doanh nghiệp có kết quả hoạt động kinh doanh tốt có trái phiếu đáo hạn trong giai đoạn 2020-2022; (ii) BOT đã mua 100 tỷ Baht trái phiếu chính phủ vào tháng 3 để đảm bảo thị trường trái phiếu chính phủ hoạt động bình thường; (iii) BOT cắt giảm hoặc hủy bỏ phát hành trái phiếu theo kế hoạch phát hành trước đó; (iv) Thành lập một tổ chức đặc biệt nhằm cung thanh khoản cho các quỹ tương hỗ thông qua ngân hàng.

*Về gói chính sách tài chính:* Chính phủ áp dụng mức hỗ trợ 5.000 Baht/người liên tiếp trong sáu tháng cho những người phải nghỉ việc do tác động của dịch Covid -19; Ban hành gói hỗ trợ trị giá 600 tỷ Baht để hỗ trợ cho nông dân; 400 tỷ Baht để phục hồi nền kinh tế thông qua các dự án tạo việc làm, củng cố và xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông.

*Về chính sách tiền tệ:* Gia hạn các khoản vay mềm trị giá 500 tỷ Baht với lãi suất 2%/năm cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với hạn mức tính dụng không quá 500 triệu Baht/doanh nghiệp; Các tổ chức tài chính thực hiện thanh toán nợ cả gốc lẫn lãi trong sáu tháng đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa có hạn mức tín dụng không vượt quá 100 triệu Baht; Thành lập Quỹ ổn định trái phiếu doanh nghiệp (BSF) trị giá 400 tỷ Baht, trong đó, Ngân hàng Trung ương có thể mua trái phiếu doanh nghiệp để duy trì thanh khoản.

*(2) Trường hợp của Malaysia:*

Malaysia cung cấp gói kích thích kinh tế trị giá 20 tỷ RM với ba trụ cột chiến lược như sau:

- *Thứ nhất*, chiến lược giảm thiểu tác động của dịch Covid-19: Để giảm thiểu những tác động nặng nề này đối với các doanh nghiệp, Chính phủ Malaysia thực hiện cách tiếp cận theo hướng: Nói lỏng tiền tệ để khơi thông dòng tiền cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng; Hỗ trợ các cá nhân bị ảnh hưởng; Kích thích nhu cầu đi lại và du lịch.

+ Để hỗ trợ các doanh nghiệp du lịch bị ảnh hưởng, Chính phủ thực hiện nhiều biện pháp trong khoảng thời gian 6 tháng (bắt đầu từ tháng 4/2020 đến tháng 9/2020). Cụ thể: (i) Cho phép gia hạn thời gian đóng thuế thu nhập hàng tháng cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch. Ngoài ra, các công ty bị ảnh hưởng bởi Covid-19 cũng được phép điều chỉnh ước tính lợi nhuận cho năm 2020 đối với các khoản thanh toán thuế thu nhập hàng tháng mà không bị phạt; (ii) Giảm giá 15% hóa đơn tiền điện

hàng tháng cho các khách sạn, đại lý du lịch, hãng hàng không, trung tâm mua sắm, trung tâm hội nghị và triển lãm; (iii) Miễn khoản đóng góp vào Quỹ Phát triển Nguồn nhân lực (HRDF) cho các khách sạn và doanh nghiệp liên quan đến du lịch; (iv) Miễn thuế dịch vụ 6% cho các khách sạn (chính sách miễn trừ này có hiệu lực từ tháng 3/2020 đến tháng 8/2020).

Chính phủ cũng cung cấp các công cụ cấp vốn cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng, cụ thể: (i) Ngân hàng Trung ương Malaysia cung cấp gói cứu trợ đặc biệt trị giá 2 tỷ RM, dưới dạng cho vay vốn lưu động cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với lãi suất 3,75%/năm; (ii) Ngân hàng Simpanan Nasional (BSN) cung cấp gói tín dụng vi mô trị giá 200 triệu RM với lãi suất 4%/năm cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng và quy trình phê duyệt cho các quỹ cho vay được sắp xếp hợp lý hơn (chẳng hạn như Quỹ Kết cấu Hạ tầng Du lịch của Ngân hàng Pembangunan trị giá 1,5 tỷ RM).

Tất cả các ngân hàng được yêu cầu cung cấp cứu trợ tài chính dưới hình thức thời gian ân hạn bao gồm khoản nợ, giãn nợ đối với các doanh nghiệp và cá nhân bị ảnh hưởng. Ngân hàng Trung ương có nhiệm vụ đảm bảo rằng tất cả các tổ chức tài chính sẽ hỗ trợ 100% các công ty có nhu cầu mà không có bất kỳ ngoại lệ nào.

Với tinh thần chia sẻ trách nhiệm để vượt qua những thách thức hiện tại, Chính phủ kêu gọi các doanh nghiệp trong ngành cùng đóng góp cho những nỗ lực chung. Chẳng hạn như, các khách sạn áp dụng chính sách giảm giá và trung tâm mua sắm xem xét giảm tiền thuê cửa hàng. Theo đó, Malaysia Airport Holdings Berhad (MAHB) giảm giá cho thuê mặt bằng tại sân bay cũng như phí hạ cánh và đỗ máy bay.

+ Hỗ trợ các cá nhân bị ảnh hưởng: Chính phủ cung cấp khoản hỗ trợ trọn gói trị giá 600 RM cho mỗi tài xế taxi, tài xế xe buýt du lịch, hướng dẫn viên du lịch và lái xe xích lô đã đăng ký.

Để ghi nhận những nỗ lực của đội ngũ phòng chống dịch ở tuyến đầu bảo vệ Malaysia khỏi dịch bệnh lây nhiễm, các nhân viên Chính phủ trực tiếp tham gia vào các nỗ lực ngăn chặn sẽ được nhận khoản trợ cấp thiết yếu hàng tháng trị giá 400 RM, bao gồm bác sĩ và nhân viên y tế khác, cũng như 200 RM cho cán bộ nhập cảnh và các cán bộ phải tiếp xúc trực tiếp với nguy cơ lây nhiễm bắt đầu từ tháng 2 năm 2020 cho đến khi tuyên bố hết dịch. Bộ Y tế đã cam kết chi 150 triệu RM để mua các thiết bị, thuốc và vật tư y tế có liên quan nhằm nỗ lực ngăn chặn dịch. Chính phủ cung cấp các nguồn lực cần thiết để đảm bảo kiểm soát tốt dịch bệnh.

Phát triển nguồn vốn con người: Chính phủ khuyến khích người sử dụng lao động đầu tư hơn nữa vào việc nâng cao năng suất lao động trong thời kỳ suy thoái kinh tế này. Chính phủ áp dụng khấu trừ hai lần đối với các chi phí phát sinh cho các chương trình đào tạo liên quan đến du lịch được phê duyệt. Chính phủ cung cấp tối đa 100 triệu RM theo cơ chế tài trợ song song cho Quỹ Phát triển Nguồn Nhân lực để chi trả cho hoạt động đào tạo hơn 40.000 người lao động làm việc trong ngành du lịch và các ngành bị ảnh hưởng khác.

Chính phủ cung cấp 50 triệu RM để trợ giá cho các khóa học ngắn hạn về kỹ năng số và đào tạo kỹ năng nâng cao. Chính sách ưu đãi này sẽ mang lại lợi ích cho 100.000 người Malaysia

Người lao động Malaysia nghỉ việc có thể nhận hỗ trợ từ Hệ thống bảo hiểm việc làm (EIS) với quỹ khả dụng 1,1 tỷ RM. Bên cạnh đó, EIS tăng mức chi phí đào tạo được bồi hoàn từ 4.000 RM lên 6.000 RM cho các ngành bị ảnh hưởng. Trợ cấp đào tạo hàng

ngày trị giá 30 RM/ngày cũng được cung cấp cho các học viên trong khuôn khổ chương trình của EIS.

+ Kích cầu du lịch: Để kích cầu du lịch, Chính phủ đã thực hiện các biện pháp như: Giảm thuế thu nhập cá nhân lên tới 1.000 RM cho các chi tiêu liên quan đến du lịch nội địa; Tất cả người dân Malaysia sẽ có cơ hội được nhận các voucher điện tử để đi du lịch nội địa lên tới 100 RM/người cho các chuyến bay, vé tàu hỏa và phòng khách sạn. Trợ cấp bổ sung theo cơ chế matching để xúc tiến du lịch cũng sẽ được cung cấp. Khoản ngân sách trị giá 500 triệu RM được phân bổ để thực hiện chương trình voucher điện tử và xúc tiến du lịch; Nới lỏng các quy định hiện hành về việc hạn chế sử dụng khách sạn của các cơ quan Chính phủ.

- *Thứ hai*, chiến lược thúc đẩy tăng trưởng kinh tế lấy người dân làm trung tâm:

+ Hỗ trợ người dân: Các doanh nghiệp Malaysia, đặc biệt là các công ty xuất khẩu bị ảnh hưởng nặng nề từ sự gián đoạn chuỗi cung ứng liên quan đến các nhà máy và cảng tại Trung Quốc. Do đó, Chính phủ thực hiện các biện pháp trước mắt để kích thích tiêu dùng nội địa nhằm hạn chế tác động của các yếu tố tiêu cực bên ngoài, đồng thời bảo vệ công ăn việc làm tại Malaysia. Những biện pháp này bao gồm:

(i) Giảm mức đóng góp tối thiểu cho Quỹ Phúc lợi Nhân viên (EPF) của người lao động 4% từ 11% xuống còn 7% (có hiệu lực từ ngày 01/4/2020 đến ngày 31/12/2020). Điều này có khả năng giải phóng 10 tỷ RM cho tiêu dùng cá nhân. Người lao động Malaysia có quyền lựa chọn từ chối tham gia chương trình và duy trì tỷ lệ đóng góp của họ.

(ii) Khoản trợ cấp tiền mặt trị giá 200 RM cho tất cả đối tượng thụ hưởng của Chương trình an sinh xã hội Bantuan Sara Hidup (BSH) vào tháng 3 năm 2020.

(iii) Thêm 100 RM được thanh toán vào tài khoản ngân hàng của tất cả đối tượng thụ hưởng của Chương trình an sinh xã hội Bantuan Sara Hidup vào tháng 5 năm 2020. Sau đó, thêm RM50 sẽ được chuyển theo hình thức e-tunai.

+ Hỗ trợ người dân tăng thu nhập và giảm chi phí sinh hoạt:

(i) Gói cho vay nông nghiệp trị giá 1 tỷ RM được BNM cung cấp với lãi suất ưu đãi 3,75%/năm để thúc đẩy các hoạt động sản xuất thực phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

(ii) Phân bổ 10 triệu RM cho FAMA để cung cấp các cơ sở lưu trữ và bảo quản thực phẩm nhằm giúp giảm giá thực phẩm.

(iii) Cấp phát 1.000 đến 10.000 RM cho thương nhân địa phương để hỗ trợ bán sản phẩm trên nền tảng thương mại điện tử.

(iv) Phân bổ 20 triệu RM cho Tập đoàn Kinh tế Kỹ thuật số Malaysia (MDEC) cho Chương trình Perkhidmatan e-Dagang Setempat (PeDAS) để đưa Pusat Internet Desa thành các trung tâm thương mại điện tử.

+ Kích thích tăng trưởng khu vực nông thôn:

Chính phủ phân bổ thêm 2 tỷ RM để thực hiện các dự án sửa chữa nhỏ và nâng cấp cơ sở hạ tầng trên toàn quốc, đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Để đảm bảo hiệu quả của các dự án, việc phân bổ sẽ được thực hiện với sự hỗ trợ của Chính quyền Trung ương, chính quyền địa phương, các tổ chức phi Chính phủ và cộng đồng địa phương. Các dự án được triển khai nhanh chóng để mang lại tác động tích cực trong việc kích

thích nền kinh tế. Để xúc tiến việc thực hiện tất cả các dự án, Bộ Tài chính đặc biệt nói lòng thủ tục tài chính cho năm 2020 như sau: Tăng giá trị ngưỡng đấu thầu bằng hình thức ballot từ 50.000 RM lên 100.000 RM và bằng hình thức nộp hồ sơ chào giá từ 500.000 RM lên 800.000 RM; Đảm bảo các bộ phận bổ đủ kinh phí cho các cơ quan thực hiện tương ứng vào Quý I năm 2020. Bộ Tài chính giám sát việc tuân thủ lịch trình mua sắm, đấu thầu để đảm bảo các dự án được thực hiện kịp thời

- *Thứ ba*, chiến lược khuyến khích đầu tư hiệu quả: Chính phủ cam kết tiếp tục duy trì các Chương trình đầu tư công; đặc biệt là đẩy nhanh tiến độ các gói thầu và dự án đầu tư phát triển trong năm 2020. Bên cạnh đó, Chính phủ đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư theo kế hoạch cho năm 2020.

Ngoài ra, để tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia, Chính phủ thúc đẩy đầu tư khu vực tư nhân có giá trị gia tăng cao hơn thông qua:

+ Quỹ đầu tư trị giá 500 triệu RM được các nhà đầu tư tư nhân cùng đầu tư và matching với tỷ lệ ít nhất là 1 đến 3, có khả năng giúp tăng tổng số tiền đầu tư lên tới 2 tỷ RM để đầu tư vào các doanh nghiệp Malaysia trong giai đoạn đầu khởi nghiệp và tăng trưởng

+ Ủy ban Chứng khoán và Sàn Giao dịch Chứng khoán Malaysia miễn phí niêm yết cho các doanh nghiệp trong một năm đối với các công ty mong muốn được niêm yết trên Nền tảng tăng tốc khởi nghiệp hàng đầu (LEAP) hoặc thị trường Access, Certainty, Efficiency (ACE), cũng như các công ty có giá trị vốn hóa thị trường dưới 500 triệu RM mong muốn được niêm yết trên thị trường chính.

+ Ngân hàng Trung ương cung cấp gói cho vay Số hóa & Tự động hóa cho doanh nghiệp vừa và nhỏ trị giá 300 triệu RM với lãi suất 3,75%/năm.

+ Chính phủ cung cấp các khoản trợ cấp vốn tăng tốc trong thời gian hai năm cho các chi phí phát sinh cho máy móc và thiết bị bao gồm cả công nghệ thông tin.

+ Chính phủ cung cấp khoản khấu trừ thuế lên tới 300.000 RM cho chi phí cải tạo và nâng cấp thiết bị.

+ Miễn thuế nhập khẩu và thuế bán hàng khi nhập khẩu hoặc mua máy móc thiết bị trong nước sử dụng cho vận hành cảng trong 3 năm tính từ ngày 1 tháng 4 năm 2020./.

## PHỤ LỤC 2: KINH NGHIỆM KIỂM SOÁT MUA BÁN, SÁP NHẬP CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRONG THỜI KỲ COVID-19

### 1. Kinh nghiệm của Nhật Bản

*Pháp luật liên quan đến kiểm soát hoạt động đầu tư nước ngoài và mua bán, sáp nhập (M&A)*

Luật Ngoại hối và Ngoại thương Nhật bản (Foreign Exchange and Foreign Trade Act- FEFTA) là bộ luật kiểm soát hoạt động đầu tư nước ngoài vào Nhật Bản. Các hình thức đầu tư nước ngoài được FEFTA điều chỉnh, bao gồm các hình thức:

- a. Mua lại cổ phần hoặc vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp
- b. Chuyển nhượng cổ phần hoặc vốn góp (đối với công ty không niêm yết)
- c. Mua lại cổ phần của các công ty niêm yết
- d. Các thỏa thuận làm thay đổi mục đích kinh doanh tại công ty nội địa
- e. Thành lập chi nhánh tại Nhật Bản

FEFTA đặt ra hạn chế đầu tư nước ngoài đối với các lĩnh vực sau:

- f. Những ngành liên quan tới an ninh quốc gia như: sản xuất vũ khí, vệ tinh, năng lượng hạt nhân ...
- g. Những ngành liên quan tới hạ tầng: điện, khí gas, viễn thông ...
- h. Những ngành liên quan tới trật tự công cộng và an toàn: Dược phẩm, vệ sĩ cá nhân ...
- i. Những ngành khác như nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, vận chuyển hàng không và đường thủy.

Khi đầu tư vào các lĩnh vực bị hạn chế trên và có ý định mua lại **từ 10% cổ phần trở lên** thì, trong vòng 06 tháng trước khi tiến hành giao dịch (prior-transaction approval), các nhà đầu tư nước ngoài phải nộp thông báo tới Bộ Tài chính Nhật Bản, và những cơ quan quản lý ngành liên quan trong lĩnh vực chuẩn bị đầu tư, đơn nộp thông qua Ngân hàng nhà nước Nhật Bản (Bank of Japan). Thời gian xét duyệt bắt buộc là 30 ngày, tối đa có thể kéo dài đến 05 tháng. Trong thực tế, thời gian xét duyệt thường được rút ngắn còn 2 tuần.

Ngoài những hạn chế chung nêu trên, một số ngành/lĩnh vực nhất định có thêm những hạn chế về đầu tư nước ngoài được quy định trong luật của ngành/lĩnh vực đó. Ví dụ những hạn chế về sở hữu nước ngoài được quy định trong Luật Hàng không dân dụng, Luật Viễn thông. Đối với vấn đề sở hữu bất động sản của các cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài, FEFTA yêu cầu phải thông báo tới Bộ Tài chính khi bất động sản được mua nhằm mục đích đầu tư.

*Mối liên quan giữa FEFTA và Luật Cạnh tranh Nhật Bản*

Theo Điều 65 FEFTA, Luật FEFTA không loại trừ các áp dụng của Luật Cạnh tranh Nhật Bản. Điều đó có nghĩa là Cơ quan Cạnh tranh Nhật Bản (JFTC) vẫn có thẩm quyền rà soát và ngăn chặn các vụ việc M&A thuộc ngưỡng hoặc có tổn hại tới cạnh tranh, kể cả khi thương vụ đó đã được chấp thuận theo Luật FEFTA. Ngược lại, nếu một vụ việc M&A được chấp thuận bởi JFTC, vụ việc vẫn có nguy cơ bị chặn theo quy định của đạo luật FEFTA.

*Chính sách và biện pháp thắt chặt dòng đầu tư nước ngoài*

Trong bối cảnh thế giới có xu hướng bảo hộ và thắt chặt dòng đầu tư nước ngoài từ năm 2019, Nhật Bản đã điều chỉnh, thay đổi Luật FEFTA theo hướng kiểm soát chặt chẽ hơn dòng đầu tư nước ngoài vào Nhật Bản. Đặc biệt, sau đại dịch Covid-19, các

nước phục hồi kinh tế nhanh hơn như Trung Quốc, Hàn Quốc có thể tận dụng thời cơ để mua lại các doanh nghiệp Nhật Bản đang khó khăn vì dịch bệnh, đây cũng là lý do quan trọng để thắt chặt thêm các chính sách đối với đầu tư nước ngoài. Cụ thể như sau:

(i) Mở rộng các ngành lĩnh vực bị hạn chế, gồm:

- j. Ngành sản xuất máy tính và linh kiện máy tính
- k. Sản xuất điện thoại di động, thiết bị viễn thông và thành phần linh kiện
- l. Sản xuất bộ nhớ gắn ngoài và thiết bị lưu trữ
- m. Các ngành liên quan đến lĩnh vực phần mềm máy tính
- n. Ngành dịch vụ xử lý dữ liệu
- o. Mở rộng hạn chế trong lĩnh vực viễn thông

(ii) Mở rộng phạm vi thông báo:

- p. Ngưỡng thông báo 10% được mở rộng tới quyền biểu quyết. Ví dụ, một nhà đầu tư nước ngoài sở hữu dưới 10% cổ phần, nhưng quyền biểu quyết tương ứng từ 10% trở lên vẫn phải thông báo
- q. Mở rộng phạm vi thông báo tới những hoạt động uỷ quyền đầu tư

(iii) Hạ ngưỡng thông báo từ 10% xuống còn 1% (Thay đổi này dự kiến có hiệu lực vào mùa xuân 2020). Để hạn chế những tiêu cực phát sinh từ sửa đổi này thì:

- r. Ngưỡng 1% sẽ không áp dụng đối với những ngành và lĩnh vực bị hạn chế
- s. Áp dụng các hình thức miễn trừ có điều kiện đối với hoạt động đầu tư cổ phiếu thuần túy.

Cùng với các quy định nêu trên, đồng thời ngày 08 tháng 6 năm 2020 Bộ Tài chính Nhật Bản đã đưa ra một bản danh sách các công ty tại Nhật Bản nhằm giúp các nhà đầu tư nước ngoài dễ dàng nhận biết các công ty thuộc diện phải thông báo trước khi đầu tư (2102 doanh nghiệp).

## **2. Kinh nghiệm của Úc**

### *Pháp luật liên quan đến kiểm soát hoạt động đầu tư nước ngoài và M&A*

Hoạt động đầu tư nước ngoài chịu sự điều chỉnh Đạo Luật về Mua lại và Kiểm soát Úc (FATA), theo đó, Đạo Luật này điều chỉnh hoạt động mua lại trực tiếp hoặc gián tiếp của người nước ngoài đối với cổ phần và tài sản của các công ty tại Úc. Cụ thể, những giao dịch thuộc đối tượng điều chỉnh của FATA cần phải được thông báo đến Ủy ban đầu tư nước ngoài Úc (FIRB) trước khi thực hiện, FIRB sẽ đánh giá các giao dịch này trên cơ sở các quy định tại FATA và lợi ích quốc gia Úc.

Tất cả các công ty nước ngoài nếu muốn mua lại trên 20% cổ phần của một công ty Úc đều phải được FIRB phê duyệt. Đối với từng ngành, lĩnh vực cụ thể như nông nghiệp, được hưởng có thể áp dụng ngưỡng thấp hơn.

Ngưỡng thông báo năm 2020 như sau:

Nhà đầu tư	Hành vi	Ngưỡng kiểm soát giá trị giao dịch (Đô la Úc)
<b>Những nhà đầu tư cá nhân</b> (không phải chính phủ nước ngoài) từ các đối tác FTA của Úc như Canada, Chile, Trung Quốc, Nhật Bản, Mexico, Singapore, New Zealand, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Việt Nam	Mua lại những ngành kinh doanh không trọng yếu	1192 triệu
	Mua lại những ngành kinh doanh trọng yếu như: Viễn thông, giao thông vận tải, quốc phòng và quân sự, hệ thống an ninh và giải mã, khai thác các nguyên liệu hạt nhân, các cơ sở hạt nhân	275 triệu
	Truyền thông (Media)	0
	Nông nghiệp	Đối với Chile, New Zealand và Hoa Kỳ là 1192 triệu Đối với Canada, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mexico, Singapore và Việt Nam là 60 triệu
Đối với những <b>nhà đầu tư phi chính phủ</b> (bao gồm cả pháp nhân không phải doanh nghiệp từ những nước là đối tác FTA của Úc)	Chung cho tất cả các ngành	275 triệu
	Truyền thông (Media)	0
	Nông nghiệp	60 triệu
Đối với những <b>nhà đầu tư là chính phủ nước ngoài</b> , bao gồm các công ty quốc doanh	Mua lại trực tiếp cổ phần từ các pháp nhân của Úc	0
	Thành lập một công ty tại Úc	0
	Mua lại trên 10% cổ phiếu trên thị trường chứng khoán của những công ty khai mỏ, sản xuất hoặc thăm dò	0



### *Chính sách và biện pháp (tạm thời) thắt chặt dòng đầu tư nước ngoài trong bối cảnh đại dịch Covid-19*

Đại dịch Covid-19 gây ra những tác động trung hạn và dài hạn đối với nền kinh tế toàn cầu và hoạt động mua bán sáp nhập (M&A). Cuộc khủng hoảng dẫn đến những thay đổi quan trọng trong chính sách, quy định và thủ tục của FIRB và Ủy ban Cảnh tranh và Người tiêu dùng Úc (ACCC). Những thay đổi này áp dụng đối với việc đầu tư nước ngoài cũng như các giao dịch ngoài lãnh thổ có khả năng thay đổi cổ phần và tài sản của các công ty có trụ sở tại Úc.

Những biện pháp thay đổi cụ thể như sau:

- (i) Giảm ngưỡng rà soát những giao dịch đầu tư nước ngoài xuống 0 đô la Úc để rà soát **tất cả các giao dịch** và nâng thời gian rà soát từ 30 ngày đến 6 tháng. Như vậy, tất cả các giao dịch ngoài lãnh thổ mà có tác động đến các công ty có trụ sở tại Úc đều phải chịu sự rà soát của FIRB.
- (ii) Phối hợp chặt chẽ hơn giữa FIRB và ACCC: FIRB sẽ tiến hành tham vấn với ACCC để bảo đảm giao dịch dự kiến không mâu thuẫn với lợi ích quốc gia của Úc. FIRB sẽ cùng với ACCC thảo luận trên cơ sở đồng thuận về tác động của các giao dịch đầu tư nước ngoài thông qua M&A.
- (iii) Những thay đổi trong quy trình kiểm soát M&A của ACCC: Gia tăng thời gian rà soát giao dịch M&A, đồng thời rà soát kỹ hơn đối với những giao dịch mua lại tài sản, cổ phần của những công ty đang trong tình trạng khó khăn để đánh giá tác động hạn chế cạnh tranh của giao dịch.

### **3. Kinh nghiệm của Hoa Kỳ**

#### *Pháp luật liên quan đến hoạt động M&A*

Tại Hoa Kỳ, các giao dịch M&A tư nhân (nghĩa là các giao dịch không liên quan đến công ty có cổ phiếu được niêm yết và giao dịch công khai) được điều chỉnh bởi luật pháp Tiểu bang. Phần lớn các doanh nghiệp tư nhân tại Hoa Kỳ được thành lập tại Bang Delaware<sup>27</sup>, do đó, hoạt động M&A của đa số các công ty tư nhân tại Hoa Kỳ được điều chỉnh bởi Luật Bang Delaware.

Đạo luật Chứng khoán năm 1933 quy định về các giao dịch chào bán và chào mua chứng khoán, mua cổ phần, cổ phiếu và lợi ích tham gia của cổ đông của các công ty niêm yết đại chúng. Tất cả các giao dịch M&A phải được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch Hoa Kỳ<sup>28</sup>.

Ngoài ra, để đảm bảo hoạt động M&A không gây ảnh hưởng tới cạnh tranh, các luật và quy định chống độc quyền của Liên bang và Tiểu bang (Đạo luật Hart-Scott-Rodino (HSR) và Đạo luật chống độc quyền liên bang cũng chi phối, điều chỉnh các giao dịch M&A của cả công ty đại chúng và công ty tư nhân tại Hoa Kỳ). Mục đích của pháp luật chống độc quyền là để ngăn chặn các giao dịch M&A gây phương hại đến cạnh tranh trên thị trường. Các giao dịch M&A vượt ngưỡng thông báo (hiện tại là 84,4 triệu đô la) phải tuân thủ các yêu cầu về nộp hồ sơ thông báo đến Ủy ban Thương mại Liên bang và Cục Chống độc quyền (Bộ Tư pháp).

Đối với các giao dịch M&A có vốn đầu tư nước ngoài hoặc có sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài sẽ được điều chỉnh bởi Luật Đầu tư nước ngoài và An ninh Quốc

<sup>27</sup> Bang Delaware là bang nằm giữa New York và Washington DC có số lượng doanh nghiệp được thành lập nhiều nhất Hoa Kỳ.

<sup>28</sup> <https://iclg.com/practice-areas/mergers-and-acquisitions-laws-and-regulations/usa>

gia năm 2007. Ủy ban Đầu tư nước ngoài Hoa Kỳ (CFIUS) có chức năng rà soát các giao dịch M&A, khoản đầu tư nước ngoài có ảnh hưởng hoặc gây ra các quan ngại tới an ninh quốc gia. CFIUS bao gồm đại diện cơ quan chính phủ đến từ nhiều lĩnh vực nhằm đảm bảo rằng các giao dịch M&A có yếu tố nước ngoài được xem xét, rà soát kỹ không gây ra bất kỳ quan ngại nào đến an ninh quốc gia. Trong trường hợp CFIUS đưa ra đủ bằng chứng cho thấy các thực thể (công ty, nhà đầu tư) nước ngoài đang thâm nhập, có hành động gây hại với an ninh quốc gia, Thủ tướng có thể đưa ra lệnh cấm không thực hiện đối với các giao dịch M&A này.

*Quy định riêng hoặc hạn chế đối với việc sở hữu nước ngoài trong giao dịch M&A*

Về cơ bản, Hoa Kỳ không đưa ra bất kỳ quy định về hạn chế quyền sở hữu nước ngoài đối với các doanh nghiệp tại Hoa Kỳ. Tuy nhiên, một số quy định được đưa ra nhằm hạn chế, hoặc giám sát chặt chẽ đối với các giao dịch M&A được coi là nhạy cảm, gây ra mối lo ngại về an ninh quốc gia.

Luật Đầu tư nước ngoài và An ninh Quốc gia 2007 (trước kia là Mục 721 Đạo luật Quốc phòng sửa đổi năm 1950) quy định Ủy ban Đầu tư nước ngoài Hoa Kỳ (CFIUS) có chức năng rà soát các giao dịch M&A, khoản đầu tư nước ngoài có ảnh hưởng hoặc gây ra các quan ngại tới an ninh quốc gia.

Các lĩnh vực được CFIUS xem xét và được quy định là nhạy cảm gồm: Lĩnh vực quốc phòng; Hàng không vũ trụ; Sản phẩm tiêu dùng; Vận tải; Khai thác mỏ; Sản xuất máy tính và điện tử; Khoa học và dịch vụ kỹ thuật; Công nghệ thông tin và viễn thông; Bảo hiểm, Ngân hàng; Bất động sản.

Năm 2018, Hoa Kỳ đã ban hành thêm Đạo luật hiện đại hóa trong đánh giá rủi ro đầu tư nước ngoài quy định và tăng quyền tài phán của CFIUS trong việc đánh giá, rà soát các giao dịch có yếu tố vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, các nhà đầu tư từ một số quốc gia gồm Úc, Canada và Anh được hưởng một số quy định miễn trừ trong Đạo luật này.

***Đối với các nhà đầu tư nước ngoài có ý định thực hiện M&A tại Hoa Kỳ, CFIUS sẽ đặc biệt rà soát kỹ nếu giao dịch có yếu tố liên quan đến chính trị. Sau khi xem xét và cân nhắc cẩn thận, Quốc hội Hoa Kỳ có thể đưa ra các biện pháp nhằm ngăn chặn các giao dịch M&A có những quan ngại về chính trị.***

*Vai trò của pháp luật và cơ quan cạnh tranh trong việc kiểm soát hoạt động M&A có vốn đầu tư nước ngoài*

Mục 7, Đạo Luật chống độc quyền Clayton (Clayton Antitrust Act) ban hành năm 1914, 15 U.S.C §18, là đạo luật chống độc quyền liên bang cơ bản về kiểm soát sáp nhập và mua lại tại Hoa Kỳ. Mục 7 của Luật nghiêm cấm bất kỳ giao dịch mua lại cổ phần hoặc tài sản trong các giao dịch ảnh hưởng đến thị trường và “có khả năng dẫn tới hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể, hoặc có xu hướng tạo ra độc quyền trên thị trường”, bao gồm cả các giao dịch M&A có vốn đầu tư nước ngoài.

Ngoài Đạo luật Clayton, Hoa Kỳ có hai đạo luật chống độc quyền liên bang khác điều chỉnh và rà soát các vụ sáp nhập, đó là Luật Sherman (Sherman Act), và Luật Chống độc quyền liên bang (Federal Trade Commission Act). Trong Luật Sherman, Mục 15 U.S.C. § 1, nghiêm cấm các thỏa thuận kết hợp gây hạn chế về thương mại, Mục 15 U.S.C. § 2, cấm sự hình thành độc quyền và các nỗ lực độc quyền hóa thị trường. Trong khi đó, Mục 5 của Luật Chống độc quyền liên bang, 15 U.S.C. § 45, cấm các phương thức cạnh tranh không lành mạnh.

Như vậy, đối với bất kỳ giao dịch M&A trên thị trường có khả năng gây quan ngại, hoặc có hiện tượng “thâm nhập doanh nghiệp” đều có thể được rà soát, đánh giá và

ngăn chặn bởi các cơ quan cạnh tranh tại Hoa Kỳ, đó là Cục chống độc quyền thuộc Bộ Tư pháp (DOJ) và Ủy ban Thương mại liên bang Hoa Kỳ (USFTC).

#### *Những biện pháp tăng cường kiểm soát hoạt động M&A trong thời kỳ Covid-19*

Trong 5 tháng đầu năm 2020, với ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 tới kinh tế toàn cầu, các lĩnh vực kinh tế - xã hội tại Hoa Kỳ cũng không tránh khỏi những tác động. Tuy nhiên, theo thống kê của Ủy ban Đầu tư nước ngoài tại Hoa Kỳ (CFIUS), số lượng các giao dịch M&A có yếu tố nước ngoài dự định hoặc đang thực hiện tại Hoa Kỳ vẫn khá nhiều (có khoảng 350 - 400 trường hợp nộp đơn<sup>29</sup>). CFIUS vẫn tiếp tục tăng cường giám sát, rà soát đối với tất cả các giao dịch M&A có vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt tập trung vào các giao dịch liên quan tới Trung Quốc<sup>30</sup>. Vừa qua, ngày 06 tháng 3 năm 2020, Tổng thống đã ra lệnh cấm thực hiện đối với giao dịch Công ty Beijing Shiji Information Technology Co., Ltd., (Trung Quốc) và công ty con Shiji (tại Hồng Kông) mua cổ phần Công ty StayNTouch của Hoa Kỳ bởi một số lý do gây ảnh hưởng tới an ninh quốc gia<sup>31</sup>. Theo đó, việc bán cổ phần tại StayNTouch sẽ được xem xét khi việc bán hoặc chuyển nhượng được đề xuất bởi công dân Hoa Kỳ hoặc thuộc sở hữu của công dân Hoa Kỳ, hoặc một số điều kiện khác.

Theo thông báo của Ủy ban Thương mại liên bang Hoa Kỳ USFTC và DOJ, trong thời gian Covid-19, các cơ quan này đưa ra một số biện pháp trong việc thực thi kiểm soát M&A như sau:

- Thời gian rà soát các hồ sơ thông báo M&A có thể sẽ được kéo thêm 30 ngày so với trước đây nhằm rà soát kỹ các vấn đề;
- USFTC sẽ không áp dụng chính sách rà soát nhanh “early termination” đối với các giao dịch trên thị trường;
- USFTC và DOJ vẫn tăng cường thực thi các quy định về kiểm soát M&A, tuy nhiên khuyến cáo các doanh nghiệp tạm hoãn dự định nộp hồ sơ M&A nếu có thể.

#### **4. Kinh nghiệm của EU**

##### *Hệ thống kiểm soát M&A*

EU kiểm soát M&A thông qua Quy định Sáp nhập (EU Merger Regulation). Quy định thực hiện nghiêm ngặt, có hình phạt tiền nếu giao dịch được tiến hành hay hoàn tất trước khi được Hội đồng Châu Âu thông qua. (Quy định Hội đồng EC số No 139/2004).

##### *Sàng lọc FDI / M&A*

Khuôn khổ mới của EU về sàng lọc đầu tư trực tiếp nước ngoài đã chính thức có hiệu lực vào ngày 10 tháng 4 năm 2019<sup>32</sup>, tuy nhiên không đề cập đến hoạt động kiểm soát M&A.

##### *Những biện pháp tạm thời trong giai đoạn dịch bệnh*

EU khuyến khích các bên sáp nhập trì hoãn giao dịch. Việc nộp đơn thông báo điện tử sẽ được chấp nhận và khuyến khích.

EC kêu gọi các quốc gia thành viên thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết để bảo vệ tài sản và công nghệ chiến lược quốc gia trước các khoản đầu tư nước ngoài có

<sup>29</sup> Tương đương với số liệu cùng kỳ năm 2019.

<sup>30</sup> <https://www.wsgr.com/en/insights/cfius-update-covid-19-slowdown-enforcement-uptick-and-jurisdictional-dismissals.html>

<sup>31</sup> <https://www.whitehouse.gov/presidential-actions/order-regarding-acquisition-stayntouch-inc-beijing-shiji-information-technology-co-ltd/>

<sup>32</sup> [https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/IP\\_19\\_2088](https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/IP_19_2088)

thể đe dọa các mục tiêu chính sách công. Ví dụ, nên mua cổ phần của các công ty để ngăn chặn sự tiếp quản của Trung Quốc. Đồng thời, các ngân hàng cũng được yêu cầu giúp đỡ chống lại sự thâm tóm từ của các doanh nghiệp Trung Quốc.

#### Tại Đức

##### *a) Hệ thống kiểm soát M&A<sup>33</sup>*

Cơ quan thực thi công tác kiểm soát M&A ở Đức là Văn phòng Các-ten Liên bang (FCO – Federal Cartel Office), được chỉ định bởi Bộ Liên bang các vấn đề về kinh tế và năng lượng, thực thi Điều 35-43a Luật Chống hạn chế cạnh tranh (Act against Restraints of Competition – ARC).

##### *b) Sàng lọc FDI / M&A<sup>34</sup>*

Trường hợp liên quan đến việc một nhà đầu tư không phải của Đức mua lại cổ phần trực tiếp hoặc gián tiếp **từ 25% trở lên** trong một công ty Đức, các bên có thể phải nộp hồ sơ đầu tư nước ngoài với Bộ Kinh tế và Công nghệ Liên bang Đức theo Pháp lệnh Ngoại thương và Thanh toán. Điều này áp dụng cho các hoạt động quân sự hay "cơ sở hạ tầng quan trọng" (như năng lượng, CNTT, viễn thông, vận tải, chăm sóc sức khỏe, nước, thực phẩm, tài chính và bảo hiểm).

##### *c) Những biện pháp tạm thời trong giai đoạn dịch bệnh*

Mặc dù khả năng vận hành hiện tại đang được đảm bảo nhưng Đức vẫn khuyến khích các bên sáp nhập hoãn các giao dịch nếu có thể.

- Bộ Kinh tế Đức yêu cầu các doanh nghiệp phải thông báo tất cả các hoạt động mua bán cổ phần từ 10% trở lên trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, người máy, vật liệu bán dẫn, công nghệ sinh học và công nghệ lượng tử...đồng thời phải cho phép chính quyền thẩm tra các giao dịch này.

- Các nhà đầu tư nước ngoài có kế hoạch mua từ 25% cổ phần của một công ty Đức sẽ bị Chính phủ điều tra.

##### *d) Thực trạng / Ví dụ*

- Năm 2018, Tập đoàn Điện lưới quốc gia Trung Quốc (SGCC) dự định mua một phần cổ phần của hãng vận hành hệ thống truyền tải điện 50Hertz của Đức. Để ngăn thương vụ này, Chính phủ Đức đã chỉ đạo ngân hàng KfW (ngân hàng phát triển thuộc sở hữu của Chính phủ Đức), mua 20% cổ phần của 50Hertz.

- Năm 2018, Chính phủ Đức đã lần đầu tiên dùng thầu Trung Quốc việc mua lại công ty nhà sản xuất máy công cụ Leifeld Metal Spin AG (công nghệ được sử dụng trong ngành công nghiệp hạt nhân dân sự). Nội các Đức quyết định cấp phép cho quyền phủ quyết: cho phép phủ quyết việc một công ty nước ngoài mua lại một công ty trong nước vì lý do an ninh quốc gia.

#### Tại Anh

##### *a) Hệ thống kiểm soát M&A*

Cơ quan Cạnh tranh và Thị trường Anh (CMA) kiểm soát hoạt động M&A theo cơ chế tự nguyện, tức là giao dịch vẫn được coi là hợp pháp khi đã hoàn thành mà chưa được phép thông qua.

##### *b) Sàng lọc FDI / M&A<sup>35</sup>*

Anh hiện không có khung pháp lý kiểm soát cụ thể các nguồn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI). Và cũng không có sự phân biệt chính sách chính thức giữa đầu tư

<sup>33</sup> <https://iclg.com/practice-areas/merger-control-laws-and-regulations/germany>

<sup>34</sup> <https://thelawreviews.co.uk/edition/the-foreign-investment-regulation-review-edition-7/1209433/united-kingdom>

<sup>35</sup> <https://thelawreviews.co.uk/edition/the-foreign-investment-regulation-review-edition-7/1209433/united-kingdom>

trong và ngoài nước ở Anh.

Nhiều giao dịch mua lại doanh nghiệp Anh có thể được xem xét từ quan điểm của luật cạnh tranh. Việc xem xét được tiến hành dưới cơ chế kiểm soát sáp nhập của Anh (Đạo luật Doanh nghiệp 2002) hoặc cơ chế kiểm soát sáp nhập của EU (Quy định sáp nhập EUMR)

*c) Những biện pháp tạm thời trong giai đoạn dịch bệnh*

CMA dự định sẽ tiếp tục tiến hành các vụ việc, đưa ra phán quyết và thực hiện thời hạn theo luật định. Đồng thời, CMA sẽ tiếp tục theo dõi khung thời gian, mở rộng các khung thời gian theo luật định khi cần thiết và khuyến khích các bên sáp nhập tri hoãn thông báo.

*d) Thực trạng / Ví dụ*

Năm 2017, Imagination Technologies bị thu tóm bởi Canyon Bridge, một công ty đầu tư được hỗ trợ bởi Tập đoàn Đổi mới Trung Quốc (CRHC). Gần đây, Nghị sỹ David Davis cảnh báo Chính phủ Anh: tìm kiếm các cơ chế để nền tảng công nghệ sản xuất chip GPU của Imagination Technologies không rơi vào tay Trung Quốc, bao gồm việc tìm kiếm nhà đầu tư phương Tây cho thương hiệu này.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2020), Kết luận số 77-KL/TW ngày 5/6/2020 về chủ trương khắc phục tác động của đại dịch Covid-19 để phục hồi và phát triển nền kinh tế.
2. Ngân hàng Thế giới (2020), Báo cáo cập nhật chính sách về Covid-19, <http://documents1.worldbank.org>, tháng 3/2020.
3. Minh Huệ (2020). Hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi Covid-19: Nhiều quốc gia sử dụng biện pháp gia hạn nộp thuế, <<http://tapchithue.com.vn/dien-dan-nghiep-vu/159-dien-dan-nghiep-vu/18244-ho-tro-doanh-nghiep-co-vid.html>>, ngày 25/5/2020.
4. Phạm Thu Lan (2020), Đại dịch Covid-19: Việc làm của người lao động và tương lai phát triển của Việt Nam, <http://www.congdoan.vn>, ngày 16/05/2020.
5. Ngọc Ánh (2020), Nghiên cứu các giải pháp hỗ trợ đủ mạnh đối với người dân, doanh nghiệp, <http://tapchitaichinh.vn>, ngày 20/8/2020.
6. Cần Văn Lực và Nhóm tác giả Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV (2020), Đại dịch Covid-19 tác động mạnh đến ngành kinh tế nào của Việt Nam?, <https://cafebiz.vn>, ngày 12/4/2020.
7. Covid-19 tác động tiêu cực đến nhiều ngành kinh tế của Việt Nam, <http://thitruongtaichinhviente.vn>, ngày 14/04/2020.
8. Võ Huy Hùng (2020). Doanh nghiệp Việt Nam "hậu Covid": Thách thức song hành cùng cơ hội, <https://dangkykinhdoanh.gov.vn>, ngày 15/05/2020.
9. Nguyễn Việt Lợi (2020), Chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, <http://tapchitaichinh.vn>, ngày 20/8/2020.
10. Việt An (2020), Fed: Kinh tế Mỹ cần thêm các biện pháp hỗ trợ mới để xoa dịu tác động tiêu cực từ Covid-19, <https://baoquocte.vn>, ngày 20/08/2020.
11. IMF. (2020). Báo cáo triển vọng kinh tế thế giới. Washington D.C.: IMF.
12. WB. (2020, April). East Asia Pacific in the time of Covid-19. Retrieved from <https://www.worldbank.org/vi/country/vietnam/brief/east-asia-pacific-in-the-time-of-Covid-19>
13. <https://fas.org/sgp/crs/row/R46270.pdf>
14. <http://documents1.worldbank.org/curated/en/836631589892142912/text/How-to-Jump-Start-Vietnams-Economy.txt>
15. Ryan (2020). Những thay đổi và tác động của đại dịch corona covid-19 trên toàn Việt Nam, <<https://insidevietnam.travel/vi/virus-corona-covid-19-o-vietnam/>>, xem tháng 3/2020.

16. Thiên Ân (2020). Tuyên bố đại dịch covid-19, <<https://plo.vn/quoc-te/chuyen-gia/tuyen-bo-dai-dich-covid19-tac-dong-the-nao-den-kinh-te-896034.html>>, xem 12/3/2020.
17. The World Bank (2020), Đông Á và Thái Bình Dương thời covid-19, <<https://www.worldbank.org/vi/country/vietnam/brief/east-asia-pacific-in-the-time-of-covid-19>>, xem ngày 31/03/2020.
18. Hạo Nam (2020). Kinh tế Việt Nam sẽ vượt qua cơn bão kinh tế toàn cầu vì covid-19, <<http://vinanet.vn/kinh-te/kinh-te-viet-nam-se-vuot-qua-con-bao-kinh-te-toan-cau-vi-covid-19-727852.html>>, xem ngày 23/4/2020.
19. Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam (2020). Covid-19 những tác động hệ lụy và giải pháp ứng phó, <[http://www.pvn.vn/Pages/Tap-doan/Covid-19-Nhung-tac-dong-he-luy-va-giai-phap-ung-pho-\(Ky-2\)/8b66d76e-b9f6-4561-8609-aa204c3fe2c7](http://www.pvn.vn/Pages/Tap-doan/Covid-19-Nhung-tac-dong-he-luy-va-giai-phap-ung-pho-(Ky-2)/8b66d76e-b9f6-4561-8609-aa204c3fe2c7)>, xem ngày 01/04/2020.
20. TS. Hoàng Hải Yến - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Thực hiện chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ ứng phó với dịch Covid-19 ở một số quốc gia, <http://tapchitaichinh.vn/su-kien-noi-bat/thuc-hien-chinh-sach-tai-khoa-va-chinh-sach-tien-te-ung-pho-voi-dich-covid19-o-mot-so-quoc-gia-329787.html>
21. Vũ Thành Tự Anh (2020). Những bài toán đánh đổi trong cuộc chiến chống dịch covid-19, <<https://fulbright.edu.vn/vi/tien-si-vu-thanh-tu-anh-nhung-bai-toan-danh-doi-trong-cuoc-chien-chong-dich-covid/>>, xem ngày 06/04/2020.
22. ADB. (2020). Asian Development Outlook 2020: What drives innovation in Asia? Special topic: The impact of the coronavirus outbreak - an update.
23. <http://tapchicongthuong.vn/bai-viet/tac-dong-cua-dai-dich-covid-19-doi-voi-nen-kinh-te-va-phan-ung-chinh-sach-cua-chinh-phu-viet-nam-71707.htm>.
24. <https://baoquocte.vn/the-gioi-sau-dich-covid-19-ky-1-kinh-te-va-thuong-mai-se-the-nao-113836.html>.
25. <https://ngkt.mofa.gov.vn/nghien-cuu-tac-dong-cua-dai-dich-covid-19-toi-kinh-te-xa-hoi/>
26. Hiệp hội Dệt may Việt Nam. Bản tin Kinh tế - Dệt may tháng 9, tháng 10 – 2020.
27. Diệu Thiện (2020, Cần nhiều lực đẩy để tăng thu hút đầu tư tư nhân, truy cập <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/kinh-doanh/2020-05-27/can-nhieu-luc-day-de-tang-thu-hut-dau-tu-tu-nhan-87309.aspx>.
28. Google, Temasek and Bain&Company (2019), Kinh tế số tại Đông Nam Á năm 2019 [E-Conomy SEA 2019]. [http://think.storage.googleapis.com/docs/e-Conomy\\_SEA\\_2019\\_report.pdf](http://think.storage.googleapis.com/docs/e-Conomy_SEA_2019_report.pdf) (truy cập ngày 10/6/2020).

29. Hà Chính (2020), Đầu tư công-một trong 5 mũi đột phá tăng trưởng, truy cập <http://baochinhphu.vn/Kinh-te/Dau-tu-cong-mot-trong-5-mui-dot-pha-tang-truong/395904.vgp>.
30. <http://trungtamwto.vn/chuyen-de/15227-nganh-xuat-khau-lon-doi-don-hang>.
31. Liên hiệp quốc (UN) (2020), Tình hình và triển vọng kinh tế thế giới năm 2020 giữa năm 2020 [World Economic Situation and Prospects as of mid-2020]. Tháng 5/2020. Tiếng Anh. <https://www.un.org/development/desa/dpad/category/publications-general/wesp/full-report/> (truy cập ngày 5/6/2020).
32. Minh Anh (2020a), Cẩn trọng với làn sóng M&A, truy cập <https://www.nhandan.com.vn/cuoituan/item/44583802-can-trong-voi-lan-song-m-a.html>.
33. Minh Anh (2020b), Còn lượng vốn đầu tư công rất lớn chờ giải ngân, truy cập <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/nhip-song-tai-chinh/2020-06-01/con-luong-von-dau-tu-cong-rat-lon-cho-giai-ngan-87507.aspx>.
34. Ngân hàng thế giới (2020), Triển vọng kinh tế toàn cầu - Đại dịch, suy thoái: Kinh tế toàn cầu đang rơi vào khủng hoảng [Global Economic Prospects – Pandemic, recession: Global economy in crisis]. Tháng 6/2020. Tiếng Anh. <https://www.worldbank.org/en/publication/global-economic-prospects> (truy cập ngày 18/6/2020).
35. Ngân hàng Thế giới, Báo cáo chuyên đề phân tích và khuyến nghị chính sách về ứng phó với đại dịch COVID-19 tại Việt Nam. Tháng 5/2020.
36. Ngân hàng Thế giới, Cơ sở dữ liệu hàng hóa thế giới [Commodity Price database]. [Tiếng Anh]. Tháng 5/2020. Tiếng Anh. <https://www.worldbank.org/en/research/commodity-markets> (Truy cập ngày 30/5/2020).
37. Ngân hàng Trung ương châu Âu (2020), Quyết định về chính sách tiền tệ. Tiếng Anh. <https://www.ecb.europa.eu/mopo/decisions/html/index.en.html> (Truy cập ngày 31/5/2020)
38. Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (2020), Thông báo về tình hình kinh tế, giá cả và chính sách tiền tệ. Tiếng Anh. <https://www.boj.or.jp/en/index.htm/> (Truy cập ngày 31/5/2020)
39. Phương Lan (2020), Xuất nhập khẩu: Chờ cơ hội trong nửa cuối năm. Tạp chí tài chính. Truy cập: <http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/xuat-nhap-khau-cho-co-hoi-trong-nua-cuoi-nam-322687.html>
40. Tổng cục Hải quan. Trục tuyến. Truy cập tại: [www.customs.gov.vn](http://www.customs.gov.vn).



41. Trúc Linh, 2020, "Thị trường mua bán, sáp nhập: Thận trọng trước xu hướng ngoại hóa doanh nghiệp nội", Con số sự kiện, <http://consosukien.vn/thi-truong-mua-ban-sap-nhap-than-trong-truoc-xu-huong-ngoai-hoa-doanh-nghiep-noi.htm>
42. Khánh Hà, 2020, "[COVID-19] Doanh nghiệp da giày đứng trước nguy cơ cạn vốn, đứt nguyên liệu", Diễn đàn doanh nghiệp, <https://enternews.vn/covid-19-doanh-nghiep-da-giay-dung-truoc-nguy-co-can-von-dut-nguyen-lieu-170884.html>
43. Trinh Nguyen, 2020, "Vietnam's Electronics Industry: A Guide to Emerging Opportunities", Vietnam Briefing, <https://www.vietnam-briefing.com/news/vietnams-electronics-industry-guide-emerging-opportunities.html/>
44. Vũ Khuê, 2020, "" Dệt may và " cơn lốc" Covid-19", VnEconomy, <https://vneconomy.vn/det-may-va-con-loc-covid-19-20201015120129123.htm>
45. Vũ Long, 2020, "Dự báo ngành dệt may vẫn "đói" đơn hàng trong 2 tháng cuối năm", Lao động, <https://laodong.vn/kinh-te/du-bao-nganh-det-may-van-doi-don-hang-trong-2-thang-cuoi-nam-851145.ldo>
46. Bích Thủy, 2020, "Vấn đề pháp lý cần lưu ý trong mua bán và sáp nhập", Tạp chí tài chính, <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/van-de-phap-ly-can-luu-y-trong-mua-ban-va-sap-nhap-328142.html>
47. Phạm Hoài Tuấn, 2020, "Thấy gì từ cách Việt Nam kiểm soát giao dịch M&A?", Diễn đàn Doanh nghiệp, <https://enternews.vn/thay-gi-tu-cach-viet-nam-kiem-soat-giao-dich-m-a-177481.html>
48. Nguyễn Tuấn, 2020, "Xu hướng mua bán sáp nhập (M&A): Cảnh báo các ngành công nghiệp trọng yếu rơi vào tay đối thủ", Báo đầu tư, <https://baodautu.vn/xu-huong-mua-ban-sap-nhap-ma-can-bao-cac-nganh-cong-nghiep-trong-yeu-roi-vao-tay-doi-thu-d123574.html>
49. Nguyễn Hồng Thắng - Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, 2020, "Gợi ý chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế Việt Nam hậu Covid-19", Bài viết được đăng trên Tạp chí Tài chính Kỳ 2 - Tháng 5/2020.
50. Trung tâm WTO, 2020, "Không để doanh nghiệp Việt bị thâu tóm", <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/15749-khong-de-doanh-nghiep-viet-bi-thau-tom>

*Tài liệu được hỗ trợ xuất bản bởi*  
**Dự án “TĂNG CƯỜNG CÁC THỂ CHẾ CẠNH TRANH  
VÀ BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG” AUS4REFORM**

*Biên soạn*  
**Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công Thương**

**NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ**

Địa chỉ: Số 9, Ngõ 26, Phố Hoàng Cầu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

VPGD: Số 347 Đội Cấn, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024). 66860751 – (024). 66860752

Email: [nxbdantri@gmail.com](mailto:nxbdantri@gmail.com)

Website: [nxbdantri.com.vn](http://nxbdantri.com.vn)

.....

**Chịu trách nhiệm xuất bản**  
**BÙI THỊ HƯƠNG**

**Chịu trách nhiệm nội dung**  
**LÊ QUANG KHÔI**

Biên tập viên: Vũ Thị Thu Ngân

Vẽ bìa: Tiêu Quang Khánh

Sửa bản in: Trần Phương Lan

Trần Phương Nhung

Bùi Nguyễn Anh Tuấn

Phan Vân Hằng

Tiêu Quang Khánh

Trình bày sách: Tiêu Quang Khánh

Chế bản: Tiêu Quang Khánh

**Liên kết xuất bản: Công ty TNHH Mỹ Thuật và Truyền Thông Hà An**

.....

In 350 cuốn khổ A4 tại Công ty TNHH In và Thương Mại Trần Gia.

Địa chỉ: Ngõ 460 đường Âu Cơ, P. Nhật Tân, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Quyết định xuất bản số: 745/QĐXB/NXBĐT ngày 26/4/2021. Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số:  
1405-2021/CXBIPH/2-41/DT. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): ISBN 978-604-331-115-0.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.



**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**CỤC CẠNH TRANH VÀ BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG**

---



25 Ngô Quyền – Hoàn Kiếm – Hà Nội



+84. 24. 22205002



+84. 24. 22205003



1800.6838



[www.vcca.gov.vn](http://www.vcca.gov.vn)



[vcca@moit.gov.vn](mailto:vcca@moit.gov.vn)